

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

## MỪNG VUA VỀ NƯỚC

Nhân dịp Hoàng-đế hồi-loan, lại đi quan-phong miền Bắc xứ Trung-kỳ vừa rồi, các nơi dâng biểu mừng nhiều lắm, phần nhiều là làm bằng chữ nho, theo lối cũ. Chỉ có một vài bài soạn bằng quốc-ngữ mà thôi. Tựu-trung có bài của ông Tiến-sĩ Nguyễn Mai 阮梅, ở xã Tiên-diên 仙田, tổng Phan-xá 潘舍, huyện Nghi-xuân 宜春, phủ Đức-thọ 德壽, tỉnh Hà-tĩnh, chính là cháu nội của cụ Nguyễn Du tác giả truyện Kiều. Bài biểu này làm bằng quốc-âm, lại theo thể lục-bát : cháu cụ Kiều viết lối văn Kiều, tưởng cũng nên sao-lục mà đăng lên báo-chương để công đồng-lãm.

N. P.

Mừng nay gặp hội hanh-gia,  
Mặt trời sáng rọi gấm hoa khắp trời.  
Giang-sơn mi-mục vẽ-vời,  
Thỏa lòng qui-hoặc lâu rày trông mong.  
Nước ta mở tự Lạc-Hồng,  
Riêng ngôi Ngu, Nữ, chung dòng  
Long-Tiên.  
Hồng-Hoang dấu cũ nghe truyền,  
Dân-phong thuần-mục, quốc - quyền  
thong-dong.  
Bề-dâu thay đổi mấy vòng,  
Trở xây vào cuộc lao-lung Bắc-Triều.  
Thiên-nhân yếm-loạn đã nhiều,  
Thời-kỳ nhất-trị vừa treo vấn-đề.  
Trải Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê,  
Nói-noi sáng-thủ, trau-tria trị bình.  
Một đời dựng một qui-trình,  
Y-quan Hán Tống, miếu-đình Ân Châu.  
Quốc-triều mở dấu phiên-hầu,  
Dựng nền nam-phục dài lâu vững-vàng.  
Lịch truyền đến đức Cao-Hoàng,  
Thái-Tây đầu mới mở đường giao-  
thông.  
Đã nhiều tương-tá đồng lòng,  
Lại nhờ Quý-quốc ra công tán-thành.  
Bề non nước ngọt gió lạnh,  
Lòng trời trợ-thuận, hiển-linh rõ-ràng.

Dân đua rước Võ đón Thang,  
Khúc nam-phong hát tiếng vang trong  
ngoài.  
Tấn-dương phơi-phới rờng bay,  
Tháng năm Nhâm-tuất mừng hai chính  
ngày.  
Thần truyền Thánh kể nối đời,  
Sáng soi đức ngọc, tròn xây vò vàng.  
Dựng học-xá, mở khoa-trường,  
Trị nhân, trị pháp, đôi đường nhắc cân.  
Xe loan rọi bóng hồng-vân.  
Minh-Mạng, Thiệu-Trị, đôi lần quan-  
phong.  
Có thơ huấn-sắc thần-công,  
Có điều huấn-dụ khắp đồng thứ-dân.  
Đòi phen ân-xá mưa nhuần,  
Đòi phen dẹp loạn, sấm rền uy-thanh.  
Bang-giao người nhớ cựu-tình,  
Khi-thuyền vượt bể Thái-bình lần sang.  
Mấy thiêng cũng có thương-thương,  
Muốn cho giúp sức cựu-bang tân-đô.  
Ngọn cờ Bảo-hộ càng tỏ,  
Công-an công-ích bàn lo càng nhiều.  
Gió mưa có lúc phiêu-diêu,  
Mây tan vừa thấy bóng cao vãng hồng.  
: Tiên-Hoàng rất bậc Thánh-thông,  
Lại từng Thánh-học dốc lòng thảo-luân

Mười năm tiêu-cán tru-cần,  
Nam-tuần bắc-hạh, quan-dân mấy kỳ.

Mục-lân lại buổi như Tây,  
Du-quan có tập Ngự-thi ẩn-hành.

Nghĩ đường khai-hóa nhiệt-thành,  
Lâu nay người vẫn giúp mình vẽ-vang.

Vận trời ngày lại mở-mang,  
Tri dân ngày lại toan đường phò-thông.

Năm châu bề học mệnh-mông,  
Di-muru tính trước đến dòng sáu-xi.

Những chuyên lối học xưa ta,  
Hoàn-cầu so lại, chưa ra thích thời.

Ngô-Hoàng vắng lĩnh ý trời,  
Từng phen phó-thác những lời đình-ninh.

Thần-hôn chẳng mến thường-tình,  
Thê-hàng chẳng quản công-trình xa-khơi.

Ba-thành trú-tất tiện-nơi,  
Có thầy tốt có bạn hay phụ-thành.

Khi nghiên-cứu, khi giảng-minh,  
Lại khi du-lãm, xây quanh các miền.

Nào hải-cảng, nào thị-triền,  
Xem qua công-xưởng, đạo liền thôn-quê.

Bao-la mắt thấy tai nghe,  
Thêm đường thần-trí, giúp bề thánh-công.

Trong khi núi lặng suối trong,  
Đại-thành vẫn đã thủy chung vẹn-tuyên.

Xa xa gửi điện tâu xin,  
Xét soi trong nước tắm nguyện vọng-quân.

Giã-từ tỏ ý cảm ân,  
Ân nhờ Quý-quốc chu-chuân đào-thành.

Kê từ lưu-trú Pháp-kinh,  
Lại qua hai độ tập-tành bảy niên.

Khử-lưu mỗi nỗi cần-quyền,  
Đậm nồng chén tiễn, lời khuyên tỏ tình.

Đại-thần vừa tới cung-nghinh,  
Loan-nghi soạn-sửa, hồi-trình ung-dung.

Đường qua non trắng bề hồng,  
Phong-quang thu góp vào trong họa-đồ.

Loan-dư về đến Kinh-đô,  
Đầy đường cỏ-vũ, hoan-hô tung-bùng.

Tôn-cung vui-vẻ khôn chừng,  
Bách-quan triều-hạ, đua dâng tấc thành.

Sông Hương-giang, núi Ngự-binh,  
Thanh-cao in sẵn bức tranh hiển-phù.

Chính đầu mới tỏ qui-mô,  
Lược cho thần-lễ, gia cho dân-quyền.

Ngọc vàng tiếng đức bố-tuyên,  
Khắp đều trung ngoại thông truyền

văn tri.

Bản-nguyên nhớ lại tiền-ky,  
Lời xưa cách-miệu, còn ghi hiệu-hành.

Phiên-phương nghĩ đến hạ-tình,  
Lễ xưa tuần-thú, rõ-rành nhân-minh.

Thành-qui một thể cử-hành,  
So xưa văn-vật thanh-danh khác gì.

Thái-bình lại thấy uy-nghi,  
Mừng thăm xiết kể đồng-li vân vân.

Từng khi giáp-cốc phù-luân,  
Gấm cơ tán-trợ, thiên nhân một lòng.

Đại-dương xa cách mấy trùng,  
Đi về thuyền ngự, lặng không phong-dào.

Năm qua trong nước ồn ào,  
Giệp yên trước đã ra vào êm vui.

Trông ra cảnh-tượng đời nơi,  
Thực là phụ-đức, lòng trời chẳng xa.

Bấy lâu ngọc-thể yên-hòa,  
Trông nom được có ông bà Sa-lê.

Trước sau tình-nghị đề-huê,  
Có quan Sa-lộ rất bề hần-hoi.

Trông vào nhật-báo những lời,  
Thực là mộ-đức, lòng người càng thân.

Bởi là trên bậc Thánh Thần,  
Thông-minh nét đất, từ-nhân tính trời.

Nguyên-lương khi mới định ngôi,  
Dưỡng-lâm trước đã traugười Sĩ-Kinh.

Lại nhờ Thượng-quốc văn-minh,  
Thề cùng đức-trí dưỡng-thành vừa cần.

Ngoài hình-thức, trong tinh-thần,  
Có phần hàm-dưỡng, có phần khuếch-sung.

Tấm lòng thề-đạo khiêm-xung,  
Trời yêu ý cũng theo lòng người yêu.

Tưởng khi giá-trú Tây-giao,  
Từng suy nghĩ tới hồi-triều ngày nay.

Kính vàng Thành-huấn tỏ bày,  
Cự-chương đề lại muôn đời lẫm-tuần.

Kính Thiên, pháp tỏ, ái dân,  
Mục tộc, thủ hiến, thể thần trách nhân.

Ngàn xưa các bậc anh-quân,  
Gồm điều mục ấy, đủ phần trị-an.  
Văn xây dựng buổi thời-gian,  
Dực-phù may được có quan Toàn-quyền.

Theo thời châm-chước cán-toàn,  
Có quan Khâm-sứ thương bàn lượng-cân.

Có quan Phụ-chánh thân-thần,  
Dấu êm tĩnh-dưỡng cũng cần hiến-trung.

Có quan Võ-hiền Quận-công,  
Rõ tay đương-quốc, dốc lòng tri-quân.

Các quan Co-mật đại-thần,  
Cùng hàng bách-chấp, có thân có hiền,  
Trong bát-lạng, ngoài thừa-tuyên,  
Thủy-chung tru-ái kết-liên tấm thành.

Thề theo Thượng-ý tuân-hành,  
Thói hay phục-cổ, phép lành tác tân.

Hữu-vi vững có minh-quân,  
Vừa thiên-ý hợp, lại nhân-tâm hò.

Bốn ngàn năm lễ sơn hà,  
Ba trăm năm lễ, bang-gia vững bền.

Thỏa lòng Tiên-đế di-truyền,  
Thỏa lòng Thượng-quốc mấy phen chuân-cần.

Hóa thành mong dặng nhờ ân,  
Thảo-mao nào phải điều trần chi-chi.  
Những riêng ý-tưởng từng khi,  
Thói xưa thuần-mĩ, còn ghi sử-truyền.

Mời từ tây-ngự xa miền,  
Phong-triều đâu bỗng môn men tạt vào.

Nhộn lên một trận ba-đào,  
Phân-phân lũ kiến ngao-ngao đoàn hồng.

May nhờ hồng-phúc cứu-trùng,  
Thần-ký đều thề ra công cán-hồi.

Cũng nhờ ân-trạch nối đời,  
Dân-hào nhiều được số người chiêm-y.

Chiêm-bao đã tỉnh hồn si,  
Khỏi vòng đồ-thán, lên ngay xuân-đài.

Vẫn đành phiến-dộng từ ngoài,  
Mà trong chừng có một vài nguyên-nhân.

Trải qua nạn cũ phong-trần,  
Kề phần vì sĩ vì dân cũng nhiều.  
Từ khi tân-học mở đầu,

Thiếu-niên ai cũng dật-diu đua nhau.

Tinh-vi chưa thấu đầu đầu,  
Đã truyền bình-đẳng đã cầu tự-do.

Những câu luân-lý nhà nho,  
Cho làm hủ-lậu chuyện-trò xem khinh.

Bỏ quên trật-tự phân-minh,  
Hương-thôn trưởng-thượng, gia-đình phụ-huynh.

Học chẳng tinh, hạnh chẳng thành,  
Trở về dang-dở mưu-sinh hẹp đường.

Đã quen tính-chất ngang-ngang,  
Những lời phiến-dộng dễ mang vào mình.

Dắt nhau sinh sự, sự sinh,  
Thông-minh lại mắc thông-minh làm nhâm.

Nước nhà giáo-dục sĩ-lâm,  
Hễ nơi phong-lục nhân-tâm rất cần.

Sao cho đức-trí đều cân,  
Cũng nhờ giáo-pháp nhiều phần phạm.

Còn như sĩ-tử qua Tây, [vi.  
Đã trong học-hội càng ngày khuếch-trương.

Từ-dân sĩ đứng đầu hàng,  
Sĩ nên luyện-tập, dân càng trông mong.

Trung-kỳ dân-số vẫn đông,  
Mấy nhà tư-bản, tiêu-dùng vừa sang.

Xét chung hiện-trạng thôn-hương,  
Trong vòng thập-thất ra đường cứu-không.

Gia-tinh cực nổi bần-cùng,  
Nghe lời biền-hoặc dễ lòng say-mê.

Sá đâu lành chữ dữ-dè,  
Về nên thăm-trạng mọi bề nguồn-ngang.

Nghĩ ra sinh-lý mọi đảng,  
Công-thương so sánh còn đang kém nhiều.

Nông điền nghề thạo bấy nhiều,  
Có chẳng phương-tiện là điều khăn-hoang.

Quang-minh ngọn đuốc Quân-vương,  
Muôn trông soi khắp đào-vong các miền.

Tuyển người nông-nghệp đã quen,  
Đặt ra các xứ dinh-diền-sứ nha.

Việc quan như thề việc nhà,  
Thần đi khám sát gần xa mọi đường.

Bảo cho hào-lý các làng,

Bao nhiêu thất-nghiệp khai tường tính  
danh.

Hoang-điền so với cùng-dinh,  
Chia phần quản-nhận khẩn-canh cho  
Di-dân thể ý người xưa, [vừa.  
Chẳng cho tình-nguyện đợi chờ lời-thời.

Bởi là biếng-nhác nhiều người,  
Chỉ ham lưu-luyến, ít vui lao-cần.

Dân-sinh mạnh chế hồ quân,  
Nỡ nào để nó khó-khẩn cho danh.

Khi dầu bàn sự kinh-dinh,  
Vấn ngờ cự-phí thi-hành lấy đầu.

Những xem kinh-hoạch bấy lâu,  
Có kỳ trái-phiếu, có điều khuyến-quyên.

Người làm quý được công-nhiên,  
Đừng điều tạ-nhiều xách-phiên là hay.

Hắn rồi tự-hiệu có ngày,  
Điền nhiều bạc thuế, đình nhiều bạc  
sru.

Lợi-quyên có phát có thâu,  
Sức dân của nước về sau dôi-dào.

Còn như diêm tửu những điền,  
Đã từng dân-nghị xin kêu mọi lần.

Chữ rằng : « Lợi kiến đại-nhân »,  
Dâng mừng muốn gửi lời gằn nỉ-non.

Tôn-thân khắp mặt tôi, con,  
Đầu đen trăm họ, lòng son một đường.

Chúng tôi học-thức tầm-thường,  
Thi-thư dòng cũ, từ-chương lối lăm.

Bất-tài đánh phạt viên-lâm,  
Từng sung tư-vấn ba năm một lần.

Năm xưa gặp lễ lứ-tuần,  
Được theo xu bát trước sân miếu-  
đường.

Trộm bày kỹ-sự ca-chương,  
Lòng cần giữa bút phiên-tường tâu lên.

Móc mưa muốn đợi ơn trên,

Chuẩn cho hàm thưởng ban truyền chỉ  
khen.

Cao dày chưa chút báo đền,  
Đỉnh-hồ thăm thăm, cách miền trùng-  
vân.

May sao gặp hội nhất-ân,  
Một phen gọi dậy tinh-thần một phen.

Trông lên mĩ-chất thịnh-niên,  
Nổi dòng nhân-hậu lưu-truyền đã lâu.

Trái từng thánh-vực ưu-du,  
Dựng nền không-giáo, diêm màu Âu-  
vân.

Chúc-từ mọi lễ ân-cần,  
Quan Toàn-quyền vẫn nhiều phần  
khuyến trông.

Ắt là chỉnh-đốn trị-công,  
Đề cho không phụ tấc lòng quốc dân.

Sớm khuya đốc ý ưu-cần,  
Chữ minh, chữ đoán, chữ nhân đều  
dùng.

Dân nhờ trời cũng chiều lòng,  
Bốn phương cam-vũ hòa-phong khắp  
đều.

Năm canh giấc mộng quân-thiều,  
Ước ao được thấy Thuấn, Nghiêu mấy  
lần.

Nay vàng Ngự-giá bắc-tuần,  
Phụng-tiên nổi đến cần-dân rõ-ràng.

Hồng, Lam rọi bóng thiên-quang,  
Xu-thương lại được chen hàng Khanh-  
phu.

Chúc mừng nổi tiếng tung-hô,  
Thánh-cung vạn tuế, hoàng-đồ thiên  
thủ!

Ngô-Hoàng nhất dự nhất du,  
Quốc-âm dâng khúc ca-âu thái-bình.

NGUYỄN MAI

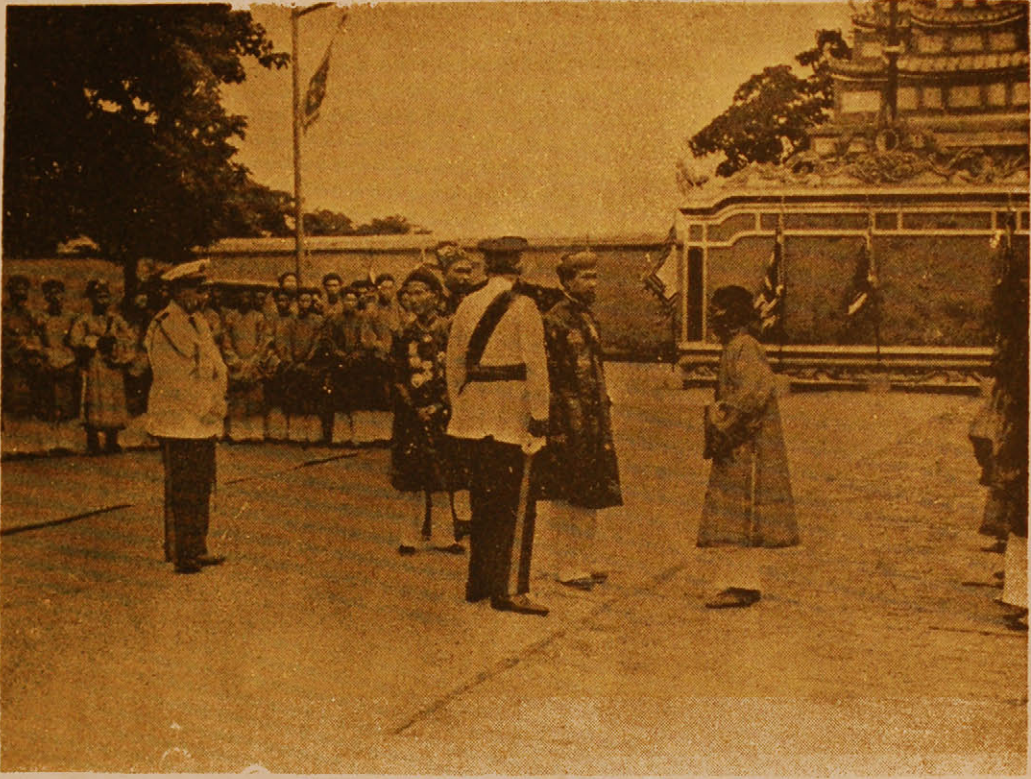


Hoàng-Thượng ngự miền Bắc Trung-kỳ  
*Yết lãng Triệu-tường (Thanh-hóa)*



Hoàng-Thượng ngự miền Bắc Trung-kỳ  
*Tại đình Quý-hương (Thanh-hóa)*

*Kính ảnh Ng.-h.-Tiền*



Hoàng-Thượng ngự miền Bắc Trung-kỳ  
*Tại hành-cung (Thanh-hóa)*



Hoàng-Thượng ngự miền Bắc Trung-kỳ  
*Bến đò Hầu (Quảng-binh)*

*Kinh ảnh Ng.-h.-Tiểu*

## NGHỀ HÀNG-KHÔNG HIỆN NAY

Hiện nay người ta đã bay qua các đại-dương và các núi cao được rồi ; thân nhẹ lên mau, thật không kém gì loài chim. Đó là nhờ ở cái hiệu-lực rất tiến-bộ và các tân-kỹ của khoa-học-giới đã ứng-dụng các thứ máy-móc : là sự-nghiệp hàng-không vậy. Sự chinh-phục thời-gian và không-gian ở thế-kỷ thứ 20 này, là kết-quả của các nước gần đây đối với việc hàng-không đã cạnh-tranh để mưu tiến-bộ và nỗ-lực nghiên-cứu. Ai cũng biết rằng sự-nghiệp hàng-không ngày nay, là nhờ ở ý-tưởng tinh-thâm và sự thí-nghiệm mạo-hiểm của các nhà khoa-học trong mấy thế-kỷ, cho nên mới có sự thành-công vĩ-đại như bây giờ.

Từ năm 1843, một người Anh tên là HENSON, đã nghĩ dùng thứ phát-động-cơ bằng hơi nước (*moteur à vapeur*) làm một chiếc máy bay. Chiếc máy bay này vì bị trọng-lượng quá chùng, nên chỉ bay được rất thấp mà thôi. Kỳ-văn ấy truyền qua đời sau ; kể có một người Pháp tên là ADER, theo cách-thức của HENSON, chế ra một chiếc máy bay khác, lấy tên *L'Ole*. Đến ngày 9 tháng 10 năm 1890, ông mới đem ra thí-nghiệm ở đất *Armanvilliers* (thuộc Pháp). Lần này là lần thứ nhất mà người ta trông thấy sự thành-công trong việc hàng-không ; là lần đầu trong thế-giới có một chiếc máy bay bay cao lên không-trung được 15 thước và bay xa được 200 thước, rồi bay trở xuống được. Vì ADER không lúc nào là không nỗ-lực chuyên tâm nghiên-cứu về nghề bay, lại được người đời ham-mộ cái công của người, nên chi người Pháp mới tặng cho người cái danh-hiệu xứng-đáng, là « *tổ-sư máy bay* ». Lần về sau, chưa bao lâu thì lại có

người Mỹ, cũng gia-tâm khảo-cứu về nghề bay. Đến năm 1903, đã có nhiều nhà đem các thứ máy bay ra thí-nghiệm ; đến nay trong lịch-sử hàng-không mới được một trang quang-vinh.

Sự-nghiệp hàng-không của thế-giới bắt đầu từ cuộc thí-nghiệm máy bay lần thứ nhất của ADER đã thành-công ; đến nay, kể đã ngoài 40 năm. Trong 40 năm ấy, nghề bay đều có tiến-bộ ; nhưng sự thực thì chỉ trong 20 năm gần đây, nhất là 10 năm sau khi Âu-chiến phát-sinh, sự tiến-bộ lại rất mau. Trong 20 năm trước, nghề bay không được phát-đạt như 20 năm sau, là vì bấy giờ lý-luận về phi-hành chưa được rõ-rệt ; lại vì bấy giờ cách-thức làm máy bay cũng cần phải cải-tiến, cho nên còn đương ở vào thời-kỳ thí-nghiệm. Đương-thời, trừ những nhà khoa-học chuyên-môn nghiên-cứu về nghề hàng-không, đối với vấn-đề tiến-đồ của sự-nghiệp phi-hành lúc nào cũng lưu-tâm, còn sĩ-nhân các nước và các Chính-phủ cũng không hay chú-ý đến. Việc dùng máy bay trong việc quân, cũng không có. Cho nên, lúc bấy giờ người thường cũng ít nghe ai nói gì đến việc phi-hành. Mãi đến mấy mươi năm về sau, oái ý-tưởng của người ta đối với việc bay mới rộn-rục, nhất là ở phương Tây. Nhưng lịch-sử của lý-tưởng phi-hành khởi-nguyên thế-nào và sự-tích có ý-vị thế-nào, lại không phải là mục-đích của bài này. Chủ-ý của người viết bài này là nói đại-khái về cái lực-lượng của nghề phi-hành từ trước và sau Âu-chiến, và cái hiệu-năng của sự ứng-dụng máy bay trong thời-kỳ Âu-chiến, cốt đưa độ-giả đến chỗ trọng-yếu của nghề hàng-không.

### Sự-nghiệp phi-hành trước Âu-chiến

Trước năm 1910, cái hàng-lực của các thứ máy bay rất còn bạc-nhược; đủ biết cái trình-độ nghề phi-hành lúc bấy giờ hãy còn thấp kém lắm. Bấy giờ trong một phút đồng-hồ, chỉ bay được một ki-lô-mét, là nhờ có gió xuôi thể thuận mới có được cái tốc-lực ấy. Muốn rõ sự thực hơn nữa, xin lấy việc sau này làm chứng. Năm 1907 có một bá-tước người Pháp tên là LAMBERT (comte de Lambert), bay từ *Jusivy* bằng đến *Paris*; hàng-trình không hơn 49 ki-lô-mét, mà bay đến nơi phải mất 49 phút và 39 giây đồng-hồ nữa. Đủ biết cái tốc-độ của máy bay bấy giờ chưa hơn được tốc-độ của xe lửa. Ấy thế mà đương-thời người Pháp rất xung-tụng và chúc mừng cuộc bay ấy. Lúc bấy giờ bay cao nhất chỉ được 300 thước, và ở trên không cực lâu thì được 3 giờ đồng-hồ.

Nhưng, từ đó về sau, nhân-sĩ các nước và các chính-phủ đối với nghề bay mới lần lần chú-ý. Thường có các nhà cự-thương hay các phú-ông bỏ tiền riêng ra để tưởng-lệ các nhà phi-hành. Thời bấy giờ ở nước Anh có tờ báo *Daily Mail* chịu bỏ ra đến 250.000 quan tiền tây, để thưởng cho người thứ nhất nào bay được từ *Londres* đến *Manchester*, mà thành-công hoàn-toàn. Hàng-trình cuộc bay này tất cả là 290 ki-lô-mét; hạn bay 24 giờ và cho nghỉ hai lần. Kịp đến ngày 27 tháng 4 năm 1910, người Pháp tên là LOUIS PAULHAN được lĩnh phần thưởng danh-dự ấy. Cũng trong năm ấy, qua tháng 8 có 6 nhà phi-hành Pháp dự định một cuộc bay từ *Paris*, bay qua *Troyes*, qua *Mézières*, qua *Douai* *Amiens* và các tỉnh phía bắc nước Pháp; hạn trong một tuần nhật (7 ngày) thì bay trở về đến *Paris*. Kết-quả cuộc bay này, nhà phi-hành LEBLANC giạt giải nhất, bay được

860 ki-lô-mét trong 12 giờ đồng-hồ. Đối với cuộc bay của bá-tước LAMBERT trước kia, mỗi phút đồng-hồ bay được 1 ki-lô-mét, thì thấy nghề hàng-không đã tiến-bộ một cách lạ thường.

Trước Âu-chiến, nhiều người đã nghe đến tên nhà phi-công ROLAND GARROS của nước Pháp, mà người Pháp đã tặng cho cái danh-hiệu là « phi-nhân » (người bay = *homme volant*): đủ thấy nghề bay của người đã cao-diệu đến đâu. Người ta sùng-vọng GARROS như thế, không phải là không đáng đâu: trong hàng-không-giới nước Pháp lúc bấy giờ, GARROS là người có công hơn cả, không kể nguy-hiêm, đã đứng ra khởi-xương làm bao nhiêu việc rất có ích-lợi cho nghề bay. Đến nay các máy bay dùng về việc buôn đã phát-đạt khắp châu Âu, là nhờ ở sự mạo-tử của GARROS, chịu bao nhiêu khó-nhọc mới tìm được nhiều hàng-tuyến (đường bay). Các đường bay *Paris-Madrid* (kinh-đô nước Tây-ban-nha), *Paris-Rome*, *Paris-Berlin*, khắp châu Âu và trên Địa-trung-hải, bay qua mà không phải nghỉ, bắt đầu từ năm 1911 đến 1914; đó đều do ở công-phu của GARROS đã tạo-thành trước nhất. Đồng-thời GARROS lại còn tìm được rất nhiều lối bay cao. Từ năm 1910 cho đến tháng 8 năm 1911, trong thế-giới ai bay cao nhất, không ngoài 3.200 thước. Nhưng qua tháng 9 ngày 4 năm ấy, GARROS chuẩn-bị một cuộc bay cực cao: quả-nhiên người bay cao được 3.900 thước. Qua ngày 6 tháng 9 năm sau (1912) GARROS lại bay cao đến 4.900 thước. Bấy giờ cái tốc-lực của máy bay đã tăng-gia lên nhiều rồi: cái tốc-độ mỗi một giờ có thể bay được từ 120 đến 150 ki-lô-mét. Đến mấy tháng sau, GARROS lại bay cao hơn nữa, lên đến 5.610 thước. Sau rớt, đến năm 1913, người lại bay cao được 6.120 thước. Nghề hàng-không của GARROS kể đã tinh-thông lắm rồi.



Trong năm 1914, sau khi chiến-tranh phát-sinh, nước Pháp rất nhờ công-nghiệp hàng-không của GARROS; người là một vị rất có công lớn trong đội không-quân của nước Pháp lúc bấy giờ; người đã gia công bồi-dưỡng và huấn-luyện cho đội không-quân ấy. Anh-hùng đoản-mệnh, trọn đời cũng không khỏi chết trong viên đạn của quân-địch: đến ngày 7 tháng 10 năm 1918, — Một ngày trước sinh-nhật 30 tuổi của tiên-sinh. — GARROS một mình ngồi một chiếc máy bay ra giao-chiến trên không-trung với ba chiếc phi-cơ của quân Đức; một mình không địch lại số đông, bị đạn trên máy bay của quân-địch bắn qua, người rơi xuống chết. Toàn-quân nước Pháp rất thống-thiết. GARROS không những là một nhà không-chiến tướng-sĩ của nước Pháp, mà lại là một nhà phi-hành có công với cả thế-giới. Cái tên « phi-nhân » người Pháp đã tặng cho GARROS, thật là xứng-đáng vậy.

Cái đời phi-hành của GARROS như trên vừa thuật qua, hoặc-giả có chỗ không đúng lắm; nhưng nếu có, bất-quá cũng là đại-đồng tiểu-dị mà thôi. Đến như việc thuật lại cái « đời bay » của người, là cốt cho độc-giả thấy rõ nghề bay ở Âu-châu trước khi Âu-chiến thế nào mà thôi.

\*\*\*

*Cái hiệu-lực của việc ứng-dụng máy bay trong thời-kỳ Âu-chiến*

Từ ngày phát-sinh chiến-tranh, các nhà hàng-không các nước hết sức lo chuẩn bị việc đánh trên không, và cố lo nghiên-cứu các phép phòng-vệ máy bay và cái thuật tác-chiến cho được lâu dài trên không-trung. Cho nên trong thời-kỳ đại-chiến, từ năm 1914 đến 1919, các nước rất tranh-đấu nhau về hàng-lực, tìm ra được nhiều thứ máy bay kiểu mới. Trong thời-kỳ chiến-tranh, vì chiến-thuật trên không-trung,

mà sự tiến-bộ của máy bay ngày càng tinh-linh, và số máy bay cũng ngày càng tăng-gia.

Việc dùng máy bay vào chiến-tranh, bắt đầu từ năm 1912, do ở trận *Balkans* (Ba-nhĩ-cán) dùng trước. Bấy giờ cái trình-độ tham-chiến của máy bay, bất-quá chỉ dùng bay qua bay lại trên trận chiến của địch-quân, để thám-thính quân-tâm và trận-tình mà thôi; thật chưa có năng-lực ra trận được. Bấy giờ chưa nghe thấy máy bay nào ra trận bắn súng cối xay và ném tạc-đạn xuống để phá thành-trị của địch-quân. Lúc Âu-chiến mới bắt đầu khởi sự, cả nước Anh và nước Pháp cũng đều chưa có quân-đội không-trung huấn-luyện được tương-đương. Tuy rằng quân Đức rất hùng-dũng trang-nghiêm, nhưng cũng chưa đủ khiến cho liên-quân Anh Pháp một thấy mà sợ-sệt vút cả khi-giáp bỏ chạy đâu. Mấy tháng sau, quân Đức mới bắt đầu dùng phi-đỉnh *Zep-pelin* và máy bay (phi-cơ) bay đi ném tạc-đạn thành *Paris* và *Londres*, khiến cho dân hai thành-phố ấy, vì không chuẩn-bị gì cả, nên rất kinh-hoàng, ngày đêm không ăn ở yên. Các nhà đương cục Anh và Pháp lúc bấy giờ thấy rằng lục-hải-quân của mình không thể đem ra chống cự với không-quân của Đức, sợ rằng sự nguy-cấp cho nước nhà sẽ đến nơi chẳng, nên cũng lo tổ-chức đội không-quân để phục-thù. Nhân vì trên bờ sông *Rhin* về địa-phận nước Đức là nơi trọng-trấn của các công-nghiệp Đức, mà trên khoảng không-trung gần đó lại là một nơi tiện việc đánh nhau bằng máy bay, và cũng có thể thả tạc-đạn vào kinh-thành *Berlin* được, cho nên từ đội không-quân của liên-quân Anh Pháp tổ-chức thành, liền mạo-tử bay thẳng đến địa-phương ấy, cầu đánh phá được thành *Berlin*. Cái thám-mưu của Anh Pháp tuy không thành, nhưng cũng nhân đó mới thấy

cái kết-quả tự-nhiên của cuộc cạnh-tranh bằng không-quân. Rồi việc dùng máy bay vào chiến-tranh ngày càng khoáng-đại. Đồng-thời số phi-cơ của nước Pháp cũng ngày càng làm thêm rất nhiều, mà nghề hàng-không cũng từ đó phát-đạt một cách mau chóng lạ thường.

Riêng một nước Pháp, kể từ khi chiến-tranh phát-khởi cho đến khi xong chiến-tranh, việc phát-đạt về nghề hàng-không và số máy bay thấy cũng đã sợ rồi. Lúc bấy giờ, đương khi nước Pháp đánh với Đức, số máy bay của toàn nước Pháp tổng-cộng chỉ có 272 chiếc, mà các nhà phi-hành bấy giờ cũng chưa có cái năng-lực chiến đấu như không-quân của Đức, và việc huấn-luyện cũng chưa được hoàn-mĩ. Cho nên mấy lần đại-cử không-công (đánh nhau trên không-trung) với Đức, không-quân của Pháp đều không được thắng-lợi. Đến đầu năm 1915, sau khi đã đặc-biệt huấn-luyện, nước Pháp bèn thả ra đến 4.342 nhà phi-hành chuyên-môn. Số máy bay chế-tạo trong nước đến ngày ấy cũng đã nhiều: mỗi ngày làm xong đến 10 chiếc máy bay mới, đều cho bay ra trước mặt trận, xông-pha với địch-quân. Qua năm sau (1916) về không-quân nước Pháp đã đủ: quân-đoàn-cơ 100 trung-đội, chiến-đấu-cơ 50 trung-đội, pháo-kích-cơ 71 trung-đội, khu-trục-cơ 40 trung-đội và 68 chiếc máy bay chỉ chuyên chở tạc-đạn; tổng-cộng số máy bay ước chừng 3000 chiếc vừa trong ngoài; tướng-sĩ không-chiến cũng đến 40.080; kinh-phí mỗi năm về máy bay đến 770 triệu quan. Số kinh-phí này đến năm 1917 lại tăng-gia lên đến 1.000 triệu quan. Đến năm đình-chiến, là năm 1918, sau khi ký hòa-ước rồi, số chi-phí về không-quân của nước Pháp lại cấp-tăng lên đến 1.500 triệu quan. Bấy giờ số máy bay trong toàn-quốc đã được ngoài 6.000 chiếc; mà 350 chiếc

đã được ứng-dụng ngoài mặt trận rồi. Việc chế-tạo máy bay đột-nhiên lại ngày càng thêm lên: Mỗi ngày có thể làm được 130 chiếc máy bay mới, là chưa nói đến số máy bay cũ và hư-hỏng phải chữa lại. Các nhà phi-hành và không-chiến tướng-sĩ bấy giờ tổng-cộng đã được 88.000 người rồi. Thật là lợi-hại! Đương thời chiến-tranh, về phần nước Đức, vì thấy số không-quân hùng-cường của Pháp như thế, tưởng-tượng đến sự thất-bại, cũng cấp-cấp tổ-chức đội không-quân của họ; nhưng vì tình-thế trong nước bắt buộc, không tổ-chức kịp bằng, nên phải sớm lo cầu hòa.

Lại, trong thời-kỳ đại-chiến, xem số công-nhân trong các chế-tạo-xưởng của nước Pháp, về việc máy bay, thấy cũng đã đáng ghê rồi: trong năm 1915, mỗi ngày đến 12.650 công-nhân trong chế-tạo-xưởng; năm 1916 mỗi tháng đến 30.960 người làm; qua năm sau, cũng mỗi tháng số công-nhân đến 69.920; đến năm 1918 trong tháng đầu thì 131.550 người làm, mà vào khoảng tháng 11 số công-nhân đã lên đến 186.300. Xem thế, đủ biết rõ-ràng rằng nửa kỳ sau Âu-chiến, các nước chỉ toàn tranh-thắng trên không-trung; mà Chính-phủ Pháp đối với việc nỗ lực về không-quân, đã được cái oai-dự làm bá-chủ trên không-trung rồi: há phải là một việc ngẫu-nhiên!

Nửa kỳ sau Âu-chiến, chiến-thuật và chiến-cụ của lục-hải-quân đã tiến-bộ và phát-đạt đến cực-điểm rồi, cơ-hồ như không còn phép gì mà biến-hóa hay là có cái tân-thức nào hơn nữa; mà cũng không cần phải biến-hóa hay tìm cái mới hơn làm gì. Hình như nhiều người mộng-cảm rằng trong các nước đánh nhau đó, về sau chắc không nước nào khước-trưng nghề hàng-không hay là gia-luyện không-quân làm gì nữa, vì không-quân đã tiến-bộ đến như thế, tưởng cũng khó lòng thua

được nước khác. Nhưng cứ xem số phi hành-gia của nước Pháp trong thời-kỳ chiến-tranh và sau khi đã giảng-hòa, thì thấy rằng bao giờ cũng có gia-luyện. Kinh-phi về nghề hàng-không mỗi năm mỗi tăng-gia ; số máy bay ngày càng làm thêm nhiều ; công-nhân và hàng-không công-xưởng ngày cũng thêm lên và mở rộng ra mãi. Tóm lại, thu-hiệu và sự phát-đạt về nghề hàng-không của nước Pháp từ sau khi đình-chiến, ngày ngày rất là vĩ-liệt !

Lại như các nước khác : Anh, Mĩ, Đức, Ý, Áo, Hung, trong thời-kỳ chiến-tranh không-quân đã tăng gia, mà sau chiến-tranh lại càng tăng lên, mãi cho đến ngày nay. Số máy bay, số công-nhân và công-xưởng hàng-không, đột-nhiên cũng gia lên rất nhiều ; phí-dụng về không-quân mỗi năm cũng đều cao dần lên, tuy chưa kịp bằng nước Pháp, chớ cũng đã phát-đạt và tiến-bộ thần-tốc lắm rồi.

..

### Sự tiến-bộ của nghề hàng-không sau Âu-chiến

Từ đã trải qua trận chiến-tranh rất thảm-thống trong 4 năm rưỡi trời ấy, các nước nào đã có mặt giữa chiến-trường, đã no say những việc « cùng khốn lên mây, theo máu ra bề » ; nhưng họ vẫn xem là thường...

Bao nhiêu trận giao - chiến trên không-trung lúc bấy giờ, phần nhiều bị thất-bại. Nghĩ đến chỗ ấy, nay các nhà quân-sự đương-cục của các nước, đối với việc phát-siễn trên không-trung, đã nhiều giác-ngộ. Cho nên, xưa thì đánh nhau trên mặt bề, mà nay lại cạnh-tranh nhau trên không - trung. Hiện nay cứ xem ở các việc dự-bị của liệt-cường Âu Mĩ, thấy họ đã lo thao-luyện về cuộc chiến-tranh vị-lai rồi, và đã tưởng-tượng đến sự thắng-lợi sau này.

Lại xem ở một nước mà không-bị (dự bị về không-quân) đã hoàn - toàn, thì biết ngay rằng cái sứ-mệnh của máy bay trong cuộc chiến-tranh tương-lai rất là trọng-đại. Một lúc, việc chiến-tranh đã xong xuôi rồi, chính - phủ các nước mới phần-phát đứng ra đề-xướng việc kiến-thiết hàng-không, cùng là khuyến-trương quân-bị phi-hành. Vì thế cho nên sau chiến-tranh, đột-nhiên thấy nghề hàng-không tiến-bộ rất mau. Các đoàn-thể phi-hành của các nước, nhân sự kết-quả về các cách cò-lệ của các chính-phủ, cho nên việc dùng máy bay trong thương-nghiệp của dân-gian trước Âu-chiến chưa có gì, mà trong 10 năm sau chiến-tranh thì đã phát-đạt rất nhiều. Đó là nhờ ở sự-nghiệp vĩ-đại của các nhà mạo-hiêm đã bay thám từ trước ; lại cũng có nhờ các Chính-phủ, các công-ty hoặc các đoàn-thể, các nhà cự-thương và các phú-ông đã đặc-biệt cò-lệ và trí-thưởng, khiến cho lịch-sử phi-hành của nhân-loại đã được chói-lọi. Trong mấy năm gần đây, việc bay thám ở Nam-cực và Bắc-cực cũng đã thành-hiệu và được vẻ-vang. Sau Âu-chiến, bao-nhiều cuộc bay xa, bay cao rất trọng-yếu đã thành-công ; lại sự tăng-tiến của các hàng-lực như trên đã nói, đủ chứng-minh rằng trong 10 năm gần đây nghề hàng-không đã tiến-bộ biết bao, mà trước kia chưa từng thấy. Theo đó mà xét thì chưa biết nghề hàng-không sau này sẽ phát-siễn đến đâu.

Dưới đây xin lược-kê các hàng-tuyến đã bay qua trong mấy năm gần đây :

1. — *Luân-đôn — Úc-châu.* — Năm 1919 nước Anh có bỏ ra 250.000 quan dự-định thưởng cho người thứ nhất nào thành-công được cuộc bay từ Luân-đôn (*Londres*) đến châu Úc. Cuộc bay này hạn-định 30 ngày. Vài tháng

sau khi đã tuyên-bổ cuộc thưởng ấy, một người Áo tên là ROSS-SMITH được lĩnh. Không những được phần thưởng ấy mà thôi, vua nước Anh lại còn tặng cho một chức quan là «*dũng-sĩ*», để chúc mừng người Áo ấy đã thành-công rứt-rỡ trong cuộc bay xa đến 18.000 ki-lô-mét. Người khởi bay từ Luân-đôn ngày 12 tháng 11 về buổi sáng. Cùng ngồi trên máy bay với người, có 3 người nữa, một người em tên KEITH SMITH, còn hai người kia là BENNETT và SHIERS. Bay theo đường: qua Pháp, Ý, Hi-lạp, Thổ-nhĩ-kỳ, Batur, Ấn-độ, Tân-gia-ba, rồi qua quần-đảo Nam-dương. Đến 10 tháng 12 vừa bay đến hải-khẩu DARWIN châu Úc. Người bay tất cả chỉ có 28 ngày; mỗi ngày bình-quân theo hàng-lý bay được 643 ki-lô-mét.

2. — *Paris—Đông-kinh.* — Năm 1924 nhà phi-hành nước Pháp là DOISY và nhà thợ máy KESSIN, khởi-hành từ Paris vào lúc mờ sáng ngày 24 tháng 4, ngồi chiếc máy bay *Bréguet 19*, bay qua Constantinople, Bagdad, Karachi, rồi qua Việt-Nam ta, Quảng-đông, Thượng-hải, Từ-châu, Tế-nam, Bắc-binh, Phụng-thiên, Cao-ly, đến Đông-kinh (Nhật). Đường bay bấy giờ, vì mưa gió không thường, khó bay luôn được, nên phải nghỉ. Mãi cho đến ngày 9 tháng 6 mới đến Đông-kinh. Đường bay ấy dài đến 20.400 ki-lô-mét; bay tất cả hết 124 giờ đồng-hồ; bình-quân bay được 164 ki-lô-mét mỗi giờ. Lúc bấy giờ bay đến trường bay Thượng-hải, máy bay bị hỏng, nhưng cả hai nhà phi-hành không việc gì. Sau Doisy phải tin về Pháp lấy một chiếc máy bay khác tốt và chắc hơn đến 300 mã-lực, để bay cho xong cuộc bay Paris Đông-kinh.

3. — *Rome-Melbourne—Đông-kinh—Rome.* — Trong năm 1925 người

nước Ý đã thành-công trong cuộc bay này. Lúc bấy giờ các cuộc bay xa tăng-quang không ít; đủ thấy rằng cái tiền-đồ của nghề hàng-không nước Ý cũng không vừa. Bay từ La-mã (Rome) đến Tân-kim-sơn (Melbourne) xa đến 23.000 ki-lô-mét, mà mất có 180 giờ. Lại trong 100 giờ bay từ Tân-kim-sơn đến Đông-kinh, đường dài 14.000 ki-lô-mét. Rồi từ Đông-kinh bay về La-mã 18.000 ki-lô-mét trong 110 giờ. Tổng-kê là 390 giờ bay được tất cả 55.000 ki-lô-mét, dài hơn bề dài của trái đất đến 13.400 ki-lô-mét. Người nước Ý đã bay qua được đường bay dài này là MARQUIS DE PINEDO với nhà thợ máy CAMPANELLI.

4. — *Paris—Bắc-binh.* — Cuộc bay này cũng do nhà phi-hành Pháp DOISY với nhà kỹ-sư CAROL. Năm 1924 người đã bay đường Paris—Đông-kinh; lần này (1926) lại bay qua Tây-bá-li-á, không phải bay theo đường cũ; chỉ bay hết một tuần-lễ, bay được 9.730 ki-lô-mét.

\* \* \*

*Sự tiến-bộ của các cuộc bay xa không nghỉ trong 3 năm gần đây.* — Tháng 5 năm 1927, ngày 20 đến 21, người Mỹ là Lâm Bạch (LINDBERG) đã thành-công trong cuộc bay qua Đại-tây-dương: bay từ Nữ-ước thẳng qua Paris, làm cho người đời rất chú-ý. Đường bay thẳng không nghỉ này xa đến 5.809 ki-lô-mét, mà bay hết 33 giờ rưỡi; thế là hoàn-thành cuộc bay Âu-Mĩ; hai thành-phố lớn nhất, bay từ thành này qua thành kia, bay luôn không nghỉ. Thật là cái vĩ-cử trong lịch-sử hàng-không vậy. Sự thành-công của Lâm-Bạch này đánh đố được cuộc bay xa 5.396 ki-lô mét không nghỉ của hai nhà phi-hành Pháp là COSTES và RIGNOT không thành trong

năm 1926. Cũng trong ngày 20-21 tháng 5 ấy, hai nhà phi-hành Anh là CARR và GILMAN cũng bay thẳng 5.500 ki-lô-mét trong 34 giờ rưỡi không nghỉ. Một tuần-nhật sau, lại cũng có hai người Mỹ là CHAMBERLIN và LEVINE dùng chiếc máy bay động-cơ WRIGHT 220 mã-lực, bay từ Nữu-ước đến *Helsta*, dài được 6.294 ki-lô-mét, bay hết 41 giờ 56 phút. Hai người Mỹ này chiếm được giải quán-quân trong năm 1927 về các cuộc bay thẳng xa nhất mà không nghỉ. Giải này qua năm sau (1928) lại bị hai nhà phi-hành Ý là FERRARIN và DELPRETE đánh đổ: hai người này bay được những 7.188 ki-lô-mét không nghỉ. Qua đến năm kia (1930) đây, vào khoảng tháng 9 nhà phi-công COSTES bay từ *Paris* thẳng đến *Tê-tê-cáp-nhĩ* (Tàu) không nghỉ, đường dài đến 7.800 ki-lô-mét, mà bay trong 51 giờ; thế là COSTES lại giât được giải nhất trong thế-giới hiện-cận về các cuộc bay rất xa không nghỉ. Cuộc bay này làm thành đường hàng-tuyến thẳng Âu-Á, mà trước nay các nhà phi-hành khác chưa từng bay qua bao giờ.

\*\*\*

*Cuộc tranh-thắng tiến-bộ của hai nước Anh Ý về tốc-lực của thủy-phi-cơ trong 5 năm về sau.* — Nước Anh là một nước do quần-đảo lập-thành; nước Ý cũng là một nước bán-đảo; cả hai đều có quan-hệ với hải-ngạn. Cho nên việc ứng-dụng thủy-phi-cơ của hai nước ấy đối với nước khác rất trọng-yếu đặc-biệt; mà đồng-thời việc thiết-bị thủy-phi-cơ cũng cần phải phát-triển và tiến-bộ. Chắc trong 5 năm về sau đây người ta sẽ kinh-sợ về sự mãnh-tiến của tốc-lực thủy-phi-cơ hai nước ấy. Cứ xem ngay cái tốc-lực của thủy-phi-cơ nước Anh trong năm 1925, mỗi một giờ đã bay được 365 ki-lô-mét; qua năm sau (1926) thủy-phi-cơ của Ý lại

bay được những 416 ki-lô-mét một giờ; đến năm 1927 lại tăng lên đến 479, qua năm 1928 đã bay được 512 ki-lô-mét. Cũng trong năm này nước Anh tiến-bộ không kém gì, lại còn có phần hơn nước Ý: mỗi giờ bay được 514 ki-lô-mét. Mãi cho đến năm 1930 nước Ý mới theo kịp nước Anh vào khoảng năm 1928, bay cũng được 514 ki-lô-mét một giờ vậy, thì nước Anh lại tiến-bộ lên một tầng nữa: tốc-lực của thủy-phi-cơ trong mỗi giờ bay đến 593 ki-lô-mét rưỡi. Cứ theo cái tốc-lực này suy tính thì trong 70 giờ đồng-hồ thủy-phi-cơ của Anh có thể bay vòng được hoàn-cầu.

Còn về lục-phi-cơ, cái tốc-lực của nó tăng tiến cũng không vừa; nhất là phi-cơ của hai nước Pháp và Mỹ trong năm 1921 lục-phi-cơ của nước Pháp đã bay được 335 ki-lô-mét một giờ rồi. Trong hai năm 1922 và 1923 phi-cơ của Mỹ cũng đã bay được từ 358 ki-lô-mét và 825 thước cho đến 429 ki-lô-mét 25 thước trong một giờ rồi. Mãi đến ngày nay, cả các nước trên thế-giới thật chưa có một nước nào bay nhanh hơn nước Pháp trong năm 1924; bấy giờ tốc-lực của máy bay nước Pháp mỗi giờ bay được những 448 ki-lô-mét 172 thước. Cái tốc-lực của máy bay tưởng đến thế là cực-độ rồi; nhưng về cái tự-động-cơ của máy bay, đến nay quả chưa thấy tiến-hóa gì hơn, còn về phương-diện các nhà phi-hành thì đã có tăng-tiến: tự họ có thể làm tăng gia cái tốc-lực của lục-phi-cơ trong khi họ coi lái. Nói rõ về cái tài-năng của các nhà phi-hành có thể làm tăng-gia cái tốc-lực của máy bay trong khi họ coi lái, lại là phần việc ở ngoài cái phạm-vi bài này.

*Sự tiến bộ của các cuộc bay cao từ sau Âu-chiến.* — Trước Âu-chiến nhà phi-hành trứ-danh của nước Pháp là ROLAND GARROS đã bay được cao 6.120

thước. Trong thời chiến-tranh, các nhà phi-hành các nước đã hết sức nghiên-cứu về chiến-thuật và các cách chuẩn-bị giao-chiến trên không; cho nên họ đã cố công bay thám và tìm đường bay cao. Từ đó không ai còn nghĩ-ngợi gì đến việc bay cao hơn nữa. Nhưng sau chiến-tranh, thấy các nhà phi-hành các nước lại càng dùng công-phu nghiên-cứu về nghề bay, họ nỗ-lực cạnh-tranh bay thám trên không để tìm đường bay cao hơn; cho nên sau chiến-tranh chưa bao lâu, họ đã tiến-bộ về các cuộc bay cao. Trong năm 1920 người Mĩ tên là SCHROEDER đã bay cao được 10.093 thước. Qua năm sau (1921), cũng người Mĩ tên là READY, lại bay cao hơn, được những 10.518 thước. Đến năm 1923 nhà phi-hành Pháp SADI LECOINTE lại bay cao được 10 741 thước. Rồi đến 3 năm sau, vào năm 1927, lại cũng người Mĩ CHAMPION đánh đố được tất cả các nhà bay cao trước: Ngày 1 tháng 7, người bay thử cả hai thứ (trước dùng thủy-phi-cơ, sau đến lục-phi-cơ), lục-phi-cơ bay lên được 11.710 thước, còn thủy-phi-cơ bay cao được 11.581 thước. Đối với tân-sự-nghiệp hàng-không, về sự tiến-bộ và đoạt-hùng tranh-thắng, người Mĩ lại càng đáng kinh-sợ! Cũng trong năm 1927 ấy, nhà phi-hành nước Ý tên là DONATI, tưởng đã đánh đố được cái cao-độ phi-hành của CHAMPION: bay cao được 11.754 thước. Không ngờ, đến ngày 10 tháng 6 năm ngoái đây (1931) nhà phi-công quân-sự của nước Mĩ tên APPOLON SAUCEK, dùng một chiếc thủy-phi-cơ, bay cao được những 43.166 thước Anh (từ trên đến đây nói thước trống-hồng là nói thước Pháp, tức là *mètre*). Bay cao như thế, từ xưa nay thật chưa có người nước nào dùng máy bay mà bay cao hơn. (Đây chỉ nói về phi-cơ là máy bay, chớ không nói đến khinh-khi-cầu là *ballon*; nếu nói

bay bằng khinh-khi-cầu thì còn có nhiều người bay cao hơn). Thế là người Mĩ SAUCEK đã giật giải quán-quân về độ bay cao gần đây và hiện nay vậy.

*Các cuộc bay lâu của nước Mĩ trong 2 năm 1929 và 1930.* — Vào khoảng tháng 6 năm 1928, hai nhà phi-hành quân-sự nước Tỹ là GROOY và GROENEN, bay ở luôn trên không-trung được 60 giờ 7 phút. Cũng trong năm ấy, từ ngày 5 đến 7 tháng 7, hai nhà phi-hành Đức là RIZTICS và ZIMMERMAN, lại bay ở trên không lâu hơn hai người Tỹ: bay luôn trên không đến 65 giờ 25 phút mới hạ máy bay xuống. Rồi từ năm 1929 đến nay chỉ có người Mĩ là bay ở luôn trên không lâu hơn hết. 7 giờ rưỡi sáng ngày 1 tháng 1 năm 1929 có 5 người Mĩ là thiếu-hiệu tư-lệnh SPATZ, hai trung-úy HALEVERSON và EAKER, thượng-úy QUESADA và nhà thợ máy HOVE, lên máy bay bay cho đến 2 giờ rưỡi chiều ngày 7 mới xuống; ở luôn trên không được những 6 ngày đêm, 6 giờ 46 phút; làm cho cả thế-giới lúc bấy giờ rất chú-ý đến cuộc bay lâu ở trên không của người Mĩ. Trong máy bay họ đem theo đủ các vật-thực và các đồ dùng hàng ngày. Cứ mỗi buổi sáng là họ thả rơi xuống một tập giấy họ đã chép rõ sự thấy và biết trong ngày hôm trước; trong có dặn kỹ hễ ai bắt được thì giao lại cho các nhà báo, để đăng tin tức ấy cho công chúng xem. Từ có cuộc bay ở trên không luôn đến 150 giờ đó, các nhà phi-hành Mĩ kể-khởi rất đông; mỗi mỗi tuy chưa được toàn-công, chớ đã thấy có tiến-bộ. Vào khoảng cuối năm 1929 đầu năm 1930, hai nhà phi-hành Mĩ là O'BRIEN và JACKSON đã dự-bị thực-vật, âm-liệu và dầu «săng» đem theo, trông thấy đã nhiều hơn của năm nhà quân-nhân vừa nói trên, là định bay ở trên không

lâu hơn. Về sau lại còn nhiều nhà phi-hành Mỹ khác cũng đã bay ở trên không lâu hơn năm nhà quân-nhân kia; xin lược thuật như sau :

Kế tiếp ở nhà phi-hành quân-sự kia, có O'BRIEN và JACKSON đã bay ở luôn trên không được những 420 giờ 25 phút, nghĩa là gần được 18 ngày đêm. Hai người này mới thật là « phi-nhân », đã chiếm được giải quán-quân về các cuộc bay ở lâu nhất trên không từ xưa nay. Tháng 7 năm 1930 cũng đã có hai nhà kỹ-sư KELLY và ROBBINS bay ở luôn trên không được 172 giờ 34 phút. Tháng 8 năm ấy hai nhà phi-hành NEWCOMB và MITCHELL bay ở luôn trên không được 177 giờ 6 phút. Tháng 6 năm 1930, hai anh em KENUETH và JOHN HUNTER, bay ở luôn trên không những 23 ngày đêm, làm rung động cả các nước đương chú-ý về nghề hàng-không. Trước khi có cuộc bay của hai anh em nhà phi-hành KENUETH, thật chưa ai mong-tưởng đến việc ở luôn trên không-trung những hơn 3 tuần-nhật như thế bao giờ. Ấy thế mà KENUETH còn định dự-bị một cuộc bay nữa, ở trên không lâu hơn cuộc bay vừa rồi.

Bay lâu, bay mau, bay xa, bay cao, người Mỹ đều đã đạt đến mục-đích rồi. Từ khi cuộc bay 553 giờ 41 phút của hai anh em KENUETH thành-công về sau, hai nhà bay lâu ở trên không trước kia là O'BRIEN và JACKSON nghe được tin, tưởng rằng hai anh em KENUETH định ở sinh-hoạt luôn trên không-trung, chớ không muốn ở dưới trần với người đời. Trong năm 1929 thấy hai nhà phi-hành O'BRIEN và JACKSON bay ở được trên không đến 18 ngày đêm, thiên-hạ đều cho là lâu nhất rồi, vì chính hai người ấy là hai người đã ở trên không lâu hơn hết trước nhất. Không ngờ qua năm sau lại bị hai anh em KENUETH đánh đổ giải quán-quân ấy; nên hai người kia sinh lòng cạnh-

tranh chức anh-hùng trên không. Quả-nhiên, đúng 7 giờ sáng ngày 22 tháng 7 năm 1930 (một tháng sau cuộc bay của anh em KENUETH) O'BRIEN và JACKSON lên máy bay từ trường bay SAINT-LOUIS, định cướp giải quán-quân của anh em KENNETH. Trước khi lên máy bay, hai nhà phi-hành ấy có nói : « Lần này, nếu máy chúng tôi không có điều gì trở-ngại, chúng tôi bay luôn trên 23 ngày đêm trên không-trung không xuống » Nghe câu nói này đủ thấy tấm nhiệt-tâm cạnh-tranh của hai người đến đâu ! Thật không sai : lần này hai nhà phi-hành JACKSON và O'BRIEN sinh-nhai trên không-trung đến 27 ngày đêm ; đúng 6 giờ sáng ngày 18 tháng 8 chiếc máy bay và hai người đã từ-từ hạ xuống, an-toàn không việc gì. Nếu tính theo giờ, thì lần này hai người bay được những 647 giờ 28 phút ở luôn trên không. Bấy giờ người thế-giới đã tặng cho hai nhà phi-hành bay lâu hơn hết đó là « ông vua nhất trong các « Vua bay ». » Cái tốc-độ của máy bay lần này, bay bình-quân được 150 dặm ; cộng tất cả được 100.000 công-lý. Cho nên, đồng thời hai người ấy cũng là quán-quân của thế-giới về cuộc bay xa. Tính theo số ấy thì được hai lần vòng quanh địa-cầu. Chiếc phi-đỉnh *Zeppelins* của người Đức, bay luôn ở trên không lâu nhất cũng chỉ được 118 giờ ; nay phi-cơ của người Mỹ bay luôn ở trên không-trung đến mấy lần lâu hơn. Thật là cái công-phu vĩ-dại của người Đức đã dùng phi-đỉnh trước kia đến mấy lần chưa theo kịp vậy. Dù thấy rằng sau Âu-chiến chừng mười năm, đối với sự-nghiệp hàng-không, người Mỹ đã bao nhiêu nỗ-lực mưu-tiến ; mà sau này rồi chưa biết phát-siển đến đâu ! Phi-cơ mà đã bay ở lâu trên không được đến thế, thời cái thâu-hiệu thần-tốc của nó trong cuộc chiến-tranh tương-lai, tưởng đến mấy vạn lần hơn phi-đỉnh vậy.

## Máy cuộc bay qua bề có danh trong lịch-sử hàng-không và ảnh-hưởng của nó

1. — *Cái vĩ-tích lần đầu của nghề hàng-không người Pháp.* — Tháng 7 năm 1909, nhà phi-hành Pháp LOUIS BLÉRIOT thừa một lúc trời tốt, từ Calais bay được 38 ki-lô-mét trên bề Manche rồi đến Douvres nước Anh. Lần này là lần trước nhất mà người ta đã bay qua bề, đã được ghi chép vào lịch-sử hàng-không. Tháng 7 năm 1931 tức ngày kỷ-niệm 20 chu-niên cuộc bay thành-công qua bề Manche của BLÉRIOT ba nước Anh, Pháp, Tỹ, luôn trong hai ngày 27 và 28 đều mở hội vui về ở Calais, đề khánh-chúc nhà anh-hùng bề Manche (*héros de la Manche*), và diễn-thuyết dự bàn về sự tiến-bộ của nghề bay hai-mươi năm về sau. Bốn năm về sau, tuy có GARROS bay được 760 ki-lô-mét qua Địa-trung-hải, nhưng cái vĩ-tích lần đầu vẫn là của BLÉRIOT. Trước chiến-tranh thì người Pháp rất nổi danh trong nghề hàng-không ; nhưng sau chiến-tranh thì cái danh-vị ấy lại vào tay người Mỹ.

2. — *Kế người Pháp, có người Mỹ thành-công lần đầu trong cuộc bay qua Đại-tây-dương.* — Sau chiến-tranh, sự-nghiệp vĩ-đại của nghề hàng-không lại vào tay người Mỹ. Tháng 5 năm 1919, nhà phi-hành kiện-tướng nước Mỹ là hải-quân đại-ủy A. C. READ, dùng chiếc thủy-phi-cơ « Naoy - Curtiss n° 4 » (thường gọi là N. C. 4) bay qua Đại-tây-dương. Lúc bấy giờ cùng bay với READ có hai chiếc thủy-phi-cơ nữa số 1 và 3 ; nhưng giữa bề thì hai chiếc kia đều bị nạn. Chỉ có một mình đại-ủy READ bay đến Plymouth, là thành-công cuộc bay ngang qua Đại-tây-

dương. Trong cuộc bay này READ nghỉ 5 lần. Trên mặt Đại-tây-dương, cứ cách 80 Ki-lô-mét thì người Mỹ có làm một chỗ cho các máy bay nghỉ, hoặc gặp nạn hạ xuống đó. Trên toàn mặt Đại-tây-dương được 60 nơi như thế. Đủ biết rằng người Mỹ đối với sự-nghiệp hàng-không nhiệt-tâm bao nhiêu.

3. — *Tráng-cư của Lindbergt (Lâm-Bạch).* — Tháng 5 năm 1927 người Mỹ là Lâm-Bạch cũng bay qua Đại-tây-dương. Lần bay này làm cho cả người thế-giới đều chú-ý. Đến năm sau, người Pháp cũng thành-công được cuộc bay qua Đại-tây-dương. Lại năm trước đây 3 nhà phi-hành ASSOLANT, LEFÈVRE và COTTI, cũng bay từ Mỹ sang Âu. Lại năm kia đây (1930) hai phi-công COSTES và BELLONTE cũng bay từ Ba-lê thẳng đến Nữu-ước. Tuy-nhiên tựu-trung bình như cũng chưa kịp được LINDBERGH.

Trước khi Lâm-Bạch thành-công trong các cuộc bay lừng-lẫy, tất cả người Mỹ ai cũng bảo rằng cái thanh-danh của người sẽ được chép vào lịch-sử hàng-không, và thế nào người cũng gặp nhiều nguy-hiểm trong các cuộc thí-nghiệm, hơn là hy-vọng thành-công. Chưa bao lâu Lâm-Bạch đã làm thành chiếc máy bay theo ý-dịnh của người, tên là « Spirit of Saint Louis » (*esprit de St Louis*), đến 220 mã-lực. Bắt đầu Lâm-Bạch đem chiếc máy bay riêng của mình ra thí-nghiệm ; bay từ tây-nam nước Mỹ thẳng đến phía đông thành Saint Louis ; ở luôn trên không-trung được 14 giờ rưỡi (luôn đêm). Sáng hôm sau hạ xuống. Bay được gần 20 dặm. Trong lúc bay gian-nan lắm, vì bay trên bao nhiêu núi cao đến mấy nghìn thước. Thấy bay luôn đêm trên núi cao như thế, mà xuống được bình yên, cả sĩ-nhân nước Mỹ đều ca-tụng cái dũng-khí của người về nghề bay.



Bay thẳng từ Tây-bộ đến Đông-bộ như thế, trong lịch-sử phi-hành nước Mĩ mới có lần đầu. Rồi Lâm-Bạch bay luôn từ *Saint-Louis* đến Nữ-ước, hết 7 giờ 20 phút nữa. Kể cả trước sau kỳ bay này là 21 giờ 50 phút, mà máy bay của người vẫn tốt như thường, bộ máy không việc gì.

Sáng ngày 20 tháng 5 năm 1927, trời mưa to gió lớn, chung-quanh thành Nữ-ước bùn lầy đầy dẫy; khí trời ở trường bay *Curtiss* gần Nữ-ước cũng khó chịu. Nhưng cứ theo tin đài thiên-văn báo-cáo, thì ngoài bề lại gió bình sóng tĩnh, có thể qua được. Lâm-Bạch định bay từ ngày hôm ấy. Về máy móc đã xem-xét kỹ lưỡng; đồ cần dùng, vật-thực, dầu, v. v. đều dự-bị sẵn-sàng. Trong lịch-sử phi-hành nước Mĩ, người đã có tên trước nhất là *Chamberlin*; nay tại trường bay *Curtiss*, người ta lại hoan-tống và dự-chúc cuộc thành-công của một vị nữa. Hôm ấy, tuy trời vẫn mưa, nhưng cái chí anh-hùng khí-khái của Lâm-Bạch giúp người phải quyết-tâm thương-không: bay qua Đại-tây-dương!

Trong lúc muôn người đương hoan-tống, Lâm-Bạch vừa đưa tay lên từ-giã, thì con chim máy kia đã cùng người trông thấy Đại-tây-dương. Đến như việc phải trải qua sương tuyết gió mưa, trong cuộc bay này, thì người đã dự-thấy từ lâu rồi, 3 giờ chiều ngày hôm sau đã có tin Lâm-Bạch bay đến gần Ái-nhĩ lan (*Iceland*) rồi. Còn bay đến Luân-đôn và bờ bể nước Pháp, đó là mục-dịch của người đã định từ trước. Vào đến địa-giới nước Pháp, muôn ức người đều hoan-hô cuộc bay của Lâm-Bạch thành-công.

Qua ngày hôm sau, trong các trường chớp bóng ở *Paris* đều có chớp phim ảnh cuộc bay hiện-tại quá Đại-tây-dương của vị anh-hùng Lâm-Bạch đã

bay từ Nữ-ước đến Ba-lê. Bao nhiêu nhật-báo lớn ở *Paris* đều đầy mấy cột về tin tức cuộc bay ấy đã thành công. Bao nhiêu cuộc hoan-nghinh, chiêu-dãi, và điện chúc mừng các nước đánh đến! Trẻ con bán báo ở *Paris* hôm ấy đều cao-rao « Lâm-Bạch chuyên-hiện! » (số báo đặc-biệt nói về Lâm-Bạch) (*le n<sup>o</sup> spécial de Lindbergh*). Cái tên Lâm-Bạch đến bây giờ ở *Paris* ngày-nghê không biết mấy nghìn lần. Không những chỉ ở *Paris*, mà cả trong các thành-thị lớn cả Âu-Mĩ, các báo-chí đều ca-tụng; tranh nhau đăng tin-tức và phê-bình cuộc bay qua Đại-tây-dương của Lâm-Bạch. Bấy giờ Lâm-Bạch sang nước Tỹ, được vua và hoàng-hậu nước ấy đích-thân ra đón; đến nước Anh, được người Anh hoan-nghinh đặc-biệt: như là Lâm-Bạch đi đến đâu là đem sự vinh-diệu đến đấy cho người ta vậy. Từ đây cái tin *Lindbergh* mới nghe khắp trên thế-giới.

Tóm lại, ta không luận đến cái danh-dự của Lâm-Bạch; nhưng ta không thể không qui-công cho Lâm-Bạch về cuộc bay vĩ-dại của người qua Đại-tây-dương đã thành-công rực-rỡ; người lại đứng tiên-khu về con đường bay mới này. Bấy giờ khoa-học hàng-không chưa được tiến-bộ lắm; từ có cuộc thành-công mạo-hiêm của Lâm-Bạch; người đời lại càng chăm-chú vào nghề bay. Giá bấy giờ Lâm-Bạch bị thất-bại chắc đối với sự tiến-bộ của khoa-học hàng-không đã có nhiều chương-ngại. Nay cuộc bay qua Đại-tây-dương đã thành-công, thật là một bước tiến-bộ dài của sự-nghiệp hàng-không trên thế-giới vậy.

Từ *New-York* bay đến *Paris*, hành-trình 5.809 ki-lô-mét, mà Lâm-Bạch bay có 34 giờ rưỡi đồng-hồ, thật là đã mở một kỷ-nguyên mới trên lịch-sử

hàng-không vậy. Rất khó, mà đáng quý thay ! Các tàu lớn của Âu-Mĩ đi lại, ít nhất cũng phải 7 ngày đêm ; mà nay chỉ bay có hơn một ngày đêm. Không quá người đương-thời đã kêu lên «chinh-phục được không-gian với thời-gian là Lâm-Bạch vậy » !

4. - *Cái vinh-dự của người Pháp trên Đại-tây-dương gần đây.* — Cùng ngày 20 tháng 5 năm 1927, cũng có hai người Pháp là COLI và NUNGESSER dùng chiếc phi-cơ một lớp cánh, bay từ Paris định vượt qua Đại-tây-dương. Nhưng bay nửa đường thì mất tích. Về sau cũng không được tin gì mới. Từ sau Âu-chiến, người Pháp có ý xung-hung về nghề hàng-không ; nhưng từ có cuộc bay Lâm-Bạch thành-công và cuộc bay COTY và NUNGESSER thất-bại, người Pháp cũng lấy làm thất-vọng. Vài năm sau, cả Chính-phủ và sĩ-nhân trong nước rất lưu ý đến và không ngày nào không dùng thực-lực mà cố-lệ nghề bay ; đặt phần thưởng cho các nhà phi-hành có danh và thề-đạt cho đến cái mục-đích Lâm-Bạch, không thì mất thề-diện của nước. Bởi vậy các nhà phi hành mới nỗ-lực lo tranh-hung giải Đại-tây-dương. Quả-nhiên, đến năm 1929 đây, ba nhà phi-hành LEFÈVRE LOTTI, ASSOLLANT, ngày 13 tháng 6 đúng 3 giờ chiều, ngồi chiếc máy bay « *Oiseau Jaune* », bay từ Mĩ, vượt qua Đại-tây-dương ; 8 giờ tối hôm sau thì đã đến *Cornillas* (thuộc nước *Espagne*). Vì hỏng máy, nên không đạt được hoàn-toàn mục-đích, lại bay thẳng về Paris ; nhưng người Pháp cũng đã hoan-ngênh và khánh-chúc một cách đặc-biệt. Lần này là lần đầu mà người Pháp đã thành-công trong cuộc bay qua Đại-tây-dương. Hàng-trình 5.000 ki-lô-mét, bay hết 29 giờ rưỡi.

Từ có cuộc bay Lâm-Bạch thành-công, vài năm sau, trong lịch-sử hàng-

không nước Pháp cũng đã có cái thịnh-danh của COSTES. Người cũng đã có tâm-dự-nguyện bay từ Paris qua New-York ; nhưng tiếc vì người không làm nổi chiếc máy bay theo ý-định. Có một người Pháp FRANÇOIS COTY, là vua nước-hoa đã nổi tiếng giàu có, có ý thưởng-lệ và phụ-trợ cho sự-nghiệp hàng-không ; cho nên đã định giúp COSTES thực-hiện cái tráng-chí của người cho sớm thành công. COTY có nói với COSTES rằng : « Tôi cực-nguyện dự-bị giúp tiên-sinh ; tiên-sinh có đủ dũng-khi bay từ Paris qua Đại-tây-dương thẳng đến New-York chẳng ? » COSTES đáp : « Được, như quả tiên-sinh giúp thực-lực, tôi xin thí-nghiệm ngay ; hẹn đạt cho đến dự-nguyện ; tôi rất cảm-tạ cái thịnh-ý của tiên-sinh ! COTY tiên-sinh ạ... »

Mùa thu năm 1929, chiếc máy bay của vua nước-hoa COTY bỏ 2.000.000 quan ra làm, đã xong cả rồi ; bèn lấy tên « *Point d'interrogation* » ; máy đến 750 mã-lực. Mùa thu năm trước tuy COSTES không bay được qua Đại-tây-dương, vì trời xấu, nhưng cũng đã cùng bạn BELLONTE bay thẳng từ Paris qua Tê-tê-cáp-nhĩ, được kết-quả hoàu-toàn ; đủ thấy cái chỗ tình-diệu trong việc máy-móc của người rồi.

Qua mùa thu năm 1930, thấy thiên-văn-đài báo tin trời tốt trên mặt Đại-tây-dương, COSTES và BELLONTE định lên máy bay. Vài tối, trước ngày lên máy bay COSTES phụ-nhân và BELLONTE phụ-nhân, thống-khốc không biết mấy lần, nhiệt-lệ ái-tình chảy đầm-đìa, trông thấy tiền-dò của mệnh-vận chồng mình không bao lâu nữa thì sẽ... Thành-bại vinh-nhục, chưa biết nó sẽ biến hóa đến đâu ! Cả hai người «hiền-phụ», này lúc nào hình như cũng tưởng-tượng đến hai vị phi-hành trước đây đã mất tung-tích trên Đại-tây-dương, mà tự nghĩ rằng thế-giới này hạnh-lâm mới được

một Lâm-Bạch mà thôi ! Nhưng hai nhà mạo-hiêm kia quyết không để cho giọt lệ ái-tình nó che lấp cái dũng-khi của mình, cao-hô ngay lên rằng: « Nam-nhi nước Pháp phải tạo quang-vinh cho nước pháp ! » Thế mới biết cái tinh-thần hi-sinh và nô-lực của người Pháp đối với nghề hàng-không !

Đúng 10 giờ 50 phút buổi sáng ngày 1 tháng 9, COSTES và BELLONTE lên ngồi trên chiếc máy bay « ? » tại trường bay Bourget bên Pháp. Trong hàng vạn người đương hoan-tống hai nhà phi-hành mạo-hiêm, thì thấy bóng hai người đàn-bà đưa khăn tay ra ngoắt, vừa đúng lúc con chim máy cất cánh bổng lên. Bấy giờ ở dưới này ai cũng đều nghe « *Au revoir votre cher Paris !* » (Sẽ tái-kiến Ba-lê thân-ái của ta ! ) Trên phi-cơ đã có đem máy vô-tuyến-diện theo; đi đến đâu đều truyền được tin ra các nơi. Lúc vừa vào đến địa giới nước Mỹ, lại gặp một cơn mưa đen nghịt cả trời đất, không thấy đường mà bay tới nữa ; rất là nguy-hiêm ! Nhưng may sao, một chốc thì bay qua khỏi chỗ mưa ấy. Đúng 12 giờ 13 phút giữa đêm thì vừa đến trường bay Curtiss ở New-York. Cũng như cuộc bay của Lâm-Bạch trong năm trước, cả người Âu-Mĩ đều hoan-nginh hai phi-công một cách đặc-biệt.

5. — Cuộc dự bị của nghề hàng-không sau này trên Đại-tây-dương. — Từ khi hai người Pháp BLÉRIOT bay qua bển Manche và GARROS bay qua Địa-trung-hải, đã có người mộng-tưởng đến

các cuộc bay Paris — New-York vượt qua Đại-tây-dương rồi. Đến nay thì cái mộng-tưởng ấy đã thành rồi. Hiện nay trên không-lung mặt bển Manche, đã có máy bay dùng về việc buôn-bán, bay từ các nước Pháp, Đức, Tỷ bay qua Luân-đôn nước Anh ; rồi từ Luân-đôn bay trở lại Paris, Berlin, kinh-đô nước Tỷ, nước Hà-lan, và bay qua các thành-thị lớn khác, mỗi ngày đến 7, 8 chuyến bay chở hành-khách. Còn việc bay chở khách qua Địa-trung-hải, bay từ nước Pháp nước Ý qua các thực-dân-địa của họ, người ta cũng dự-dịnh mỗi ngày là vài kỳ bay chở hành-khách và hàng-hóa rồi. Cứ trông theo cái hiện-trạng của nghề bay trên bển Manche và Địa-trung-hải, thì thấy rằng cuộc dự-bị bay chở hành-khách và hàng-hóa qua Đại-tây-dương, từ Paris — New-York, New-York — Paris không phải là mộng-tưởng vậy. Không bao lâu nữa tất người ta sẽ đạt đến cái mục-dích tối-đại ấy. Ngay bây giờ cứ xem công-trình của người Mỹ đã làm trên mặt Đại-tây-dương (các nơi để cho máy bay nghỉ, để chứa xăng, để máy bay nào có lâm-nạn thì hạ xuống, và bao nhiêu việc khác đương làm), theo con mắt quan-sát của các đại-gia phi-hành đối với cái kế-boạch của người Mỹ đương thi-hành trên mặt bển, người ta đã dự-trước trong năm năm nữa sẽ có mỗi tuần mấy chuyến bay chở hành-khách và hàng-hóa qua Đại-tây-dương, đường bay Paris — New York và New-York — Paris sẽ hi-vọng định kỳ.

NGUYỄN TƯỜNG THUẬT

# MỘT NHÀ CAO-SĨ NƯỚC TÀU

Ông Đào Uyên-Minh 陶淵明 (1)

## 1. — Lời tổng-luận

Cái phong danh-tiết nghĩa-hiệp không đời nào thịnh bằng đời Đông-Hán, chừ-hiền bị vạ đảng-cổ mà vẫn coi cái chết như không, hăng-hái biết chừng nào ! Từ khi họ Tào đặc-chí chuyên-quyền, ghét bọn chừ-hiền không theo mình, mới trãm kẻ làm cho tởa-chiết đi, sĩ-khi từ đó mới suy. Xem như tờ thư của Chu-tử đáp Lưu Tử-Trùng nói rằng : « Từ năm Kiến-an trở về sau, kẻ sĩ-phu chốn trung-châu, chỉ biết có họ Tào mà thôi, chừ không còn biết có nhà Hán nữa. Xem ngay như một nhà họ Tuân, Tuân Thục ở đời họ Lương chuyên-quyền thì hay chính-ngôn bất-khuất ; mà đến đời con là Tuân Sảng đã theo gót đứng ở triều Đông Trác ; đến đời cháu là Tuân Hoắc thì đã đi làm rề anh Đường Hành, làm tôi chủ Tào Tháo, mà không biết là nhục. Đó là bởi cái khí-tiết cương-trực phương chính, bị tởa-chiết về tay hung-ngược đã nhứt đi mất cả, nên chỉ liệu chiều theo gió mà tìm lấy cái kế toàn-thân, không tự biết rằng dẫm-duối đến như thế ». Họ Tư-Mã lấy là kẻ trọng-thần của họ Tào, rồi ngầm cướp lấy nước, kẻ sĩ-phu đời Tào Ngụy lại giữ giáo mà theo về họ Tư-Mã, không còn ai thủ-tiết với họ Tào nữa. Tuy rằng thiên-đạo hiếu-hoàn, mà cũng bởi cái phong danh-tiết nghĩa-hiệp đã mất hết cả đi vậy.

Đời Tấn (họ Tư-Mã) mới dựng nước, khi khai-cơ vốn không có cái đạo trung-hậu, nhưng mà có cái nhĩa-

hóa chấn-tác phong-tục, thừa cái phong-thói của Hà Yến, Vương Bật đời Ngụy, tở-thuật thuyết Lão, Trang, nhĩa-thượng thối thanh-đàm, sùng-thượng hư-phù, chẳng tuân lễ-phép. Những lữ Vương Diễn, Nhạc Quảng đều phóng-khoáng chẳng thiết gì đến công-nghiệp, mà lại có danh-giá trọng ở đời, thiên-hạ đều bắt-chước, suốt ngày chỉ phe-phẩy cái đuôi chủ, ngồi ghế treo mà bàn sông, tự-xung là bậc danh-sĩ ; kẻ học-giả thì lấy thuyết Lão, Trang làm tôn-trọng, mà truất bỏ đạo sáu kinh ; kẻ luận-giả thì lấy thuyết hư-vô làm biện bác, mà khinh rẻ điều hạnh-kiêm ; cách cư-xử thì lấy phóng-đãng hỗn-trọc làm thông-thời, mà cho sự tín-nghĩa tiết hạnh làm hẹp ; kẻ sĩ-tiến thì lấy tạm-bợ may được làm quý-giá, mà coi người giữ-gìn chính-đáng làm khinh ; người làm quan thì lấy danh-vọng hảo-huyền làm cao, mà cười những người siêng-năng cần-thận ; trong triều ngoài đã đua nhau thành thối quera ; kẻ thức-giả không đợi đến khi Thạch Lạc nổi binh, Lưu Dự cướp ngôi, mà đã biết trước rằng họ Hán đã suy, mà nhà Tấn tất đến mất nước vậy.

Đương cái cuộc đời quần-chúng mơ-màng, toàn-quốc lảo-nháo, mà không có một người nào đứng ra dựng phong-liết, tở đại-nghĩa, làm cái cở cứng đưng cơn gió mạnh, làm cây thông già ngắt giữa trời đông ; thì ngọn đời-ba trời nổi biết đến đâu là cùng-cực ! Ví như lúc đêm trường mờ-mịt, biết bao giờ sáng, đạo trời đất có khi đến tuyết-diệt, chẳng nguy lắm thay !

(1) Dịch theo sách *Thiếu-niên tưng-thư*.

Thế mới biết loài người ta phải nhờ có những bậc hiền-tử trung-thần, hiền-nhân cao-sĩ, lại cần hơn là nước lửa thóc gạo, không thể một ngày nào thiếu được!

Đời đến cực-loạn, kẻ nhân-tài mới ra, những người xuất-thân ra giúp đời, làm đến ngôi Khanh-tướng, xoay trời chuyển đất, dựng nên công-nghiệp lẫy-lừng, đã đành là hay lưu ư-trạch cho một đời vậy. Lại còn kẻ đào-danh tị-thể, chỉ sợ đời nhờ-nhuốc không chịu ra, cái nét cao-khiết khác đời ấy, thiên-hạ ai cũng ngó; cái lòng đau-đớn khó dãi bày kia, thiên-hạ ai cũng tin; cái tung-tích người ấy càng ần, thì cái phong-khái người ấy lại càng hiền; dưới trăm đời nghe cái phong người ấy, còn hay khiến kẻ ngoan-phu hóa ra liêm-khiết, kẻ nọa-phu biết lập chí-khi; tuy rằng lúc đương-thời không bằng cái công-trạng lạ-lùng của những kẻ danh-tướng danh-khanh; nhưng người ấy đủ làm điển-hình cho một đời, hay duy-trì được cương-thường đến vạn-cổ; thì không phải những hạng người trong miếu-đường hay kịp được một phần trong muôn phần vậy.

Cuối đời Đông-Tấn có ông Đào Uyên-minh, đời đều khen là người ần-dật, luận về cái tung-tích ông ấy thì vẫn cố-nhiên như thế vậy. Nhưng nay xem những bài thơ khi ông uống rượu mà thuật về thú rượu, thì biết ông giả-thác cái cảnh ma men, trốn lẩn trong làng say tít, có phải như lữ Nguyễn Tịch ngông-cuồng say-sưa đâu. Ông vốn là con cháu dòng-dõi nhà quan tể-phụ, đương đời vua Cung-đế, Lưu Dự bách vua phải nhường ngôi, rồi liền phế làm Linh-lãng-vương, chữa được bao lâu ngầm đem giết đi. Ông thấy việc đời trái ngược, bèn cao bước

lánh xa, không chịu được sự phân-nhiều ở đời; đến nỗi phải đi cày cuốc lấy cho đủ ăn, xem thế cũng đủ biết cái lòng trung-nghĩa của ông vậy. Những bài thơ khi ông về hưu phần nhiều là lời cảm-khái thương nước thương đời, nhiều kẻ không biết lại ví như bọn trúc-lâm cuồng-sĩ (1), luận cõn-nhân như thế thì sao đáng!

Ông Khuất Nguyên nước Sở, ông Trương Lương nước Hàn, ông Gia-Cát đời Hán, ông Đào Tiềm đời Tấn, bốn người quân-tử ấy tuy rằng tiết-hạnh khác nhau, gặp thời-vận cũng khác nhau, nhưng mà cái tâm thì là một, là đều sáng về cái nghĩa vua tôi vậy. Ông Trương Lương muốn vì nước Hàn mà giết họ Lã diệt nhà Tần; ông Gia-Cát muốn vì nhà Hán mà giết họ Tào diệt nước Ngụy; tuy rằng chữa làm được như sở-nguyện, nhưng cũng đã hơi thỏa cái chí mình. Còn như ông Khuất Nguyên mắt trông thấy kẻ sàm-nịnh nó làm mất nước, ông Đào Tiềm ngồi nhìn kẻ cường-thần nó tiếm mất ngôi, mà đều không thể làm sao được. Hai ông trên kia được hơi thỏa chí mình thì sự-nghiệp các ông ấy đã tỏ ra đời. Còn hai ông sau chẳng thể làm sao được, thì suốt đời còn ai biết đến nữa; nên phải ký-thác ra lời văn-thơ để tỏ lòng trung-phẫn, khiến cho người đời sau mỗi khi đọc đến từ họ Khuất thơ ông Đào mà phải đến thở dài giở nước mắt! Than ôi! Ông Đào không gặp được vua Chiêu-liệt khá giúp đỡ lo toan, lại không gặp được vua Hán-tô khá nhờ để phục-thù, nên mới phải trọn đời ần-dộn, thương thay!

## 2.— Ngũ-liễu tiên-sinh

Ông Đào Tiềm 陶潛 tên tự là Uyên-minh, hoặc tự là Nguyên-lượng, thụy

(1) Đời Tấn có Kê-Khang cùng chơi với Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Hương Tú, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Vương Nhung, cả bảy người cùng kết bạn rượu, gọi là Trúc-lâm thất-hiền.

là Tinh-tiết tiên-sinh 靖節先生, người làng Sài-tang đất Tâm-dương, sinh về đời vua Ai-đế nhà Tấn hiệu Hung-ninh thứ ba năm ất-sửu (1547 trước kỷ-nguyên Dân-quốc). Xét chỗ ông Đào ở có ba nơi: một là ở huyện Tân-xương cách ngoài phía đông hai-mươi-nhăm dặm. Trong Pồ-kinh có nói rằng: « Ông Đào khi trước ở đất Nghi-phong, sau dời đến làng Sài-tang. » Xét đất Nghi-phong là huyện Tân-xương bây giờ. Hai là ở phủ Nam-khang núi Ngọc-kinh cách phía thành tây bảy dặm; nhất-danh là đất Thượng-kinh; nên thơ ông có câu rằng: « Xưa ở đất Thượng-kinh » là nơi ấy vậy. Người ta lại gọi là Nam-thôn, đất ấy gần một cái hồ lớn, ngọn núi chon-von, đông tây giáp đất Bành-lãi vài trăm dặm, núi mây khói nước man-mác vòng quanh lắm thú kỳ-tuyệt, không thể hình-trạng ra được. Năm mậu-thân đời vua An-đế, về hồi tháng sáu gặp cơn hỏa-tai, qua năm sau, nhà ông Đào bèn dời đi nơi khác. Ba là ở núi Sài-tang đất Cửu-giang ngoài phía tây-nam chín-mươi dặm, tên làng là Lật-lý. Nay qua chơi đất Tâm-dương còn có hòn đá nhẵn như đá mài là chỗ khi xưa ông Đào say rượu nằm khềnh ra đó. Lại có chùa Thế-ân là nơi nhà cũ của Ngũ-liễu tiên-sinh tức là ông Đào vậy.

Xưa có quan Đại-tư-mã là Đào Khản 陶侃 vốn là bậc danh-thần nhà Tấn, phong là Trường-sa quận-công, tên thụy là Hoàn, là tổ ông Đào vậy. Lúc Đào Khản làm quan vô-sự, buổi sớm thường khuôn trăm hòn gạch ra nhà ngoài, chiều lại khuôn vào nhà trong, người ta hỏi sao lại làm như thế? Ông đáp rằng: « Ta đương cố hết sức lo việc trung-nguyên, nếu mà cứ ăn không ngồi rồi quá, sợ không kham nổi được việc. » Sách sử đã khen ông

Đào Khản là người cần-cù chăm-chi việc nước.

Khi ông Khản mất rồi, thế-tử là Ho được tập-tước. Lại giết mất người em là Mân, Dữu-Lượng mới tâu vua truất bỏ tước người Hạ, nhưng biểu chưa dâng đến nơi thì Hạ đã chết. Vua xuống chiếu lấy cháu người Hạ tên là Hoảng nối tước ông Khản. Hoảng mất, con là Xước-Chi được nối tước; Xước-Chi mất con là Diên-Thọ lại được nối tước. Ông Đào đối với Diên-Thọ là hàng chủ, khi ấy nhà Tấn đã suy đồi, các nhà thế-gia cũng sút kém; duy còn có nền nếp là cố-gia kiêu-mộc, vẫn giữ được cái phong-thói nhà thanh-môn cụ-đức mà thôi.

Đào-công khi nhỏ vốn có chí cao-thượng, học rộng, khéo làm văn, nhưng tính thích-thẳng bất-cơ, chân-suất vô-tâm, làng xóm ai cũng biết tiếng, bên cạnh nhà có giếng năm cây liễu, nhà thế mới lấy hiệu là Ngũ-liễu tiên-sinh. Có làm ra một bài truyện đề tự-thuật như sau:

— Tiên-sinh không biết là người thế nào mà cũng không rõ họ tên, nhà bên cạnh nhà có năm cây liễu, nên mới hiệu là Ngũ-liễu tiên-sinh. Tiên-sinh nhàn-tĩnh ít nói, không háo vinh lợi hay đọc sách, nhưng không cần hiểu lắm mỗi khi có câu gì hội-ý, thì vui quên ăn. Tính thích rượu, nhà nghèo, không hay thường có rượu, người thân cận biết như thế, có khi làm rượu để mời ông đến uống, nống cho kỳ đến say, đi say thì về, khừ hay lưu chẳng có dụng tình chi cả. Nhà chông bốn vách, chầu đủ che nắng gió; áo đụp thắt nút, rầu bầu thừơng sưng, mà vẫn coi như không. Hay làm văn-chương đề tự vu và tỏ chí mình, quên cả sự đặc-thất, suốt đời tự-nhiên như vậy. Tân-rằng: Ông Kiềm Lâu (1) có nói: « Chẳng áy-ná về cảnh bần-tiện, chẳng chớm hộp v

(1) Người cao-sĩ nước Lỗ.

mỗi phú qui. » Gẫm lời nói ấy, ta cũng là bọn người ấy chăng? Đánh chén làm thơ để vui chí mình, là dân đời Vô-hoài (1) đấy durl Dân đời Cát-thiên (2) đấy durl

Bà văn trên này xuất-cáo ra nhiều người truyền-tụng, thực là một bài thực lục về đời ông Đào vậy.

Ông Đào vui thú cao-thượng xuất-tự thiên-tính, có lòng nào lại chán bần-tiện mà ham phú-qui đâu. Chỉ vì gia-thế thanh-bần, cơm rau nước lã vẫn thường không đủ; cổ nhân có kể vì cha già nhà nghèo, mà phải ra làm quan Ông có làm quan tế-lưu ở một châu, ôi lấy ông là người khâm-hoài cao-khiết, xưa nay vẫn chưa từng tiếp-xúc với duyên nợ trên đời, mà khi ra làm quan đã phải bận rộn về những việc tiền thóc hình-danh lật-vật, ngày cùng làm duyên với mấy bác tư-lại, thì ông hẳn là uất-ức bất-dắc-chí, ở lâu sao được, chữa bao lâu liền bỏ chức về.

Quan đương-dạo muốn vời ông làm chức chủ-bạ, ông đã răn về việc trước từ chối không ra, ở nhà cày ruộng tự làm lấy ăn; khi nhớ bạn thì đọc câu thơ đình-văn, khi cảm-thời thì vịnh bài thơ vinh-mộc, nhân-thích thú-vị biết là chừng nào.

Phê-bình. - Sách Khốn-học kỹ-văn nói rằng các tiên-hiền để vịnh làng Lật-lý chỗ ông Đào ở cũng nhiều, duy có một bài thơ của Nhan Lỗ-công đời Đường, có lời cảm-khải, thơ rằng:

« Trương (3) nghĩ báo ân Hàn,

張良思報韓

Cung (4) thẹn thờ Ngụy-Tân ;

龔勝恥事新

Giết giặc không xong việc,

狙擊苦不就

Liều chết thương tằn-ngân ;

含生悲掩紳

Than ôi! Đào Uyên-Minh,

嗚呼陶淵明

Dối đời làm Tấn-thần ;

奕葉爲晉臣

Nghĩ mình nhà thế-gia,

自以公相後

Thương nước gặp hồi truân ;

每懷宗國屯

Niên-hiệu đề canh-ti,

題詩庚子歲

Hi-Hoàng khênh cái thân ;

自謂義皇人

Tay cầm quyền sách cổ,

手持山海經

Đầu đội một chiếc khăn ;

頭帶漉酒巾

Hứng cùng mây xa tít,

興與孤雲遠

Nghỉ theo chim về đàn.

辨隨還鳥氈

Bài thơ này chép ở trong Lưu-sơn ký, chứ trong tập Lỗ-công không thấy.

Chu-Tử có đề sau bài thơ Lỗ-công rằng: « Bài thơ Lật-lý của Nhan Lỗ-công thấy chép ở trong Lưu-sơn-ký, không đủ được cả toàn thiên, tuy vậy, nhưng đọc mấy câu trên đó cũng đủ biết được tâm hai ông, tỏ về nghĩa quân-thần vậy. Làng Lật-lý ở về phía tây bắc đất Nam-khang năm-mươi dặm, trong hang có hòn đá lớn, truyền là chỗ ông Đào khi say nằm ngủ, ta thường qua chơi đó mà cảm thương, có làm một cái quán Qui-khứ-lai ở gần đó, mỗi khi mùa màng đi thăm xem thì lại đến nơi đó, giữa cũi suối rừng, mở rượu mời khách, thường vẫn ngâm đọc bài thơ Lật-lý trên kia. »

Trong tập Tĩnh-tiết có bốn bài thơ tặng Trương-sa-công, có bài tựa rằng:

(1-2) Hai đời vua thái-cổ bên Tàu.

(3) Là Trương Lương, gia-thế làm quan nước Hàn.

(4) Là Cung Thắng, không chịu thờ nhà Ngụy-Tân là Vương Mãng.

Trường-sa-công với ta là họ, lẽ cùng là họ Đại Tư Mã. Có bản chép không có chữ tở, mà trong sách Tổng-thư và truyện Chiêu-minh thì đều cho Đào-Khẩn là tởng-tở. Sách Nam-sử lại nói rõ rằng Đào-liêm là tởng-tôn quan Đại Tư-Mã nhà Tấn là Đào-Khẩn. Sách Tấn-thư truyện Đào-Khẩn nói ông Khẩn có dảng-thiếp và-mười người, gia-đồng hơn nghìn người, trản-kỳ của báu giàu hơn kho nhà vua. Đến khi mất, các con không hòa-hiệp nhau, cùng giết lẫn nhau; truyền đến hai đời nhà bèn sa-sút; bài thơ tởng Trường-sa-công có nói rằng: «Đời chiêu-mục đã xa, coi nhau như người ngoài đường» Câu ấy là thương đau nạn nhà không nở nói ra vậy. Xem thế thì biết những họ người trong nhà cầm giáo giết nhau, thì dầu nhà cực-thịnh rồi cũng đến suy sút.

Thân-phụ ông Đào trong Sử không nói rõ, Lý Công-Hoán có chua ở bài thơ bảo con, dẫn lời gia-phả nhà ông Đào Mộng-Lân đời Tống nói rằng: Tên thân-phụ ông Đào-liêm là Đạt 達 làm quan thái-thứ đất Tư-thành, sinh ra năm con; mẹ là họ Mạnh, con gái Mạnh-Gia.

Người đời nay thường dùng tích năm cây liễu mà cho là điển-tích huyện lệnh thì sai. Ông Đào làm quan lệnh đất Bành-trạch, cách quê nhà đến trăm dặm, đất Bành-trạch há-tởng có năm cây liễu.

### 3 - Làm quan huyện Bành-trạch

Đào-công thể-chất vốn yếu, lấy sự cày ruộng làm khó nhọc, sau ra làm quan, có làm chức tham-quân thuộc về Trấn-quân Kiến-võ, thường phụng mệnh tướng Kiến-uy đi đến đất kinh-đô. Song bổng-lộc chức tham-quân không được là mấy, ông có bảo người bạn thân rằng: «Ta muốn mượn thú đàn hát để thêm giúp về việc tư-dùng trong nhà nên chăng?» Khi ấy ông có người chú là Quý làm chức Thái-

thường, mới nói với quan chấp-sự, cử cho làm quan lệnh đất Bành-trạch.

Khi ông phó-nhậm, được lộc công-diễn bao nhiêu đều cho giồng một thửa lúa nếp, định để nấu rượu, có nói rằng: «Ta thường được say-sưa luôn vì rượu là thú lắm!» Vợ con cố xin giồng thêm thửa lúa cánh, ông mới chia ra hai khoảnh ruộng, một phần năm-mười mẫu giồng lúa nếp, còn năm-mười mẫu giồng lúa cánh.

Khi ông tại chức quan vốn là người giản-ước tự trọng, không có đến yết riêng quan trên. Chợt một hôm trên quận sai kẻ đốc bưu đến, để-lại bầm phải bận cần đại ra yết-kiến. Ông than rằng: «Ta không thể vì năm đấu gạo lương, mà phải chịu uốn lưng trước kẻ tiểu-nhân chốn hương-lý!» Lập tức ngày hôm ấy cởi gả dây ấn bỏ chức mà đi về. Ông thường nói rằng: «Ta tưởng cái lợi công-diễn kia đủ giồng lúa để nấu rượu, nên mới cầu ra làm quan.» Thế thì ông ra làm quan chỉ thiết vì chén rượu, mong được gặt mấy thửa lúa nếp kia đem về để nấu lọc lấy rượu uống cho say là đủ thích chí rồi. Nhưng làm quan mới từ tháng tám đến tháng mười độ hơn tám mươi ngày, mà lập-tức lại trở về Lạt-lý ngay, thế thì năm mươi mẫu lúa nếp kia, đã được hột nào để chén đâu, thương thay!

Khi ấy tự huyện Bành-trạch về, có làm bài Qui-khứ lai-từ để tỏ ý. Lời từ dịch như sau:

### Qui-khứ-lai từ

歸 去 來 辭

歸 去 來 兮。  
田 園 將 蕪 胡 不 歸。

Ta về sao chẳng đi về,  
Bỏ quên cái thú nhà quê sao đành!

既 以 心 爲 形 役。  
奚 憫 悵 而 獨 悲。

Cái tâm làm tớ cái hình,  
Cớ chi mình xót-xa mình lắm thay!



悟已往之不可諫。  
知來迷途是而昨非。  
實覺今是而昨非。

Trước sau mình ngẫm mình hay,  
Xưa kia mình đại từ rày mình khôn.

舟搖搖以輕颺。  
風飄飄而吹衣。

Thuyền bông một lá con con,  
Áo bay phơ-phới phát con gió về.

問征夫以前路。  
恨晨光之熹微。

Trời đông chưa rạng bến mê,  
Hỏi ai thòp-thoảng đường kia lối nào?

乃瞻衡宇。載欣載奔。  
童僕歡迎。稚子候門。

Hành-môn thẳng nẻo đi vào,  
Tớ reo thầy khỏe, cháu reo ông về.

三徑就荒。  
松菊猶存。

Ngõ ba bề cỏ rậm rì,  
Cúc kia vẫn cúc, thông kia vẫn thông.

攜幼入室。有酒盈樽。  
引壺觴以自酌。眄庭柯以怡顏。

Năm ba hờ rượu còn không?  
Mắt trông cảnh biếc tay bông trẻ thơ.

倚南窗以寄傲。  
審容膝之易安。

Còng lưng mỗi gối khi xưa,  
Nam-song ngất-ngưỡng bây giờ là đây!

園日涉以成趣。  
門雖設而常關。

Vườn hoa ta dạo thàng ngày,  
Thềm hoa ta khép cánh máy gọi là.

策扶杖以流憩。  
時矯首而遐(1)觀。

Người già nhưng thú chưa già,  
Mắt xa còn tỏ, bước xa chưa chừa.

雲無心以出岫。  
鳥倦飛而知還。

Mây tuôn tựa núi tron-von,  
Chim bay mỗi cánh đã khôn tìm về.

景翳翳以將入。  
撫孤松而盤桓。

Mặt trời sắp gác non tẻ,  
Gốc tùng quanh-quần còn mê chưa dời.

歸去來兮。請息交以絕游。  
世與我而相遠。(2)復駕言兮焉求。

Ta về ta khỏi chiều dời,  
Ta khôn ta khéo với ai bây giờ.

悅親戚之情話。  
樂琴書以消憂。

Cung đàn quyền sách sớm trưa,  
Họ hàng quanh-quần chuyên trò đầu xa.

農人告余以春及。  
將有事於西疇。

Thợ cấy nó mách bảo ta,  
Xuân về rồi đó sắp ra xem cây.

或命巾車。或掉孤舟。  
既窈窕以尋壑。復崎嶇而經邱。

Gò cao suối mát xinh thay,  
Xe nay ta dạo, thuyền nay ta chèo.

木欣欣而向榮。  
泉涓涓而始流。

Trông cây trông suối mọi chiều,  
Cây sao xanh ngắt, suối sao sạch lừ!

羨萬物之得時。  
感吾生之行休。

Xem mẫu muôn vật mà ưa,  
Nghĩ con thân-thể mà ngơ-ngẩn lòng!

已矣乎。寓形宇內復幾時。  
曷不委心任去留。

Mảnh hình không có có không,  
Khử-lưu lòng dề bận lòng nữa chi!

胡爲乎遑遑欲何之。  
富貴非吾願。帝鄉不可期。

Đi đâu sắm-nắm mà đi,  
Giàu sang chẳng muốn, tiền thì khó mong.

懷良辰以孤往。  
或植杖而耘耔。

Ta quay về nghề canh-nông,  
Cổ vợ cho kỹ là công việc mình.

登東阜以舒嘯。  
臨清流而賦詩。

Có khi gò đồng dạo quanh,  
Ngẫm dòng nước biếc gửi tình-tình thơ.

聊乘化以歸盡。  
樂乎天命復奚疑。

Trăm năm phó mặc hóa-cơ,  
Đã vui chữ mệnh còn ngờ nổi chi.

TÔNG-VÂN dịch

(1) Văn-tuyền là 遊. (2) Văn-tuyền là 遠.

## Hựu thề

Đi về sao chẳng về đi,  
 Ruộng hoang vườn rậm còn chi không  
 Đem tâm để hình kia sai khiến, [về.  
 Còn ngậm-ngùi than-vãn với ai;  
 Ăn-năn thì sự đã rồi,  
 Từ đây nghĩ lại biết thôi mới là.  
 Lối đi lạc chữa xa là mấy,  
 Nay khôn rồi chẳng dại như xưa.  
 Con thuyền thuận nẻo gió đưa,  
 Gió háy-háy áo, thuyền lơ-lửng chèo.  
 Hỏi hành-khách lối nào đi tới,  
 Bóng mập-mờ trời mới rạng đông;  
 Miền quê nẻo trước xa trông,  
 Chân hăm-hở bước đường mong tới nhà.  
 Chạy đón chủ năm ba bầy tớ,  
 Đứng chờ ông mấy đứa trẻ con;  
 Rậm-ri ba khóm con con,  
 Mấy cây tùng-cúc hầy còn như xưa.  
 Tay dắt trẻ vào nhà mừng rỡ,  
 Rượu dàu đã sẵn chứa đầy vò;  
 Thoạt ngồi tay đã nghiêng hồ,  
 Cười nom sân trước thấp-tho mấy cảnh.  
 Ngồi riêu cợt một mình trước sỗ,  
 Khéo cũng hay vừa chỗ rung đùi;  
 Thăm vườn dạo thú hôm mai,  
 Cửa dù có, vẫn then cài như không.  
 Chống gậy dạo quanh vòng lại nghĩ,  
 Ngắm cảnh trời khi ghé trông lên;  
 Máy dùn mấy đám tự-nhiên,  
 Chim bay mỗi cánh đã quen lối về.  
 Bóng chiều ngã bốn bề bát-ngát,  
 Quanh gốc tùng tựa mát thanh-thời;  
 Từ đây về thực về rồi,  
 Thôi xin từ-tuyệt với người vãng-lai.  
 Vì ta đã với đời chẳng hiệp,  
 Cầu chi mà giao-thiếp với ai;  
 Chuyện trò thân-thích mấy người,  
 Bạn cùng đàn sách khi vui đỡ buồn.  
 Người làm ruộng ón-tồn hỏi chuyện,  
 Tới xuân rồi sắp đến việc ta;  
 Hoặc truyền sấm sửa cân-xa,  
 Hoặc khi đứng-dình thuyền ra coi đồng.  
 Dưới khe nọ nước vòng uốn-éo,  
 Bên đường kia gò kéo gập-ghehnh;  
 Cỏ cây mọc-mơn màu xanh,

Suối tuôn róc-rách bên ghềnh chảy ra,  
 Ngắm muôn vật đương mùa tươi-lót,  
 Ngán cho ta thời trót già rồi;  
 Thôi còn mấy nổi ở đời,  
 Khử-lưu sao chẳng phóng-hoài tự-nhiên.  
 Có chi nghĩ thêm phiền tắc dạ,  
 Thì đâu mà tất-tả với chi;  
 Giàu sang đã chẳng thiết gì,  
 Cung tiền chưa dễ hẹn kỳ lên chơi.  
 Chi bằng lúc chiều trời êm-ả,  
 Việc điền-viên vất-vả mà vui;  
 Lên cao hát một tiếng dài,  
 Xuống dòng nước chảy ngấm vài bốn câu.  
 Hình-thẻ này mặc dầu tạo hóa,  
 Tới lúc nào hết cả thì thôi;  
 Lòng ta phó với mệnh trời,  
 Đứng ngờ chi nữa cứ vui-vẻ hoài.

Từ-Long dịch

Nay ở huyện Hồ-khẩu phía đông ba-mươi dặm, còn có đài Ngoạn-nguyệt, truyền rằng khi ông Đào làm quan lệnh, sai đắp cái đài ấy để ngoạn-nguyệt. Phía nam đài ấy có Tây-mặc-tri, tự ông khai ra để làm ao rửa nghiên; phía nam huyện lại có Cửu-khúc-tri, cũng tự ông khai ra trước để làm chốn giảng sách, cùng với ông Lục Tu-Tĩnh, Châu Tục-Tri cùng tụ họp. Phía đông sau huyện có một khu trồng cúc là chỗ ông Đào để làm vườn cúc. Phía nam huyện An-phúc bốn-mươi dặm có gò Thư-cương, là chỗ ông Đào đọc sách. Ông làm quan có trong tám-mươi ngày mà thăng-tích còn lưu lại như kia, thực để mỗi di-tư cho thiên-cổ vậy.

Phê-bình. — Bài Qui-khứ-lai-từ có lời tựa rằng: « Chứ ta nghĩ ta nghèo-khò, mới cử cho ra trị một huyện-ấp nhỏ, vì khi ấy con phong-ba còn chưa tỉnh, lòng ta nản đi xa, nghĩ rằng huyện Bành-trạch cách nhà độ trăm dặm, lại sẵn có lộc công-diền đó đủ lấy thóc để nấu rượu, nên mới ra nhận chức. Được ít ngày thì đã buồn-bực có ý muốn về; bởi sao vậy? Đó là bởi cái tình-chất tự-

nhiên, không thể liều-cưỡng làm theo được ; tuy rằng đối rết thiết-thân, nhưng trái ý mình lại càng thêm ốm ; phải làm việc theo người, đều là bị miếng khâu-phúc nó sai khiến ; bởi thế ta mới buồn bực khát-khải, thẹn với cái chí bình-sinh của mình ; làm được một vài tháng liền cuốn gói trốn về, đi thăm tang em là Trinh-thị ở Võ-xương, tình thực như thế, nên phải bỏ chức mà đi, kể từ tháng tám đến tháng mười, làm quan mới được hơn tám mươi ngày ».

Tô Đông-Pha nói rằng : Tục truyền có kẻ thư-sinh vào xem sở công-khố thấy tiền mà không biết là gì. Có kẻ lấy làm lạ mà hỏi, anh thư-sinh nói rằng : Tôi vẫn biết nó là tiền, nhưng chỉ lạ rằng nó sao không đứng trong cái túi giấy ! Nay ta đọc bài Qui-khử-lai-từ của Uyên-Minh rằng : « Trẻ con đầy nhà, trong bình không chứa gạo ». Mới biết rằng lời tục-truyền là có chứng-thực ; nếu đứng gạo vào cái bình thì có được là mấy ; thế ra ông kia bình-sinh chỉ thấy đứng gạo vào trong bình đấy chẳng.

Tâm-lịch ông Đào xem thế thì đã rõ lắm ông đã nói rằng « Phải làm việc theo người, đều là bị miếng khâu-phúc nó sai khiến ». Ông đã biết thế sao không hay vong-tình chừa quách rượu đi. Nhưng phải biết rằng người ta ở đời phải có một cái gì kỳ-thác ; kỳ-thác vào một vật gì cũng là hay cả, lụy bậc cao-nhân cũng không tránh khỏi được. Cái công-phu trị mình có phải dễ đâu !

Truyền rằng ông Đào vì kẻ đốc-bu ở quận đến, lập tức ngày hôm ấy cỡi trả ấn đi về. Nhưng xét trong lời tựa của ông thì lại nói rằng vì có tang em là Trinh-thị nên phải bỏ đi đến Võ-xương để thăm, vì thế mới bỏ chức. Ta xét ra hai việc đó đều là nói thác ra cả ; vì ông Đào làm quan ở khi đời Tấn sắp mất, thế-đạo nhân-tâm không còn muốn hỏi đến nữa ; nữa là khi-tiết học-vấn, còn ai biết đâu mà dùng ; tâm-lâm cũng

chỉ nhọc mà vô-ích. Cái thuyết phải uốn lưng vì năm đấu gạo lương cũng là nói thác ra đó để mà trốn dấy thôi ; cũng như Trương Hãn như cảm gió thu mà như mùi thuốc-hoặc què nhà, liền bỏ quan về, đều là hạng người biết tiên-cơ mà bỏ đi trước vậy. Xem như trong lời từ có nói rằng : « Bông chiều ngả bốn bề bát-ngát, quanh gốc tùng tựa mát thanh-thời. » Lại câu : « Giàu sang đã chẳng thiết gì, cung tiền chưa dễ hẹn kỳ lên chơi. » Gẫm như những câu ấy thì ý ông khá biết vậy.

#### 4 — Tết Trùng-cử say vì cức

Đào-công đã về đến quê nhà, quyết chí không ra nữa. Cuối năm Nghĩa-hi có vời ông vào kinh, muốn cho làm quan Trước-lác-lang, ông không chịu nhận.

Trước kia có quan Thứ-sử Giang-châu là Đản-Đạo-Tế, vốn mộ tiếng ông Đào đã lâu, mới đi đến yết-kiến, thấy nhà cửa tiêu-diêu, năm quèo nhện dơi đã hai ba ngày. Đạo-Tế bảo rằng : « Kẻ hiền-giả ở đời, gặp khi thiên-hạ vô-đạo thì ẩn, gặp khi hữu-đạo thì ra. Nay nhà thầy sinh ở đời văn-minh sao lại chịu khổ như thế ! » Ông thưa rằng : « Tiềm này dấm dáu mong bằng người hiền, chỉ hãy còn kém lắm ». Đạo-Tế sai đem cho gạo thịt, ông xua tay đuổi ra.

Đến khi từ-chối chức quan huyện Bành-trạch trở về thì lại càng lánh người không muốn tiếp ai. Khi ấy có quan thứ-sử Giang-châu là Vương Hoảng mộ tiếng ông là bậc cao-minh, muốn cầu tương-thức, nhưng không thể mời đến được. Gặp khi ấy ông Đào sắp đến Lu-sơn chơi, Vương Hoảng mới hẹn riêng với người cố-nhân ông Đào là Bàng-Thông, đem rượu đón ở nửa đường gần làng Lật-lý. Ông Đào vì có cước-tật không đi được, mới sai một kẻ môn-sinh và hai đứa trẻ khiêng đá cho ông đi, đến nơi vui-vẻ cùng

mở rượu uống, một chốc Vương Hoảng cũng lại chơi, đôi bên không có điều gì trái ý cả.

Ông Đào vốn rất mộ cái danh tết Trưng-cửu, gặp khi mồng chín tháng chín, thu-cúc nở đầy vườn, mà rượu thì không có, đương ngần-ngờ trông đợi, có làm bài thơ rằng :

*Đời ngắn, lo thường nhiều,*

世短意常多

*Ngày vui được bao nhiêu!*

斯人樂久生

*Tháng ngày vì-vụ tới,*

日月依時至

*Tết này ai cũng yêu;*

舉俗愛其名

*Móc lạnh gió háy-hủy,*

露淒隕風息

*Trong suốt buổi trời chiều;*

氣徹天象明

*Yến bay mù tịt bóng,*

往燕無遺影

*Nhạn tới vắng-vắng kêu;*

來雁有餘聲

*Rượu rửa trăm lo sạch,*

酒能祛百慮

*Cúc vui cảnh già nhiều;*

菊解制頽齡

*Ngán chơ bác đồ kiết,*

如何蓬廬士

*Ngồi ngắm vận nước xiêu!*

空視時運傾

*Rượu cạn bầu: mồi-meo,*

塵爵恥虛罍

*Hoa tốt hương đưa vào;*

寒華徒自榮

*Một mình ngồi hát ngao,*

歛襟獨閒謠

*Tình buồn cảnh vắng teo!*

緬焉起深情

*Thành-thời vẫn là thú,*

栖遲固多娛

*Há lẽ chịu năm quèo.*

淹留豈無成

Vừa ngâm bài thơ xong, thì chợt thấy Vương Hoảng sai tên áo trắng đưa rượu đến, ông liền rót uống, say tit rồi trở về. Nay ở phía tây-nam đất Cửu-giang chín-mươi dặm còn có chỗ gọi là Vương-Hoảng-cương, truyền là một cái gò khi Vương Hoảng cho người đưa rượu đến đó.

Trước kia Nhan Diên-Chi có làm chức Công-tào ở hậu-quân Lưu Liễu, có từng ở đất Tầm dương, cùng với ông Đào chơi thân, sau trở về An-quận, qua làng Lật-lý, thường hằng ngày đến chơi với ông Đào; khi nào đến chơi tất là uống rượu rất say khi trở về có lưu lại hai vạn đồng tiền đưa cho ông Đào, ông Đào liền đưa cho anh hàng rượu tất cả, để thỉnh-thoảng lấy rượu uống. Vương Hoảng thường muốn đón Nhan Diên-Chi qua chơi, Diên-Chi không thèm đến, thà rằng lưu-liêu chơi ở nhà một bác bàn-sĩ. Chi-khi ông ấy cũng khác hẳn người, nên mới hay cùng ông Đào cùng thưởng-thức ở ngoài phong-trần vậy.

Ông Đào không hiểu biết âm-luật, nhưng vẫn có một cái đàn không dây, mỗi khi chén say, thì liền cầm lấy vỗ chơi để thác ý, thực là được thú riêng trong đàn, chứ có cần chi tiếng trên dây, không kỳ kể sang người hèn đến chơi hễ có rượu thì bày ra uống, nếu ông say trước, thì bảo khách rằng: «Ta say rồi buồn ngủ, bác hãy về!» Tính-khi ông chân-suất thực-thà như thế.

Đào-công thích về rượu thực là thần-tinh khế-hợp, trong tập văn ông có nhiều bài thơ uống rượu; nhưng vì nhà nghèo lại không hay thường có rượu, lại không thường được rượu ngon, ông thường kết bạn uống rượu với những kẻ ngư-liều điền-dã, ngồi ngay ở khoảng rừng cây mà uống, hễ hứng-thú đến, tự-biệt có thú vui chứ chẳng nề chi cả. Ông thường nói rằng: «Ta nhàn-cur không lấy gì làm vui, gặp lúc

dèm thu canh dài, nếu được rượu ngon thì không đêm nào chẳng uống, một mình một bóng, không biết rằng say; sau khi say rồi thì lại ngâm đề vài câu đề làm vui, nên có nhiều bài văn thơ chẳng cứ sắp đặt thứ-tự gì cả, hoặc gặp người cổ-nhân mượn viết ra đề mua cười làm vui mà thôi». Nay xem có đến hai mươi bài thơ uống rượu, hoặc bàn tách danh-lý, hoặc cảm-khái thời-sự, ý-tứ hồi-hoàn, ký-thác sâu-xa, há phải là người say làm được đâu; những kẻ say ở trên đời vẫn tự nghĩ mình là tỉnh; mà người tỉnh kia bắt-đắc-dĩ lại mượn đến tiếng say, ở vào cái khở-cảnh ấy, xưa nay có phải một ông Đào Uyển-Minh đâu!

Ông Đào có những bài thơ âm-tửu, lại có bài thơ chỉ-tửu nữa, thơ rằng:

Ở chỉ quen thú quê,  
居止次城邑  
Chơi chỉ ưa nhàn-tịch;  
逍遙自閒止  
Ngồi chỉ dưới bóng cao,  
坐止高蔭下  
Đi chỉ trong cửa sạch;  
步止筆門裡  
Ngon chỉ thích rau vườn,  
好味止園葵  
Vui chỉ vui con nít;  
大歡止稚子  
Duy chẳng chỉ được rượu,  
平生不止酒  
Chỉ rượu còn gì thích;  
止酒情無喜  
Tối chỉ ngủ chẳng yên,  
暮止不安寢  
Sớm chỉ dậy chẳng được;  
晨止不能起  
Muốn hằng ngày chỉ luôn,  
日日欲止之  
Ngây-dại chỉ thêm mệt;  
營衛止不理  
Chỉ đi nghĩ buồn tênh,  
徒知止不樂

Nào hay chỉ có ích;  
未知止利已  
Nếu biết chỉ là hơn,  
如覺止爲善  
Sớm nay ta chỉ quách!  
今朝真止矣  
Đã chỉ hẳn được rồi,  
從此一止之  
Cõi tiên chỉ bay lít;  
將止扶桑淡  
Chỉ trở lại dung-nhan,  
清顏止宿容  
Há chỉ muôn năm lịch.  
奚止千萬祀

Bài thơ trên này ý bảo rằng mọi việc đều hay cấm-chỉ được cả, duy việc rượu thì không thể nào chỉ được. Nếu hay hóa cánh bay lên tiên lia hẳn cõi đời, thì mới có thể chỉ được rượu mà thôi. Thế thì đầu đề tuy là chỉ-tửu, mà kỳ-thực là khuyến-tửu vậy.

Phê-bình. -- Bài thơ chỉ-tửu sáu câu trên nói rằng: Ngồi chỉ dưới bóng cây, thì có cần gì nhà cao cửa rộng. Đi chỉ trong cửa sạch, thì có hám gì những điều danh-lợi ở chốn thị-triều. Ngon chỉ thích rau vườn, thì có thèm gì miếng đĩnh-chung. Vui chỉ vui con nít, thì có thích gì mùa khéo hát hay. Như thế thì ông đã chỉ hết được mọi điều, duy không hay chỉ được rượu mà thôi. Còn từ câu: « Nếu biết chỉ là hơn » trở xuống sáu câu, trước kia giải nghĩa cho là ông hay chừa rượu, nhưng kỳ-thực là ông nói khời-hài, giọng văn mỉa-li phiếu-diệu, vẫn không phải là chừa rượu. Nếu giải nghĩa theo chính ý cho là chỉ-tửu, thì bị ông Đào nói lừa vậy.

Ông Đào sinh đương buổi biến-cách, súc-mục buồn-rầu, đối cảnh thờ-than, không thể làm thế nào được, mới thác lần vào làng say; nhưng sớm hôm vẫn thức-nhấp đau lòng, chẳng dám trê-biêng, cái tỉnh của ông không thể kịp được, mà cái say của ông cũng chẳng thể

kip được, hồ-đế đã bắt-chước được dân. Mã-Viên nói rằng : « Bắt-chước về hồ không thành, không khéo lại giống con chó » Hán Võ-đế nói rằng : « Chữa ăn gan ngựa, chữa biết được đến mùi ngon ». Muốn bắt-chước cồ-nhân thì trong tâm mình phải có cân-nhắc mới được.

### 5. — Thác ý truyện Đào-nguyên

Ông Đào thấy vương-nghiệp đời nhà Tống thịnh dần lên mãi, không muốn ra làm quan; hễ có làm bài văn-chương nào về trước năm Nghĩa-hi (niên-hiệu vua An-đế nhà Tấn), thì viết rõ niên-hiệu nhà Tấn; còn từ năm Vĩnh-sơ (niên-hiệu Võ-đế nhà Tống) trở về sau, chỉ viết hai chữ can-chi giáp-tí mà thôi, chứ không đề niên-hiệu nhà Tống. Cũng như là Trần Hàm đời Hán không chịu thần-phục Vương Mãng, mà tiết chấp vẫn cứ theo lịch nhà Hán. Kẻ trung-thần nghĩa-sĩ gặp đời tiếm-loạn, không thể làm thế nào được, mới phải dùng cách ấy để tỏ chí mình, ôi, cũng đáng thương thay!

Ông Đào có làm bài Đào-nguyên-ký, chừng vào hồi sau khi nhà Tấn đã mất rồi chẳng, không thể thì lời văn sao mà tỏ ra ý chán đời lắm vậy? Lời nguyên-văn rằng:

« Trong khoảng năm Thái-nguyên (niên-hiệu Tấn Võ-đế) nhà Tấn, có người đất Võ-lãng vốn làm nghề-nghiệp đánh cá, thả chài theo ngòi nước bơi đi, quên mất không biết đi gần hay xa, chợt trông thấy rừng hoa đào, giáp đôi bên bờ, quá vào trong rừng và trăm bước, không có cây gì khác, cỏ thơm ngào-ngạt, hoa đào rụng rơi-bời. Ngư-phủ lấy làm lạ, lại đi lên, muốn đi hết cánh rừng đào xem sao, hết cánh rừng thì có ngòi nước, lại có một trái núi, sườn núi có một cái cửa hang nhỏ, thấp-thoáng hình như có bóng sáng, Ngư-phủ mới bỏ thuyền theo cửa hang đi vào; lúc mới vào thì cửa hang

rất hẹp, chỉ vừa người đi lọt, đi độ vài mươi bước, thì thấy khai ra rộng-rãi sáng-sủa, có một khoảng đất bằng-phẳng không-khoảng, nhà cửa san-sát, có ruộng đẹp ao sâu, có trồng các thứ cây tre cây dâu, đường lối giao-thông liền nhau, tiếng gà tiếng chó nghe vắng-vắng. Những người trai gái ở trong ấy đi lại làm ăn trồng-trọt, lối áo mặc cũng giống hệt như người ngoài, ông già trẻ con vui vẻ tự-đắc. Thấy chàng Ngư-phủ vào cả lấy làm kinh-dị, hỏi lai-lịch từ đâu mà vào, Ngư-phủ kể lại đầu đuôi, bèn mời về nhà, giết gà làm rượu thết đãi. Người trong thôn ấy nghe có khách lại chơi, đều đến hỏi han. Họ tự nói rằng vì tiên-thế khi xưa gặp phải đời loạn nhà Tấn, mới đem vợ con và người làng đi tị-loạn, vào lánh ẩn ở nơi tuyệt-cảnh này, không ra chi nữa, cách-biệt hẳn với người ngoài; đời này là đời nào, không biết rằng có đời Hán, còn biết đâu là có đời Tấn đời Ngụy nữa. Ngư-phủ đều kể lại cho nghe, ai nấy đều than-thở; rồi mọi người đều mời đến nhà chơi, bày rượu thết đãi. Ngư-phủ lưu ở chơi và ngày, rồi cáo-từ ra về. Người trong đồng dặn rằng : « Chẳng có gì nên nói cho người ngoài biết. » Ngư-phủ đi ra, lại tìm lấy thuyền, theo đường bơi ra, qua những dâu đều để ý ghi nhớ. Khi về đến phủ, vào thuật chuyện cho quan Thái-thủ biết. Quan Thái-thủ lập-tức sai người theo đi dò đường cũ mà vào, nhưng quên mất đường Ông Lưu Tử-Ký ở Nam-dương là người cao-thượng, nghe chuyện, hân-nhiên muốn đi đến tận nơi; song chữa kịp đi thì mất. Từ đó về sau không ai hỏi thăm đến nơi cả ».

Núi Lư-sơn cảnh-tri đẹp nhất, những người tị-thế hay về ẩn ở đó. Làng Lật-lý nơi ông Đào ở thì gần ngay ở chân núi ấy; mà đồng-thời lại có ông Lưu Di-dân (tên Trình-Chi người Bành-thành), Châu Tồ-đạo (tên Tục-Chi người Quảng-võ), đều giữ cái tiết-tháo

cao thượng, ông Đào cũng thời-thường cùng với các ông ấy đi lại tặng-đáp thơ-từ, người đời xưng là Tầm-đương tam-ẩn 潯陽三隱.

Huệ Viễn 惠遠 là một vị sư ở núi Lư-sơn, người đời vẫn gọi là Viễn-công, tu ở chùa Đông-lâm, có lập ra Liên-xã 蓮社, chúng vào hội đến một trăm hai-mươi ba người. Lưu Di-dân với Châu Đạo-tổ cũng dự vào hội xã ấy. Nghe tiếng ông Đào là người cao-thượng khoáng-dật, muốn mời vào hội. Viễn-công có viết thủ thư mời ông Đào. Ông Đào trả lời rằng: « Cho ta uống rượu thì xin vâng ». Sư Viễn cũng ừ, ông bèn đến dự hội, chữa được bao lâu phải cau mày mà lui về.

Đời Lục-triều nhiều người tôn-chuộng đạo Phật đạo Lão, những kẻ sĩ cao-minh lại hay đào-Thiền (1), mà người đời cũng không ai chê-bác gì cả. Duy ông Đào thì không thế, nên mới không dự vào Liên-xã của sư Viễn, thác lấy cái cốc uống rượu mà lui ra, cũng là bịa dối ra vậy. Cái lý-tưởng bình-sinh của ông thấy ngụ-ý ở bài thơ *Hình ảnh tương tợ* với bài thơ *Thần thích*, đại-ý cho rằng người đời chỉ mê-hoặc tham-tiệc về sự sống, nên mới tả rõ cái cảnh khổ của hình với ảnh ra, mà lại lấy lời thần tự-nhiên giải-thích ra cho biết. Lời hình lặng ảnh rằng: « Xin bác nghe lời tôi 願君取吾言。 được rượu chớ có từ 得酒莫苟辭。 » Ảnh đáp lại hình rằng: « Làm thiện để tiếng lâu 立善有遺愛。 sao chẳng cố hết sức? 胡爲不自竭。 » Đó là cái hình phải lụy về nuôi mồi mà muốn uống rượu; mà cái ảnh thì lại ham về danh mà muốn cầu lấy tiếng khen; đều là tham tiếc về sự sống cả. Vậy nên lại mượn lời thần mà giải-thích ra rằng: « Say quá hoặc quên đi 日醉或能忘。 chửa phải là giảm thọ 將非促齡具。 » Đó là giải rõ rằng chắm về

duỡng-hình cũng là lụy. Lại rằng: « Làm thiện vẫn là vui 立善常所欣。 nhưng ai khen cho mày 誰當爲汝譽。 » Đó là giải rõ rằng vương về cái danh cũng là bận-bịu. Tuy giải-thích ra như thế cũng phải; nhưng còn phải đề ý nghĩ đến sự giảm-thọ và sợ không tiếng khen; không biết rằng uống rượu mà cầu được thọ, làm thiện mà cầu cho người khen, thì cái thân mình cũng vất-vả theo đuổi mãi biết đến bao giờ cho cùng được. Lại phải giải cao lên một bậc nữa mà rằng: « Phóng túng trong bầu trời, 縱浪大化中。 chẳng mình cũng chẳng sợ; 不喜亦不懼。 Số tận thì cùng tận 應盡便須盡。 cần chi mà tư lự 無復獨多慮。 » Đó mới thực là không vì sự sống chết họa-phúc động được đến tâm mình, chỉ thái-nhiên hòa-thuận, để cho thân mình được tự-nhiên, thực là hay đạt được lẽ sinh mà vượt ra ngoài đời vậy. Há phải những bọn sư-mô trong Liên-xã suốt ngày niệm A-di-đà-Fật để cầu siêu-sinh tĩnh-thở, hay biết được cái lẽ siêu-tuyệt ấy đâu!

Phê-bình.— Các nhà Thi-nhân đời sau, thấy ông Đào có bài Đào-hoa nguyên-ký, lại làm ra bài Đào-nguyên-hành, nhận ngay chốn Đào-nguyên là cõi tiên, mà khen tán mãi cảnh nhà tiên vui-thú. Duy có ông Hàn Xương-Lê nói rằng: « Có không mờ mịt truyền thần tiên, hoang-đường khéo bịa thuyết Đào-nguyên; chân nguy nào ai hay biết được, Võ-lăng người ấy nay còn truyền. » Nhưng cũng không bằng cái ý ông Đào sở-di làm bài ký. Nay xét xem trong truyện Đào-nguyên, chỉ cốt là đi tránh loạn nhà Tần, không biết đâu là có đời Tấn đời Ngụy, đó là ngụ-ý trở vào đời Lưu Dụ, mà nói thác ra đời Tần đó vậy.

Nếu hiểu được lẽ như trên thì mới biết được cái ý ông Đào sở-di làm bài

(1) Ham-mê lánh về cõi Phật.

kỳ, thực là rõ-ràng lắm. Đời sau lại nhận cái núi Đào-nguyên ở cách phía nam huyện Đào-nguyên (thuộc Hồ-nam) mười dặm, bảo rằng phía tây-bắc núi ấy là dòng sông Nguyên-thủy, phía nam có núi Chương-sơn, phía đông vòng khe Sao-la, chu-hồi ba-mươi-hai dặm, tức là Hào-hoa-nguyên. Lại bảo rằng người Ngự-phủ ấy họ Hoàng 黃, tên là Đạo-Chân 道真; quan Thái-thủ khi ấy tên là Lưu-Hâm 劉歆, (Lưu Hâm người đời Tấn, khác với Lưu Hâm đời Hán là con Lưu-Hướng.) Nói như thế là muốn tìm cho đích nơi Đào-nguyên và có tên họ người đích-thực, thực là xuyên-tạc phụ-hội đáng buồn cười!

Sách Tống-thư Nam-sử chưa nghĩa các bài văn-tuyên bảo rằng những bài thơ ông Đào làm về hồi đời Tống, có ghi năm chỉ đề giáp-ti mà thôi. Nay những bài thơ của ông làm mà có đề can chi giáp-ti, thì từ năm canh ti đến năm bình-thìn, trong khoảng mười-bảy năm chỉ có chín bài thơ mà thôi, mà đều làm từ đời vua An-đế nhà Tấn. Tự-trung có năm ất-tị hồi tháng ba, ông có làm Kiến-uy tham-quân đi vào sứ kinh-đô, khi qua Tiền-kê có làm một bài thơ; mùa thu năm ấy thì ông làm quan lệnh Bành-trạch, làm quan được hơn tám-mươi ngày thì cởi trả dây ấn về; sau mười-sáu năm là năm canh-thân, nhà Tấn phải truyền ngôi, thì mới chính là đời vua Tống Cung-đế, năm Nguyên-hi thứ hai. Lễ nào trước khi nhà Tấn chữa truyền ngôi cho nhà Tống trong hai-mươi năm, đã có điều gì là then thờ hai đời vua, mà ông có làm bài thơ nào chỉ đề can-chi giáp-ti đề tự-lập-di ra đâu. Những nhà làm Sử như là Thâm Ước, Lý Diên-Thọ, Lý Thiện mọi người đều không xét rõ cái ý ấy.

Châu Tục-Chi khi ấy cũng xưng là bậc cao-ân; nhưng lúc vua Cao-tổ đi đánh phương bắc, vị thế-tử lưu Kinh-cư-thủ,

có đón Tục-chi đến ở chùa An-lạc, giảng lễ đến hơn một tháng; khi Cao-tổ lên ngôi, cho vời ông ấy đến ở ngoài Đông-quách. Xem thế thì vẫn chưa tạ-tuyệt được hết thế-lợi, sao đã gọi là cao được.

Lưu Trinh-Chi thường làm quan Lệnh Sài-tang, trong tập thơ ông Đào vẫn gọi là: « Lưu Sài-tang » chính là ông ấy. Tạ An, Lưu Dụ khen là người hiền, cùng tiến-cử lên, mà ông đều cố từ chối. Dụ cho là người không chịu khuất, mới tinh-biền ở cửa nhà ông ấy gọi là bậc « Di-dân ». Nhân-phẩm vốn là cao hơn họ Châu. Nhưng tiếc lại đam về đạo Phật quá.

#### 6. — Dạy con

Ông Đào dạy con rất là thân-thiết, soi với cái lòng phóng-khoáng khi ngày thường, hình như thể hai người. Xem đó thì biết ông Đào mà làm ra phóng-khoáng, là bởi gặp phải cái cảnh nó xui nên thế, chứ không phải là bản-tâm vậy. Khi ông làm quan ở Bành-trạch, không có mang con cái đi theo, lại cho một tên Lục ở lại nhà giúp con, có tờ thư dặn rằng: « Công việc phi-tồn khi sớm hôm, các con tự làm lấy cũng khó-nhọc; ta cho tên Lục trở lại giúp việc cũi nước khó-nhọc cho các con đấy, nó cũng là con người ta, nên dãi nó tử-tế ». Lòng ông từ-thiện dễ-dàng, ở dưới nghìn năm còn có thể biết được, xem như lời ông dạy con thì ý-tử thật là sâu-xa.

Khi ông ba-mươi tuổi thì người vợ cả mất, người vợ kế là họ Địch 翟, cũng đồng một chí-thú như ông, hay an-tâm khổ-tiết, chồng cây đi trước, thì vợ bừa theo sau, cùng chịu khó làm ăn, có năm người con: 1<sup>o</sup> Thư-Nghiêm 舒儼, 2<sup>o</sup> Tuyên-Sĩ 宣俟, 3<sup>o</sup> Ung-Phần 雍份, 4<sup>o</sup> Đoan-Dật 端逸, 5<sup>o</sup> Thông-Đông 通佟. Gọi tắt là: Nghiễm



(tên tự là Cầu-tư), Sĩ, Phần, Dật, Đông. Nghiễm là con người vợ trước. Còn Sĩ trở xuống đều là bà Dịch-thị sinh ra.

Những bài thơ dạy con, là khi ông Đào ba-mươi tuổi trở về trước làm ra, chuyên đề dạy tên Nghiễm, có câu rằng: « Bói được ngày tốt, xem được giờ lành; tên con là Nghiễm, tên tự Cầu-tư; kinh răn sớm tối, nghĩ đó chớ dờ; học đòi Khổng Cấp, may mới kịp người ».

Lại có bài thơ trách con rằng:

Tóc bạc rủ hai chòm,

白髮被兩鬢

Da-thịt đã chẳng chắc;

肌膚不復實

Tuy có năm con trai,

雖有五男兒

Đều chẳng ham giấy bút;

總不好紙筆

Thằng Thư đã hai tám,

阿舒已二八

Lười-biếng chẳng ai kịp;

懶惰故無匹

Thằng Tuyên tuổi mười lăm,

阿宣行志學

Học-thuật cũng chẳng thiết;

而不愛文術

Ung, Đuan tuổi mười ba,

雍端年十三

Chẳng biết chữ lục thất;

不識六與七

Thằng Thông vừa chín tuổi,

通子垂九齡

Chỉ tranh lê và lật;

但覓梨與栗

Vận trời xui nên thế,

天運苟如此

Thôi ta chén say tuýt!

且進杯中物

Hoàng Sơn-Cốc bàn rằng: « Xem bài thơ của ông Đào như trên thì biết ông là người hiền-lành mà hay có tính hi-hước. Thế-tục lại bảo rằng ông buồn về các con đều bất-tiểu, nên mới than thở ra lời thơ như thế vậy ». Song phải biết rằng ông Đào là người khâm-hoài khoáng-đạt, vượt ra ngoài cõi trần; các con đại-khái là hạng người tư-chất trung-thường, ông có ý kỳ-vọng thám-thiết, đối với con có điều gì bất-mãn-ý, thì ông làm ra lời biếm-trách để răn đó thôi. Chử như Ung, Đuan mới mười ba tuổi, Thông mới lên chín tuổi, được nghe lời giáo-dục trong gia-đình còn thiển, sao đã vội cho là bất-tiểu được.

Lại còn một cái thư răn dạy lũ con là Nghiễm, để làm lời di-huấn rằng:

« Bảo cho Nghiễm, Sĩ, Phần, Dật, Đông: Trời đất phú-mệnh cho con người ta, sống phải có chết; xưa nay thánh hiền không ai tránh khỏi được. Tử-Hạ có nói: « Chết sống có mệnh, phú-quí ở trời ». Bốn người bạn (1) trong cửa Khổng, ai cũng nghe lời dạy như thế; nay phát ra lời nói ấy, chẳng phải là coi sự cùng đạt, thọ yểu, vốn là tự-nhiên, không phải cầu-cạnh ở ngoài đấy ư? Ta tuổi quá năm mươi, khi nhỏ vốn cùng-khổ; vì cảnh nhà nghèo phải bôn-tẩu đông tây; song vì tính cương, tài vụng, hay trái ý người, tự-lượng mình như thế, không khỏi mắc hoạn-nạn, nên mới từ chối việc đời, khiến cho lũ chúng con khi nhỏ phải chịu đói rét.

(1) Bốn người bạn là thầy Hôi, thầy Tư, thầy Sư, thầy Do, không có thầy Tử-Hạ. Nhưng thầy Tử-Hạ cũng đồng một hàng ấy.

Ta thường nhớ đến lời người vợ hiền của Nho-Trọng (1) mà ta cảm-dộng, dành chịu, nghèo ốm cái chần nát, chứ cũng chẳng thẹn vì lũ con, việc ấy thôi đã dành rồi. Chỉ giận rằng gần không có láng-diềng tốt như Nh.-Trọng (2) trong không được người vợ hiền như Lai-phụ (3), ốm cái khô-tâm ấy, tự lấy làm hồ-thẹn !

Ta khi xưa học đàn đọc sách, vốn yêu nhân-linh, mỗi khi xem sách được câu thú-vị, thì vui thích quên cả \*an. Lại khi trông thấy bóng cây rườm-rà, các thứ chim đến mùa thay đổi nhau hót, ta cũng hớn-hở vui mừng. Thường khi tháng năm tháng sáu, nằm khểnh dưới cửa sổ phía bắc, chợt gặp cơn gió mát đưa lại, thì tưởng chừng như mình là người đời Hy-Hoàng trở về trước. Ý-thức nông hẹp, ta vẫn tưởng cái thú ấy giữ được lâu. Nào ngờ ngày tháng vụt qua, cuộc đời cơ-xảo khác thường, hồi nghĩ lại thủa trước, bàng-khuàng biết chừng nào !

Từ khi ta yếu đau đến giờ, cũng suy kém dần; kẻ thân-cổ vẫn không bó

quên ta, thường đem cho thuốc-thang để cứu chữa ; song ta tự nghĩ phận-mệnh vốn có chừng vậy. Lũ các con trẻ dại, nhà nghèo, thường phải phục-dịch khó-nhọc về việc củi nước, bao giờ cho tránh khỏi được ; trong tâm lúc nào nghĩ đến, chẳng biết nói sao !

Lũ các con tuy không cùng một mẹ, nhưng phải biết cái nghĩa bốn bề đều là anh em. Bão-Thúc, Quán-Trọng khi xưa, cùng chia của cho nhau mà không ganh-tị ; Qui-Sinh với Ngũ-Cử bạn thân, gặp nhau cùng ngồi bãi cỏ nói chuyện cũ ; vì biết nhân-yêu nhau, nên mới hay nhân lúc láng-bại mà lập thành công-nghiệp. Người ngoài ở với nhau còn như thế, huống-chi đều là con cùng một cha sinh ra. Xưa kia Hàn Nguyên-Trưởng người đất Dinh-trường, là kẻ danh-sĩ cuối đời Hán, mình ở chức Khanh-tá, tám-mươi tuổi mới mất, mà anh em vẫn đồng-cư đến suốt đời. Kỷ Tri-Xuân người đời Tấn, là người có tháo-hạnh ở đất Tế-bắc, bảy đời đồng-tái cùng ở với nhau, mà không có điều gì oán-giận. Kinh Thi rằng :

(1) Hán-thư : Vương Bá tên tự là Nho-Trọng, vốn giữ tiết cao-àn, đời vua Quang-Vũ vời ra làm quan, không chịu ra. Nho-Trọng có bạn với người đồng-quận là Lệnh-Hồ Tử-Bá. Sau Tử-Bá làm tướng nước Sở, mà con thì làm chức công-tào ở quận. Tử-Bá có sai con đem thư cho Nho-Trọng. Khi ra về rồi, Nho-Trọng ra dáng buồn rầu, nằm mãi không trở dậy. Vợ mới hỏi có sao ? Nho-Trọng nói : « Ta vừa thấy con anh Lệnh-Hồ ăn mặc lịch-sự, cử-chỉ đứng-dẫn ; mà trông lại con mình thì đầu bù răng hỏ, chẳng biết phép-tắc gì cả, làm cho mình thẹn mặt, phụ-tử ân-thâm, nghĩ càng thêm buồn ! » Vợ nói rằng : « Ông vẫn giữ lấy thanh-tiết, chẳng thêm gì vinh-lộc ; nay bác Tử-Bá quan sang, có bằng cái cao-tiết của ông không ? Ông tự mình chịu cần-khò, thì con nó phải đi cấy để phụng-dưỡng ; đã cần-lao thì phải chịu đầu bù răng hếch có can chi ; sao ông vội quên cái chí-khí khi xưa, mà thẹn vì lũ con trẻ ! » Nho-Trọng nghe nói đứng phắt dậy cười mà rằng : « Á thế ư ! » Hai vợ chồng cùng nhau đi ăn-dọn suốt đời.

(2) Nhị-Trọng là Cầu-Trọng, Dương-Trọng hai người cao-sĩ.

(3) Liệt-nữ truyện : Ông Lão-Lai nước Sở cùng vợ đi ăn, cây ruộng ở phía nam núi Mông-son. Vua nước Sở muốn đón ra trao cho giữ quốc-chính. Vợ nói rằng : « Thiếp tôi nghe rằng : Người ta khá cho mình rượu thịt, thì khá liền cho mình roi vọt ; khá ban cho mình quan-lộc, thì khá trị tội mình bằng búa rìu. Nay tiên-sinh nếu nhận rượu thịt của người, chịu quan-lộc của người, thì người ta hay kiểm-chế mình được. Ở đời loạn mà bị người ta kiểm-chế, thì có tránh khỏi tai-vạ không ? » Lão-Lai bèn cùng vợ đi đến đất Giang-nam cùng ăn.

« Núi cao ngửa đá mà trông, đường thành-thang đá nẻo thông đi về ». Tuy không hay kịp bằng người trước, nhưng vẫn chí-tâm mong mỏi. Các con nên cẩn-thận đó, ta chẳng phải nói lầm. »

Phê-bình. — Xem cái tờ di-huấn của ông Đào dạy con như trên, thì thực là một bài thực lục, tỏ ra cái thực-lực học-vấn suốt đời ông vậy. Phạm cảnh cùng đạt, thọ yểu, ông đều coi như không; nên hay cư-xử một cách nhiệm-chân, đều là thiên cơ lưu-lộ cả. Đoạn cuối ông khuyên miễn lấy cách xử với anh em cho khéo, cũng là cái chí-linh không thể im đi được. Đọc lời văn ấy thực là chân-khi chứa-chan!

Ông Đào là người cao-đạo giữ lấy sạch mình, chí-thú siêu-khoáng, coi việc đời không thêm để bận đến lòng. Duy có đối với các con thì ông lại dạy dỗ cần-quyền, thế thì ông cũng vốn là người trong lý-học vậy. Ông đã hay hậu-thê ở mình, mà đời đối-đãi lại thì bạc, chắc là con cháu ngày sau cũng có người phát-đạt. Xem như Lương-Thư có nói: An-thành-vương Tú khi làm Thứ-sử Giang-châu. Quan Thứ-sử trước có lấy một người lẳng-tôn ông Đào cho làm chức Lý-tư. Ông Tú than rằng: « Đức ông Đào như thế, lẽ nào lại không còn để đến đời sau! » Lập tức ngày hôm ấy cho ngay lẳng-tôn ông Đào làm chức Tây-lào-duyện. Người Viên-giao ông Cam Trạch-Đạo nói rằng: « Đào Nghiễn cũng là con cháu sau ông Đào, năm Khai-nguyên có làm nhà ở núi Côn-sơn ».

Thơ Đỗ - Phủ rằng: « Đào Tiềm tránh cõi tục, mà cũng chưa đạt đạo; xem như những bài thơ, có ý giận khờ-cảo; đạt-sinh há cần gì, sao không hay sớm hiểu; con nó hiền hay ngu, can gì bận hoài-bảo ». Ông Đỗ cho ông Đào dạy con là bất-đạt, không phải lời chỉ-luận vậy.

### 7. — Bài văn tự viếng mình

Sách sử Cương-mục, ông Chu-lữ về năm Nguyên-gia thứ tư, đời vua Tống Văn-đế, có đặc-cách chép rằng: « Tấn trung-sĩ Đào Tiềm tốt 晉徵士陶潛卒 ». Thư-pháp nói rằng: Ông Tiềm mất ở đời nhà Tống, sao lại chép là đời nhà Tấn? Nhưng không biết ông Tiềm thủy chung vẫn là người nhà Tấn, suốt trong sách Cương-mục chỉ có một người ấy mà thôi. Nhà Tống sắp vờ ông ra, mà ông Đào liền mất, đó là trời cũng muốn để ông trọn vẹn làm bậc hoàn-nhân vậy.

Ông Đào khi sáu-mươi-ba tuổi, tự biết mình chẳng dậy được nữa, có làm sẵn bài văn-ca, và bài văn tự tế mình. Thế thì ông đã đạt về cái lẽ sống chết nó như thế nào vậy. Lời văn rằng:

« Duy, năm đinh-mão, (Nguyên-gia năm thứ tư), đúng luật Vô-dịch (tháng chín), trời rét, đêm dài, phong-khí xò-xạc; hồng nhận vắn-vơ, cỏ cây lác-đác; Đào-tử sắp từ-bỏ nơi nghịch-lữ, trở về nơi bản-trạch. Cổ nhân đều xót-thương. Đêm nay cùng tiễn-biệt; bày thức rau ngon, rót chén rượu sạch; đợi khi tắt nghỉ, nghe hơi đã tịch; thon ôi thương thay!

« Mông-mênh khối đất, lộng-lẫy bầu trời, sinh ra muôn vật, ta được làm người; ta sinh làm người, nghèo kiết cả đời; rá không bầu cạn, áo rách lả-toi; rượu sông nước lã, hát ngao đi cày; cửa sài hẻo-lánh, vui ta đêm ngày.

« Xuân-thu thay đổi, chăm việc canh-nông; trồng cây đắp năm, tươi tốt những mong; sách vui thú sẵn, đàn võ dịp không; đông hong bóng nắng, hè tắm suối trong; cần-lao chẳng quản, nhàn rồi chơi ngóng; vui trời yên phận, trăm năm là cùng.

« Trăm năm cõi đời, ai cũng ham chơi; sợ không thành-nghiệp, bỏ phí đời người; trán-trọng tham tiếc, chết còn hời ôi! Song ta chẳng thế, khác

hắn mọi người; vinh ta cũng mặc, nhục ta chẳng rầy; ngất-ngưỡng xô nhà, thơ rượu tít say.

«Đã hay vận-mệnh, ai chẳng luyện-quyển; ta nay thác đi, đành không ân-hận; thọ gần trăm tuổi, thân vốn ân-độn; già rồi chết đi, nào có tham luyện.

«Rét nắng thay đổi, chết khác lúc còn; họ hàng thương viếng, bè bạn thăm nom; chôn ra giữa đồng, để yên cái hờn; ta đi yên giấc, cửa mộ tối om; đờ nết xa-xỉ, quách đá đem chôn (1); bĩ thối kiếm quý, láng trần Vương-Tôn (2).

«Thôi đã tích-diệt, cõi đời đã xa; chẳng cây chẳng nấm, ngày lun tháng qua; danh-dự chẳng thiết, thiết gì vãn-ca; kiếp sinh khó thật, kiếp tử sao mà? Than ôi thương thay!»

Nhan Diên-Chi 顏延之 là người cố-nhân với ông Đào, tương-tri với nhau thâm-thiết lắm, không vì sự sống chết mà thay đổi tiết-tháo. Ông Nhan có làm bài lỗi-văn cho ông Đào trung-sĩ; đặt tên thụy cho ông Đào gọi là: Tĩnh-tiết trung-sĩ 靖節徵士. Tâm-sự ông Đào từ bấy giờ mới bộc-bạch về đời sau. Nay lục bài văn tựa, dịch ra như sau này:

«Kìa như: Ngọc kia tốt thật, nhưng không phải cái của báu ở chốn ao-chuôm; quế kia thơm thật, nhưng không phải cái giống thường ở trong vườn-tược; há phải là vui-thích gì thú cao-xa dáu, chỉ vì cái bản-tĩnh nó khác đó thôi. Cho nên những vật gì không chán mà theo đến là vật thừa; những người nào nối gót mà theo sau là người hèn vầy. Còn như nết cao như ông Sào ông Do, tiết-tháo như Bá-Di, Tử-hiệu,

thực là bậc cha vua Nghiêu vua Vũ, coi nhỏ nhà Hán nhà Châu; nhưng vì đời đời càng xa, tiên-linh vắng tiếng, để đến nỗi linh hoa mai-một, dòng thơm tuyệt dứt, chẳng đáng tiếc lắm ru! Tuy rằng sau này cũng có nhiều người hay theo lực-lượng mình mà khởi lên; nhưng phần nhiều buổi đầu vẫn theo tục, hoặc nửa đường lại khác lối, há hay tỏ bóng sáng lưu sóng thừa về sau được dáu.

«Nay có nhà trung-sĩ đời Tấn, người Tâm-dương tên là Đào Uyên-Minh, là một nhà u-cư ở cõi Nam-nhạc; khi nhỏ chẳng ham chơi, khi lớn vốn thực-thà, học chẳng cứ thầy nào, văn chỉ cốt đạt-ý, ở trong đám đông càng tỏ mình là hiếm có, đương trong lúc nói càng thấy mình là nin-lặng. Xử cảnh nghèo-khò, nhà không đầy tớ; gánh nước giã gạo, kham lấy không nổi, canh rau cơm dậu, vẫn không đủ dùng; mẹ già con dại, nuôi nấng túng-thiếu; sực nghĩ đến cái nghĩa kíp nuôi dưỡng thân của ông Điền-sinh, lại chạnh đến cái lòng mừng phụng thờ hịch của ông Mao-tử; trước kia còn từ chối mệnh-lệnh các quan Châu-phủ vờ ra, sau mới ra làm quan lệnh huyện Bành-trạch. Song vì đạo không hợp đời, theo ý muốn mình liền bỏ quan về. Từ đó rũ sạch bụi trần, thỏa lòng ngoài cõi, ẩn thân giấu tích, lánh ra nơi xa; tưới vườn trồng rau, đủ để cung-dưỡng; tết giành hái cỏ, đủ để liêu-sài; lòng ham xem dị-thư, tình ưa vui tửu-dức; bỏ hết những sự phiền, nên thành ra khoáng-dật; thực là coi phàm tục cũng chẳng qui, vui cảnh nhà mà quên cả nghèo đầy dư! Sau có tờ chiếu vờ vào làm chức Trước tác-lang, ông cáo bệnh không đi. Thọ 63

(1) Người Hoàn-Khôi nước Tống sai làm cái quan-quách bằng đá, làm đến ba năm mà vẫn chưa xong. Khổng-tử chê là xa-xỉ.

(2) Sách Hán-thư chép truyện Dương Vương-Tôn khi sắp mất, dặn con chôn trần để giữ lấy bản-chân của mình, bảo làm cái túi vải cho thầy xác vào, đưa dút xuống cái hang đất sâu bảy thước, rồi tự dâng chân rút cái túi ra để táng trần.

tudi, năm Nguyễn-gia thứ tư, ngày... tháng... ông mất ở làng Sài-tang, huyện Lâm-dương; kẻ gần đau xót, kẻ xa thương-linh; u-minh ứng-phúc, thương thay thực-trình! Ôi, nét thực vì lời lỗi mà thêm hoa, cái danh bởi chữ thụy mà thêm cao; nếu xứng với đức-nghĩa thì có kẻ gì quí với tiện. Còn như cái nét tốt khoan-hòa lệnh-chung, cái tiết-tháo hiếu-liêm khắc-kỷ, hay hợp với thụy-diễn, mà không trái chỉ trước, các bạn đều nói nên đặt thụy ông là: « Tỉnh-tiết trung-sĩ 靖節徵士 ».

Mộ ông ở phía bắc huyện Tinh-tử hai-mươi-nhăm dặm, đời Minh năm Chính-đức thứ mười, có quan Đề-học là Lý Mộng-Dương 李夢陽 kinh-mộ cái cao-phong của ông, có sửa-sang lại phần-mộ ông, lại lập ra nơi Tỉnh-tiết thụy-viện.

Ông có thi-văn-tập tám quyển, là do Chiêu-minh thái-tử nhà Lương tên là Tiêu-Thống 蕭統 biên-lục lại, có đề tựa rằng: « Vốn yêu văn ông không mấy khi rời tay, tưởng-vọng đức ông, tiếc rằng không sinh đồng-thời ». Đó lại là một người tri-kỷ của ông Đào ở về đời Lương vậy. Người đời lại còn truyền một quyển Ngũ-hiếu-truyện, hai quyển Thành-hiến-quần-phụ-lục (nhất-danh là Tứ-bát-mục, mười quyển Hậu-sưu-thần-kỷ, cũng là của ông Đào làm ra, nhưng không phải, đó là tự người đời sau giả-thác ra vậy.

Phê-bình.— Trong bài văn tế trên kia, ông có nói: « Đứng luật Vô-dịch ». Bài văn-ca có nói: « Sương-nghiêm đương thán chín, đưa ta ra cõi xa ». Xem thế thì biết ông mất về tháng chín. Nhan Diên-Chi làm bài thơ có câu rằng: « Đau chúng sốt rét, coi chết như không ». Thế thì biết ông bị chứng sốt rét lâu ngày mà mất vậy.

Trong tập Tứ-khố toàn-thư có biên-lục Đào-Uyên-minh-tập tám quyển. Sách Đề-yếu nói rằng: Đời Bắc-lê ông

Dương Hưu-Chi 陽休之 có biên-lục sách ông Đào Tiềm truyền lại có ba bản: Một bản tám quyển, không có bài tựa; một bản chín quyển, có bài tựa, nhưng biên chép lẫn lộn, lại có chỗ khuyết-thiếu; một bản nữa là do Tiêu-Thống biên-soạn cũng có tám quyển; mà không có Ngũ-hiếu-truyện và Tứ-bát-mục. Hưu-Chi mới hợp cả ba bản lại định làm mười quyển, thì không phải như bản cũ do Chiêu-minh soạn-tập ra nữa rồi. Đời Tống có ông Tống-Tường 宋庠 tìm được bản cũ ở Giang-tả, thứ-đệ rất là quán-thông, đời nay truyền lại tức là bản cũ Giang-tả mà ông Tường tìm ra vậy. Nhưng xét ra Chiêu-minh thái-tử cách đời ông Tiềm còn gần, mà đã không thấy có Ngũ-hiếu-truyện, Tứ-bát-mục, nên Chiêu-minh không để vào tập văn ông Đào. Dương Hưu-Chi bởi đâu mà tục thêm vào đó? Tuy có dẫn chứng sách Thượng-thư, nhưng cũng mâu-thuẫn khác nhau, quyết không phải là một tay làm ra, đó hẳn là văn giả-thác làm bịa ra, Hưu-chi làm mà tin làm thực, mới tắng vào tập văn ông Đào.

Đào-tập, nay có bản chú của ông Thang Hán 湯漢 (người Phiên-dương Giang tây) đời Tống, bốn quyển có thơ mà không có văn (khắc vào trong tập Bái-kinh-lâu tùng-thư); bản tiên-chú của ông Lý Công-Hoán 李公煥 (người Lư lăng đời Nguyên) mười quyển; bản chú của Hà Mạnh-Xuân 何孟春; bản chú Cấp-cổ-các của Mao Tấn 毛晉, (phụ-lục Ngô Nhân-Kiệt niên-phổ); bản của Tiêu Huyền 焦竑 (không có Tứ-bát-mục); bản chữ nhỏ của Mạc Hữu-chi 莫友芝; bản chữ nhỏ của Hãn Tuyên-lâu 翰選樓; (đều mười quyển mà có phụ cả Ngũ-hiếu-truyện và Tứ-bát-mục); bản Hán Ngụy bách-tam danh-gia của Trương Phò 張溥 (một quyển); bản của Trương Toàn-công 張泉公; bản Lục-quân-dinh 綠君亭 (cũng là

Cấp-cổ-các khắc ra, chính-tập ba quyển). Lại còn bản tích-nghĩa của Hoàng Văn-Hoán 黃文煥; bản vịnh chú của Ngô Chiêm-Thái 吳瞻泰; các nhà chú-thích đều biên vịnh ra thành một pho, mà đều có sở-trường cả; nhưng vẫn không tinh-thiên bằng bản Tĩnh-tiết tiên-sinh-tập của Đào Văn-nghị Công-Chú 陶文毅公澍 ở Yên-hóa biên-soạn lại.

Các nhà văn thơ đời Lục triều biên thành-tập truyền lại đến nay, cũng không còn mấy nhà. Duy có tập văn thơ ông Đào truyền đến nay đã khắc đi khắc lại mãi, không thể bỏ mất đi được, đó là văn-thơ mà cũng qui-trọng

lại phẩm người vậy. Những người không biết chuộng lấy đức-hạnh mà chỉ cầu khéo về câu văn thơ, tuy rằng râu ngậm dứt hết, cốt thơ gầy còm, nghĩ nặn lấy câu thơ cho hay, cũng chỉ tự khổ mà thôi, chứ sao đủ truyền được.

Sách Sưu-thần hậu-ký, đời Minh có bản khắc; trong tập Từ-khố cũng có biên-lục. Nay xét ông Đào mất về năm Nguyên-gia thứ tư đời Tống, mà trong sách Sưu-thần lại nói đến những việc năm Nguyên-gia thứ 14-16 xem thể thì đích là giả-ngụy không cần phải biện-bác nữa.

NGUYỄN HỮU-TIẾN biên-thuật

## VIỆT-NAM DÂN CHÍNH LUẬN

Nghĩa chữ chính-trị là phải kiêm cả quốc-chính với dân-chính. Quốc-chính là phần thống-trị, dân-chính là phần phân-trị. Thống-trị với phân-trị đều là việc quan-hệ mật-thiết đến cuộc sinh-hoạt lâu dài của nhân-dân trong một nước cả. Ví như xây nhà, quốc-chính là nóc và thân của cái nhà, mà dân-chính là nền và móng của cái nhà vậy. Thế cho nên nói về cách xây nhà thì lấy quốc-chính làm trọng, mà nói về cách hạ thủ xây nhà thì lấy dân-chính làm gốc. Thuyết-giả nói: Vẫn biết việc dưới không tốt thì việc trên không vững, nhưng việc trên chưa có chút tài-liệu qui-mô gì thì đã nói chi đến việc dưới. Bởi vậy xưa nay bàn về vấn-đề chính-trị ai cũng chú-ý về quốc-chính trước đã. Cũng là lý-thế tất-nhiên.

Tuy-nhiên, theo đường thẳng của lý-tưởng thì vẫn như thế, song theo tình-trạng của thực-tế thì nhiều khi lại trái nhau. Nghĩa là quốc-chính có khi thịnh có khi suy, có khi trị có khi

loạn, có khi thái có khi bĩ, thời-thế lợi đã cố-nhiên không phải nói, mà thời-thế không lợi thì còn phải tốn công quay chuyển, phí thì-giờ mong đợi, không phải việc chốc-lát mà nên. Đến như dân-chính thì không lúc nào là không có thời-thế. Vì dân-chính nó là tư-cách phổ-thông, tư-cách còn-bản, tuy thuộc phạm-vi chính-trị, nhưng là chính-trị về cuộc sinh-hoạt của địa-phương của đoàn-thể bình-dân, lại hẳn phải đứng về địa-vị phục-lùng, chịu giám-đốc. Cho nên dễ làm mà làm không có nguy-hiểm gì. Vậy lại lấy sự xây nhà mà ví thêm cho rộng thì dân-chính lại như là khu đất nữa. Trong cái khi đã dự-bị hay là còn ước muốn có một cái nhà như ý sở-cầu thì hẳn bồi-hỗ sửa-sang, chặt gai cắt cỏ, cắm mốc giồng cây trước đi, được việc nào là khởi được cái cảnh-tượng boang-uể đời-bại hơi-hám cho khu đất đó chút ấy, há có phải là việc mất công đâu.

Địa-vị dân-chính như trên đã nói tường, nay bàn đến chính-nghĩa của nó.

Nguyên-chất của dân-chính tức là hương-chính, nói rõ là « việc làng » đó mà thôi. Song chỉ vì hai chữ « việc làng » ở ta nó bị cái nghĩa hủ bại, thôn-độ lậu tục che lấp đi đã lâu ngày, nó ở trong những cái dặng tre xanh mà bay ra. Nghe thấy hai tiếng « việc làng » thì người ta yên-chí ngay là việc hương-bái, thịt xôi, vị-thứ, một khoét và kiện cáo. Nghe thấy hai tiếng « việc làng » thì người ta yên-chí ngay là việc phi ông mũ cánh chuồn thì ông bố-tử con cò, nào đứng chiếu dọc, bước chữ đình, lên xuống chữ á; nào ngồi trung-đình, đã cỗ dựa lại cỗ ăn. Chứ chẳng còn có việc gì khác nữa. Bởi thế cho nên hai chữ « việc làng » mới phải bị xấu lây đeo cái tiếng nhạo-báng ở giữa đời văn-minh đến ngày nay chưa trừ bỏ được. Thực thì « việc làng » chính là cái cùng với quốc-chính phân địa-vị mà đứng đối-trĩ với nhau trong trường chính-trị đó.

Muốn biết cái nghĩa quan-trọng ấy nên hiểu cái nghĩa chữ « làng » mới của ngày nay. Làng, tiếng Pháp gọi là « *Commune* ». Theo phép « tự-trị chế » thì « *Commune* » gồm có ba thứ làng là: « *Ville* » ta gọi là thành-phố; Nhật gọi là «  *thị 市*  ». « *Faubourg* » ta gọi là phố, Nhật gọi là «  *đình 町*  ». « *Village* » ta gọi là xã-thôn, Nhật gọi là «  *thôn 村*  ». « *Ville* » là cái làng ở nơi đô-hội lớn, nghề công thương thịnh-vượng, đứng riêng làm một bộ-phận tự-trị, trực-tiếp chịu quyền giám-đốc của quốc-gia, chứ không thuộc về huyện-hạt. « *Faubourg* » là cái làng chuyên nghề công thương ở ngoài thành-phố thuộc về quyền giám-đốc của huyện-hạt, chứ không thuộc về thành-phố. « *Village* » là cái làng chuyên nghề canh-nông thuộc quyền giám-đốc của huyện-hạt.

Thế thì thành-phố, phố, xã-thôn tuy sinh-hoạt khác nhau, lớn nhỏ khác nhau, cách tổ-chức chính-trị có

phiên-gián khác nhau, mà địa-vị đối với quốc-gia thì là một. Nghĩa là cùng là bậc rất thấp trong tự-trị chế, cùng là những cơ-thể dân-thuần của nhà nước vậy.

*Thế nào là cơ-thể dân-thuần của nhà nước.* — Mỗi làng là một khu-vực nhỏ, có thổ-địa và nhân-dân, dân-cư thì ở liền vào với nhau một phần trong khu-vực đó. Hợp làng thành tổng, hợp tổng thành huyện, hợp huyện thành tỉnh, hợp tỉnh thành xứ (kỳ), hợp xứ thành nước. Tổng huyện tỉnh xứ đều có thể theo ý-kiến của quốc-gia mà thay đổi khu-vực đi được. Chớ như làng không có thể biểu-thiên chỗ dân-cư đi mà thay đổi khu-vực được. Vậy làng đối với nước tức như một cái tai cái mũi hay là một cái xương, một bắp thịt trong thân-thể người ta, cho nên gọi làng là những cơ-thể dân-thuần của nhà-nước.

Theo lối chính-trị ngày xưa thì xã-thôn đối với nước là cái nghĩa bộ-lạc đối với triều-đình, chứ không phải là cái nghĩa địa-phương đối với trung-ương quốc-gia. Bộ-lạc là những khu-vũ nhỏ của thổ-dân sinh-tụ thuộc quyền thổ-hào chế-ngự mà chưa biết có chính-trị tổ-chức là gì. Triều-đình là nơi ủy-nhiệm của nhà vua, mà nhà vua là nhà hùng-trưởng thống-ngự cả một nước. Triều-đình đối với bộ-lạc cũng coi như đối với các phiên-thuộc bị chinh-phục mà thôi. Cho nên triều-đình chỉ trách-cứ các bộ-lạc phải tuân theo mệnh-lệnh, phải đủ cung-đón binh-lương mà thôi, còn việc nội-trị của các bộ-lạc, triều-đình phó mặc mà không hỏi đến. Bởi vậy kẻ thổ-hào càng dễ hoành-hành, kẻ bộ-dân càng bị uất-ức. Tục lệ nhân đó càng đồi-bại, sinh-hoạt nhân đó càng cần-cỗi; mỗi làng là một chính-lệnh, một phong-tục, mỗi làng là một cái nước nhỏ biên-liều bản-tiên hủ-lậu

ở trong một cái thiên-hạ còn con dưới góc trời. Cái tư-tướng của người trong làng chỉ nghĩ tới vệ tre vòng quanh làng là hết. Có công-danh phú-quí cũng chỉ công-danh phú-quí với làng, có sự-nghiệp công-đức cũng chỉ sự-nghiệp công-đức với làng mà thôi. Bởi thế mà thành ra có những câu « *Lệnh làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ* ». « *Miếng giữa làng bằng sàng xó bếp* » ; thậm-chí đến « *Khôn-ngoan ở đất làng bay, dù che ngựa cưỡi tới đây nên hèn* ». Ôi trong một nước với nhau mà dù che ngựa cưỡi, khác làng nên hèn, thực không biết nghĩa quốc-thò, quốc-dân là gì, thì còn biết gì đến quốc-gia nữa.

Sở-dĩ gây nên cái tư-tướng như trên ấy là bởi cái chế-độ bộ-lạc đối với triều-đình mà ra. Các nước ngày xưa đâu đâu cũng đại-loại như thế, mà ở Việt-Nam ta, thì lại càng tệ hơn. Còn như chế-độ địa-phương đối với trung-ương quốc-gia thì đến các nước Thái-tây thế-kỷ gần đây mới thực được hoàn-toàn. Đó tức gọi là « chế-độ địa-phương tự-trị » vậy.

Chế-độ địa-phương tự-trị tức là cái cơ-sở lõi chính-trị cộng-chủ, hóa triều-đình ra làm quốc-gia, tiến bộ-lạc lên làm địa-phương cho được đối với quốc-gia mà trực-tiếp nhận lấy quyền-lợi nghĩa-vụ. Chế-độ địa-phương tự-trị lại chính là cái bản-thể của phép chính-trị lập-hiến nữa. Vô-luận là nước quân-chủ hay là nước dân-chủ, là nước đơn-nhất hay là nước liên-bang, phạm đã lập-hiến đều phải qui-định ra hai cái quyền chủ-trị là trung-ương tập-quyền với địa-phương phân-quyền. Trung-ương tập-quyền là quốc-gia thống-trị và giám-đốc đến khắp các khu - hạt lớn, đến các làng. Địa-phương phân-quyền là các khu-hạt, các làng, được quốc-gia ủy-nhiệm cho những quyền tự-trị cho trong địa-hạt

mình được thịnh-vượng, như những việc vệ-sinh, giáo-dục, cảnh-sát cùng các việc sinh-hoạt khác của đoàn-thề.

Thế cho nên làng chính là một địa-phương còn-bản thấp nhất mà quan-hệ đến sự thịnh-suy của nước. Ở Việt-Nam hiện nay những hạng « làng thành-phố » thì còn thuộc quyền chính-phủ Bảo-hộ chủ-trương, duy có những hạng « làng phố » với « làng xã-thôn » là thuộc về hạt dân cai-quản. Song công-thương của nhân-dân chưa có gì là phát-đạt, những hạng « làng phố » không những mới thành-lập mà cũng chưa có được là bao nhiêu. Vậy chỉ có những hạng « làng xã-thôn » là thuộc đại-đa-số, là cái bản-thể lập-quốc của ta, là cái căn-bản phát-sinh của nhân-dân ta vậy.

Lấy pháp-lý mà luận thì các làng xã-thôn ở Việt-Nam ta từ cổ tới nay, từ tín-ngưỡng, khoán-ước, cách tổ-chức chính-trị, cách chia xóm ở, đặt đường đi cùng mọi sự sinh-hoạt chung, nhất-thiết cái gì cũng đều do bốn chữ « nhân-tuần câu-thả » mà gây dựng nên. Nhưng lấy tình-niệm mà bàn thì ở trong thực có nhiều cái phong-tục ở ăn với nhau do cái lòng thuận-hậu, chất phác mà ra. Ấy cũng vì đó mà cố-kết nhân-tâm được trảng-cửu mãi. Duy từ buổi cuộc đời biến-đổi, vận nước chuán-kiến, hơn nửa thế-kỷ tới nay. Nóc đã dột thì tường vách khỏi sao không nghiêng đổ, lẽ tất-nhiên như vậy.

Loạn-lạc lao-tao một hồi, đến khi yên thì quyền thay, chính-lệnh đổi, đạo-đức suy, phong-tục bại, cảnh-sát vắng, kẻ cắp ra, việc làng thôi còn gì mà đáng hỏi đến nữa. Trên ấy tôi đã nói việc gì trong làng cũng do nhân-tuần câu-thả mà gây nên, mà chính đến những khoản công-sản, công-chi cùng khoán-ước cũng vậy, không cái gì có mình-vấn ký-chú tường-tận rõ-ràng. Song trước kia sở-dĩ duy-trì được vô-



tệ hoặc ít tệ, là nhờ ở cái nhân-tâm tốt của hạng người sống về hoàn-cảnh bình-an xưa. Đến khi hoàn-cảnh đổi khác, sinh-hoạt gian-nan, cổ-lão thì điều-linh hết, mà việc công lại không cái gì có bằng-chứng, bọn hào-dố bấy giờ thừa-cơ được dịp tha-hồ ra mà những-nhiều, lấy việc công mưu lợi riêng. Các làng xã-thôn từ đó lại càng đổ nát.

Nhân-dân đóng góp thuế-khoá cho nước đã ngày thêm nặng-nề, mà kẻ hào lý lại càng phù-thu lạm-bổ, thời-đại kim-tiền, dân làng nào quật-cường mà có đem tố-cáo với cửa công, thì nên bạc đâm toạc tờ giấy, bọn cùng-dinh cũng chỉ càng lảng thêm cái quần-bách. Ấy tình-trạng chốn xã-thôn gần nay đều như thế.

Bổn năm 1922, chính-phủ Bảo-hộ Bắc kỳ, nhân viện Dân-biểu thỉnh-cầu, ban-hành một bản Nghị-định « Cải-lương hương-chính », cho các làng, từ làng-phổ cho đến các làng xã-thôn. Trong Nghị-định phần chủ cốt là tổ-chức nên tòa Hội-dồng hương-chính mới để cách-trừ cái tệ hào-cường chuyên-chế đi. Lập ra sổ dự-toán để biết số thu chi trong một năm thực-hiện thế nào. Phải kê khai những công-sản điền-địa hoa-lợi chung cho minh-bạch. Phải định lấy hương-ước hương-tục lại. Nhất-thiết những tục-lệ bắt nhau phải làm cỗ-bàn nợ miệng đều tha cho mà lấy một số tiền chiết-can rất nhẹ để sung quỹ mà công chi. Việc công-ích thì chỉ định ra cho rõ ràng: Giám-dốc việc bỏ thu sưu-thuế, hòa-giải tố-tụng và các việc kiến-trúc, giáo-dục, vệ-sinh. Những việc này sẽ tùy trình-độ tài-chính của làng mà tiến-hành dần dần. Quốc-gia giữ quyền giám-dốc, làng được quyền thực-hành. Thực là một chính-sách hợp-thời, là một cuộc chính-trị có thể tạo-phúc cho các làng

và dự-bị cho cuộc cải-cách lớn cho quốc-chính.

Tuy đem so-sánh với những chế-độ địa-phương tự-trị của các nước văn-minh, thì bản nghị-định cải-lương hương-chính đó chưa phải là hoàn-toàn thực, nhưng nói về những cái đại-thể của hình-thức thì cũng đã lược-bị rồi. Phải biết, lấy một cái địa-vị dân ta, một cái trình-độ, một cái lũy-khối hủ-bại tích-tệ của dân ta mà thực-bành được như trong bản nghị-định đó cũng đã là một sự hạnh-phúc lớn rồi. Và việc đời có nhỏ mới có to, từ gần mới đến xa, bao giờ mà không phải thế.

Lúc nghị-định đem ra thi-hành, quan Thống-sứ là ông MONGUILLOT là vị sáng-lập và chủ-trương rất sốt-sắng. Chính trong nghị-định thì làng năm trăm suất đinh mới được cải-lương lập sổ chi-thu, nhưng quan lấy rằng một nhà còn nên có sổ chi-thu, nữa là một làng, bèn cho các làng nhỏ cũng phải lập sổ chi-thu cho sự chi-tiêu được minh-bạch. Trước thi-nghiệm ở một vài làng Hà-đông, rồi thi-hành khắp các tỉnh. Mỗi tỉnh mở một trường Thư-ký hương-hội dạy làm sổ sách việc làng. Ảnh-hưởng của cuộc dân-chính mới làm kích-thích lòng người, lác-đác có những kẻ nho-học, tây-học, hưu-quan và phú-thương ở thành-phố về làng làm Chánh-hội để giúp việc cải-lương cho dân. Các làng lục-tục xây nhà hội-dồng, dựng trường học, đắp đường đi, làng to lập được cả nhà hộ-sinh, giếng nước ăn, ấu-trĩ-viên. Có làng lại đào được cả ngòi khuyến-nông, dựng được cả máy nước làm ruộng.

Một lối chính-trị mới-mẻ tinh-tế đem thi-hành vào trong một cái chỗ quen tính cầu-thả, mà trong vài ba năm đã được như thế, không phải là không chóng. Dù việc hoặc bởi người làng họ

muốn tự-trị thực mà làm, hoặc vì cưỡng-bách, hoặc vì cầu danh mà làm, song buổi mới thì việc gì mà không như thế, mà cốt là có làm thì là được. Cái hi-vọng của các làng đang như măng mới mọc. Ngờ đâu được vài năm đờ rồi thấy nguội-lạnh dần đi. Chính-phủ Bảo hộ cho bãi bớt số làng cải-lương bất-cấp-cách đi, rồi cũng ít đôn-đốc đến cả những làng cấp-cách. Thế là cuộc dân-chính mới bèn thất-bại. Bọn hào-đổ lại trung-hung. Nhà hội-đồng bỏ mớ, nền ấu-trĩ-viên vỡ ra cây lúa. Đục nước dễ béo cò, lại lợi-dụng hội-đồng mà làm bậy, ở hương-thôn nay có câu « ăn cắp có bè », là chỉ vào bọn hội-đồng hiện giờ đó. Ôi đáng tiếc thay !

Cứ lý ra thì cái tội đó là phải kết vào cho người ở các làng. Coi đó biết họ không đủ tư cách tự-trị, không có trí-thức mới về dân-chính quốc-chính tương-liên. Ôi, họ đã không phát-tâm lên thang thì ai còn dắt lên được, chính như lời một nhà vua tiền-bạc bên Âu-châu đã nói

Tuy-nhiên, ta khoan lại mà xét, lấy tình mà lượng cho họ. Phàm một cái nghệ-thuật gì mới có mà tinh-mật thì ai cũng phải học-tập mới làm được. « Trăm hay không bằng tay quen » là nghĩa thế. Cho nên nhất-dán đem khẩu súng đưa cho anh nông-phu không từng sờ đến súng bao giờ mà bảo cứ bắn đi, thì trách làm sao anh ấy khỏi lúng túng ngượng-ngịu. Cuộc « cải-lương hương-chính » đối với người Việt-Nam chưa từng lược biết đến những lối tân-chính-trị Thái-tây, mà có lẽ đến hầu hết mọi người, thì có khác gì chú nông-phu chỉ quen có một cái cày mà bỗng đưa súng cho bắt bắn ngay không.

Như thế nghi-hồ, trong khi chăm đôn-đốc thì được một vài việc, đến khi nghĩ đôn-đốc thì lại nhăng-bỏ cả đi. Phương-chi trong một làng tuy nhỏ

mà trạng-thái của quần-chúng cũng không khác gì như trong một nước. Có đảng duy-tân, có đảng thủ-cựu, lại có đảng chẳng cần tâu mà cũng chẳng cần cựu, chỉ qui-hồ lợi cho mình thì theo, không thì phá. Cho nên trong khi những người ra làm việc hội-đồng ở các làng buổi ban đầu, mà kiến-thiết được một đôi việc, không phải là dễ. Nào đối-kháng với hủ-tục, với hào-đổ, nào trừ-liệu đồng tiền, đều là việc khó cả. Thế mà làm đi được là nhờ dựa vào cái uy-lệnh của quan trên bênh-vực. Nếu không bênh-vực nữa thì dù kẻ có tâm tốt cũng đành phải thúc-thủ.

Xem thế thì biết cái cơ thất-bại của cuộc hương-chính ấy, tại dân đã cố-nhiên mà cũng tại Chính-phủ một phần. Có ba cơ : Một là có lệnh mà không huấn, hai là trường dạy Thư-ký không thực-hành rèn-lập, ba là các quan phủ huyện không hết sức.

Về cơ thứ một. — Dân đã chưa từng được nghe dạy bảo về những cách chính-trị mới, mà nhất-dán ban-hành cho, thì thế tất phải vừa thi-hành vừa tìm cách cò-dộng diễn-giải khai-đạo những ý-nghĩa ở trong ấy một hồi cực-lực, cho thực cảm sâu vào lòng người, thì mới là thực-tâm. Mà các Triều-dinh ngày xưa, các Quốc-gia ngày nay, khi muốn canh-cải một cái cụ-tục ra một cái tân-chế nào cũng đều phải thế cả. Bởi vì đại-đa-số của nhân-dân vô-luận đông-tây kim-cồ, bao giờ cũng việc thành rồi mới hay, chớ lúc đầu thì không hiểu. Ở nước Anh ngày xưa có việc chính-trị lợi cho dân mà thi-hành mãi dân cũng không chịu thực-hành, sau phải làm ra sách giáo-khoa phát về các trường tiểu-học giảng dạy mãi mới hóa được. Nay ở đây ngoài bản nghị-dịnh ra không có một cơ-quan nào để giải-thích truyền-bá ý-nghĩa cho dân biết cả. Tôi còn nhớ hồi ấy từ các quan phủ huyện đến các hương-chức có học-thức, tuy cũng hơi hiểu rằng

làm được thì hay đấy, nhưng hỏi đến duyên-do của cái hay thì chẳng ai hiểu ra sao cả. Cái đó không lấy gì làm lạ, họ chưa được đọc những sách hiến-pháp, sách địa-phương tự-trị chế-độ đó mà thôi.

Về cơ thứ hai.—Công-việc giấy mực ở hội-đồng quan-hệ ở Thư-ký. Lúc mới thi-hành, mỗi tỉnh mở một lớp dạy làm Thư-ký cho các làng. Thầy dạy thì lấy viên Tham-tá ở tòa Sứ hoặc một viên Trợ-tá ở tòa Thượng ra sung vào. Thầy vốn chỉ ở đường danh-lợi, chứ có cái tư-tưởng gì về dân-chính đâu. Nay phải tạm lĩnh việc dạy học thực không thú gì. Cho nên sự đối-dãi, tuy thầy trò mà thực là quan dân. Sự học vì đó không có thực-hiệu. Cái bằng cấp chỉ là chiếc bằng tiền mà thôi. Cho nên đến lúc Thư-ký đổ về, sổ sách chẳng làm được việc gì, lại phải thuê tịch-sĩ. Trong chỗ hội-đồng tro ra mấy anh nhà quê, chẳng hiểu nghĩa-lý dân-chính là gì, mà sổ sách phiền, thuê mượn tồn-phi, vì đó mà họ sinh chán.

Về cơ thứ ba. — Công-việc cải-lương hương-chính cốt nhờ ở các quan phủ huyện. Trên kia đã nói cái khó ở trong làng buổi ban đầu, mà không nhờ được quan trên bênh-vực thì dân không thi-hành được. Thế mà việc hương-chính lại là việc thực-hành, nào khám xét sổ sách, tiền nong, nào điều-đình những sự đảng phái, nào chỉ bảo những việc kiến-thiết cho từng làng, quan sở-tại đều không thân-hành đề ý đến không xong. Việc chỉ quấy-nhiều mà lợi-lộc lại ít, tưởng quan mà không có nhiệt-thành với dân với nước thì không sao chịu nổi. Vì đó mà việc hư-ứng hiện ra hầu khắp cả.

Bởi những cơ trên đó, vật-luận chỉ nghị sôi nổi, có câu : « Cải-lương mà ra cái ác » Chính-phủ xét lại không thấy được thực-hiệu gì, bèn ngã lòng

mà nhạt dần đi. Còn bỏ lại cho mỗi làng một đám hội-đồng « ăn cắp có bè ».

« Trăm tội đồ cho nhà oán », chỉ tại dân mà thôi. Dân chưa có cái trí-thức thông-thường về chính-trị, chưa có cái nguyện-vọng về địa-phương tự-trị, cái trình-độ của dân như vậy, biết làm thế nào. Đó là ý-kiến của nhiều người. Còn về ý tôi thì tôi nghĩ rằng trình-độ của dân là do ở nhà-nước diu-dắt cho, chứ dân nước nào cũng không bao giờ tự có trình-độ được. Cái tình-trạng sa-sút, đỗi-bại của các làng xã thôn ngày nay thế nào thì ai cũng đã rõ, dân đã không tự làm cho có trình-độ được, cuộc kinh-tế cạnh-tranh của thời-thế cứ khốc-liệt mãi như kia, chắc sự sinh-hoạt của các làng không thể nào đứng vững mà còn sụt xuống chưa biết đến chừng nào.

Cho được vấn-hỏi cái sinh-khí lại cho các làng, tôi tin rằng chỉ có một phép là thực-hành lại cuộc cải-lương hương-chính mà thôi. Sự thực-hành cải-lương hương-chính, không những quan-hệ mật-thiết cho vận-mệnh sinh-hoạt, vận-mệnh kinh-tế của các làng, mà chính quan-hệ mật-thiết cho vận-mệnh sinh-hoạt và kinh-tế của cả các làng với quốc-gia tương-can với nhau đó.

Cho nên thực-hành cải-lương hương-chính được, không những quốc-gia với nhân-dân thu-hoạch được cái lợi về chính-trị, mà chính thu hoạch được cái lợi lớn về kinh-tế vậy. Cái lợi lớn ấy như sau này.

Các làng xã-thôn Việt-Nam nhiễm sâu phải cái bệnh của buổi bình-an thịnh-vượng ngày xưa còn sót lại, việc làng chỉ biết có tế-bái với cỗ bàn mà thôi. Nay sinh-uhai khốn-dốn mà mê-chấp không dám tự trừ bỏ. Vì việc tang-tế, việc đình-dám mà thường giàu phải nghèo, nghèo phải khổ. Từ ngày cải-lương nhiều xã hư-ứng vừa lấy lệ chiết-

can tiền vừa bắt làm cổ, lại càng thêm nặng. Nay nếu thực-hành cải bỏ được thì dân sẽ thụ được một điều đó. Tòa hội-đồng có tư-cách thì tự trừ được cái tệ cường-hào tham-nhũng, ngăn-cấm được lý-dịch lạm thu sưu-thuế, bao nhiêu công-sản bị xâm-ngư đều được thu vào công-quĩ. Cá-nhân khỏi thiệt-hại mà đoàn-thể có lợi, sẽ nhân đó mà trừ-mưu được những việc công-an công-ích, gánh đỡ lấy cho quốc-gia. Tức như việc giáo-dục sơ-học nay mai quốc-gia sẽ giao về cho các làng, nếu làng không có cái khoản sẵn thì lấy đâu mà làm.

Phạm những cái lợi cho quĩ làng đó là đều thu-hồi được ở những sự phù-phí hoặc những-lạm mất đi mà nay lấy lại cả. Làng lớn sẽ làm được những việc kiến-thiết to, làng nhỏ thì cũng làm được những việc bé. Làng đã có hăng-sản chung, đã biết trừ-liệu chung, thì sẽ ảnh-hưởng được đến cả những việc canh-nông, kỹ-nghệ.

Việc canh-nông của các làng ở về hai xứ Trung Bắc thuộc về chế-độ tiểu-nông. Nếu không có một cơ-quan ra thay mặt cho cả làng thì không thể nào cải-lương nghề cấy cấy được. Phải có hoặc một hoặc nhiều những cơ-quan hương-hội lân-cận hợp-lực nhau mà làm những việc như khai ngòi, đặt máy nước, chọn hạt giống, cải chất đất, v. v. Kỹ-nghệ thì các làng thường có những nghề tổ-truyền, cũng nhân đó mà mưu tiến-bộ. Lại như mấy làng mới cải-lương vừa rồi tự tìm lấy nghề thủ-công mới về cho con em làm.

Không những các làng tự mưu được lợi-ích cho bản-thân tức là gánh đỡ được cái gánh trách-nhiệm chăn-nuôi giáo-hóa cho quốc-gia, mà đến cái khoản sưu-thuế chính-cung cũng nhờ đó mà dễ lo liệu. Không những thế, đến những việc phúc việc nghĩa đối với bản xứ với nước như cứu-tế, quốc-

trái, giáo-dục bản-hạt, cũng có khoản sẵn mà dễ ứng-dụng.

Lại như nhân-dân trong làng sẽ được nhân đó mà học chính-trị bằng cách thực-hành. Làm nổi người tọc-biểu, xét được cái sở chi-thu của làng, tức làm được hội-viên hàng tỉnh, nghị-viên hàng xứ. Trí-thức phổ-thông về chính-trị, nhờ đó mà gây nên.

Dân-chính đã chỉnh-dốn, dân-lực tất tăng-tiến, mọi việc công-thương của người Nam người Pháp sẽ nhờ đó mà phát-dạt. Phạm những sự đó không phải là toàn-lợi dư? Nhưng không thực-hành cải-lương hương-chính không có được.

Hiện nay cái vạ kinh tế khủng hoảng, khiến cho việc công việc tư, việc dân việc nước đều bị ảnh-hưởng lớn. Mà nó liên-can với cả thế-giới không phải như những cái nạn thiên-tai như nắng như lụt một vài huyện-hạt mà dễ cứu-vãn. Nó lại liên-miên chưa biết bao giờ là hết. Nhân-dân trong toàn-quốc, đầu đấy đều đang lảng-lặng ngóng đợi cái ơn-huệ về một cuộc cải-cách lớn mà đức Việt-Nam Hoàng-đế cùng Chính-phủ Bắc-hộ đã hứa và đang dự-bị. Cuộc cải-cách lớn sau đây ấy tức là thực-hành lại điều-trước Bảo-bộ năm 1884 và ban-hành hiến-pháp cho trong nước.

Chúng tôi thiết-nghĩ dân-chính là cơ-sở của quốc-chính. Quốc-chính tuy hay mà dân-chính không chỉnh-dốn cũng không thi-hành vào đâu được. Vậy đồng-thời hoặc trước khi ban hiến-pháp xin chỉnh-dốn lại cuộc cải-lương hương-chính cho, xin thực-hành cho khắp cả trong nước mà hạn-định cho tất thành-công

Nay đã biết cái cơ thất-bại trước là bởi ba điều. Có lệnh mà không có huấn thì nay tìm cách dạy bảo giảng-diễn cho đến cảm-hóa, thư-ký không thực-hành thì tìm cách rèn-tập cho tốt

được. Còn như các quan sở-tại thì nếu thấy Chính-phủ nhiệt-thành tất phải theo mà làm hết sức.

Chúng tôi thiết-tưởng không gì bằng Trung-kỳ cũng như Bắc-kỳ, mỗi xứ phải đặt riêng ra một tòa chuyên-nhiệm về việc ấy. Tòa ấy giữ việc đốc-suất thi-hành, giảng-diễn bằng sách-vở, báo-chí và đi kiểm tra. Nhân-viên trong tòa đó ai nấy đều phải am-hiếu những chính-sách địa-phương và ý-nghĩa bản nghị-định cải-lương Hương-chính của Nhà-nước. Việc dạy thư-ký các làng cũng thuộc về tòa ấy mà đặt hẳn làm chức giáo-sư vĩnh-viễn chứ không nên cho quan-lại tòa khác tạm kiêm.

Xem như việc Địa-chính ở Bắc-kỳ cũng làm giống như thế thì thấy chóng có thực-hiệu lắm. Lúc mới quan cai-tri các tỉnh đôn-đốc cho các làng tư-đạc và họa lấy địa-đồ, tổn hại bao nhiêu mà không thành việc gì. Sau đặt sở Địa-chính chuyên-nhiệm thì được việc ngay. Sở Địa-chính cũng lại lấy ngay người nhà quê trong tỉnh vào tập đo vẽ, vài tháng thì thành thợ khéo, tự đi đo vẽ được. Còn dạy Thư-ký Địa-bạ thì hoặc ở tỉnh hoặc ở các phủ huyện, sở cử người về dạy. Tùy tiện mượn ở đình-chùa nào làm trường cũng được. Cứ hai huyện giao một nhân-viên của sở về, vừa dạy vừa đi xét sổ hoặc khám đạc lại, tùy lịch quan Địa-chính ở tỉnh truyền bảo luôn. Có một điều khôn-khéo là Thư-ký Địa-bạ học tốt-nghiệp không phát bằng đồ. Mỗi kỳ học một vài tháng, làm được thì thôi, chưa làm được kỳ khác lại học lại. Việc Thư-ký Địa-chính còn khó hơn Thư-ký Hương-chính, thế mà nay trong mười người đã có tới bảy tám người làm khá.

Trong đạo nghị-định cải-lương hương-chính Bắc-kỳ hồi đầu quan Thống-sứ đã khen là người Việt-Nam có khiếu chóng biết làm việc về chính-trị. Vậy nay tham với cách tổ-chức sở

Địa-chính mà đôn-đốc thì tất thế nào cũng thành.

Vả cái bệnh « Nhân-tuần cầu-thả » của người thôn-quê Việt-Nam nó di-truyền đã lâu. Kẻ chán-tâm vì việc làng thì ít mà có cũng vẫn trừ-trừ quan-vọng, phương-chi kẻ hào-dố chỉ muốn phá đề kiếm lợi riêng thì nhiều. Thế mà việc huấn-giáo, việc thăng-thúc trẻ nãi thì họ còn muốn làm việc gì. Chúng tôi thiết-tưởng hai Chính-phủ mà quả có chán-tâm về nền dân-chính, về nền kinh-tế sinh-hoạt của dân, thì việc cải-lương hương-chính cũng phải dùng một cái uy-lệnh rất nghiêm-ngặt mới được. Đối với quan-lại giám-đốc phải nghiêm-ngặt, phạm hư-ứng tri-trệ là can tội lỗi ngay. Một tên tử đệ lười biếng, không có phụ-sư nghiêm-khắc không bao giờ thành thân được. Cái tính-tình người thôn-quê Việt-Nam ngày nay thực như thế. Chỉ sợ không thực có được dấng phụ-sư nghiêm-ngặt mà thôi.

Người thôn-quê Việt-Nam vốn chất-thực trung-hậu, biết nhớ lâu những ơn huệ đã thấm-thía thực. Người thôn-quê Việt-Nam tuy có tư-cách mà chót quen tính cầu-an. Ví thử già nửa thế-kỷ về rước mà có được dấng phụ-huynh hiền-minh, biết theo thời-thế mà đưa dẫn thúc-bách thì cũng có thể bước lên con đường tiến-hóa mới được. Nhưng dịp ấy đã không may rồi. Nay trách-nhiệm ấy không trông cậy ở hai Chính-phủ thì ở đâu.

Thế mà đến buổi nầy, thì sa-sút quá lắm rồi. Một bài nói về hưu-tri quan-lại Tây Nam của ông Chủ-bút người Pháp ở Pháp-Việt tạp-chi đã làm chứng về tình-cảnh khổn - nghèo của chốn thôn-quê xứ này.

Chúng tôi không thể không công-nận cái sự-nghiệp khai-hóa mới ở nước này. Nhưng xin thú thực chỉ mới thấy ở các làng thành-phố, các

làng phố mà thôi. Còn các làng xã-thôn thì vật-chất cũng như tinh-thần, Trung-kỳ cũng như Bắc-kỳ, trừ một vài làng có nghề buôn bán, quan lại, thủ-ngệ ra, đâu đấy đều thấy bần-bách cả ngay từ trước cuộc kinh-tế khủng-hoảng này rồi.

Dân-chính là nền quốc-chính. Nền có chắc-chắn, lâu dài mới vững bền, dân - chính có chỉnh-dốn, quốc - biể mới có chỗ mà thi-hành. Lễ phải tương-

y tương-trợ cho nhau như thế. Không thì cũng chỉ là câu chuyện mơ mộng mà thôi.

Ngoài lặng đón những cái tin dự-báo về sóng gió ở quanh bề Thái-bình, trong dịp xét kỹ từng con ván của cái thân thuyền Việt-Nam, xin các bậc chèo lái cầm vận-mệnh cho nước cho dân lưu-ý.

NGUYỄN TRỌNG-THỤẬT

## BÀN VỀ NHÂN-VẬT TƯỚNG GIỚI-THẠCH

Nước ta là nước láng-diềng với Trung-hoa. Khoảng 30 năm về trước, Trung-hoa có một nhân-vật cả ảnh-hưởng với cuộc đời xuất-hiện là Lý Hồng-Chương; người nước ta phần nhiều người cho rằng Lý là một nhân-vật đã đủ làm đại-biêu cho cả nước Trung-hoa. Thậm-chi có một hạng người cho Lý là kẻ quyền-thần mà gọi Lý là Tần Cối, nhưng kỳ-thực thì không phải thế. Hồi Dân-quốc mới bắt đầu, trong thời-kỳ một hai năm, Trung-hoa lại có một nhân-vật cả ảnh-hưởng với cuộc đời xuất-hiện là Lê Nguyên-Hồng; người nước ta phần nhiều người cho rằng Lê là một nhân-vật đã đủ làm đại-biêu cho cả nước Trung-hoa, thậm-chi có một hạng người cho Lê là bậc đại-vĩ-nhân mà gọi Lê là Hoa-Thịnh-Đốn, nhưng kỳ-thực lại không phải thế. Về khoảng ngót mười năm gần đây, Trung-hoa lại có một nhân-vật cả ảnh-hưởng với cuộc đời xuất-hiện là Tưởng Giới-Thạch; người nước ta phần nhiều người cho rằng Tưởng là một nhân-vật đã đủ làm đại-biêu cho cả nước Trung-hoa, thậm-chi có một hạng người cho Tưởng là một bậc đại-anh-hùng mà gọi Tưởng là Tất Sĩ-Mạch, nhưng kỳ-thực lại

không phải thế. Thời-kỳ họ Lý họ Lê là thời-kỳ ký-vãng, nhân-vật họ Lý họ Lê thiên-hạ đã có công-luận, nay ăn cơm mới, chẳng muốn giở-dời truyện cũ làm gì nữa, có chăng chỉ nhân-vật họ Tưởng ngày nay là nên bàn ra nói vào một chút, khiến cho vui truyện mà thôi.

Người ta bảo rằng người đã chết rồi sau nết hầy còn, chứ Tưởng Giới-Thạch là người hiện-thời, đương sống mà làm việc đời, công-cuộc thành-bại cho đến dấu-vết thiện - ác còn chưa rõ - ràng, những tiếng thị-phi cũng không lấy gì làm bằng-cứ. Một nhân-vật suốt cả đời chê, chưa tất đã không phải là kẻ vĩ-nhân; một nhân-vật suốt cả đời khen, chưa tất đã không phải là kẻ tầm-thường, vậy thì nhân-vật Tưởng Giới-Thạch cũng không có thể đã vội đoán-định được. Tuy vậy người quân-tử đối với cuộc đời cũng nên có công-phu nghiên-cứu, đề cầu lấy cái chân-lý trong một thời-kỳ, hay là cái chân-tướng của một nhân-vật, để quan-sát dần dần, ngổ-hầu mới có ích, tướng không nên học những thói lười biếng, đối với cuộc đời không chịu quan-sát một cách thành-thực sâu xa, biết nửa chừng biết cả, biết một chưa

biết mười, phê-phán một cách ngông-cuồng ba-hoa, không khỏi là lối người lùn xem đám.

Cái thói lười biếng ấy có hại gì không? Thưa rằng không phải là không có hại. Một là hại về đường ngôn-luận mất câu truyện chính-đáng, hai là hại về đường tâm-thuật không khỏi có điều thiên-lệch, ba là hại về đường trí-tuệ không khỏi có điều chướng-ngại. Thi-dụ ché người ấy như bùn mà cái hay của người ấy làm mất đi, hay hoặc khen người ấy như trời mà cái dở của người ấy lại không biết; phạm những thói ấy đều có hại cho sự học-vấn.

Luận-ngữ có câu rằng: « Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư yên, trạch kỳ thiện giả nhi lòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi 三人同行必有我師焉。擇其善者而從之。其不善者而改之 」。 Nghĩa là trong ba người cùng đi, tất có thầy ta ở đó. ta nên đủ có mắt sáng trí khôn để quan-sát, rồi chọn người thiện mà theo, biết người bất-thiện mà răn đời, thì người thiện và người bất-thiện đều là thầy ta cả, ấy là cái phép học-vấn của ông Khổng vậy. Phương-chi một nhân-vật kia đồng-thời với ta, ta hằng ngày được xem lịch-sử người ấy, hằng ngày được nghe hành-vi người ấy, ta lại chẳng nên đủ có mắt sáng trí khôn quan-sát để giúp cho sự học-vấn của ta hay sao?

Trung-hoa là một nước có văn-minh cổ, vốn rực-rỡ ở phương Đông, chẳng may gặp lúc suy-bĩ, bọn quân-phiệt mỗi người cát-cứ một địa-phương, sự chiến-tranh hồ như cơm bữa. Gần mấy năm nay thì sự bị người ngoài lấn khinh lại càng tệ lắm. Người thức-giả trong thế-giới quan-sát cuộc đời, đối với thời-cục Trung-hoa ai là chẳng vì Trung-hoa mong cho có nhân-vật khá xuất-hiện, ngô-hầu Trung-hoa mới có cơ-hội thống-nhất, hi-vọng trị-bình, ấy cũng là cái lòng tốt và cái lòng chung

của nhân-loại. Cho nên gần mới đây đối Tướng Giới-Thạch ai nấy đều có đề mắt ít nhiều, cũng không phải là không có cơ. Duy nhân-vật Tướng Giới-Thạch thế nào thì cũng chưa có thể vội-vàng đoán-định được, tức như trên kia đã nói. Chỉ có thể kể ra những điều ưu-diễm và mấy điều liệt-diễm của họ Tướng, theo sự thực bàn ra, tuy có lời so-sánh phê-phán, nhưng cũng là một mớ tài-liệu cho phương-diện quan-sát mà thôi, xin duyệt-giả cũng hiểu cho ý ấy.

Tướng Giới-Thạch là một vai đệ-tử thân-thiết quan-hệ của Tôn Dật-Tiên. Tôn Dật-Tiên đối với Tướng Giới-Thạch cũng như Chư-Cát Vũ-Hầu đối với Khương Bá-Uớc, Tăng Quốc-Phiên đối với Lý Hồng-Chương. Họ Khương, họ Lý, họ Tướng đều là người nối theo chí thầy mà gánh vác việc đời, thật là thiên-cổ thầy ấy, thiên-cổ trò ấy. Tướng là người cương-ng nghị nhần-nại và có cơ-muru, theo đời nghề cách-mệnh đã lâu năm, thực là đã lịch-duyet gian-nan, không phải là nhân-vật mấy năm nay mới xuất-hiện. Tướng là một nhà quân-sự và chính-trị, nhất là về đường quân-sự giáo-dục thì căn-cứ ở trường học Hoàng-phổ để gây luyện nhân-tài. Cho nên trong quân Tướng Giới-Thạch từ quân-quan cho đến binh-lính phần nhiều có căn-bản giáo-dục hần-hoi, không như kẻ quân-phiệt khác làm-thời triệu-mộ những quân ô-hợp.

Tướng lại từng khuyên-bảo các tướng trong bộ-hạ nên đọc sách Vương Dương-Minh và sách Tăng Quốc-Phiên để làm khuôn-mẫu cho kẻ quân-nhân. Ông Vương ông Tăng đều là hai vị danh-nho danh-tướng triều Minh Thanh, cái hoài-bảo của Tướng cũng khá biết. Tướng cũng cơ-hồ là một ông tướng nhà nho, không phải toàn là lối mới cả. Nhân-vật Tướng cũng là nhân-vật thích-hợp về buổi tân-cựu giao-thời. Trước cờ Tướng ở đất Trung-

hoa trong mấy năm nay, không kẻ nào dám tranh-cường, cũng không phải là không có cơ.

Tôn Dật-Tiên khi mất có di-chức đem toàn-thể công việc cách-mệnh giao cả cho Trương, vai Trương tướng-quân mới vén màn ra sân-khấu, thanh-danh họ Trương từ đây mới lừng-lẫy. Bắt đầu tiến quân mặt đông-giang phá Trần Quýnh-Minh, thống-nhất được toàn tỉnh Quảng đông, đó là công-danh họ Trương lần thứ nhất. Rồi tiến quân lên Hồ-bắc đánh Ngô Bội-Phu, thu được hình-thể thượng-lưu sông Trảng-giang, đó là công-danh họ Trương lần thứ hai. Liền thuận dòng xuôi gió tiến phá Nam-kinh, đuổi Tôn Truyền-Phương, tở-chức Nam-kinh chính-phủ, đó là công-danh họ Trương lần thứ ba. Đề-huê với Diêm, Phùng, tiến đánh Trương Tác-Lâm, khiến cho Bắc-kinh là chỗ sào-huyệt của bọn quân-phiệt bấy lâu, đã phải khuất-phục ở dưới bóng cờ thanh-thiên bạch-nhật, đó là công-danh họ Trương lần thứ tư. Rồi ngựa lên Từ-châu, một tay phá đồ hai kẻ quật-cường phản-đối là Diêm Tích-Sơn với Phùng Ngọc-Tường, làm cho bọn quân-phiệt cũ hết thói hung-hăng, đó là công-danh họ Trương lần thứ năm.

Trương có ba lần từ chức, lần thứ nhất ngao-du nước Nhật-bản, lần thứ hai tiêu-dao ở chùa Kim chùa Tiêu, lần thứ ba về quê ở Phụng-hóa. Nên biết rằng những kẻ quyền-mưu họ từ chức, phần nhiều là cái danh-từ đấy mà thôi, chứ thế-lực họ vẫn căn-cứ vững-vàng, chưa khi nào họ đã chịu ném hẳn con dao sát-sinh, đứng yên đấy mà thành Phật. Nhưng dù thế nào mặc lòng, xem ra thì Trương cũng là người biết nuôi cái khí hiệu-nhiên, khi tiến khi thoái lúc nào cũng thông-dong, mà đối với việc thiên-hạ lúc nào cũng dự-dự, không như những hạng người bề ngoài mạnh-giỏi bề trong

khô-khan, như Viên Thế-Khải, Đoàn Kỳ-Thụy, hạng ấy đều bất-cập Trương vậy.

Trung-hoa từ hồi Dân quốc xuất-hiện, khoảng 20 năm, trừ một thời-kỳ Viên Thế-Khải ra không kể, còn thì cơ-hồ hãm vào địa-vị vô-chính-phủ. Tự khi Nam-kinh chính-phủ thành-lập về sau, đối-nội thì cuộc thống-nhất đã có cơ hi-vọng, đối-ngoại thì bạn-liệt-quốc đã có nền giao-thiệp. Trung-hoa đương cái thời-kỳ cơ-hồ vô-chính-phủ mà làm ra cái thời-kỳ có chính-phủ ấy, cái công ở ai? Chắc ai cũng phải bảo rằng công Trương là đứng đầu.

Những điều kể ra như trên, ai bảo rằng không phải là những điều ưu-điểm của họ Trương.

Tuy vậy, hiện nay thì thanh-thế Nam-kinh cũng chưa lấy gì làm tôn-nghiêm, cơ-sở Nam-kinh cũng chưa lấy gì làm vững-vàng cho lắm, mà thế-lực Trương trừ chín tỉnh là phạm-vi của Trương ra không kể, còn thì cũng có nhiều nơi chưa chịu hợp-tác với Nam-kinh mà nghe mệnh-lệnh Trương. Gần mấy năm nay những cuộc đảo-Trương thường thấy xuất-hiện luôn luôn, mà những kẻ bất-phục Trương càng ngày càng thấy nhiều hơn lên, cái chí thống-nhất Trung-hoa của Trương, biết đâu sau này lại khéo chỉ là giấc mộng mà thôi. Gia-đĩ Trung-hoa trong mấy năm nay xảy ra những việc biến-cố tầy trời, nào là Nhật-bản gây sự ở Mãn-châu Thượng-hải, nào là đảng Cộng-sản quấy rối ở miền nam bắc sông Trảng-giang. Những sự biến ấy xảy ra, chỉ đủ làm khốn-quần cái thủ-đoạn cho Trương, và làm khô-tâm cho Trương, mà cái tiếng thị-phi trên cuộc đời của Trương lại càng thấy om-xòm. Tức như những câu truyện mới rồi, người thì đem việc bảo-toàn được Thượng-hải qui-công cho Trương, người thì trách Trương không hết lòng cứu giúp Thập-cửu-lộ quân mà thóa-



mà Tướng là Tần Cối ; người thì chê Tướng là dung-lung công-sản, người thì khen Tướng là đảng quốc cao-thành, mà vì Tướng với Khương Tử-Nha. Những lời thị phi trên cuộc đời ấy, người thâm-thức cũng nên gác để ngoài tai, vì những lời khen chê ấy cũng không lấy gì làm chắc bẻ, mà lịch-sử họ Tướng tương-lai còn xuất-hiện chưa cùng, sao đã có thể kết-luận được. Ngay nay chỉ có thể xét những điều hành-vi thuộc về trên bản-thân của Tướng, mà bàn ra điều này là ưu-điểm, điều này là liệt-điểm mà thôi.

Câu rằng : « Bắc phương hữu giai-nhân, tuyệt thế nhi độc lập, giá đã nên nhất-tiểu khuynh thành. Khen cho tài mà lại tiếc cho tình, còn chen-chức cuộc đời chi mãi tá ? », đem câu ấy mà phê-phán vào thân-thế họ Tướng ngày nay thì thực cũng là đúng quá. Cho nên kể về những điều ưu-điểm của họ Tướng thì thực cũng khá khen, mà kể về những điều liệt-điểm thì thực cũng khá tiếc. Nhất là điều bỏ vợ cũ mà lấy vợ mới. Ai ôi ! có từng đọc Hán-sử đấy không ? Đời Đông-Hán bà Hồ-Dương công-chúa là chị vua Quang-vũ, người đẹp mà mới hóa chồng, đầu còn xanh tuổi còn trẻ, vua có hỏi công-chúa rằng : « Chị xem các quan văn-vũ trong triều ai là người xứng-ý chị, thì chị nói cho trẫm biết để trẫm sẽ vì chị đứng giữa làm kẻ băng-nhân ? » Công-chúa có ngỏ ý rằng : « Tôi xem có tước Tống-công dung-mạo uy-nghi đức-hạnh thịnh tốt, các bề-tôi trong triều không ai kịp cả ». Thế là công-chúa đã ưng-ý với Tống Hoảng lắm, mà cái phú-quí của Tống Hoảng nay mai có lẽ một đã rục-rở lên mười.

Một hôm vua triệu Tống Hoảng vào triều để nói chuyện, mà công-chúa thì đứng náu ở sau bức bình-phong để nghe chuyện. Bắt đầu vua trỏm hỏi Tống Hoảng rằng : « Lúc giàu thì đổi bạn, lúc sang thì đổi vợ, cái đó cũng là cái

thường-tình của người ta đấy phải không ? » Hay đầu Tống Hoảng liền tỏ ra lời nghiêm-chính mà lâu lại rằng : « Hàn-tiên chi giao bất khả vong, lao-khang chi thế bất khả hạ đường 貧賤之交不可忘 糟糠之妻不可下堂 ». Nghĩa là người bạn chơi với nhau từ lúc nghèo hèn, đến lúc phú-quí chẳng nên quên nhau. Người vợ lấy nhau từ thuở tấm cám, đến lúc hiển-vinh chẳng nên bỏ nhau. Vua Quang-vũ thấy lời đoan-chính không dám ép nài, mới đoái lại bức bình-phong bảo công-chúa rằng : « Việc chẳng xong vậy ».

Lời Tống Hoảng nói đó chẳng những là điều thịnh-đức nhất-thời mà lại là điều danh-ngôn thiên-cổ, chẳng những là thích-hợp về luân-lý của Đông-phương mà lại là thích-hợp cả luân-lý của thế-giới nữa. Người trong thế-giới dù thánh hiền thế nào, cũng không thể qua điều ấy mà lập nên phạm-cách được. Họ Tướng thì lại chẳng thế. Tướng đã có người vợ họ Diêu lấy nhau từ thuở gian-nan, đã có hai con trai, người con lớn là Tướng Kinh-Quốc tuổi đã ngót 20. Khi Tướng đã đánh được Nam-kinh tở-chức chính-phủ, thân làm chủ-tịch, thanh-danh lừng lẫy, có người con gái họ Tống tên là Mĩ-Linh ngỏ lời ao-ước muốn lấy được người chồng anh-hùng như Tướng Giới-Thạch. Lại gì cái thói con gái nhà giàu xưa nay, gặp buổi thiên-hạ thái-bình thì ao-ước những ông nghề ông cống mới đỗ, gặp buổi thiên-hạ loạn thì ao ước những vị tướng-quân mới ra đời, cũng là cái thói mua chồng của các ả, chẳng lạ gì cả. Tướng liền cùng với Diêu-thị chính-thức li-hôn, rước Tống Mĩ-Linh về làm vợ, rồi nàng Diêu-thị dắt người con trai bé đi ra ở chùa làm vị nữ-ni. Sau này quốc-gia của họ Tướng. xã-hội của họ Tướng thế nào chưa khá biết, hiện nay thì gia-đình của họ Tướng đã khá biết vậy.

Tướng Giới-Thạch mà là hạng nhân-vật văn-minh, thì Tống Hoảng tất nhiên là nhân-vật hủ-bại. Nay muốn chê Tống Hoảng là hủ-bại chẳng biết công-luận của nghìn thu, công-luận của thế-giới có dung không? Hoặc có kẻ bảo rằng Tướng đối với họ Tống vì sắc thì ít, vì của thì nhiều. Nhưng không biết Tướng nếu đã ra tay cứu vớt thiên-hạ thì của đồng-bào tức là của mình, hà-lắm có của họ Tống mới cứu vớt được thiên-hạ. Kinh Dịch có câu rằng: « *Kiến kim phu bất hữu cung* 見金夫不有躬 », nghĩa là thấy kẻ nhiều vàng thì chẳng biết có mình nữa, đó là lời chê những kẻ làm nô-lệ cho thoi vàng vậy.

Tướng tự hồi bỏ vợ về sau, những bạn thân với Tướng như là Đường Sinh Trí; Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi, Trương Phát-Khuê, kế tiếp nhau hành-dộng việc phản Tướng, bề ngoài thì là thời-cực, bề trong thì là tâm-lý, điều đó cũng chứa mấy người xét ra. Người danh-nho nhà Minh là ông Phương Chính-Học có câu thơ rằng: « *Tao khạng chi thể thượng như thử, bản-tiền chi giao khả tri hĩ* 糟糠之妻尚如此·貧賤之交可知矣 ». Nghĩa là vợ anh như ngọc như ngà, anh còn ruồng-rẫy nữa là thân tôi. » Nhân-tâm chán họ Tướng, há chẳng phải vì thế. Sẽ biết rằng việc tu-thân lễ-gia, cũng có quan-hệ với việc trị-quốc bình-thiên-hạ vậy.

Lại như điều bỏ giáo cũ mà theo giáo mới. Ai ôi, có từng đọc Minh-sử đấy không? Hồi Minh-mạt nhà Thanh đã chiếm-cứ Bắc-kinh, nhà Minh còn giữ được bờ cõi Giang-nam, có một viên tướng nhà Minh là Lý Thành-Đổng đã từng đem thân bách-chiến vào sinh ra tử chống với nhà Thanh. Lý có một người vợ thường ở trong quân, kỳ-thủy xui Lý đi hàng nhà Thanh, Lý tức khắc cuốn cờ bỏ giáp đi hàng nhà Thanh. Nhà Thanh lại dùng Lý làm

tướng đi đánh nhà Minh. Được ít lâu người vợ lại tỏ ý ngậm-ngùi, hỏi ra thì nói rằng: « Trước kia tướng-quân đội mũ trụ, mặc áo kim-giáp, đeo ấn hồ-phù, theo phục-chế nhà Minh, râu hùm hàm én, đường-đường là một đấng trượng-phu. Ngày nay tướng-quân theo lối nhà Thanh, cạo đầu róc tóc, áo cộc quần đùi, mày râu nhẵn cấc, thiếp tôi trông xấu lắm, vì thế nên buồn rầu ». Lý lại tức khặc phản nhà Thanh về với nhà Minh. Chẳng bao lâu nhà Minh mất, Lý cũng chẳng ai biết là đi đâu. Chao ôi! Người quân-tử cũng không dám lấy sự thành bại mà luận kẻ anh-hùng. Nhưng chỉ trách Lý là người khi tới khi bỏ sao khinh-dị như vậy. Chẳng hay Lý trong lòng có tín-ngưỡng gì không? hay là chỉ theo ý một người vợ dấy thôi. Xem vậy thì Lý thuở bình-sinh không tín-ngưỡng gì cả, há Tướng mà lại cũng như thế dư?!

Tướng từng khuyên bảo chư-tướng đọc sách Vương Dương-Minh, Tăng Quốc-Phiên, Tướng đối với hai vị danh-nho ấy há không có lòng tín-ngưỡng dấy dư? Tướng khi ở Nam-kinh thì thường tiêu-dao lảng kệ ở chùa Kim chùa Tiêu, khi lên Bắc-bình thì nằm nghe kinh ở chùa Bích-vân mà không tiếp truyện ai cả. Người ngoại-quốc khi ấy đã có lời phẩm-bình rằng: « Trung-hoa đồng-thời có ba người tướng giỏi mà theo ba tôn-giáo: Phùng Ngọc-Tường theo đạo Cơ-đốc, Bạch Sùng-Hi theo đạo Hồi, Tướng Giới-Thạch theo đạo Phật, cũng là một sự kỳ » Tướng khi ấy đối với Di-đà Bồ-tát lại chẳng có lòng tín-ngưỡng dấy dư? Nhất-dân chính-thức theo ngay đạo Cơ-đốc, chừng cũng là vì cơ-hộ Tướng đã làm rẻ họ Tống đấy chẳng?

Phàm bắt đầu đi theo tôn-giáo, tất phải đứng trước thần-vị giáo chủ mà phát-thệ rằng: « Tông-tiền tội ác của tôi, tôi xin cải-hối đi hết. Từ rày trở

đi, tôi xin giốc một lòng theo một đạo, làm hi-sinh trong bản-giáo ». Như thế mới là chính-thức theo giáo. Họ Tướng tuổi không phải là còn ít, lịch-duyet không phải là còn chưa thắm, học-thức không phải là còn chưa có, công-danh sự-nghiệp không phải là còn bé nhỏ, thế mà nhất-đán đã đem cái tinh-thần và cái thân-thể rũ sạch láng-láng, thì ra họ Tướng thuở bình-sinh cũng không tin-ngưỡng gì cả. Vì khiến một ngày kia, Tướng lại lấy được người vợ nữa, giàu hơn đẹp hơn Tống Mĩ-Linh, mà nhà người vợ ấy lại theo đạo Hồi, thì khi ấy Tướng xử-trí làm sao, điều đó thì may cũng dự biết được vậy. Nói đây không phải là có ý cho tôn-giáo nào là hơn, tôn-giáo nào là kém, chỉ khuyên người đã theo tôn-giáo thì nên có lòng tin-ngưỡng mà thôi. Hoặc lại có người bảo rằng việc tin-giáo là việc tự-do; nhưng không biết rằng ai tin về giáo nào thì có quyền hành-động trong giáo ấy, không được xâm-phạm lẫn nhau, thế mới là tin-giáo tự-do. Nếu nay theo giáo này, mai theo giáo khác, coi sự theo giáo như trở bàn tay thì là phường giả-dối, trước là dối thượng-đế, dối giáo-chủ, dối thiên-hạ, sau là dối mình, không phải là tin-giáo tự-do vậy. Há Tướng mà lại hiểu lầm chữ tự-do?

Lại như điều bỏ tù bạn đồng-chí, tức như việc bắt gia n Lý Tế-Thâm và Hồ Hán-Dân. Lý Tế-Thâm vốn là người bạn thân rất đặc-lực của Tướng. Khi tướng đi bắc-phạt thì Lý tọa-trấn Quảng-dông, Lý lại có công tiễn-trừ nạn Cộng-sản, thu-phục thành Quảng-dông, Lý cũng là một nhân-vật trụ-trạch cho đảng-quốc. Khi phái Vũ Hán và phái Nam-kinh có cơ xung-đột với nhau, thời-cực rất là nghiêm trọng, khi ấy Lý tự Quảng-dông thân-hành đến Nam-kinh đứng giữa làm kẻ điều-đinh. Thế là Lý đã có lòng tin Tướng, hay đâu Tướng lại đem lòng ngờ Lý,

một mặt thì Tướng tự đốc quân đi đánh Vũ Hán, một mặt thì sai quân bắt Lý giam lại ở Thang-sơn, không hỏi phải trái gì cả. Lý tự phen bị nhục về sau, đã mất cả nghĩa-vụ làm việc nước, lại mất cả quyền tự-do. Từ đây bọn quân-nhân các phái đối với Tướng dường như đã mất cả lòng tin. Phùng Ngọc-Tường đã tuyên-bố ra miệng cho rằng việc giam bắt Lý Tế-Thâm thực là một bài học hay cho bọn quân-nhân lĩnh-tự ở miền bắc. Kể xem cuộc đời chỉ tiếc thay cho Diêm Tích-Sơn bấy lâu vẫn là kẻ nhân-nhượng, nếu không có việc bắt giam Lý Tế-Thâm, thì Diêm chưa tất khi nào đã đề-huê với Phùng mà gây nên cuộc « Diêm-Phùng đảo Tướng » động-địa kinh-thiên năm nọ. Tướng đối với Lý lần ấy đã là quá lắm rồi, ngờ đâu lại đến lần sau đối với Hồ Hán-Dân nữa.

Hồ thuộc về phái nguyên-lão trong đảng, đối với Tôn Dật-Tiên là bạn chí-thân, đối với Tướng là bậc tiền-bối. Hồ tuy không phải là vũ-nhân, nhưng sự-nghiệp công-lao cũng là một vai Tôn Dật-Tiên thứ hai trong đảng. Ông Tinh-Vệ còn thuộc về phái tả, đối với Tướng còn nhiều phen tỏ ý bất-hiệp-tác; đến như Hồ thì tự thủ chí chung, nhất-thiết đều trợ-lực trung-ương mà tán-thành cho Tướng. Chỉ vì một pheo hội-nghị ý-kiến bất-hợp, Tướng thì cho rằng thời-kỳ huấn-chính đã qua, muốn cho quốc-dân tham-lự chính quyền. Hồ thì cho rằng thời-kỳ còn sớm quá, hăng nên giữ cái chế-độ lấy đảng trị nước. Tướng khi ấy chẳng tỏ ý điều-đinh gì cả, tức-khắc đem quân-đội vây nhà Hồ, cướp hẳn cái quyền tự-do của Hồ. Tướng đối với một vai nguyên-lão trong đảng-quốc, mà thi-hành cái thủ-đoạn bất-cận-nhân-tình như vậy, chẳng là vụng lắm ru! Quả-nhiên những vai yếu-nhân trong Nam-kinh như là Tôn Khoa, Cổ Ưng Phần, các người xưa nay vẫn tán-thành cho

Tướng, đến khi ấy chạy cả về Quảng-đông, mới thành ra cuộc Quảng-đông độc-lập, đến nay vẫn còn giải-quyết chưa xong.

Tướng làm như vậy, thực cũng không ích gì cho Tướng, chỉ đủ làm lan-chan vỡ-lổ cho thời-cục mà thôi. Cồ-ngữ có câu rằng: «*Thiên-hạ bản vô sự, dụng-nhân tự nhiên; chi* 天下本無事, 庸人自擾之», nghĩa là thiên-hạ vốn yên lặng không việc, tự kẻ tầm-thường làm rối loạn ra, lời ấy thật là đúng quá. Vả chẳng, tự xưa đến nay kẻ anh-hùng làm việc thiên-hạ, không ai có làm cái thủ-đoạn ấy bao giờ. Thủ-đoạn ấy thi-hành với người khác cũng còn là không nên, nữa là thi-hành với bạn đồng-chí, thì cái lỗi lại càng to lắm.

Chẳng xem Tào Tháo đối với Quan-công, Quan-công vốn không phải là kẻ đồng-chí gì với Tào Tháo, nhưng Tào Tháo yêu kẻ có tài cho nên khi Quan-công ở thì Tào Tháo hết lòng chiều đãi; Tào Tháo lại kinh kẻ có chí, cho nên khi Quan-công đi Tào Tháo không hạ lệnh đuổi bắt, dường như vẫn tôn-trọng cái quyền tự-do của Quan-công, điều ấy thì Tào Tháo độ-lượng dường nào.

Lại chẳng xem Tào Tháo đối với Nễ Hành, Nễ Hành là một vai tuyệt-đối trái-ngược với Tào Tháo, thường mắng mỏ Tào Tháo một cách nhục-nhẫn, Tào Tháo muốn trừ tuyệt Nễ Hành, nhưng lại nghĩ rằng người ấy hơi có danh-vọng, sợ thiên-hạ lại bảo ta chẳng bao-dung được kẻ hiền-tài, mới đem Nễ Hành tặng cho Lưu Biểu. Lưu Biểu lại đem Nễ Hành tặng cho Hoảng-Tồ. Hoảng-Tồ tính nóng, Nễ-Hành tính hiền, chẳng bao lâu Nễ Hành chết ở tay Hoảng-Tồ, mà Tào Tháo vẫn tránh khỏi được tính ác, điều ấy thì Tào Tháo khôn-khéo dường nào. Đó là kẻ về cái thủ-đoạn kẻ gian-hùng đấy mà thôi, song le xem cho kỹ ra thì Tướng cũng còn chứ được là kẻ gian-hùng.

Lại như điều khiển cả nước thờ Tôn Văn. Tôn Dật-Tiên là một bậc vĩ-nhân Trung-hoa hồi Dân-quốc này đấy thật, nhưng chỉ là một vai thủ-lĩnh cách-mệnh phong-vân nhất-thời mà thôi, không phải là bậc thánh-triết như ông Khổng-tử, Thích-ca, đã làm lợi cho thiên-hạ vạn-thế gì. Người Trung-hoa ghi nhớ Tôn-Văn sùng-bái Tôn-Văn là phải, chứ khiến cả nước ai nấy đều phải thờ Tôn-Văn như một vị giáo-chủ thì chưa tất đã phải. Họ Tướng đối với Tôn-Văn, chỉ nên như lũ Dương Nghi, Khương Bá-Ước đối với Chư-Cát Vũ-Hầu mà tuân theo cái cầm-nang di-kế, như thế cũng đủ xưng-đáng nghĩa thầy trò, vẻ vang với thiên-cổ, hà tất cưỡng-bách người nước ai ai cũng phải thờ. Nên biết rằng sự thờ là sự người ta bằng lòng cảm-phục, không đợi phải cưỡng-bách, tức như ông Khổng-tử ông Thích-ca, nào phải cưỡng-bách ai, mà ai ai cũng thờ.

Tôn Dật-Tiên khi mất có để lại một cuốn sách, trong nói về chủ-nghĩa tam dân, là dân-quyền, dân-trí, dân-sinh, và hiến-pháp ngũ-quyền. là lập-pháp-quyền, tư-pháp-quyền, hành-chính-quyền, giám-sát-quyền, khảo-thi-quyền. Cuốn sách ấy hay dở thế nào, không hề phải bàn, chỉ biết rằng cuốn sách ấy tức là cái di-sách của Tôn-Văn, cũng như cái cầm-nang di-kế của Chư-Cát Vũ-hầu mà thôi, nên gọi là Tôn-Văn di-sách thì phải, chứ gọi là Tôn-Văn học-thuyết thì chưa tất đã phải. Nên biết rằng hai chữ học-thuyết to lắm, phi những bậc thánh-triết không đương nổi. Tôn-Văn có phải là Khổng-tử, Lão-tử, Quán-tử, Mặc-tử đấy không, mà khoe học-thuyết của mình. Họ Tướng có phải là Hữu-tử, Tăng-tử, Nhan-tử, Mạnh-tử đấy không, mà phô học-thuyết của thầy, điều đó đã có công-luận.

Tóm lại họ Tướng đã phải là bậc vĩ-nhân hay chưa, điều đó cũng chưa

dám đoán-định. Vì lịch-sử họ Trương tương-lai xuất-hiện chửa cùng, tức như trên kia đã nói. Duy chỉ biết rằng vĩ-nhân Trung-hoa, vĩ-nhân thế-giới tự xưa đến nay đều không phạm vào những điều liệt-điểm của họ Trương cả, thế thì nhân-vật họ Trương há chẳng

có thể đoán-định được quá nửa rồi đấy ư ?

Nhân khi thanh-nhân khảo-sát đến nhân-vật Trung-hoa ngày nay, đem lịch-sử họ Trương bàn ra để làm câu chuyện mua vui và làm bài học có ích.

TÔNG-VĂN

## VIỆT-NAM ĐỊA-DU NGŨ NGÔN THİ (1)

### 越南地輿五言詩

#### II

#### TIẾT THỨ XIII

##### Nhân-vật

Trời ta là trời báu,  
Đất ta là đất linh;  
Núi non nung tú-khí,  
Sông biển đúc tinh-anh.  
Anh-hùng không thiếu kẻ,  
Anh-thư cũng lắm người;  
Đời đời thường xuất-hiện,  
Nay tạm kê một hai.  
Thiên-thần-vương Phù-đồng,  
Ba tuổi địch muôn người;  
Gươm vàng mài dưới nguyệt,  
Ngựa sắt thét trong mây.  
Dân Nam cùng tụng đức,  
Giặc Bắc vẫn kinh tài;  
Non Linh ghi thánh-tích,  
Sông Đứơc dấy thần-oai.  
Lý Ông-Trọng Thụy-hương,  
Hai trượng cao nhất đời;  
Thành dài muôn dặm đất,  
Tiếng khét bốn phương trời.  
Tần-hoàng ghê dũng-lực,  
Hồ-tặc khiếp uy-linh;  
Tượng đồng còn để dấu,  
Bia đá vẫn lưu-danh.  
Đường-lâm Ngô-vương Quyền,  
Trí-dũng thật khác thường;

Chông sắt phá Nam-Hán,  
Im lặng sóng Đàng-giang.  
Sơn-nam Trần Hưng-đạo,  
Văn-vũ tài vô-địch;  
Gươm thần phá Hồ-Nguyên,  
Vang rung non Dục-lĩnh.  
Đình Tiên-hoàng Hoa-lư,  
Cờ lau ra dẹp loạn;  
Mười hai quan Sứ-quân,  
Mây bay và tuyết tán.  
Lê Thái-tổ Lam-sơn,  
Thần-kiếm ra trừ tàn;  
Và vạn quân Minh-khẩu,  
Ngói trụt và giá tan.  
Thanh-trì Chu Văn-An,  
Là một bậc nho-thuần;  
Tờ sớ « thất-trăm » dâng,  
Tur-văn động quỷ-thần.  
Mộ-trạch Lê Cảnh-Tuân,  
Là một nha trung-liệt;  
Tờ thư « Vạn-ngôn » ghi,  
Trung-trình treo nhật-nguyệt.  
Xét trong vài người đó,  
Lỗi-lạc trong bọn trai;  
Phông đem mà nói hết,  
Hàng xe chở chẳng đầy.  
Nhị Trung đất Mi-linh,  
Khăn yếm mà cờ trống;  
Nhẹ-nhàng vô ngựa bay,  
Đuôi Hán coi hùng-dũng.

(1) Xem Nam-Phong số 177.

Sức kéo xoay lại đất,  
Tài ngang bạc vãi trời ;  
Ba thu lên tự-chủ.  
Bốn bề động hùng-oai.

Triệu Âu người Thanh-hóa,  
Kim chỉ mà cung-đao ;  
Đùng-dĩnh đầu voi cưỡi,  
Đánh Ngô chí cũng hào.

Non Nam tài nữ-kiệt,  
Bề Lệ tiếng Bà-vương ;  
Nghìn thu bia đề dấu,  
Muôn thuở sử treo gương.

Bắc-ninh Đoàn Thị-Điêm,  
Tài văn hay lạ-lùng ;  
Giá kén vào đình-đối,  
Danh cao chốn bảng rồng.

Bình-định Trần Thị-Quyên,  
Nữ-nhi mà hiếu-mộ ;  
Vì mẹ kể chi mình,  
Dám xông đánh mãnh-hồ

Nguyễn Thị-Hai Đông-ngạc,  
Không chịu dè thân nhục ;  
Tiếng mắng quân giặc tàn,  
Còn vang cả cồn sóng.

Yên-mô Phạm Thị-Công,  
Là bậc biết kinh-quyền ;  
Gặp vua khi tránh nạn,  
Hiển dầy dề kéo thuyền.

Phan Thị-Thuấn Thúy-ái,  
Đành mình chịu thác trong ;  
Tuần-tiết cùng phu-tướng,  
Lòng trinh in giữa dòng

Hà-tiên Nguyễn Thị-Dung,  
Là người tài thao-lược ;  
Gặp khi động biên-thùy,  
Hộ lương dề đánh giặc.

Xét trong vài người này,  
Trác-lạc trong bọn gái ;  
Phông đem mà tính ra,  
Đấu lường cũng còn khối.

Khảo-cứu trong kim-cổ,  
Đã biết các danh-nhân ;  
Phải nên suy cho rộng,  
Xem chính-thề quân-dân.

## TIẾT THỨ XIV

## Quân-chính quan-chế

Đất có nước nghìn muôn,  
Trời sinh dân ức triệu ;  
Phải đặt ra vua quan,  
Thi-hành cách chính-giáo.

Xét chính-thề nước ta,  
Vốn là nước quân-chủ ;  
Mỗi triều một kỷ-cương,  
Mỗi đời một chế-độ.

Phàm muôn công-việc làm,  
Đều tự vua xử-trí ;  
Cùng trăm hàng quan tư,  
Giúp đỡ việc chính-trị.

Kề tự vua Hùng-vương,  
Ban đầu ra khai-sáng ;  
Tướng văn là Lạc-hầu,  
Tướng vũ là Lạc-tướng.

Hữu-tư là Bồ-chính,  
Thế truyền là Phụ-đạo ;  
Trăm hàng quan từ đây,  
Mới tỏ rõ danh-hiệu.

Trải qua khi Bắc-thuộc,  
Đò-hộ đợc bao lâu ;  
Thứ-sử tiếng quan Hán,  
Ủy Lệnh tiếng quan Tàu.

Đò-hộ và Tiết-độ,  
Đều là tướng quan hương ;  
Xem sử Tàu cai-trị,  
Trong dạ nghĩ sâu thương.

Ngô-vương tự-lập lên,  
Chính bách-quan điều-qui ;  
Về vang mùi phục-sắc,  
Thực thiên-tử uy-nghi.

Đình-hoàng nhất-thống lên,  
Định ra phàm văn vũ ;  
Rực-rỡ về uy-nghi,  
Thực đế vương pháp-độ.

Lê triều khi trị vì,  
Quan-chế theo triều Tống ;  
Trần-triều khi đặc-quốc,  
Định bách-quan lương-bồng.  
Trong Tam-thái Tam-thiếu,  
Ngoài Tri-phán Tri-châu ;  
Các hàm quan-chế ấy,  
Là quan thuở Lý-triều.

Trong Lục-khoa Lục-bộ,  
 Ngoài Đô-ti Thừa-ti ;  
 Các phẩm quan-chế ấy,  
 Là quan thuở Lê-thì.  
 Hoàng Nguyễn nay long-hung,  
 Quan-chế rất tinh-mật ;  
 Kề từ nhất chí cửu,  
 Mỗi phẩm là hai trật.  
 Như chánh nhất tòng nhất,  
 Như chánh nhị tòng nhị ;  
 Dưới tam cho đến cửu,  
 Chánh tòng đều như thế.  
 Kề về hàng kinh-quan,  
 Trên nhất có tứ-diện ;  
 Căn-chính và Văn-minh,  
 Đông-các và Vũ-hiến.  
 Là quan đầu hàng văn,  
 Tức gọi là tứ-trụ ;  
 Bàn quân-quốc trọng-sự,  
 Hội thành Phụ-chính-phủ.  
 Nội-các châu tả-hữu,  
 Ra vào bằ mệnh vua ;  
 Cơ-mật giúp quân-quốc,  
 Chủ-thủ việc binh-cơ.  
 Lại có tòa Tam-pháp,  
 Cứu xét người bị oan ;  
 Cùng ngăn-gián quân-thượng,  
 Và đàn-hặc bách-quan.  
 Lại có tòa Lục-bộ,  
 Kén bề quan văn vũ ;  
 Coi giữ việc binh-lương,  
 Thi-hành các sự-vụ.  
 Sử-quán tu quốc-sử,  
 Có chánh phó tòng-tài ;  
 Biên-tu và Toán-tu,  
 Đều phải có sử-tài.  
 Quốc-học là quốc-giám,  
 Có Tế-tửu Tư-nghiệp ;  
 Dạy cử tú ấm-sinh,  
 Đều có lương bổng cấp.  
 Ngũ quân Chánh Đô-thống,  
 Chư-dinh Phó Đô-thống ;  
 Chư-dinh Đại Thống-chế,  
 Kinh-thành Đại Đê-dốc.  
 Là quan đầu hàng vũ,  
 Chủ-thủ việc hành-binh ;

Cùng với Cầm-y-vệ,  
 Phòng-thủ chốn hoàng-thành.  
 Phò-mã Đô-úy-quan,  
 Theo hầu xe ngự giá ;  
 Thiên-tử thị-vệ-quân,  
 Châu chực khi nhật dạ.  
 Kề về hàng ngoại-quan,  
 Tỉnh có ba quan lớn ;  
 Thủ-hiến là Tòng-dốc,  
 Bối-chính cùng Ân-sát.  
 Gọi là Phiên Niết-ty,  
 Có Thông Kinh bát cửu ;  
 Kinh-lý trong tỉnh hạt,  
 Tư-vấn và thông-báo.  
 Đê-dốc và Lĩnh-binh,  
 Quân-cơ và Hiệp-quân ;  
 Đốc-suất các cơ-binh,  
 Phòng-thủ trong tỉnh-hạt.  
 Phủ có quan Tri-phủ,  
 Huyện có quan Tri-huyện ;  
 Kiêm-lý trong phủ huyện,  
 Thừa-hành trên tỉnh-hiến.  
 Có Thông-lại Đê-lại,  
 Có trú-binh lệ-binh ;  
 Trông coi trong địa-hạt,  
 Tư-vấn và tuần-hành.  
 Tòng có chánh phó-tòng,  
 Coi việc trong tòng-nội ;  
 Xã có lý phó-trưởng,  
 Trông việc trong xã-nội.  
 Đó là các quan trưởng,  
 Nói về bên chính-trị ;  
 Còn về phần giáo-ban,  
 Cũng lại càng quan-hệ.  
 Tỉnh có quan Đốc-học,  
 Phủ huyện có Huấn, Giáo ;  
 Trông coi việc dạy học,  
 Và mọi việc hạch-khảo.  
 Các chức ở trên đó,  
 Đều là thường-thiết đây ;  
 Còn các chức quyền-thiết,  
 Kề ra như sau này :  
 Phụng-mệnh đi kinh-lý,  
 Là Kinh-lược Khâm-sai ;  
 Quyền-hành rất long-trọng,  
 Chấn-phủ cả trong ngoài.

Phụng-mệnh đi hành-chinh,  
 Tổng-thống đứng làm chủ ;  
 Thứ Tham-tán Tán-ly,  
 Thứ Tân-tương Tiếu-phủ.  
 Phụng-mệnh đi khám-sát,  
 Là Khâm-phái Thanh-tra ;  
 Cùng Đại-dinh-điền-nha,  
 Và Hà-đê-chính-nha.

Cùng với Thương-biện tỉnh,  
 Và Bang-biện phủ huyện ;  
 Hữu-sự quyền lập ra,  
 Vô-sự thì đình-thiết

Ôi trời sinh ra vua,  
 Là vì dân định vị ;  
 Ôi vua đặt trăm quan,  
 Là giúp nước cùng trị.

Vua chính lòng người thuận,  
 Quan liêm dân nước yên ;  
 Sự liêm là sự tốt,  
 Cò-ngữ vẫn ghi truyền.

Nhà Tây-triết thường nói,  
 Nghe ra cũng lạ-lùng ;  
 Rằng : « Quan là công-bộc »,  
 Mà « dân là chủ-ông ».

Nếu quan là quan tốt,  
 Cờ biền đón vui thay ;  
 Nếu quan là quan xấu,  
 Trống còi rúc đuôi ngay.

Lời thánh-nhân lưu-truyền,  
 Xem ra sáng vắng-vặc ;  
 Rằng : « Quan là thay dân,  
 Lại là bày tội nước. »

Nếu quan làm lợi dân,  
 Thì dân tranh hát múa ;  
 Nếu quan làm hại dân,  
 Thì dân tranh nguyện rửa.

Ướm hỏi nhà quan-lại,  
 Các ngài tính nghĩ sao ?  
 Làm hại hay làm lợi,  
 Đè dưới dân trông vào.

Thanh-liêm cần-thận cần,  
 Ba chữ tỏ như gương ;  
 Công khoan tía mẫn huệ,  
 Năm chữ ghi biền vàng.

Khoảng bốn mươi năm nay,  
 Quan Tây sang bảo-hộ ;  
 Áo xiêm khác cựu-triều,  
 Nhà cửa đều tân-chủ.

Văn có quan Toàn-quyền,  
 Là đầu hàng cai-trị ;  
 Thay mặt quan Giám-quốc,  
 Trông coi nơi thuộc-địa.

Thống-hạt cả ba kỳ,  
 Quyền ấy rất long-trọng ;  
 Thứ đến quan Khâm-sứ,  
 Thống-dốc và Thống-sứ.

Cùng các tỉnh Công-sứ,  
 Và Tham-biện Đại-ly :  
 Đều là các văn-quan  
 Thi-hành việc văn-sự.

Vũ có quan Bày-khuyên,  
 Là đầu tòa việc binh ;  
 Thay mặt thuộc-địa-bộ,  
 Chủ thủ các đồn dinh.

Thống cả thủy-bộ-binh,  
 Chức ấy rất cao tột ;  
 Thứ đến sáu năm tư,  
 Thứ đến ba hai một.

Và các quan quản-đạo,  
 Coi linh khố đồ xanh ;  
 Phô-trương việc yũ-bị,  
 Giữ nước và phòng thành.

Nghị-viện có hai tòa,  
 Làm đại-biểu cả nước ;  
 Thượng-viện là quan-thân,  
 Hạ-viện là hào-trưởng.

Hội-đồng đem ý-kiến,  
 Bàn-bạc lẽ xa gần ;  
 Trên mưu trừ lợi nước,  
 Dưới nghĩ tích ích dân.

Hình-viện có bốn tòa,  
 Xét án Tây Tàu Nam ;  
 Nam ở phòng đệ-tứ,  
 Ngoại-quốc phòng đệ-tam.

Tây ở phòng đệ-nhất,  
 Tàu ở phòng đệ-nhị ;  
 Quan Tây và quan Nam,  
 Xét án và trừng-trị.

Học-chinh đặt Pháp-Việt,  
 Dạy về lối Pháp-tự ;



Kiểm dụng cả Hán-văn,  
 Cần nhất là quốc-ngữ.  
 Thương-chính và thương-tòa,  
 Thu các ngoại-ngạch-thuế ;  
 Như thuốc-phiện rượu muối,  
 Và các thứ hàng hóa.  
 Công-chính có công-tòa,  
 Sửa-sang các đường sá ;  
 Khai đắp các sông đê,  
 Tu sửa các dinh thự.  
 Điện-báo có Điện-sở,  
 Coi điện-báo công-tư ;  
 Cùng ngân-hàng thương-mại,  
 Và bưu-ký văn-thư.  
 Các tòa ở trên này,  
 Đều có quan Thủ-hiến ;  
 Coi qui-chế thi-hành,  
 Tính pháp-môn phương-tiện.  
 Còn về phần người Nam,  
 Tông-sự trong các sở ;  
 Ký-lục dịch văn-thư,  
 Thông-ngôn thông ngôn-ngữ.  
 Quan-chính và quan-chế,  
 Đã hơi biết phân-minh ;  
 Cũng nên suy cho rộng,  
 Xét xem đến việc binh.

TIẾC THỨ XV

Binh-chính

Binh dùng để giữ nước,  
 Nước mạnh bởi nghề binh ;  
 Muốn dùng ra dẹp loạn,  
 Cần nên giảng lúc bình.  
 Nước ta hồi khởi-sáng,  
 Trước tự đức Hùng-vương ;  
 Lạc-tướng tuy có hiệu,  
 Quân-danh chẳng được xưng.  
 Trải qua khi Bắc-thuộc,  
 Chủ quyền về Bắc-nhân ;  
 Quận huyện cả thổ-dịa,  
 Tử-đê cả nhân-dân.  
 Đinh-hoàng lên nhất-thống,  
 Việc binh cũng rất cần ;  
 Kén quân làm thập-đạo,  
 Binh mười hai sứ-quân.

Lê Đại-hành nổi lên,  
 Việc binh cũng rất trọng ;  
 Phân định quân thập-đạo,  
 Lui được quân Bắc-Tống.  
 Lý-hoàng lên trị vì,  
 Việc binh không phải dụng ;  
 Quảng-vũ thường tập rèn,  
 Cả đánh được quân Tống.  
 Trần-xuá lên ngự-vị,  
 Việc binh tuy chẳng phiền ;  
 Tứ thiên thường thao-luyện,  
 Hai thứ phá quân Nguyên.  
 Lê-triều khi sáng-nghiệp,  
 Binh-cơ vượt Lý, Trần ;  
 Thiết-đột và Thánh-dực,  
 Hùng-oai dấy tứ-lân.  
 Lui được quân Minh-khẩu,  
 Binh được cướp Chiêm-thành ;  
 Uy-phục cả Chân-lạp,  
 Mở-mang cõi Trấn-ninh.  
 Đến khi Lê-mạt-vận,  
 Quân ba phủ tung-hoành ;  
 Đốt nhà quan thừa-tướng,  
 Huyền-náo chốn triều-đình.  
 Giết người ở giữa chợ,  
 Cướp của ở bên đường ;  
 Không ai ngăn cản nổi,  
 Lê-triều phải diệt-vong.  
 Ôi binh là việc trọng,  
 Có nước chẳng nên khinh ;  
 Một dùng ngăn địch-quốc,  
 Hai dùng giữ quốc-thành.  
 Khéo dùng thì trị-bình,  
 Vụng dùng thì thành loạn ;  
 Khéo xử thì phục-tông,  
 Vụng xử thì phản-bạn.  
 Hoàng Nguyễn khi khai-vận,  
 Binh-chế dùng Tây-dương ;  
 Dẹp Nam và yên Bắc,  
 Hùng-oai dấy bốn phương.  
 Chính-sách việc binh-liều,  
 Đã biết đại-lược rồi ;  
 Lại suy ra thêm rộng,  
 Xét xem việc lý-tài.

(Còn nữa)

Nguyễn Thế-Xương

# LUẬN-NGŨ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

## 論語國文解釋

### VIII

#### VII

子自束脩以未嘗吾焉。曰。行修上。未嘗吾焉。

Dịch-âm. — Tử viết : « Tự hành thúc-tu dĩ thương, ngô vị thương vô hối yén ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Tự kẻ làm lễ nhập-môn bằng bó nem đến xin học, ta chưa từng chẳng dạy vậy ».

Chú-giải. — Tu = Nem, thúc = Bó, Thúc-tu = Mười thỏi nem là một thúc-tu. Khi xưa vào nhập-môn học thầy có lễ chi-kiến. Đây là nói một lễ rất thanh-bạc, Thương = Lén, đến học, như nói thương học.

Đây là nói cái ý dạy người chẳng mới của mình, mà mong cho người ta lại học.

#### VIII

子曰。不憤不發。三隅而不復。則吾自是以未嘗吾焉。

Dịch-âm. — Tử viết : « Bất phần bất khái, bất phi bất phát, cử nhất ngung, bất dĩ tam ngung phản, tắc bất phục dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Người nào mà trong tâm chẳng tấm-tức cầu thông thì chẳng mở bảo cái ý cho được ; cửa miệng chẳng âm-ức muốn nói thì chẳng dẫn-dạt cái lời cho được. Nhắc bảo cho một góc này mà chẳng biết đem ba góc kia đối-chứng lại, thì ta chẳng bảo nữa vậy ».

Chú-giải. — Phần = Bực-tức, trong tâm tấm-tức muốn cầu thông-hiểu đạo-lý mà chưa hiểu được. Khái = Mở bảo cho cái ý. Phi = Âm-ức muốn nói ra, trong miệng âm-ức muốn giảng-giải đạo-lý mà chưa giải được. Phát = Thông-đạt lời nói cho hoạt. Ngung = Góc. Vật có bốn góc, dẫn bảo cho góc này suy ra biết được ba góc kia. Phản = Trở lại, đem ra đối-chứng lại.

Đây là nói kẻ học-giả phải có chốn thụ-giáo thì mới có thể dạy được. Nếu tự mình không cố sức cầu học cho thông, không biết dẫn chứng hỏi lại, thì không có thể dạy được, đề khuyên người học phải trước cố gắng tự mình, thì thầy mới khái-phát cho được.

#### IX

子曰。食於食。喪者。則日哭。則日哭。則日哭。則日哭。

Dịch-âm. — Tử thực ư hữu tang giả chi tắc, vị thương bão dã.

Tử ư thị nhật khóc, tắc bất ca.

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng có khi gần bên người có tang, ăn chưa từng no vậy.

Đức Khổng ở trong ngày ấy mà đã đi viếng khóc, thì chẳng thể vịnh hát được nữa.

Chú-giải. — Hai tiết trên này là nói thánh-nhân lấy cái chân-tâm thương xót đối với việc tang, một là làm việc tang thương-cảm mà ăn chẳng được ngon, hai là dư-ai hãy còn, mà chẳng thể gượng làm vui được.

X

成者也。臨事而懼。好謀而  
者。吾不與也。必也  
虎馮河。死而無悔  
則誰與。子曰。暴  
子路曰。子行三軍  
我與爾有是夫。  
則行。舍之則藏。惟

Dịch-âm.— Tử vi Nhan-Uyên viết :  
« Dung chi tắc hành, xả chi tắc tàng,  
duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù ».

Tử-Lộ viết : « Tử hành tam quân tắc  
thù dữ ? »

Tử viết : « Bao hồ bằng hà, tử nhi vô  
hối giả, ngô bất dữ dã. Tất dã lâm sự  
nhi cụ, hiếu mưu nhi thành giả dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng bảo thầy  
Nhan-Uyên rằng : « Khi đời dùng ta thì  
ra mà hành-đạo, bỏ ta thì lui về mà  
ẩn-tàng; hành tàng đều an sở-ngô, chỉ  
ta với người có như thế đấy chẳng ! ».

Thầy Tử-Lộ hỏi rằng : « Nhà thầy  
nếu đem ba quân đi thì cùng với ai ? »

Đức Khổng nói rằng : « Những  
người bắt hồ tay không, lợi sông tay  
không, chết mà cũng chẳng hối-hận,  
ta chẳng cùng với người ấy vậy. Ta tất  
là cùng với những người lâm-sự mà  
kính-cần, hay bày mưu-kế mà thành  
được đấy chẳng ».

Chú-giải. — Hành = Làm, thi-thố  
ra; hành-đạo ra giúp đời, nói về cái  
thời nên xuất thì xuất. Tàng = Lui  
về ở ẩn, tàng-thân cao-ẩn, nói về cái  
thời nên xử thì xử. Tam-quân = Ba  
quân, quân-chế đời xưa một vạn hai  
nghìn năm trăm người là một quân.  
Ba quân là việc hành-quân của nước  
lớn. Thầy Tử-Lộ hỏi việc đem quân  
đi là ý cạy mình là dũng có thể đương  
được. Bao-hồ = Táo-tợn bắt hồ bằng  
tay không, chẳng dùng khí-giới. Bằng-  
hà = Liều-lĩnh lợi sông tay không,  
chẳng dùng thuyền bè. Cụ = Lo sợ  
kính-cần. Thành = Lập nên được  
mưu-mô.

Chương này trước là khen thầy  
Nhan Uyên hay tùy thời xuất-xử mà  
không có lòng ý-tất. Sau là ức thầy  
Tử-Lộ, không nên chỉ cạy cái dũng  
khí-huyết, phải nên dưỡng lấy cái  
dũng nghĩa-lý mới được.

XI

吾可之。吾鞭也。而子  
所求。如亦之。雖可。曰  
好。從不爲士。執求富

Dịch-âm.— Tử viết : « Phú nhi khả  
cầu dã, tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi  
chi; như bất khả cầu, tưng ngô sở  
hiếu ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng :  
« Sự giàu nếu có thể lấy sức người mà  
cầu được, thì dẫu làm cái kẻ cầm roi ta  
cũng làm. Nền là bởi mệnh trời chẳng  
thề cầu được, thì chỉ nên theo  
cái điều sở-hiếu của ta ».

Chú-giải. — Chấp tiên = Cầm roi  
đi hầu người, là cái việc người hèn-  
hạ. Sở hiếu = Trở về điều nghĩa-lý  
của tâm mình ham thích.

Đây là tỉnh-thức cho người đời chỉ  
ham mê cầu-cạnh lấy giàu sang, mà  
không biết rằng không thể tham cầu  
được. Gi bằng yên theo về điều nghĩa-  
lý, cho tránh khỏi sự nhục.

XII

疾。齊所子  
戰。慎。之

Dịch-âm.— Tử chi sở thận : Trai,  
chiến, tật.

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng càng lấy  
làm cần thận, về những việc trai, việc  
chiến, việc tật.

Chú-giải. — Trai = Trai-khiết,  
sắp sửa tế-tự mà trai-giới cho thanh-  
khiết để đối với thần-minh. Chiến =  
chiến-đấu, có quan-hệ về sự tồn-vong  
của quốc-gia và mệnh sinh tử của dân-  
chúng. Tật = Tật bệnh, có quan-hệ  
về đường sống chết của thân mình.

XIII

於樂不肉月聞子  
斯之圖味不詔在  
也至爲日知三齊

Dịch-âm. — Tử tại Tề văn Thiệu, tam nguyệt bất tri nhục vị. Viết : « Bất đồ vị nhạc chi chí u tư dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng khi ở nước Tề nghe diễn nhạc Thiệu, ba tháng chẳng biết mùi thịt, có than khen rằng : « Chẳng ngờ làm nhạc mà hay đến như thế vậy ! ».

Chú-giải. — Thiệu = Tên một thứ nhạc diễn ra cái công-đức vua Ngụ Thuấn. Tam-nguyệt = Ba tháng, nói cái thời-kỳ nghe nhạc mà khế-hợp hàm-mộ lâu. Hoặc có nghĩa là ngài học nhạc trong ba tháng. Bất tri nhục vị = Quên đi không biết đến mùi thịt, ý là chuyên tâm về việc nhạc mà quên đi vậy. Chí-u tư = Đến như bậc ấy, trở về cái hay của nhạc Thiệu tận-thiện tận-mĩ, không nhạc nào bằng, đó là cái lời nghe rồi mà cảm-khích than khen.

XIV

子又曰。賢何入。諾。衛。冉  
不何求。人。人。曰。吾。君。有  
爲怨。仁也。也。伯。將。日  
也。出而曰。曰。夷。將。夫  
曰。得怨。古。叔。賁。子  
夫仁乎。之。齊。曰。爲

Dịch-âm. — Nhiễm-Hữu viết : « Phu tử vị Vệ quân hồ ? » Tử-Cống viết : « Nặc, ngô tương vấn chi ».

Nhập viết : « Bá-Di, Thúc-Tề hà nhân dã ? » Viết : « Cồ chi hiền nhân dã ». Viết : « Oán hồ ? » Viết : « Cầu nhân nhi đắc nhân, hựu hà oán ». Xuất viết : « Phu tử bất vị dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Nhiễm-Hữu hỏi thầy Tử-Cống rằng : « Thầy ta có ý giúp vua nước Vệ chăng ? » Tử-Cống rằng : « Vâng, tôi sắp-sửa hỏi đây ».

Tử-Cống vào hỏi đức Khổng rằng : « Ông Bá-Di ông Thúc-Tề là người bậc nào vậy ? » Đức Khổng nói rằng : « Là bậc hiền-nhân đời xưa vậy ». Tử-Cống

hỏi rằng : « Trong lòng có oán-hối gì không ? » Đức Khổng nói rằng : « Cầu điều nhân mà được điều nhân, trong lòng còn oán-hối gì nữa ». Tử-Cống trở ra báo Nhiễm-Hữu rằng : « Thầy ta chẳng giúp vua nước Vệ vậy ».

Chú-giải. — Vị = Vi, ý là giúp hộ. Vệ-quân = Vua nước Vệ, tức là Xuất-công Chiếp 輒. Trước kia vua Vệ là Linh-công đuổi thế-tử Khoái-Hội đi. Đến khi Linh-công mất, người nước Vệ cho rằng thế-tử đã là kẻ có tội, mà con thế-tử là Chiếp là dich-tôn nên lập, mới lập Chiếp lên làm vua nước Vệ. Rồi thì thế-tử lại nhờ sức nước Tấn đưa trở về nước, nhưng Chiếp cự-tuyệt không cho về, thế là cha con tranh nhau nước. Khi ấy đức Khổng ở nước Vệ cho nên Nhiễm-Hữu ngờ mà hỏi xem ngài có ý cho Chiếp làm phải mà bênh-vị không ? Bá-Di, Thúc-Tề = Tên hai con vua nước Cồ-trúc. Khi vua cha gần mất, di-mệnh lập Thúc-Tề, Thúc-Tề nhường Bá-Di, anh em cùng nhường nước cho nhau, rồi cùng bỏ nước mà đi. Sau Di, Tề có can Vũ-vương dừng đi đánh nhà Thương; chẳng thêm ăn lộc nhà Châu, đi ẩn ở núi Thủ-dương mà chết đói. Oán = Oán-hối, trong tâm ăn-năn, chẳng lấy sự mình sở-hành làm thỏa. Nhân = Tức là lẽ chính-đáng trong thiên-lý nhân-tâm. Bá-Di lấy mệnh cha làm tôn mà không nhận làm vua, Thúc-Tề lấy thiên-luân làm trọng mà nhường nước đi ẩn, đều là hợp về lẽ chính-đáng cả.

Đây là đem sự anh em nhường nước, đề phản-chiếu với sự cha con tranh nước, thì biết một đảng thì là nhân, một đảng là bất-nhân, đó cũng là câu hỏi bóng mà biết rằng Khổng-tử chẳng bênh vị gì Vệ-quân vậy.

XV

雲。於。而。中。樂。肱。食。子  
我。富。矣。亦。而。飲。曰  
如。且。不。在。枕。水。飯  
浮。貴。義。其。之。曲。疏

Dịch âm. — *Tử viết* : « Phạn sơ tự âm thủy, khúc quăng nhi trảm chi, lạc diệp tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân ».

DỊCH-NGHĨA. Đức Khổng nói rằng : « Ăn cơm thô, uống nước lã, cong cánh tay mà gối đầu, cái vui cũng vẫn ở trong đó vậy. Kia như bất-nghĩa mà giàu và sang, ở ta coi như mây nổi ».

*Chú giải.* — Phạn = Ăn, Sơ = Thô, gạo thô tức là tấu gạo xay chưa giã. Khúc = Cong Quăng = Cánh tay, ý là cong cánh tay lại để làm gối mà gối đầu, cái tâm đấng thánh-nhân hồn-nhiên thiên-lý dầu xử cảnh huống-cực mà vẫn vui.

Đây là tả ra cái chán-lạc của mình, không buồn bực về cảnh khổ-cùng, mà những sự phú-quí phi-nghĩa cũng coi thoáng qua như không vậy.

XVI

矣。大以易以五數加子  
過無可學十年。我曰。

Dịch-âm. — *Tử viết* : « Gia ngã sở niên, ngũ thập dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Ước gì trời thêm cho ta vài tuổi nữa, để trọn cái công-phu học kinh Dịch, thì ta khả-dĩ không điều lỗi lớn vậy ».

*Chú-giải.* — Gia 加 = Có bản là chữ giả 假, nghĩa là mượn thêm. Ngũ-thập 五十 = Hai chữ ngũ thập giống như hình chữ tốt 卒 mà viết sai ra. Nghĩa là trọn vẹn. Dịch = Tên một kinh nói về triết-lý, phát-minh cái lẽ cát-hung tiêu-trường của thiên-thời, và cái đạo tiến-tboái tồn-vong của nhân-sự. Học kinh Dịch càng tinh-thâm thì cũng xét biết được đạo trời và việc người, cho nên ít điều lầm-lỗi.

Đây là đức Khổng đã thấy rõ đạo kinh Dịch vô cùng, mà nói muốn học thêm để khuyên người nên học, mà học cũng không phải là dễ vậy,

XVII

言皆執持雅子  
也。雅禮。書言。所

Dịch-âm. — *Tử sở nhã ngôn, Thi, Thư, chấp lễ, giai nhã ngôn dã* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng hằng ngày thường nói dạy người là những lời kinh Thi kinh Thư và lễ-nghi nên giữ, đều thường nói vậy.

*Chú-giải.* — Nhã = Thường, Thi = Những lời thơ phong, nhã, tụng, tập đọc để sửa-sang tinh-tinh. Thư = Một sách sử đời cổ bàn nói về chính-trị. Lễ = Lễ-vấn nghi-tiết. Chấp = Giữ, cầu-thủ giữ theo lễ tiết. Giai = Đều. Những Thi Thư lễ tiết ấy đều thiết về sự thực trọng hằng ngày ứng-dụng, cho nên thường nói.

Đây là nói đức Khổng lấy kinh học dạy người, đều thiết-thực về sự nhật-dụng cả.

XVIII

將憂忘爲女不於葉  
至不食人癸對子公  
云知樂也。卜子路問  
爾老以婦日。子路孔子  
之忘憤其日。

Dịch âm. — *Diệp công vấn Khổng-tử ư Tử-Lộ, Tử-Lộ bất đối.*

*Tử viết* : « Nhữ hề bất viết : Kỳ vi nhân dã, phát phần vong thực, lạc dĩ vong ư, bất tri lão chi tương chi vân nhĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Diệp-công hỏi ở thầy Tử-Lộ rằng, ông Khổng là người thế nào? Tử-Lộ chẳng đáp.

Đức Khổng nói rằng : « Người sao chẳng đáp rằng : « Ta là người vốn chăm học, khi học chưa hiểu được lẽ thì phát-phần quên cả ăn, học đã hiểu thông được lẽ gì thì vui lòng quên cả lo, hằng ngày chăm-chỉ về sự học, chẳng biết cái già nó sắp đến nơi đó mà thôi ».

*Chú-giải.* — Diệp-công = Chức huyện-doãn ở Diệp-huyện nước Sở,

tên là Thâm Chư-Lương 沈 諸 梁, liếm hiệu xưng tước công. *Bất đối* = Chẳng đáp, là ý cho rằng cái đức của thánh-nhân cao rộng, chưa dễ kể ra mà đáp lại được.

Đây là ngài nói rõ cái tâm hiếu-học chẳng chán của mình để bảo cho người biết, muốn cho ai nấy đều nên dốc lòng mà học.

XIX

也。之。以。古。者。知。生。我。子  
者。求。敏。好。之。而。非。曰。

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Ngã phi sinh nhi tri chi giả; hiếu cổ mẫn di cầu chi giả dã* ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Ta chẳng phải là sinh ra mà biết ngay đạo-lý đâu, chỉ là ham-mến cổ-học cần-mẫn để giảng-cầu lấy đạo-lý đấy vậy ».

*Chú-giải*. — *Sinh-tri* = Sinh ra biết ngay. Là bậc khí chất thông-minh, nghĩa-lý thông-hiểu. Song phải biết rằng tuy là bậc thánh sinh-tri, về đường nghĩa-lý, cũng đã thông-hiểu, nhưng còn những lễ-nhạc danh-vật, cò-kim sự-biến cũng còn cần đến học-tri mới nghiệm biết được.

Đây là ngài nói ai cũng phải cần học mới biết được, mà trọng ở học-tri, để khuyến-miến người phải chăm ở việc học.

XX

神。力。語。子  
亂。怪。不

Dịch-âm. — *Tử bất ngữ* ; *Quái, lực, loạn, thần*.

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng chẳng nói sự quái-dị, sự dũng-lực, sự bội-loạn, sự quỷ-thần.

*Chú-giải*. — *Quái* = Quái-dị, trở về những sự hoang-đường quái-lạ vô bằng-cứ, hay làm cho người ta kinh-hãi mé-hoặc. *Lực* = Dũng-lực, cây sức mạnh lẫn kẻ yếu, chỉ bằng-hái

huyết-khí mà làm trái cả nghĩa-lý. *Loạn* = Bội-loạn, trở về những sự hành vi của kẻ loạn-thần tặc-tử là sự đại-biến trong nhân-đạo. Ba việc trên này đều không phải là chính-lý nên không nói đến. *Thần* = Quỷ thần, trở về những sự trông chẳng thấy, nghe chẳng biết, mà cái lẽ u-huyền của tạo-hóa tựa có tựa không, khó suy lường được, nên cũng chẳng thường nói.

Đây là kể ra thánh-nhân chỉ nói sự thường mà chẳng nói sự quái, nói điều đức mà chẳng nói điều lực, nói sự trị mà chẳng nói sự loạn, nói sự người mà chẳng nói sự thần.

XXI

而。不。從。善。焉。有。人。子  
改。善。之。者。擇。我。行。曰。  
之。者。其。而。且。師。必。三

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi* ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Trong bọn ba người cùng đi, tất có thầy ta ở đó vậy. Lựa chọn người thiện mà theo, người chẳng thiện thì mình răn đời đi mà chẳng theo. »

*Chú-giải*. — *Tam nhân hành* = Ba người cùng đi, một người là mình, còn hai người nữa là người thiện với người ác, mình khéo lựa chọn người thiện thì mình bắt chước đã đành, người ác thì mình lấy làm răn mà chừa đi, thế thì hai người kia đều là thầy mình cả.

Đây là bảo người cái phép sửa mình nên tự mình khéo lựa, người thiện thì giúp sự hay cho mình, người bất-thiện thì răn điều dở cho mình, đều là thầy có tư-ích cả.

XXII

何。如。魁。子。德。天。子  
予。其。桓。於。生。曰。

Dịch-âm. — Tử viết : « Thiên sinh đức  
ư dư, Hoàn-Ngôi kỳ như dư hà ! »

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng :  
« Trời đã phú cái đức cho ta, người  
Hoàn-Ngôi trái thế nào được trời mà  
làm hại ta ! »

Chú-giải. — Hoàn-Ngôi = Quan Tư-  
mã nước Tống, tức là Hưong-Ngôi 尙  
雉. Khi ấy đức Khổng sang nước Tống,  
giảng dạy việc lễ-nghi. Hưong-Ngôi  
đem lòng ghen-ghét mà muốn hại ngài,  
học-trò sợ-hãi, nên ngài nói để hiểu  
bảo cho học-trò. Đức = Trở về thánh-  
đức ; trời sinh bậc thánh-nhân, thì  
cái đức của trời phú-thác cho mình  
là đức thánh.

Đây là tỏ ra cái tâm tự-tin ở trời mà  
chẳng sợ hoạn nạn.

XXIII

者。	與	無	隱	隱	子	子
是	二	行	乎	乎。	以	曰。
丘	三	而	爾。	吾	我	二
也。	子	不	吾	無	爲	三

Dịch-âm. — Tử viết : « Nhị tam tử dĩ  
ngã vi ần hồ ? Ngô vô ần hồ nhĩ, ngô  
vô hành nhi bất dữ nhị tam-tử giả, thị  
Khuru dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng :  
« Hai ba gã ngờ ta là còn bí-ần mà  
chẳng dạy bảo hết đấy ư ? Ta không

giấu gì các người, ta không làm điều  
gì mà chẳng bảo cho hai ba gã biết  
đấy, ấy là sự dạy của Khuru này vậy ».

Chú-giải. — Hành = Hành-vi, trở  
về những sự trong khi động tĩnh, hoặc  
nói-năng hoặc nói-lặng, đều là rõ-rệt  
để dạy người. Dĩ = Bảo rõ.

Đây là đức Khổng-tử hiện-thân  
thuyết-pháp, để tỏ ra rằng người dạy  
học-trò không có giấu điều gì, chớ  
nghĩ rằng đạo thầy cao-xa mà nản  
lòng su-hưong.

XXIV

忠 文 四 子  
信。行 教。以

Dịch-âm. — Tử dĩ tứ giáo : Văn, hạnh,  
trung, tín.

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng lấy bốn  
điều dạy học-trò : Văn-nghệ, đức-hạnh,  
điều trung, điều tín.

Chú-giải. — Văn = Văn-chương lục-  
nghệ, ghi-chép ở sách-vở. Hạnh = Nết-  
na, giữ theo đạo luân-thường. Trung  
= Hết lòng thực-thà. Tín = Giữ đạo  
tín-thực.

Đây là ghi chép những điều cốt-yếu  
về sự lập-giáo trong cửa Khổng.

ĐÔNG-CHÂU và TÙNG-VÂN



# QUỐC-ÂM THI-VĂN TÙNG-THOẠI

## VI

Quốc-văn của ta, nhiều câu rền đúc, có lịch-sử, có văn-chương, đọc đến nghe kêu lắm. khiến người nhớ mãi được, như câu :

*Hưu Hàm cốc xảy nên trặc-trở, một trời hoa cỏ ngậm-ngùi xuân ;*

*Yến A-phòng luồng để bơ - vơ, chín khúc nước non ngao-ngán phận.*

Câu này là câu trong bài Tần-cung phụ-nữ oán Bái-công hoàn Bá-thượng của Tống Chính. Nguyên lúc ấy chúa Tây-son ra Bắc, rồi lại bỏ mà về Nam, cho nên Chính mới làm bài này, tả như Bái-công vào Quan-trung vậy. Câu nào cũng trên tả ra là đất Quan-trung, dưới thì câu nào cũng kể đến sự cung-oán, rất là kích-thiết, ai đọc đến cũng biết là lời phụ-nữ Tần-cung oán Bái-công cả.

Lại như câu :

*Tọc tóc hóa nên dài tóc, đầu đội ơn công-đức vô-cùng ;*

*Trắng răng đôi lại đen răng, miệng chúc tụng thái-bình hữu-tượng.*

Câu này là câu hịch của Lê Duy-Mật khởi-bình đánh Trịnh kể công-đức vua Lê Thái-tổ để hiệu-triệu thiên-hạ. Nguyên ta lúc xưa thì cạo tóc, sau vua Thái-tổ nổi lên mới bắt để tóc cho có phong-thái (đời xưa gọi như thế là tục tốt). Tục ta nhuộm răng, giặc Minh sang bắt ta phải để răng trắng, vua Lê khôi-phục lại nước mới cho nhuộm răng lại, cho nên kể ra như vậy.

Bài thơ « đại khôn » có người cho là thơ của ông Tú-Xương, nên trong tập *Vị-xuyên thi-văn*, tôi đã có chép vào, nhưng sau tôi xem một tập thơ rất cổ, đã có bài thơ ấy, mà từ-diệu lại hay hơn nhiều, thơ rằng :

*Láo-Láo đua nhau nói đại khôn,  
Biết ai là đại biết ai khôn ;  
Khôn trong từ-sắc khôn là đại,  
Đại đấm công-danh đại thật khôn ;  
Một đũa nói khôn là đũa đại,  
Mình thẳng nói đại thật thẳng khôn ;  
Việc đời chớ quản rằng khôn đại,  
Bổ thử nào ai biết đại khôn.*

Trong một bài thơ, chỉ có hai chữ đại khôn, mà nói đủ mọi lẽ, thế-thái nhân-tình, như tả ra hết, thơ như vậy cũng là thần-diệu thật.

Xưa nay những người số-phận không may hay là nhân-duyên trặc-trở, đến nỗi phải lấy làm lẽ. Nữ-lưu ta xưa, như bà Nguyễn Thị-Điềm là bậc người tài-sắc, nổi tiếng cả thiên-hạ, thế mà sau phải làm Á thất ông Nguyễn Kiều 阮喬, xem thế đủ biết người sinh ra trên đời, chẳng qua một là duyên, hai là phận, chưa chắc người làm vợ thứ đã là người hèn, mà người làm vợ đích, đã là người tốt vậy, chỉ tùy theo người thôi.

Ông Tú-Vị-xuyên có bài thơ lấy lẽ rằng :

*Cha kiếp sinh ra phận má hồng,  
Khó thay một nỗi lấy chồng chung ;  
Mười đêm chị giữ mười đêm cả,  
Suốt tháng em nằm suốt tháng không ;  
Hầu hạ đã cam phần cát-lũy,  
Nhật khoan còn ỏi tiếng Hà đông ;  
Ai về nhắn bảo đàn em nhỏ,  
Có ế thì tu chớ lấy chồng.*

Người xưa cũng có một bài vịnh trặc-thất rằng :

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh-lùng,  
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung ;  
Năm thời mười họa chẳng mà chớ,  
Một tháng hai lần có băng không ;*



*Cố dấm ăn xôi xôi lại hầm,  
Đầm đầu ở vườn vườn không công.  
Thân này vì biết đường này nhé,  
Thà trước thối đành ở vậy xong.*

Bài này so với bài của ông Vị-xuyên có phần thanh-cao hơn, bài Vị-xuyên thì có ý trách người vợ dích, mà bài thơ xưa thì chỉ oán cái kiếp mình không may, duyên phận đến như thế.

Thơ vịnh hát tuồng xưa nay cũng có nhiều bài, mà nhất là bài của ông Tú Qui, sẽ thuật ở sau, lời nói tuy là lời nói thật, mà có ý trào-phúng ở trong. Còn như bài của ông Vị-xuyên là bài chỉ tả thật đấy thôi, nhưng đọc ra nghe cũng có ý-vị, là vì câu thứ ba, xem có tứ hay lắm.

Thơ rằng :

*Nào có ra chi một lũ tuồng,  
Cũng hò cũng hét cũng y-ông;  
Dầu rằng đối được đàn con trẻ,  
Cái mặt bôi vôi cũng thật buồn.*

Cuộc thi-cử ngày xưa, có nhiều câu chuyện vui, và cũng có nhiều bài thơ trào-phúng có ý-tử, như mấy câu thơ của ông Vị-xuyên, đọc nghe cũng hay lắm.

Thơ rằng :

*Liễn-sĩ khoa này đồ mấy người!  
Xem chừng hay chữ có ông thôi;  
Nghe văn mà gớm cho văn mãi,  
Cờ biển vua ban cũng lạ đời!*

Lại bài thơ rằng :

*Hai đũa dặng nhau cái thủ-khoa,  
Đũa khoe văn hoạt đũa văn già;  
Năm nay đồ rất phùng hay chữ,  
Kìa bác Lê kìa cũng thứ ba.*

Bài này câu thứ ba khen rằng đồ rất người hay chữ, mà đến câu thứ tư thẩn thêm cái ý trên, thì có một chữ « cũng » mà ý tứ vô-cùng, rất là thần tình.

Ông Tú-Quy (秀葵) người Quảng-nam có tiếng hay thơ, thơ ông có giọng trào-phúng, làm thơ lại rất lạnh.

Lúc ông Nguyễn Duy-Hiệu (阮惟毅) khởi-nghĩa ở Quảng-nam, lấy quan-

tước lung-lạc bọn đồng chí, nhiều người đương tú-tài hay là học trò, được lên làm quan lớn; ông có một bài vịnh hát bội rằng :

*Nhỏ mà không học lớn mà hoang,  
Trống đánh ba hồi đã thấy quan;  
Ra rạp ngồi trên ba đũa hiệu,  
Vào buồng đứng dưới mấy ông làng;  
Mượn màu son-phấn ông kia nọ,  
Cởi lột cân-đai đũa điểm-dàng;  
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng,  
Đã từng trọn mắt lại phùng mang.*

Ông Hiệu nghe đọc bài ấy, nổi giận lên đòi ông vào dinh bảo làm một bài thơ, chỉ con để đuổi bên đèn mà mệnh đề, và bảo rằng : Ông hay thơ lắm, thử đọc lên một bài, ông Qui ứng-khẩu đọc :

*Kiến chẳng phải kiến voi chẳng voi!  
Trời sinh để đuổi cũng chơi-chơi;  
Ngấn cánh lên trời bay chẳng thâu,  
Cò tay vạch đất cũng khoe tài;  
Mưa sa nước chảy lên cao ở,  
Lửa đổ dầu sôi chẳng tới chơi;  
Quán-tử có thương xin chớ phụ,  
Lăm xăm bay nhây đề mà coi.*

Rồi hai bên lại cùng nhau rượu trà trò chuyện giờ lâu ra về. Ông Qui có một ông bạn là Trần Đĩnh (陳挺) cũng đồ tú-tài làm bang-biện quân-thứ, có danh-tiếng trong đám nghĩa-hội lúc bấy giờ, mời ông Qui đến uống rượu say, ông Đĩnh nói : « Bảo anh làm không chịu làm, người ta làm thi ở nhà thơ từ chế-nhạo, anh nay phải tặng tôi một bài, nếu cạn chén chưa xong, thì tôi trọng-phạt ». Ông Qui vâng mệnh làm ngay, mới đọc được hai câu rằng :

*Đề bình khiến tương thiếu chi người,  
Ngắm lại anh-hùng có một người.*

Ông Đĩnh nói : Đã lại xỏ, thôi xin anh đừng đọc nữa, vì ông Đĩnh chỉ có một mắt.

Cụ Phan Thanh-Giản (潘清簡) đồ tiến-sĩ, làm quan đến Hiệp-biện là một vị đại-thần có tài đức mà cũng là

một nhà văn-học có tiếng nhất trong Nam-kỳ, ông có một bài quốc-âm như sau này :

*Từ thừa vương xe mới chỉ hồng,  
Lòng này ghi tạc có non sông ;  
Đàng mây cười tở ham giông-ruổi,  
Trưởng liễu thương ai chịu lạnh lùng ;  
Ơn nước nợ trời đành nổi bận,  
Cha già nhà khó cậy nhau cùng ;  
Mấy lời dặn bảo con lâm-biệt,  
Rằng nhớ rằng quên lòng hải đảo.*

Bài thơ trên này là khi ngài đi làm quan xa gửi về cho vợ, cố - nhiên cái cảm-tình đối với nước với nhà với cha với mình, cũng lại càng thêm nặng nữa, cái giọng thơ ấy, đời bây giờ cũng khó mà tìm ra được.

Thơ quốc-âm mà dụng rất tiếng ta, không dụng chữ Tàu, không dụng điển, không phải là điều dễ-dàng đâu, thử trích một bài thơ xưa, như bài « tự-thuật » của cụ Trần Chí-Tin (陳止信) rằng :

*Tuổi tác nay đã ngoài sáu-mươi,  
Hơn ai không dám dám thua ai ;*

*Hai bàn tay trắng làm nên nổi,  
Một tấm lòng son ở với đời ;  
Lấy phúc mà đong lo cũng mệt,  
Có duyên thì gặp dễ như chơi ;  
Xưa nay con tạo xây vần thế,  
Hết đó rồi đây cũng thành-thời.*

Bài thơ này thuần-túy là một bài thơ quốc-văn, đáng làm mô-phạm cho những khách học làm thơ. Ông Vi-xuyên cũng có nhiều bài thơ dụng toàn quốc-âm như vậy, như bài « Túy ngâm » rằng :

*Đời nay thật lĩnh những ai đây,  
Ai lĩnh cho ta chịu tiếng say ;  
Buồn ruột cho nên men phải nhấp,  
Dở mồm nào biết giọng là cay ;  
Bạn cùng quỉ dấy chỉ cho bận,  
Vui với ma men thế cũng hay ;  
Ngất ngưỡng hai tay vợ dũa chén,  
Đố ai tránh được cái say này.*

Xem hai bài thơ trên này, đủ biết cái tinh tình của hai họ Trần ra thế nào.

SỞ-CƯỜNG

## ĐƯỜNG THI ĐIỂN ÂM

### III

春山月夜  
于良史

*Xuân sơn đa thắng sự,  
春山多勝事  
Thưởng ngoạn dạ vong qui ;  
賞玩夜忘歸  
Cúc thủy nguyệt tại thủ,  
掬水月在手  
Lộng hoa hương mãn y ;  
弄花香滿衣*

*Hùng lai vô viễn cận,  
興來無遠近  
Dục khứ tích phương phi ;  
欲去惜芳菲  
Nam vọng chung minh xứ,  
南望鐘鳴處  
Lâu đài thâm thúy vi.  
樓臺深翠微*

Bút thần khôn vẽ nét xuân-san,  
Đuốc đốt non sông mấy chén ràn ;  
Trăng lộn trên mây lồng bóng nước,

Thơm lừng trước gió lẫn mùi lan;  
Mảng vui bao quản đường kia nọ,  
Mến cảnh còn say tiệc chửa chan;  
Thấp hoảng lâu dài lòng vẻ biếc,  
Chầy kinh khua lộn lúc canh tàn.

草  
白居易

*Ly ly nguyên thượng thảo,*  
離離原上草  
*Nhất tuế nhất khô vinh;*  
一歲一枯榮  
*Dã hỏa thiêu bất tận,*  
野火燒不盡  
*Xuân phong xuy hựu sinh;*  
春風吹又生  
*Viễn phương xâm cổ đạo,*  
遠方侵古道  
*Tình thủy tiếp hoang thành;*  
晴翠接荒城  
*Hựu tống Vương-tôn khứ,*  
又送王孫去  
*Thê thê ly biệt tình.*  
萋萋離別情

Đồi cỏ rờn-rờn lộn bóng hóm,  
Một năm mắt khách một lần nom;  
Nắng phơi đồng nọ màu vàng nhuộm,  
Gió thổi xuân kia vẻ biếc om;  
Ngảnh lại thơm lừng bên lối lấp,  
Trông lên xanh ngắt lớp thành chòm;  
Ngang đường lơ lửng như chào khách,  
Hiu hắt chiều xuân cỏ mấy chòm.

從軍行  
楊炯

*Phong hỏa chiếu Tây-kinh,*  
烽火照西京  
*Tâm trung tự bất bình;*  
心中自不平  
*Nha-chương từ phượng khuyết,*  
牙璋辭鳳闕  
*Thiễn kỵ nhiều thu thành;*  
鐵騎繞秋城

*Tuyết ám mê kỳ-họa,*  
雪暗迷旗幟  
*Phong đa tạp cổ thanh;*  
風多雜鼓聲  
*Ninh vi bách-phu-trưởng,*  
寧爲白夫長  
*Thắng tác nhất thư-sinh.*  
勝作一書生

Non tây thấp-iboảng lửa nhấp-nhó,  
Áy-náy lòng ai biết mấy do;  
Vàng mệnh ân-cần từ cửa phượng,  
Lên yên giông ruồi đến thành Hồ.  
Sương in khói trắng đuôi cờ nhỏ,  
Gió lộn cây xanh tiếng trống to;  
Cầm giáo thà làm trăm kẻ trước,  
Còn hơn múa mép một anh đồ.

送杜少府之任蜀州

*Thành-khuyết phụ Tam-Tần,*  
城闕輔三秦  
*Phong-yên vọng ngũ tân;*  
風煙望五津  
*Dữ quân ly biệt ý,*  
與君離別意  
*Bồng thị hoạn-du nhân;*  
同是宦遊人  
*Hải-nội tồn tri-kỷ,*  
海內存知己  
*Thiên-nhai nhược ty-lân.*  
天涯若比鄰  
*Vô vi tại kỳ lộ,*  
無爲在岐路  
*Nhi nữ cộng chiêm cân.*  
兒女共沾巾

Thục-thành quanh-quất cửa Tam-Tần  
Khói tỏa trông ra cách suối gần;  
Thơ rượu lưng bầu chàng nhẹ bước,  
Gươm đàn nửa gánh khách đưa chân;  
Dưới trăng đầu cũng là tri-kỷ,  
Trước gió ai là chẳng cố-nhân;  
Nào phải bên đường làm thói trẻ,  
Lệ rơi lai-láng vẻ dai cân.

在 獄 聞 蟬  
駱 賓 王

*Tây-lục thiên thanh xướng,*  
西 陸 蟬 聲 唱  
*Nam-quan khách-tứ thâm;*  
南 冠 客 思 深  
*Bất kham huyền-mẫn ảnh,*  
不 堪 玄 隗 影  
*Lai đối bạch-đầu ngâm;*  
來 對 白 頭 吟  
*Lộ trọng phi nan tiến,*  
露 重 飛 難 進  
*Phong đa hưởng dị trầm;*  
風 多 響 易 沉  
*Vô nhân tín cao khiết,*  
無 人 信 高 潔  
*Thùy vị biểu dư tâm.*  
誰 爲 表 予 心

Tiếng ve đương rộn bóng thu qua,  
Nghĩ nỗi nam-quan cũng thiết-tha;  
Đen tóc chưa nên soi bóng rạng,  
Bạc đầu từng lúc nhớ ngâm nga;  
Dấu bay sương nặng nào hay đến,  
Muốn nói gió nhiều dễ thấu xa;  
Ai biết cái ve ăn ở sạch,  
Mà đem trinh-bạch dải long ta.

晚 次 樂 鄉 縣  
陳 子 昂

*Cố hương điều vô tế,*  
故 鄉 杳 無 際  
*Nhật mộ thả cô chinh;*  
日 暮 且 孤 征  
*Xuyên nguyên mê cựu quốc,*  
川 原 迷 舊 國  
*Đạo lộ nhập biên thành;*  
道 路 入 邊 城  
*Dã thú hoang yển đoạn,*  
野 戍 荒 烟 斷  
*Thâm sơn cổ mộc bình;*  
深 山 古 木 平  
*Như hà thử thời hận,*  
如 何 此 時 恨

Kiểu kiểu dạ viên thanh.  
曉 曉 夜 猿 聲

Làng xưa khuất nẻo biết là đâu,  
Một bước càng thêm bóng xế dầu;  
Nước cũ nhắm theo dòng biếc thắm,  
Đường xa lẫn lối góc thành sâu;  
Khói tuôn đồng quạnh chia đôi vè,  
Núi vắng cây xanh dứt một màu;  
Dạ ấy cảnh này đang thắc-mắc,  
Vượn đâu veo-veo gầy con sầu

春 夜 別 故 人

*Ngân chúc thổ thanh yên,*  
銀 燭 吐 青 烟  
*Kim tôn đối ý diên;*  
金 樽 對 綺 筵  
*Ly đường tư cầm sắt,*  
離 堂 思 琴 瑟  
*Biệt lộ nhiều sơn xuyên;*  
別 路 繞 山 川  
*Minh nguyệt ẩn cao thụ,*  
明 月 隱 高 樹  
*Tràng hà một hiểu thiên;*  
長 河 沒 曉 天  
*Du du Lạc-dương khứ,*  
悠 悠 洛 陽 去  
*Thủ hội tại hà niên.*  
此 會 在 何 年

Đêm xuân đuốc ngọc khói bay ngang,  
Ngồi trước rèm the rớt chén vàng;  
Một tiếng tơ đồng lòng luống những,  
Nghìn tầng núi nước dạ như vương;  
Đầu cảnh thấp-thoảng chênh vênh thỏ,  
Dòng Hán tờ-mờ nhạt vẻ sương;  
Hãy tạm buổi này vào đất Lạc,  
Rời ra lại chúc chén quỳnh-trương.

春 日 登 九 華 館

*Bạch ngọc tiên đài cổ,*  
白 玉 仙 臺 古  
*Ban-khâu biệt vọng diêu;*  
丹 丘 別 望 遙  
*Sơn xuyên loạn vân nhật,*  
山 川 亂 雲 日

Lầu tạ nhập yên tiêu ;  
樓 樹 入 烟 霄  
Hạc vũ thiên niên thụ,  
鶴 舞 千 年 樹  
Hồng phi bách xích kiều ;  
虹 飛 百 尺 橋  
Hoàn phùng Xích-lùng-tử,  
還 逢 赤 松 子  
Thiên lộ tọa tương yêu.  
天 路 坐 相 邀

Đền tiên thềm ngọc buổi xuân chơi,  
Lần-thần xa trông mắt tuyết vời ;  
Núi nọ lô-xô mây lộn nước,  
Lầu kia thấp-thoáng khói lung trời ;  
Nghìn trăm chim hạc chòm cây cỏ,  
Trăm thước cầu vòng lộng vẻ tươi ;  
Nào biết ông tiên đâu đó nhỉ ?  
Đường mây gặp gỡ để mời ai.

蓬萊三殿侍宴奉敕  
詠終南山  
杜審言

Bắc-đầu quải thành biên,  
北 斗 掛 城 邊  
Nam-sơn ý điện tiền ;  
南 山 倚 殿 前  
Vân tiêu kim khuyết quỳnh,  
雲 標 金 闕 迴  
Thụ diểu ngọc đường huyền ;  
樹 杪 玉 堂 懸  
Bán lĩnh thông giai khí,  
半 嶺 通 佳 氣  
Trung phong nhiễu thụy yên ;  
中 峯 繞 瑞 烟  
Tiểu thần trì hiến thọ,  
小 臣 持 獻 壽  
Trường thử đại Nghiêu-thiên.  
長 此 戴 堯 天

Chuôi sao Bắc-đầu gác bên thành,  
Thấp-thoáng Nam-sơn lần trước幔;  
Tuyết ráo cửa vàng lồng vẻ thắm,  
Cây cao thềm ngọc lộng màu xanh ;  
Lung chừng phôi-phối hơi dương đượm,

Giữa đêm dùn-dùn khói biếc quanb ;  
Chầu chực thánh-hoàng dâng chén thọ,  
Sử xanh chép để lúc thanh-bình.

秋 夜 宴 臨 津  
鄭 明 府 宅

Hành chỉ giai vô địa,  
行 止 皆 無 地  
Chiều tầm độc hữu quân ;  
招 尋 獨 有 君  
Tửu-trung kham lũy nguyệt,  
酒 中 堪 累 月  
Thân ngoại tức phù-vân ;  
身 外 即 浮 雲  
Sương bạch tiêu chung triết,  
霜 白 宵 鐘 徹  
Phong thanh hiều lậu vãn ;  
風 聲 曉 漏 閒  
Tọa huè dư hưng vãng,  
坐 攜 餘 興 往  
Hoàn tự vị ly quần.  
還 似 未 離 羣

Đi lại bao nhiêu thừa,  
Thăm tìm chỉ một ngời ;  
Tĩnh say đầy tháng toét,  
Giàu có đám mây tươi ;  
Sương nhạt chầy kinh chậm,  
Hiu đưa giọt lậu vơi ;  
Dấu đi chưa hết từ,  
Phẳng-phất nghĩ còn ngồi.

夏 日 過 七 山 齋  
Cộng hữu lôn trung hảo,  
共 有 禱 中 好  
Ngôn tầm cốc khẩu lai ;  
言 尋 谷 口 來  
Tiết la sơn kính nhập,  
薛 蘿 山 徑 入  
Hà kỹ thủy đình khai ;  
荷 芰 水 亭 開  
Nhật khí hàm tàn vũ,  
日 氣 含 殘 雨  
Vân âm tống vãn lai ;  
雲 陰 送 晚 來

Lạc dương chung cò chi,

洛陽鐘鼓至

Xa mã hệ trì hồi.

車馬繫遲迴

Cũng có rượu bầu tốt,  
Lại tìm cửa đồng chơi;  
Dây leo đường đá lấp,  
Súng nổi mặt hồ tươi;  
Mưa ướt chiều trời rạng,  
Mây đưa tiếng sét rơi;  
Lạc-dương hồi trống sớm,  
Xe ngựa rấp còn ngồi.

聖泉宴

王勃

Phi khâm thừa thạch đặng,

披襟乘石磴

Liệt tịch phủ xuân tuyền;

列席俯春泉

Cúc khí huân sơn chước,

菊氣薰山酌

Tùng thanh vận dã huyền;

松聲韻野絃

Ảnh phiêu thùy diệp ngoại,

影飄垂葉外

Hương độ lạc hoa tiền;

香度落花前

Hùng hợp lâm đường vãn,

興洽林塘晚

Trùng nham khởi tịch yên.

重岩起夕烟

Phất-phơ tràng áo bước lên non,  
Ngánh lại bên đình lạch suối con;  
Bầu sánh cúc pha yải chén cạn,  
Vần lầy tùng thét mấy cung đồn;  
Lơ-thơ bóng rủ ngoài cảnh lộn,  
Ngào-ngạt hoa bay trước gió tuôn;  
Rừng vắng tà-tà say ngắm cảnh,  
Lô-sô làn đá khói đùn-đùn.

野望

王績

Đông-cao bạc mộ vọng,

東臯薄暮望

Ý tử dục hà y;

倚徙欲何依

Thụ thụ giai thu-sắc,

樹樹皆秋色

Sơn sơn duy lạc huy;

山山惟落暉

Mục-đồng khu độc phản,

牧童驅犢返

Liệp-mã đai cầm qui;

獵馬帶禽歸

Tương cố vô tương thức,

相顧無相識

Trường ca hoài thái vi.

長歌懷采薇

Bóng lộn ngàn cao buổi tối trông,  
Một mình chưa dễ đứng ngồi xong;  
Cây lồng sắc chiều màu thu tia,  
Non ánh tà-dương lộng vẻ hồng;  
Trẻ mục đuổi trâu lừa cái ghé,  
Người săn cưỡi ngựa xách con hồng  
Cùng trông lại biết ai hay tá?  
Trường hải rau vi những ngại-ngung.

旅游傷春

李昌符

Tửu tỉnh hương quan viễn,

酒醒鄉關遠

Thiều-thiều thỉnh lậu-chung;

迢迢聽漏鐘

Thự phân lâm-ảnh ngoại,

曙分林影外

Xuân tận thủy thanh trung;

春盡水聲中

Điểu quỵên giang thôn lộ,

鳥倦江村路

Hoa tàn dã ngạn phong;

花殘野岸風

Thập niên thành đê-sự,

十年成底事

Luy mã yếm tây đông.

羸馬厭西東

Mơ giấc hương-quan rượu vẫn còn,  
Giọt đồng thành-thốt nhấp chưa ngon

Nhấp-nhó sáng hé chàn trời tỏ,  
Lác-đác xanh rờn vẻ liễu non ;  
Cái yển đâu canh phờ cánh trắng,  
Bóng hoa rợp đất diêm màu son ;  
Bấy lâu thơ-thần mai cùng tuyết,  
Giông-ruồi non sông vô ngựa chồn.

除夜宿石頭驛  
戴敬倫

Lữ quán thù tương vấn,  
旅館誰相問  
Hàn đặng độc khả thân ;  
寒燈獨可親  
Nhất niên tương tận dạ,  
一年將盡夜  
Vạn lý vị qui nhân ;  
萬里未歸人  
Liêu lạc bi tiền sự,  
寥落悲前事  
Chi ly tiếu thử thân ;  
支離笑此身  
Sầu ban dĩ suy mẫn,  
愁斑與衰鬢  
Minh-nhật hựu phùng xuân.  
明日又逢春

Thâu canh ai nấy lọ chào mời,  
Nửa ngọn đèn xanh với bóng ai ;  
Muôn dặm trông về muôn mối vắn,  
Một năm dồn lại một đêm dài ;  
Tùng phen tươi nhạt hoa thay vẻ,  
Mấy độ đầy với nước chảy xuôi ;  
Hai mái gương soi phơ tóc bạc,  
Một năm một tuổi cũng vui cười.

和康五望月有懷

Minh-nguyệt cao thu quỳnh,  
明月高秋迥  
Sầu-nhân độc dạ khan ;  
愁人獨夜看  
Tạm tương cung tịnh khúc,  
暫將弓並曲  
Phiên dĩ phiến câu đoan ;  
翻與扇俱圓  
Lộ trạc thanh huy khở,

露濯清輝  
Phong phiêu tố ảnh hàn ;  
風飄素影寒  
La y thử nhất giám,  
羅衣此一鑒  
Đốn sử biệt ly nan.  
頓使別離難

Trăng sáng vẻ thu trong,  
Kìa ai lẫn-thần trông ;  
Vừa như cung uốn khúc,  
Phút đã quạt tròn vòng ;  
Suốt sáng sương trong đậm,  
Thâu đêm bóng trắng không ;  
Đem soi lẫn áo mỏng,  
Khiến dạ biết bao cùng.

同王徵君洞庭有懷  
謂

Bát nguyệt Động-dinh thu.

八月洞庭秋  
Tiêu-tương thủy bắc lưu ;  
瀟湘水北流  
Hoàn gia thiên lý mộng,  
還家千里夢  
Vi khách ngũ canh sầu ;  
爲客五更愁  
Bất dụng khai thư chạt,  
不用開書帙  
Thiên nghi thương tửu lâu ;  
偏宜上酒樓  
Cố-nhân Kinh-lạc mẫn,  
故人京洛滿  
Hà nhật phục đồng du.  
何日復同游

Nước sắc hơi thu nhuộm một màu,  
Tiêu, Tương đôi dải chảy về đầu ;  
Năm canh dạ khách sầu như giục,  
Muôn dặm lòng quê mộng vẫn thâu ;  
Ngang dọc quyền vàng dành góc đá,  
Đầy với chén ngọc gượng lên lâu ;  
Tắc gang hương-quốc người tri-kỷ,  
Thăm-thoát ngày thu những ước-ao.

SỞ-CƯỜNG biên-tập

# HÁT CHÈO

## BÍCH-CẦU KỶ-NGỘ

(Truyện Tú-Uyên)

### CHƯƠNG-TRÌNH

#### CẢNH THỨ I. — Chùa Bà-Ngó

Xưa đời Lê Hồng-đức, phía tây thành Hà-nội, làng Bích-câu ở phố Khâm-thiên có Trần Tú-Uyên là con quan Trần Huyền-doãn, học trò quan trạng Lương lên mười tuổi, hay thơ, cha mẹ mất sớm, nhà nghèo, hay dạo chơi sơn-thủy, lên xem hội chùa Ngọc-hồ, tức là chùa Bà-Ngó, ở phố Sinh-từ, bỗng gặp Tiên-châu Dáng - kiêu đem A - hoàn xuống xem hội, bai bên cùng mất tỉnh, vất lá đề thơ, trêu hoa cợt liễu, hình như có duyên kiếp hên-hò, chàng theo mãi đến Văn-dinh, là vườn hoa cửa nam mới trở lại.

#### CẢNH THỨ II. — Ngòi Bích cầu

Khi Tú-Uyên về nhà ngòi ngắm cảnh Bích-cầu, rồi thành bệnh tương-tư. Bạn là Hà-sinh đến hỏi thăm, Tú-Uyên kể chuyện gặp tiên, Hà-sinh cũng lấy làm lạ, khuyên Tú-Uyên đi xin thẻ, và ăn chay năm mộng, xem có gặp được tiên-nữ không.

#### CẢNH THỨ III. — Đền Bạch-mã

Tú-Uyên lên đền Bạch-mã ở phố Hàng Buồm xin thẻ, và ăn chay năm mộng, thấy thần bảo sớm mai ra bến sông Tô-lich, phố Cầu-dông, tức là phố Hàng Đường rồi gặp.

#### CẢNH THỨ IV. — Phố Cầu-dông và nhà

Sớm mai Tú-Uyên ra phố Cầu-dông chẳng thấy gì, mãi đến chiều mới gặp

một người bán bức tranh tở-nữ, tức là đức Phật-bà hiện ra bà cụ bán tranh, Tú-Uyên nhận rõ là hình ảnh người gặp hôm nọ, mua về treo ở vách nhà học đề ngẫm nghĩa, một hôm đi học về, thấy cơm rượu đề sẵn đợi mình, lấy làm lạ, hôm sau về sớm nấp xem thì thấy người trong tranh hiện ra, toan đi làm cơm thì Tú-Uyên bắt gặp, từ đó kết làm vợ chồng, rút trâm hóa phép gọi con hầu, và dựng nên nhà cửa.

#### CẢNH THỨ V. — Nhà giàu

Khi đó Tú-Uyên đã giàu có, bèn từng chi uống say-sưa quá. Dáng-Kiêu can ngăn không nghe, lại mắng đuổi đi, Dáng-kiêu biến về cõi tiên mất, Tú-Uyên mới hối lại, đi tìm không thấy, lại sinh bệnh, Hà-sinh sang thăm, can bảo cũng không nghe, sau toan tự-vẫn mà chết thì Dáng-kiêu lại về, vợ chồng lại hòa-hợp, Tú-Uyên xin chữa hết tính ma-men cũ.

#### CẢNH THỨ VI. — Vườn hoa

Khi đó Tú-Uyên lấy Dáng-kiêu đã sinh được Trần Ngự lên chín mươi tuổi, một hôm Dáng-kiêu cùng chồng con làm tiệc chơi vườn hoa, bỗng thấy lá rụng gió bay, có thư ở động tiên gọi về, bèn từ giã lên trời, Tú-Uyên cũng đòi lên, chốc có hai hạc xuống đón, cùng cưỡi hạc lên trời.

#### Các vai trò

Dáng-kiêu. — Bối a-hoàn — Bà khách tiều-thư — Bà cụ bán tranh —



Bé con hàng xóm — Tú-Uyên — Đồng — Hà-sinh — Hai khách công-tử — Sư — Tiều — Thầy đoán thẻ — Thầy cúng — Thần báo mộng — Trần Ngư — Hai con hạc. Cả thấy mười đào, mười-ba kếp.

CẢNH THỨ I. — Chùa Bà Ngô  
Phông sơn-thủy

*Tiên-châu Dáng-kiều từ trên không sa xuống, lừng-lơ nửa vời, đứng nói lối xưng danh.*

Tiên-châu là hiệu ; tên gọi Dáng-kiều. Nước non tiên mây sớm mưa chiều ; phong-cảnh bụi sương gieo gió đặng. Phất-phơ ngành lá rụng ; lác-đác cánh hoa bay. Hội Vô-già nô-nức vui thay ; cùng tiên-nữ xum-vầy dạo cảnh.

*Gọi :*

A-hoàn, sấm áo-xiêm hồ-diệp xuống trần ; xem phong-thú Ngọc-hồ cõi Phật.

*2 A-hoàn cùng sa từ trên không xuống múa hồ-diệp.*

*A-hoàn thứ một ca bài lưu-thủy điệu đàn tàu lối mới :*

Thay xinh thay là gái gái động-đào, giao quỳnh giao, rào ngăn rào, cùng vin hoa mím chào.

*A-hoàn thứ hai ca tiếp :*

Mùi hoa thơm ngát thơm ngạt-ngào, hoa tìm hoa, đào vin đào, bướm yên hoa yêu mến, mến hoa đường nào.

*2 người cùng ca đồng-thanh :*

Hoa say hoa vì cánh, cánh điệp-hồ, ban cùng ban, đùa cùng đùa, cùng ai đó hẹn-hò, ngàn đua chơi nước non ngọc-hồ, hoa vẫn hoa, vò tơ vò, đường với ai ai đó đó dấy cười đùa.

*Lại 2 a-hoàn nữa từ trên không sa xuống múa.*

*A-hoàn thứ ba ca bài lưu-thủy điệu đàn tàu, Hoa mé hoa là bướm, bướm liệng*

vánh, chơi cùng chơi, đánh cũng đánh cười cho nghiêng đồ thành.

*A-hoàn thứ bốn ca tiếp :*

Vì hoa tươi tốt, tươi đầu ngành.

*2 người cùng ca đồng-thanh :*

Bướm yêu hóa cùng ngắm, nếm nụ cười, tiên thì tiên, trời thì trời, vì hoa khéo mím cười, cùng nó chơi lả-loi nghịch hoài, vin cùng vin, cài cùng cài, mình với ta như bướm, bướm hoa cợt cười.

*4 a-hoàn cùng múa cùng ca đồng-thanh lại suốt cả bốn bài trên.*

*Dáng-Kiều đứng giữa là chúa tiên, múa và ca một bài lưu-thủy đàn tàu điệu khác.*

Cùng a cùng nô-nức, nức tin à xuân, cùng a cùng nô-nức, nức tin à xuân, ông hóa-công này ta xuống, xuống a xuống trần, xuống trần khéo mà mong xuân, ngày nay tới cùng ai kết thân, hoa lê ý y xế gần.

*Bốn a-hoàn cùng ca đồng-thanh tiếp :*

Non thần lừng-lơ, phất-phơ mong chờ xa liếc, ngần tiếc ơ-hờ, thơ hồng vin lá đề thơ, nhón-nhờ nhón-nhờ hồ-diệp, hồ-diệp duyên ưa.

*Dáng-kiều nói lối :*

A a-hoàn, mau tới cảnh Ngọc-hồ ; đặng chơi miền Bích-thủy.

*(Các hạ).*

*Tú Uyên ra nói đếm :*

Tôi trần công-tử ; tên gọi Tú-Uyên. Tuổi xanh đã khuất bóng xuân-huyền ; ngày bạc thử dạo miền sơn-thủy. Tán : Hừ như tôi thử nghĩ, trước cha làm tri-huyện, mà thầy đồ trạng-nguyên. Đó như mình cốt cách thần tiên, nên chẳng muốn đua chen trần-tục. Khi mười tuổi thơ tiên từng súc ; trái bao năm rượu thánh lừng bầu. Cảnh um tùm hoa cỏ Bích-câu ; nhà thanh-đạm một màu bạch-thủy. Ấ nay đi giải trí ; qua dạo cảnh Ngọc-hồ. Thử chơi chùa hội tích Bà-Ngô ; sẽ tiện vách đề thơ cộ Đổ, chứ.

*Ngâm :*

Trái xem phong-cảnh hữu tình,  
Lắm-tuyền pha lẫn thị-thành mà ưa.

*Gọi :*

A đồng, ra đi chơi hội chùa Bà-Ngô  
với cậu đây.

*Đồng nói :*

Dạ thưa cậu, cậu gọi con ra đi chơi  
chùa Bà-Ngô, người ta bảo trẻ chơi  
nhà, già chơi chùa, như cậu cháu mình  
còn trai-trẻ như thế này mà đi chơi  
chùa, thì còn có cái thú gì nữa, a cậu ?

*Tú-Nguyên nói :*

Chơi chùa có nhiều cái thú lắm chứ,  
mày không biết a đồng.

*Đồng hát đếm :*

Nay chùa Bà-Ngô, nay chùa Bà-Ngô,  
nhiều cô hàng xứ, lắm cô lịch sự, tới  
nơi tình-tự, công-tử đa-tình, tình  
tình tình tình, quá lối nọ rồi tình tình  
tang (1 dịp). Cậu vốn người sang, cậu  
vốn người sang, cả làng cùng biết, trên  
hoa ghẹo nguyệt, dù có thú tuyệt,  
nhưng thiệt người cười, tình tình tình  
cười, quá lối nọ người cười con quan  
(2 dịp). Cậu hãy khoan-khoan, cậu hãy  
khoan-khoan, hãy bàn cho kỹ, thẳng  
đồng bé tí, song nhìn các chị, thú-vị  
tình quèo, tình-tình-tình quèo, quá lối  
nọ tới quèo cả hai tay (giờ tay làm bộ  
quèo).

*Đồng nói :*

Dạ thưa cậu, hội chùa Bà-Ngô, có  
nhiều cô hàng xứ lịch-sự lắm, nhưng  
cậu là con quan, mà đi ghẹo gái thì họ  
cười chết. Đến như con mới bằng một  
tí này, mà hề con nhìn thấy các cô ấy  
con cũng thú-vị tình, muốn quèo cả hai  
tay nữa cậu.

*Tú-Nguyên nói :*

Chi thẳng, mày bằng cái nắm chặt  
này đã biết gì, thôi hãy đi với cậu.

*Cùng hát sa lệch đi :*

Cối (ôi) cối Ngọc-hồ (tình-băng)

ngấn nước nước ối trắng, (chứ đề tình)  
nức-nỏ cảnh phật (y ối y mà đề có)  
tưng-bưng (mấy) tung-bưng hội xuân;  
(y y) dập (ôi) dập-diu (tình-băng) tài-  
tử mà giai-nhân. Dập (ôi) dập-diu (tình-  
băng) tài-tử mà giai-nhân; (chứ đề tình)  
ngồn-ngang mã-tích (y ối y, mà đề có)  
xa trần (mấy) xa trần thiếu ai; (y y)  
thường (ôi) thường xuân (tình-băng)  
mình cũng cũng đi chơi. Thường (ôi)  
xuân (tình-băng) mình cũng cũng đi  
chơi, (chứ đề tình) thơ lung lung-lũng  
túi (y ối y mà đề có) rượu voi (mấy)  
rượu voi voi bầu; (y y) mắng (ôi)  
mắng xem (tình-băng) hoa cỏ cỏ  
nhuộm màu.

(Các hạ)

*Hai người khách tiêu-thư đi xem hội ra gặp  
nhau,*

*Cô thứ 1 nói lời :*

A này chị ! Nay có hội vô-già; bạn  
đàn bà đi lễ. Nay chiều trời lạnh-lẽ;  
cùng em chị đi chơi.

*Cô thứ 2 nói tiếp :*

Tôi na-mô lạy Phật lạy trời; ta cũng  
tới dâng hoa dâng quả, a chị.

*Cùng hát lửng đi :*

Mắng xem tình hoa cỏ nhuộm màu,  
nước non (có bên) góp lại (mấy) một  
bầu xinh-xao; (song) đua chen thu cúc  
(mà) thu cúc xuân đào. Đua chen (tình)  
thu cúc xuân đào, lựu phun (có bên) lửa  
hạ (mấy) mai chào gió đông; xanh xanh  
(kia) dầy liễu (mà) dầy liễu ngàn hồng.  
Xanh-xanh tình) dầy liễu ngàn hồng.  
phất-phơ (có bên) gió trúc (mấy) nẻo-  
nùng mưa hoa; nhất vui thay là hội hội  
vô-già.

(Các hạ)

*Hai cậu khách công-tử đi xem hội ra gặp  
nhau.*

*Cậu thứ 1 nói lời :*

A này anh ! Nay hội chùa Bà-Ngô;  
có lắm cô hàng xứ. Chúng mình đã nức  
danh công-tử; nên dạo tìm các nữ  
vương-tôn chứ.

Câu thứ 2 nói lời tiếp :

Ừ anh nói ra mà tôi đã lia hồn ;  
tôi xin bác kíp đi đồn đảo bước. Nay  
xem hội mà mình nếu đi sau kém bước ;  
có món hời là người ta phổng trước  
lay trên. Ở đời là cuộc đua chen, thấy  
gái thì ai chẳng thích, a bác.

Câu thứ 1 nói :

Ta hãy hát thi nhau giọng nôi-nieu  
áo-nháo chơi đã, a anh.

Via : Lạ cho phong-cảnh bờ Bờ-đề.  
Gió chiều lay bóng hoa lê rà-rà.

Câu thứ 2 nói :

Anh vừa thế không nghe được, lặng  
đề tôi vừa cho mà nghe :

Via : Lạ cho phong-cảnh Bờ-đề.  
Ngọn gió chiều lay động bóng hoa  
lê rà-rà.

Câu thứ 1 nói :

Thế cũng học đòi mà bẻ người ta,  
lặng đề mình vừa hát giọng nôi-nieu  
bát nháo cho mà nghe :

Via lại : Lạ cho phong-cảnh Bờ-đề.  
Ngọn gió chiều lay động bóng hoa  
lê rà-rà.

Hát : Anh tiếc thay các cô di mình  
sắc đẹp như hoa, như hoa như hoa  
như hoa, sắc đẹp nhưng (tình chung)  
chồng con chưa có (y ý y chứ) hay là  
có chưa ? Anh yêu cô di mình một  
mím trăm ưa. Trăm ưa trăm ưa trăm  
ưa, khi mây ban sớm (y ý y) mấy khi  
mưa bay chiều ; có một liều (tình-bằng)  
2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 anh cũng liều. Cũng  
liều cũng liều cũng liều, anh say (tình-  
chung em sắc đẹp, sắc đẹp (y ý y) mĩ-  
miều lại sẵn xu ; chết chúng anh (tình-  
chung) vẫn tính lu-bù. Lu-bù lu-bù lu-  
bù, thôi em đừng giận thân cắt tóc (y  
ý y) mà tu cho nữa hoai ; chứ chúng  
anh chơi rõ đồ trời. Đồ trời đồ trời đồ  
trời, nghiêng thành (tình - chung)  
nghiêng nước (y ý y) vẫn ngàn tiếc con  
người chai-lơ, vờ vờ vờ vờ vờ vờ vờ.

Câu thứ hai nói :

Anh hát thế vẫn là không đúng giọng  
nôi-nieu, để tôi hát cho mà nghe :

Hát : Cái duyên cô di mình (tình-  
chung) đã xác đã xác như vờ, gặp chúng  
anh tình bằng công-tử bột (y ý y) lại  
như cờ lông-công ; anh quyết sắm cho  
em bộ cánh nâu sồng. Nâu sồng nâu  
sồng nâu sồng, quần lĩnh thâm (tình)  
vài ba chiếc (y ý y) để ta quyết đeo  
bồng vờ nhau ; kể từ khi em mười-bốn  
mười-lăm mười-sáu mười-bảy mười-  
tám coi nó bằng còn mẫu. Còn mẫu  
còn mẫu còn mẫu, anh đi (tình-chung)  
lầy đá (y ý y) để gieo cầu sông Ngân ;  
đền hoa tàn (tình chung) nhị rữa hết  
xuân. Hết xuân hết xuân hết xuân, chứ  
chúng anh (tình-chung) công-tử bột (y ý  
y) có lẽ xoi thân con vờ ; vờ vờ vờ vờ  
vợ vờ vờ.

Nói : Thôi, thế đi xem hội kéo chạ  
bước thì còn nược gì.

(Các hạ)

### Thay phong cảnh chùa

Sư và tiêu ra ngồi tụng kinh niệm Phật :

Na-mô Phật, na-mô Pháp, na-mô  
Tăng, na-mô cứu khổ cứu nạn quàn-thế-  
âm bồ-tát, úm ma sa hạ, tát-ma ba tát.

Phục dĩ :

Thế-giới tam thiên, do không không  
nhị sắc sắc ; doanh-hoàn cứu vạn, toàn  
sắc sắc nhị không không.

Duy tự :

Trần kiếp luân-hồi, nghiệt oan trăm-  
nịch ; tình-thiên phiêu-diêu, dục hác  
bôn-minh.

Thùy kỳ huy tuệ-kiếm nhi đoạn sâu-  
thành, việt-siêu khổ-hải ; thùy-kỳ khấu  
hồng-chung nhị tinh mộng-giới, diêm  
phá mê-tán.

Duy vọng :

Hiệu-dặng từ-vân ; phi-dương pháp-  
vũ

Tiểu-sái dương-chi chi thủy, tây  
tuýệt ngoan-phong ; ba-lan bối-diệp  
chi kinh, tỉnh thanh tục-lự.

Hôn-cù chúc chiểu ; giác-lộ quang  
khaj,

Sở hữu chân-ngôn cần đương tri-  
tụng.

Na-mô đại-từ đại-bi quan-thế-âm  
bồ-tát, úm ma sa hạ tát, ma ha tát.

Hai tiểu-thư vào vái niệm Phật :

Na-mô A-di-dà-phật. . .

Hai công-tử cùng vào vái rồi liếc trông chỉ  
trở :

Coi tình dấy anh nhĩ, xộp lấm xộp  
lấm.

Hai tiểu-thư xấu hổ cùng rủ nhau về.

(Các hạ)

Tú-Uyên cùng đến vào vái rồi ra ngắm cảnh.  
Đồng ngồi ngoài tảng ngủ gật hát đẽm.

Tôi lên trên chùa, mắc bùa sư cụ,  
dầu trọc long-lóc, dầu trụi lui-lụi, râu  
ria râu ria không có, tay cầm dùi mõ,  
tay gõ tiêu cúng, trứng tôm trứng, tôm  
trứng tôm trứng, cúng cúng cúng, tụng.  
boong, lời niệm na-mô A-di-dà-phật,  
tôi ngồi ngủ gật, tôi vật bươu đầu, tình  
tình tình đầu, quá lời nợ đầu tôi bươu.

Tú-Uyên mắng :

Chi thẳng ! mày làm bộ gì thế ? thôi  
dậy đi về.

Ra đến cửa chùa thì gặp tiên.

Dáng-Kiều đứng vĩa bông-mạc sa-mạc :

Này ới ai ới, hừ hừ, giá dành trong  
nguyệt trên mây, uốn nét trắng cong  
trạnh vẽ mây ; thân liễu yếu, vóc mai  
gầy, nay giọt sương bay, mai cơn gió  
đụng, nay chiếc hoa bay, mai nhánh  
lá rụng, so loan sánh phụng, loan loan  
phụng phụng biết xum vầy với ai !

Sa mạc :

Mây mưa non nước còn dài,  
Lá hồng mượn gió gửi bài thơ tiên.

Nói ngoài :

Hừ đạo cảnh Ngọc-hồ, bỗng gặp  
khách văn-nhân coi cũng nhẽ, âu mình

hãy rút cái trâm vạch bài thơ vào chiếc  
lá này, mà nhắn gió gửi tình xem sao.

Cầm lá vạch thơ ném ra.

Tú-Uyên trông thấy vội nhặt lấy chiếc lá rồi  
trông lên nói lối :

Ô lạ thật, mà may sao ! bỗng gió  
đâu bay lá thơ dào, xa trông tỏ đường  
hao nét liễu.

Nói tán :

Ấu có lẽ tiên sa cho mình chiếc lá  
này chắc.

Ngâm :

Tơ-hồng lá thắm là duyên,  
Ấy ai nhắn gió gửi tin thơ đề ?

Hỉ-dồng chạy đến hỏi :

Chứ cậu bắt được cái gì thế hử cậu ?

Tú-Uyên nói :

À đồng, cậu bắt được lá rụng, trong  
lại có thơ đề, của người đẹp đang kia,  
nên cậu xem đó hử.

Đồng nói :

Thơ với thần thì tôi có biết chữ cóc  
gi, tôi chỉ thấy cái lá úa nó rụng, mà  
cậu quí ngay như được vàng này, cậu  
bảo của người đẹp, nào đâu đâu tôi  
trông chẳng thấy cóc ai cả, hay là cậu  
nói mê ?

Tú-Uyên nói :

Người đẹp kia kia, ở ngoài mái tam-  
quan kia kia, ba bốn người con gái bé,  
theo hầu kia kia.

Đồng ngàng trông nói :

Đâu đâu ? tôi chẳng thấy ma mèo  
nào cả, hay là cậu mê say choáng mắt  
ra thế nào, mà cứ ngăn người ra thế ?  
người đẹp đâu, con gái be bé đâu ?

Tú-Uyên nói :

Có dễ mắt mày mù, hay là gái đẹp  
tiên sa, mà mày mặt trần mắt thịt,  
không trông thấy chẳng, thôi mày chạy  
vào kia mà nấp, để cậu ngắm họa lại  
bài thơ này, xem người đẹp có ngắm  
họa lại không, mày khắc nghe biết.

Đồng nói :

Vàng, thế đề tôi chạy vào kia tôi nấp nghe. Nếu có người đẹp ngâm-họa với cậu, thì cậu đề cho tôi những cô bé bé ấy nhé. (Chạy đi nấp).

Tú Uyên cầm lá thơ ngâm :

Trời tây bằng-lãng bóng hoa lê,  
Mượn lá hồng bay thích chữ đề ;  
Nhấn nhủ tin oanh đành gửi gió,  
Vàng trắng ghi tạc mảnh gương thề.

Nói :

Hừ người đẹp như kia, mà thơ hay như thế, chắc có lẽ là tiên sa hạ-giới, mình toan họa lại bài thơ này, mà người đã xa lắc, âu mình thử đến gần, mình ngâm mấy câu chơi, xem sao ?

Lại gần ngâm sa-mạc :

Minh toan trở gót ra về,  
Kìa ai vắt lá thơ đề nẻo xa.  
Xa nhìn nét liễu mây hoa,  
Cá chìm ngấu nước nhận sa lưng trời.  
Gần xem vẻ mặt thêm tươi,  
Mùi hương thoang-thoảng thơm rơi ít  
nhiều,

Dáng-Kiều ra đứng liếc trông nói lối :

Hừ, nãy mình mới đề thơ gửi lá ;  
mà ai đã máng nguyệt mé hoa. Vả đây là hội Vô-già, không lẽ trao lời hứa-ý. Song nếu mình làm thình thì thương ai tình lụy ; nên lựa lời ý-vị mà khuyên kẻ lòng siêu, đó chẳng.

Ngâm tiếp sa-mạc :

Khéo sao hỏi khách Lam-kiều,  
Cửa chiều nguyệt ghẹo hoa trên cũng kỳ !  
Gió đưa những tiếng thị-phi,  
Chót lằm thôi có trách gì đến ai !

Tú-Uyên lóng nghe nói lối :

Ồ lạ thiệt ! Ếu còn ngơ-ngần ; oanh nói mỉa-mai. Tình này một chút chưa phai ; ngâm nổi vài lời đáp lại.

Ngâm tiếp sa-mạc :

Giọng kiều nghe lọt bên tai,  
Đã gần bề sắc khôn với sóng tình.

Vì chẳng duyên nợ ba-sinh,  
Đèn Từ soi đến tấm thành cho chẳng ?

Dáng-Kiều ngâm tiếp :

Ở đây về đạo Kim-thắng,  
Phong-hoa sao khéo nói-nàng, những  
lời.

Tú-Uyên ngâm tiếp :

Than ơi sắc nước gương trời,  
Hãy đem thuyền giác độ người bến quê.

Dáng-Kiều ngâm tiếp :

Ngán cho bên côi bờ-đề,  
Phải đường ong-bướm đi về nữa sao ?

Nói :

A A-hoàn, mau đảo tới vườn giao ;  
kéo e chày gót ngọc.

Các hạ. Chớp đèn.

Tú-Uyên đứng ngăn người ra ngâm :

Văn-dình trắng đã lững cao,  
Ghé theo tiên bồng về ao Giao-trì

Đồng chạy ra hỏi :

Người đẹp đâu cả rồi hử cậu ?

Tú-Uyên nói :

Mày có nghe thấy tiếng người đẹp  
ngâm họa với cậu không a đồng ? Hay  
tai mày điếc ?

Đồng nói :

Có, tôi chỉ nghe thấy tiếng véo-von  
văng-vẳng, nhưng tôi nấp trông những  
người đẹp đảo-đề a cậu, nhất những  
cô bé bé mới thú-vị thục chừ, nhưng  
đi đâu cả rồi hử cậu.

Tú-Uyên nói :

Họ biến đi dàng nào mất cả rồi ấy,  
có lẽ là tiên sa chắc, cậu trông theo  
mãi đến Văn-dình là vườn hoa cửa Nam  
thì mất, giờ cậu thương tiếc quá a đồng !

Đồng nói :

Có lẽ bay họ là ma, sao lại biến-hiện  
được ? Bây giờ trăng đã cao, đêm đã  
vẳng, thôi đi về cậu, cậu cứ phải lòng  
ma, tôi ghê lắm, chớ tôi thì nếu người  
đẹp, có cho tôi mấy a ma con bé bé ấy,

tôi cũng vái cả nón, vì tôi dát ma lăm  
cậu ạ.

*Tú-Uyên nói :*

Cậu ngần tiếc quá, cậu chưa về.

*Ngâm :*

Người dẫu gặp-gỡ làm chi,  
Những trông trắng chị gió đi ngần-ngợ.

*Đồng can về ca hành-vân :*

Hẹn duyên vờ, hẹn duyên vờ, chi bạn  
bạn lòng thơ, lòng mây nước, gang  
thước ngần-ngợ, vẫn vơ nguyệt dạ; lòng  
tôi thích, song mà ghê, chỉ sợ hồn mê,  
về đi về xin đừng bằng-lãng. Trời kia  
định, nợ hay duyên, thiệt sẵn tiền,  
không phiền muôn vợ, đẹp bằng tiên  
bằng tiên. Kia ai đó thiệt mà kinh, tôi  
thẳng đồng dù nết mà lanh, dẫu mà  
vui thích, cũng xin vái ả đầu xanh.

*Nói :*

Thôi đi về thôi cậu.

*Tú-Uyên ngâm mắng :*

Thẳng đồng rõ thói rẻ ranh,  
Gặp tiên lại sợ biến hình ra ma.

*Đồng bảo Tú-Uyên không chịu về, khóc óa  
lên kéo tay về bảo :*

Cậu cứ phải lòng ma, tôi kinh lăm,  
Ơi trời ơi !

(Hạ màn)

## CẢNH THỨ II. — Ngòi Bích-câu phòng dường đi

*Hà-sinh ra nói dẽm :*

Chốn đông song liền xóm; tôi tên  
gọi Hà-sinh. Cùng Tú-Uyên nghiên-  
bút học-hành; nay dặt tôi thư-bình  
trò-chuyện,

*Tán :* Hừ mình lâu nay bận việc,  
không sang chơi với anh Tú-Uyên  
được, nay thư rồi, thử sang chơi chút  
nào.

*Hát cách đi :*

Non nước hắt-hiu, (song) một vùng  
non nước hắt-hiu, phất-phơ (bây giờ)

gió trúc (chứ đã) rập riu mưa hoa; trời  
hôm (song) giục bóng dẫu tà, (y ối y).  
Giục bóng dẫu tà, (song) trời hôm giục  
bóng dẫu tà, nhớ tình (bây giờ) bạn cũ  
chứ đã lân-la chơi bời; bấy lâu (tình)  
vắng khách thư-trai, (y ối y). Vắng  
khách thư-trai, song bấy lâu vắng  
khách thư-trai, Tây-hồ (bây giờ) tiên-  
tích chứ đã mấy nơi (phầm-bình); bấy  
lâu nay một chữ tình, (y ối y).

## Thay phong cảnh nhà học

*Tú-Uyên ra ngồi t. an sử :*

Thương ôi, mình từ lúc Ngọc-hồ  
đạo cảnh, trở ra về mà mắc bệnh Tề-  
Tuyên. Về cõi phàm bỗng gặp người  
tiên, thơ hồng-diệp gửi lời nguyện non  
nước ! Xui lòng khách lia hòa trở  
bước, chốn động-dào gang thước cách  
bao xa. Dây non xanh khuất nẻo yên-  
hà, dòng nước biếc những chờ hoa mà  
dợi nguyệt. Khi ôm đàn ngâm câu thơ  
bạch-tuyết, lúc ôm bầu mê-mệt rượu  
hoàng-hoa. Sự nhớ ai mặt ngọc da  
ngà, buồn ngắm cảnh mưa sa mà tuyết  
nặng. Ngao-ngán nhẽ tơ sầu giăng-  
dắt, gáuh tương-tư ai chất nặng bèn  
mình ! Gượng làm khuấy ngồi tựa thư-  
bình, khôn vẩy bút tả tình nên bức  
họa ! Vậy tôi có câu thơ rằng:

Chùa tiên ai vẽ là thơ dề,  
Hỡi khách chung-tình cũng éo-le;  
Nửa gánh tương-tư ngày nặng chiu,  
Tơ loan trùng phiếm bút hồ se.  
Tơ loan trùng phiếm bút hồ se,  
Cái bệnh lia hồn nghĩ khát-khe;  
Sự tình chiêm-bao ngồi ngắm cảnh,  
Quanh làn nước biếc cỏ xanh lê.

*Đồng chạy ra nói ngoài :*

Hừ nghĩ như cậu tôi rõ chán quá,  
đi xem hội chùa phải lòng ma, rồi giờ  
về ốm tương-tư tương-cà, thơ với thần,  
com chẳng ăn, nước chẳng uống, đàn  
bỏ trùng, bút dẽ se, chỉ gầy xác như  
ve, không khéo lờ ra ốm chết, thì rõ

ra ma thật, tôi phải vào tôi hỏi bệnh, rồi tôi đi lấy thuốc cho mới được, kéo lỗ ra thì khốn, lại bảo là bệnh ma làm.

*Vào hát trống-quân :*

Cậu ơi cậu ốm tương cà, hay là cậu phải lòng ma thế nào; ma làm nên bệnh làm sao, tôi tìm đồng-nữ cho vào thuốc thang; ngày rầy nghe lắm thầy lang, bệnh tình hoa-liễu mở hàng sang đất tiên; bây giờ cậu mắc bệnh tiên, cậu hãy đưa tiền tôi lấy thuốc ma; kéo mà lỗ lại oan-gia, mai ngày cậu chết ra ma nữa hoai; tương cà là bệnh gái trai, dùng phương thực-địa gia nhất ô-mai gì còn gì!

*Tú-Uyên nói :*

Chi thẳng, bệnh cậu không phải uống thuốc, vì không có thuốc nào chữa được bệnh cậu, chỉ có thuốc tiên, họa là chữa được chẳng.

*Ngâm :*

Tương-tư chứng bệnh rất kỳ,  
Khi say khi tỉnh khi thì nhẹ không.

Có chẳng ngọc-nữ kim-đồng,  
Họa may chữa được nổi lòng tương-tư.

*Hà-sinh vào gõ cửa. Đồng chạy ra*

*Hà-sinh hỏi :*

Chứ cậu có ở nhà không?

*Đồng nói :*

Bầm có; thưa bác cậu tôi ốm tương cà đấy!

*Hà-sinh hỏi :*

Chi thẳng! cậu ốm tương cà với ai?

*Đồng nói :*

Bầm: cậu tôi phải lòng ma đấy ạ.

*Hà-sinh nói :*

Chi thẳng, thế nào cậu lại phải lòng ma? Máy chỉ nói nhăng. (Cùng bước vào)

*Tú-Uyên ra chào, mời ngồi.*

*Hà-sinh nói đẽm :*

Dạ thưa bác kể từ thuở sánh đôi đàn sách, bồng lâu ngày trở cách vân-

san. Chẳng hay là ngọc-thê có an-nhập, xin với bạn kim-lan bày tỏ. Vả học-hành dễ chẳng tiến-bộ, mà văn thơ so cũ chừng hơn. Hãy xin nói hết nguồn cơn, may được lắng nghe giải-thoại.

*Tán :* Sao lâu nay em mới sang chơi, mà xem bác kém tươi làm vậy, a bác?

*Ngâm :*

Cớ sao mặt ủ mày chau,  
Trông chừng ngáo ngán như màu nhớ ai?

*Tú-Uyên nói đẽm :*

Dạ thưa bác, tình bè bạn nói giấu gì với bác; đường nhân-duyên chềch-mác nghĩ buồn em. Cảnh Ngọc-hồ bữa trước qua xem, gặp tiên-nữ trời đêm ném lá. Dù thơ đó em chưa kịp họa, mà tình kia lơ-lả như khêu. Trở về coi phong-cảnh diu-hiu; xui nên bệnh sớm chiều phiền-não.

*Tán :* Từ khi xem hội chùa Bà-Ngô, bồng gặp tiên-nữ, đem năm ba a-hoàn xuống xem hội, rồi thấy trận gió thổi nhành lá rụng, trong có đề bài thơ tình đưa đến cho, em chưa kịp họa lại, nhưng có ngâm đáp mấy câu, thì xem tình người kia cũng lả lơ lắm rồi biến mất, từ đó em về mắc bệnh đó, á bác.

*Ngâm :*

Song thi tình chẳng riêng ai,  
Bệnh tương-tư có nhấp mũi mới hay.

*Hà-sinh nói :*

Quả như thế thì lạ thật, xưa nay truyện thần tiên vẫn có, chứ có phải là sự hoang-đường đâu, vậy nghe đèn Bạch-mã anh-linh lắm, bác thử đến mà xin thẻ, và ăn chay năm mộng họa may sau có gặp được tiên-nữ nữa chẳng, a bác.

*Ngâm :*

Dẫu rằng cách-trở đồng tây,  
Dù xa xa mấy cũng ngày gần nơi.

*Ca hành-vân :*

Sự duyên kỳ, sự duyên kỳ, hỏi bạn bạn đừng nghi, tình mây nước, sau

trước phân-ly, từ xưa kia rất lạ. Người xa cách nơi trần-gian, bỗng gặp người tiên, nguyên phi nguyên, phi nguyên ước hẹn. Đàng tao-nghộ nọ Lư-lang, gặp tiên nàng, hoa đào đang độ nức mùi nhang mùi nhang.

*Nói :*

Này bác hãy nghe tôi, may ra như Lư-lang vào Thiên-thai gặp tiên-nữ thì biết đâu.

*Tú-Uyên nói :*

Vâng tôi cũng nghe bác, đi xin thẻ, và ăn chay năm mộng xem sao.

*Ca tiếp hành-ván :*

Đề thơ lá, lạ thay lòng, vương sợi tơ hồng, nặng tình chung tình chung. Nỗi tơ lòng dải tỏ gương trong, qua đền Bạch-mã, tơ sầu may có gỡ xong.

*Nói lối :*

Dạ thưa bác, bác đã lòng khuyên nhủ, em xin quyết vâng lời.

*Ngâm :*

Bâng-khuàng một lối viễn-hoài,  
Sẽ đi cầu khẩn bụt trời họa may.

*Hà-sinh nói lối từ về :*

Vậy xin bác ngồi chơi ; để em từ trở lại.

*Ngâm :*

Hãy đi năm mộng ăn chay.  
Khuyên ai gượng bệnh kéo gầy vóc sượng.

*Chào lui.*

*Tú-Uyên gọi đồng ra bảo nói đếm :*

A đồng, nay cậu nghe bạn hiền khuyên nhủ ; chắc duyên kia kỳ-ngộ không sai. Cậu quyết đi cầu khẩn bụt trời, may lại gặp thấy người tiên-nữ, đó a đồng.

*Tán :* Vậy mày đi lên đền Bạch-mã với cậu, để cậu xin quẻ thẻ và ăn chay năm mộng, may có gặp được cô tiên bửa nọ chẳng ?

*Ngâm :*

Tới đền Bạch-mã dâng nhang,  
Vả xem giấc mộng cầu hoàng có nên.

*Đồng nói :*

Dạ thưa cậu, giờ cậu bảo con lên đền Bạch-mã với cậu, để cậu xin quẻ thẻ, và ăn chay năm mộng, xem có gặp cô tiên ở chùa Bà-Ngô ngày nọ nữa không, con thiết-tưởng đời nào chứ đời này còn làm gì có tiên, chỉ những cô biến hình giả dạng và những cậu giở trò ma thì nhiều. Thôi cậu đừng mơ-tưởng chi nữa, biết có gặp tiên không, hay lại chỉ gặp ma.

*Ngâm :*

Cõi trần sao gặp người tiên,  
Chỉ ma tinh với ma men là nhiều.

*Ca kim-tiền :*

Khéo trêu ghẹo mà trêu, cõi thế ma-lanh thiệt rõ nhiều, mà ma thiệt rõ nhiều, khéo là trêu, khéo là ma trêu, chi yêu chiều, chi mê-mẩn, chi đi liều chứ tôi muốn can ngăn cậu, sao cậu hay liều, sao cậu chơi liều ?

*Nói :*

Này cậu, cái cô tiên ngày xưa, sao cô ta biến-hiện được, tôi sợ là ma mượn thể nào ấy, tôi can cậu đừng mê-tưởng nữa.

*Tú-Uyên nói :*

Chi thẳng ! Mày đừng có nói gàn mà can gián cậu, rõ cô tiên thật, chứ ma nào mà sợ.

*Ca tiếp kim-tiền :*

Thôi đồng can-gián làm chi, thôi thôi đồng can-gián làm chi, cứ đi không sợ, cậu lấy vợ lấy vợ người tiên, lấy tiên làm vợ chi sợ.

*Ngâm :*

Thẳng đồng mi chớ can liều,  
Ma men nào sợ ma trêu qui hờn.

*Bảo nhau cùng đi.*

(Các hạ)

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM



# TÌNH XUA (1)

## (Đoản-thiên tiểu-thuyết)

(N uyên Pháp văn EURY ICE)

Khi mới ra làm việc ở nhà Giấy-thép chánh Hà-nội, là nơi có nhiều thư-từ từ phương xa đưa lại, hằng ngày Lê Tâm vẫn thấy những phong thư trải qua tay chàng. Xem ngắm những con tem con dấu trên phong-bì, chàng thấy bày ra trước mắt những hình-ảnh chốn phồn-hoa đô-hội, cõi lạ phương xa, bày ra một cõi đời ngao-du mộng-tưởng. Rồi chàng thấy trong tâm da-động bởi những mối ước-vọng ngông-cuồng mà rất là buồn-rầu vì chàng tự biết là không bao giờ được thỏa lòng ước-vọng.

Trước bàn viết thoảng có mùi mực lạt-lẻo, người hơi khòm vai bé nhỏ. Lê Tâm bấy giờ ngồi ngẩn ra, đôi con mắt mãi lơ-dờ trong cõi mộng một hồi lâu mới chợt tỉnh lại mà trở về với cảnh thực quanh mình, chàng nói lấy « con dấu ngày » để ngay bên tay, ở trên tấm « tam bông » đen ngòm. Cái vật vô-tội nọ bấy giờ bỗng hung-hăng lên nện vào lưng các phong-bì chan-chát như một kẻ điên-cuồng; thất-vọng đem đầu mà đập vào tường.

..

Lê Tâm ra làm thư-ký cho Giấy-thép thật là một việc không ngờ, không

ngờ cho mọi người mà tự chàng, chàng cũng không ngờ nữa. Ai cũng nghĩ rằng chàng sẽ lên được một cái địa-vị cao hơn mà tự chàng, tuy trước kia cũng không bị làm vì một cái mơ-mộng hão-huyền nào mặc dầu, chàng cũng không khỏi ôm một tấm lòng mong đợi, mong đợi những cái chi chi như hơi khác đời một chút mà nó hãy còn chưa đến cho chàng.

Mà nay Lê Tâm cũng đã không đợi chờ và không hi-vọng gì nữa. Sự đau đớn ê-chề như làm cho tê-tái mà cái hao mòn tiêu-tụy đưa đến cho chàng rất chóng; còn đâu là vẻ một kẻ thanh-niên môn-mởn và có một chút hơi ngông ngày xưa. Lê Tâm mới hai-mươi mốt tuổi. Mà trải qua hai năm ở trong sở Giấy-thép chốn nhà quê miền mạn ngược, cái cảnh đã làm đổi hẳn con người, hưởng lại vương thêm có vợ con có gia-đình.

Bên gian phòng kề liền với phòng giấy, bạn trăm năm của Lê Tâm, một người đàn bà mộc-mạc thiết-thả cho con bú, một đứa bé xanh-xao lẻo-khẻo, vì bệnh sốt rét ngã nước, mà trông cái vóc mình nặng-nề mệt nhọc của người thiếu-phụ, biết rằng sắp có kỳ sinh nở

(1) — Dịch bài đoản-thiên tiểu-thuyết Eurydice của Nguyễn Tiến-Lãng, tác-giả cho phép. — Bài dịch văn này trước đã đăng ở *Phụ-nữ tân-văn* trong Nam. Vừa rồi sách Eurydice của ông Thượng-Uyên xuất-bản có nhắc đến và in cả bài bạt của tôi ở sau sách. Vì thế mà các bạn văn-chương ở Bắc có người quá yêu viết thơ về hỏi. Đáng lẽ thì không đăng nữa chi. Một là vì đã đăng rồi. Hai là hiện đã có bản dịch rất rõ-ràng của tác-giả, thì bài dịch văn của tôi có đăng hay không, việc ấy cũng không cần lắm; vì tôi dịch bài tiểu-thuyết này bản-ý cốt là để làm việc giới-thiệu mà thôi. Nhưng chiều lòng bạn xa, bạn không thể đọc được ở báo P. N. T. V., nên bài dịch văn này lại phải đăng ở N-P. vậy — Dịch-giả chỉ.

nữa. Theo cổ-tục nước Nam, người ta lấy vợ rất sớm để khi đến tuổi về già kể làm cha mẹ khỏi phải buồn rầu, buồn rầu vì tương-tượng ra cái cảnh sau khi từ-giã cõi đời phải chịu hưởng tàn khói lạnh. «Cổ-tục còn muốn nhiều điều khác nữa!» Lê Tâm thường ngỏ ra tiếng thở dài.

Ôm cái mộng làm hiếu-tử, rồi chàng cũng bị lừa vì cái bả hiếu-đạo. Giữa cuộc đời điên-đảo này, cuộc lay động làm rối-loạn tâm-hồn, chàng trông khắp các bạn trẻ đồng-thời đều bị đắm-đuối như chẳng rõ lối đi, thì chàng nghĩ như chỉ có một cái chủ-nghĩa không hai là cái chủ-nghĩa gia-đình theo quan-niệm đạo Khổng, cho đó mới là cái tinh-thần căn-bản chắc-chắn không lầm. Vốn vẫn là người đa-cảm, cho nên chàng hành-động theo lý-tưởng thì ít, mà hành-động theo như g cái hình-ảnh mơ-mộng thì nhiều. Khi còn ngồi ở ghế nhà trường tiểu-học, chàng đã được thầy giáo kể lại cho nghe chuyện một người Ấn-độ MAITRAYANKA, tên người Ấn-độ, bỏ mặc bà mẹ thương khóc mà xuống một chiếc tàu vượt biển ra đi. Chuyển đi ấy, tàu đắm. Chết xuống Âm-phủ, cảnh âm-phủ theo nhà Phật, MAITRAYANKA gặp một người đội cái vành sắt lửa đỏ và khóc nước mắt ra máu, bèn hỏi: — Hỡi vong-hồn đau-khổ kia ơi, ở dương-gian người đã làm nên tội-tình gì?

— Tôi đã làm cho mẹ tôi phải thương khóc.

— Than ôi! tôi cũng thế!

Tức thì cái vành sắt lửa đỏ dờn sang, trông lên đầu MAITRAYANKA và nước mắt chàng ta cũng chảy ra máu.

Cái hình-ảnh đó đã làm cho phiêu-động cái trí tưởng-tượng ngây-thơ non nớt của Lê Tâm; mà rồi sau này, nó lại có ảnh-hưởng đến cả trong những lúc phải đoán-định về những việc quan-hệ, trong những lúc đặt tâm-hồn

vào giữa cuộc xung-đột không tránh khỏi của cái tư-tưởng phục-tông cổ-tục và cái tiếng kêu gọi thiêng-liêng huyền-bí ở chốn cõi lạ phương xa; cũng vì cái hình-ảnh đó mà Lê Tâm đành phải để cho cái tư-tưởng phục-tông cổ-tục thắng-lợi. Cuộc thắng-lợi ấy ban đầu chỉ là tạm thắng ở các việc bề ngoài, nhưng sau rồi thì thắng hẳn, đến chiếm hết cả tâm-hồn chỉ khi «Phụ mẫu tại, bất khả viễn du» lời đức Khổng-tử nói như thế. Chàng bèn thôi không nghĩ gì đến sự thoát-ly, có lúc gặp dịp được tháo cũi xỏ lồng, có khi thấy được cơ-hội bay nhảy mà chàng cũng phó mặc như chẳng cầu. Ban đầu tưởng là lần-lữa cho qua để chờ cơ-hội; chung qui, những cái phận sự vì cổ-tục đã giam hãm chàng trong một đám rối beng, chung quanh bao bọc ngăn cấm hết cả chẳng cho nghĩ đến những cảnh xa xôi đã từng bản khoán thối-thảm lúc thanh-niên.

Rồi nữa, chàng lấy vợ. Nhưng đối với tân-nhân, lòng chàng tịnh không có một chút ái-tình gì cả. Lễ cưới rất là long-trọng linh-dinh, cũng là cổ-tục đấy, nhưng mà hôm sau thì đã chẳng còn đâu nữa. Ngày hôm sau thì nợ đã réo tí-mùi vì không có cuộc long-trọng nào mà không đất-giá. Món nợ trong nhà lâu nay, bấy giờ lại gia-tăng thêm món nợ vay để dọn đám cưới cho đứa con một. Các việc đó cũng là cổ-tục cả đấy! Lê Tâm khi ấy mười-tám tuổi...

Bây giờ chàng quăng mình vào trong chốn rừng bụi què mùa, chàng có xoay-sở thế nào để gỡ cho xong món nợ ấy hay không? — Trăm phương ngàn kế rồi, chàng chỉ làm cho mẹ chàng thương khóc mà thôi. Lê Tâm ngỏ ra tiếng thở dài: «Khốc-hại thay đạo hiếu! Ôi! có lẽ nó chỉ là hư-ảo, trong buổi đời có hai phái: nhiều tuổi và ít tuổi xung-đột nhau, mà mỗi bên một tư-tưởng khác hẳn nhau.» Mẹ chàng đã khóc, khi chàng đòi lên mạn-ngược,

rồi mẹ chàng lại khóc khi thấy vợ chàng không sinh cho bà đứa cháu trai mà bà vẫn mong mỗi lâu nay, lại sinh chỉ đứa cháu gái mà cô-tục nước Nam không coi nó vào đâu.

\* \*

Những bức tranh thuở dĩ-vãng vợ vẫn mãi bên khối óc; Lê Tâm cố gác bỏ đi không nghĩ đến nó nữa. Chung quanh đồi núi; gió cuốn ngàn lau xào-xạt, khắp trong lũng đều một tiếng du-duyong hiu-quạnh. Đầy trời sương tỏa mịt-mù, buổi sáng sớm hầy còn đặc nghịt, hầy giờ thì đã tan thưa tản-mác dần dần để lộ ra mấy cái ngọn cây và mấy cái chòm đá trên đồi. Mái nhà bao phủ giọt sương, trông như cái tổ con chim lênh-đênh trên biển bạc.

Trước nhà một cái cây chụm lá giờ chà, có lẽ nó chỉ còn sống được một mùa thu này nữa, đứng dãi với sương mù, vẽ ra một bức tranh phá-bút lối Tàu: cái thân cây già chết khô trên tờ giấy bạch; trong cảnh tiêu-diêu cô-tịch này, duy chỉ có cái cây kia là bạn...

Bản-Hẻo, hời vầy, đối với Lê Tâm thật là một chốn vô-liêu-chi-cực, dầu là chàng ở đó đã được hai năm rồi và nếu muốn giao-thiệp, thì cũng đã có thể tìm được bạn bè chơi. Một giải đất phù-sa chật hẹp, hai bên xan-xát gò đống cây cối um-tùm, là những gò chắn ngăn giải ven sông Nhị-hà ra vô-số những thung-lũng nhỏ. Người Mèo họ che lều che túp ở treo-leo trên sườn núi. Người Nam ít lắm. Cái trở-lực lớn cho sự di-dân ở đồng bằng lên đây, là ở đây có cái khí lam-chương giết người, Tuy-nhiên cũng vẫn có một đôi người họ chịu đựng nổi với khí-hậu lên đây khai-khẩn làm ăn, và ở thành gốc rễ.

Nhưng, lẽ tự-nhiên là không phải vì sự nhu dụng cho đám người kia mà dựng nên cái nhà Giấy-thếp chỗ Lê Tâm ở. Mà cốt là vì vài cái đồn lính

khố xanh, vài Châu-ly, vài sở Kiếm-lâm, vài sở buôn lâm-sản ở rải-rắc mọi nơi, và vài bốn cái đồn-diền lại với một sở mỏ ở chót vót trên đỉnh đồi, cao ngàn rười thước. Những cảnh xung quanh đó thế nào cũng mặc, nó cũng chẳng quan-hệ gì với Lê Tâm cho lắm. Chàng đã liêu nhăm mắt đưa chân miến sao lần hồi mà những cái sâu-não, sâu-não vì gia-đình nó ở tận xa đưa lại, thời nhờ đường xa mà dễ người-ngoại. Nhưng mà chàng cũng vẫn muốn, trong ít lâu đây được trở về chốn « chòn rau cắt rốn » vì vợ con chàng đã phải bệnh sốt rét ngã nước, ngày càng đau yếu hao mòn.

\* \*

Người phu trạm đem thơ hôm ấy về. Thay cho cái túi thơ, một cái gói giấy lép-kẹp, Lê Tâm bóc giấy thì năm sáu cái thơ rơi tóe ra, mà chàng đã thường nhận quen các địa-chỉ: này ông « Đồn », ông chủ đồn-diền, quan Tri-châu, ông chủ Mỏ, ông chủ Mỏ nữa...

Một cái thơ sau cùng, còn nằm dưới nếp giấy gập, chàng đưa tay ra rút cái thơ một cách ngẫu-ngờ lười-biếng, mắt không ngó vào đó mà trông ra cửa « ghi-sê », công việc sắp xong trong mình cũng đã thấy nhẹ-nhàng, tâm-hồn tiêu-dao ở thế-giới ngoài kia, sương mù ban sớm đã tan rồi, trông rõ hết cả chân-cảnh.

Do con đường đá sỏi trên núi đồ dốc xuống, hai bên đường có mấy túp lều và những lùm gai gốc bám đầy bụi đất vàng; người Mèo họ xuống tỉnh-ly bán lợn. trầy qua đó, cái chòm tóc ngô-nghĩnh rối bù trên đỉnh đầu cạo nhẵn, cái bụng bày thịt ở giữa khoảng cái cặp quần nhuộm chàm và cái gấu áo ngắn lộn-cổn, mà những con vật thì chạy lảng-nhăng dàng trước, vì thỉnh-thoảng họ lại lấy cây roi sậy cầm tay mà nạt cho đen-dét. Họ hát. Hát như tiếng kêu the-thé... một giọng điệu

kéo dài ra, gần đứt câu thì cắt bỗng lên véo-von réo-rất. Thỉnh thoảng bên kia họ ngừng tiếng hát thì bên này trong nhà, Lê Tâm nghe lọt tấm vách ngăn, tiếng vợ chàng ho.

Ấy một ngày vô-vị trong chốn nhà quê như muôn ngàn những ngày vô-vị khác.

Ngày lại ngày, ngày nào Lê Tâm cũng nếm thấy cái mùi lạt-lẻo có lẫn mùi cay đắng, nhưng mà vì quen dần rồi, cũng lấy làm thường. Ngày ấy cũng như ngày khác mà mọi nỗi buồn rầu tê-tái đã thâm-nhập vào trong cõi tâm-hồn. Tuyệt-nhiên, không có gì báo trước cho chàng rằng hôm nay sẽ có đưa đến cho cuộc đời vô-liêu của chàng một chút gì mới-mẻ.

Nhưng mà... mắt vừa nhiu thấy bức thư cuối cùng mới đến rồi kia, chàng đã nhận được, phải chăng là nét chữ... chợt thoáng qua một cái, cái vẻ dịu-dàng êm-ái và cái vẻ tỉnh-tươi rực-rỡ lờ sáng trong cõi lòng, khiến chàng không ngấu được ngọn sóng cảm-động dạt dào; cuộc đời nồng-nàn âu-yếm lại thấy lai-láng cảm-tình mà cái thanh-xuân hơn-hở năm xưa ngỡ là đã chết mất rồi; nay hãy còn tìm thấy lại.

\* \* \*

Bức thư không phải gửi cho Lê Tâm. Thư ấy gửi cho một người Tây đi qua chơi trong đồn-diền. Nhưng trên phong-bì giấy «về lạnh» màu ngà, chàng nhận ra nét chữ. Nét chữ dịu-dàng mà cứng-cáp, nếu không biết trước thì đổ ai đoán biết được là ở tay một người con gái viết ra? Cái bàn tay nhỏ nhắn mà trắng nõn nà, ngón tay búp măng dịu-dàng xinh-xắn. Bàn tay ấy đã đưa ra cho chàng nắm một đôi lần. Trong buổi thanh-niên, một cuộc kỳ-ngộ ngắn-ngủi mà êm đềm đã kêu gọi cho chàng mơ tưởng đến những cảnh mây gió chốn xa xôi mà cái bàn tay kia hình

như đưa dắt chàng đi đến được. Bàn tay kia nay đã chẳng còn đâu nữa. Than ôi! chuyện đời có như thế ư?

Nhưng bây giờ muốn bắt lại những ý muốn trước và muốn phá đổ những tình uơn hèn nay đã thành một khối nặng nề, cũng chưa phải là đã muộn. Muôn ngàn tư-tưởng, muôn ngàn ước-vọng tua-tủa cháy bùng lên trong lòng chàng như một áng hào-quang lờ-lờ sáng-sủa tươi cười. Rồi chàng tự cảm thấy trong mình thanh-thoi vui sướng lạ thường như cảm thấy cái lòng ước ao vô-vấn của khách lãng-mạn, cái nhớ thương bát-ngát của kẻ tha-hương, cái ái-tình lồng-lộng sáng sủa của các nhà thi-sĩ thường nói đến mà Lê Tâm chưa từng biết. Sự đâu kích-thích! nỗi đâu giục-giã! Ôi! trong vũ-trụ còn biết bao là cảnh khác, biết bao là nơi cao-thượng, biết bao là chốn xa xôi! Bay lên! Đứng lên! đứng lên mà đi, đi... Trước hăng cắt đứt với cái đời an-nhàn lừa dối nó đã bó buộc mình trong muôn ngàn manh mối, mà đều là muôn ngàn cái không đầu, vô-ý-nghĩa, và dần dần nó đã thành một vật để giữ mình trong vòng lao-lung nô-lệ. Nhớ có một lần chàng đi qua một chỗ hải-cảng, cái cảng tồi-tàn chật hẹp của xứ Bắc-kỳ mà nó cũng kêu gọi lên được nhiều mối say mê trong lòng chàng, tấm lòng khao-khát một cuộc viễn-trình, nay chàng sẽ lại xuống chỗ hải-cảng đó. Hãy ra đi, đi bằng cách nào cũng được, dầu cho phải mượn một chiếc thuyền mảnh xám xịt, mũi thuyền vẽ con mắt đỏ đen, cánh buồm rách nát, tự trong thuyền có mùi nước-mắm xông lên lẫn với khí-vị thanh-tản man-mác chốn biển khơi. Rồi trải qua những cuộc phiêu-lưu (sẽ có sự lịch-duyet rộng thay, những cuộc phiêu-lưu đó há lại không làm giàu thêm cho sự-nghiệp văn-chương mai-hậu hay sao?) khiến cho tìm thấy lại người xưa, và khi tìm

thấy được người xưa rồi bây giờ sẽ có đủ cả những đức hay tính tốt làm cho thỏa mọi cái sở-vọng, tất cả các điều sở-vọng, đến những cái rất là cao xa cũng sẽ đạt được.

Tâm-hồn kích-động một cách chưa từng thấy, khiến cho Lê Tâm tưởng cả vũ-trụ này như một cái đồ chơi dễ tự ý cho chàng hí-lộng. Cái phong-bì động đập luôn trên bàn tay run lẩy-bẩy.

Thôi! kể chi những nỗi trong đời dĩ-vãng? Lại thay, có sao ta đã chịu đựng cho đến được ngày nay một cuộc đời tù-túng ngạt hơi như thế? Vì sao ta lại không "cách-mệnh" mà đánh đổ nó đi? Thôi bây giờ phải sống cho ra sống, sống cho được thanh-thoi vui-thích! Bỏ phăng đi, bỏ phăng những cái thỏa-thích tâm-thường, ở cuộc đời tâm-thường, trong những cái phạm-sự rất là tâm-thường vô-lý. Cuộc đời vốn là thiên-hình vạn-trạng, dẫu trong cái cuộc đời mới mà ta sẽ lấy làm cuộc đời cho ta đó, có bấp-bồng có nguy-biến nữa, nào quản chi, miễn là cái sự-nghiệp văn-chương bấy này mộng tưởng và bây giờ lại mộng-tưởng nó có cơ xây đắp được cho thành.

Thôi! hãy qua cho chóng đi! cái tấn trò chơi mà ngày nay ta hãy còn đang múa đối, múa đối với mọi người, và tự mình múa đối với mình. Hãy đón lấy ta; cuộc đời treo-leo mạo-hiểm kia! Càng đau nỗi nguy-nạn, càng tỏ cái cảnh chênh vênh không chắc-chắn, ấy mới lại càng vui ta biết sống là vui, là đáng say mê. Ngày mai ta sẽ đoạn-tuyệt với cuộc đời dĩ-vãng; ta sẽ ra đi. Ngày mai. . .

..

Chàng lật cái phong-bì lại, theo một điệu-bộ quen của nhà nghề, vì còn phải đóng dấu ở sau phong-bì. Mắt

chàng bỗng nhìn thấy hai hàng chữ, cùng một nét chữ ở trước, chỗ đề tên người gởi thơ.

Thôi! không có gì là bí-mật cả. Tên người gởi thơ và địa-chỉ đã rõ ràng ra đó. Ô hay! là tên của một người đàn ông, tên của một người khác. . . Mắt chàng bỗng quáng lóa. Trời ơi! có chuyện chữ ai mà lại giống chữ người bạn ta xưa như thế này được ư? Chàng bèn nhìn kỹ từng nét chữ trên phong-bì, cái phong-bì giấy "vé-lanh" màu ngà. Ở phải rồi, vẫn có chỗ khác nhau kia mà. Thực không phải là nàng vậy. Than ôi! không phải là nàng người bạn tình thuở trước, mà cũng không phải là chàng một kẻ thanh-niên mơn-mỏn và có một chút hơi ngồng ngày xưa. Lê Tâm đã bị một sự sai lầm nó chế nhạo rồi. Thăm-thăm cõi đời dĩ-vãng, còn lâu dấu vết ngư-nhân. Cuộc dĩ-vãng đã đành thoi tuyệt-tích!

Thôi! thôi đừng thương khóc nữa chi, đừng thương khóc chi người bạn tiên-nga thuở ấy mà duyên kỳ-ngộ đã hò hẹn cho một cuộc đời hoa-lệ khác phàm, đã cho ném trước cái thần-tiên phong-vị. Cũng đừng thương khóc chi cái tâm-hồn bông-lông mà thanh-thú ngày xưa, nay nó cũng đã tiêu-tán rồi mình này còn cơ được nó nữa đâu và không bao giờ cho có được. . .

Đôi cái vai bé nhỏ lại cúi khòm trên bàn viết, thấy thơ-ký Lê Tâm mới không còn nghĩ thấy có cái mùi mực lạt-lẻo nữa. Chàng với "lấy con dấu ngày" trên tấm "tam-bông" đen, rồi cái vật vô-lợi nọ lại nện xuống phong-bì chan-chát như cái đầu đem đập vào tường một cách điên cuồng thất-vọng.

Nguyễn Pháp-văn của

Thượng-Uyên, Nguyễn Tiễn-Lân

Đông-Hồ dịch

### Lời bạt của dịch-giả

Theo chuyện thần-tiên Hi-lạp thì EURYDICE là vợ của ORPHÉE. OLPHÉE có chỗ truyền là con của CERACE vua xứ Thrace còn có chỗ truyền là con của thần APOLLON và nữ-thần CALLIOPE, là một nhà đại-âm-nhạc đời cổ. Mỗi khi ORPHÉE gảy lên khúc nhạc thì bao những ác-tù đều chạy theo mà rghê, quên hết cả tình hung-dữ. Ngay bữa cưới, EURYDICE phải một con rắn cắn chết. ORPHÉE buồn-rầu thương-nhớ lắm, xuống âm-phủ tìm nàng; các thần-tiên dưới ấy đều mê-mẩn vì cái cung-diệu thắm-tươi êm-ái của chàng, bèn cho vợ chàng ởng lại, và dặn khi lên khỏi cõi âm-phủ thì mới được ngành đầu trông lại.

Khi ra về, chàng vì thương nhớ EURYDICE quá, không giữ được lời dặn, ngành lại như vợ, tức thì EURYDICE ngã dùng ra chết.

Từ đó chàng rất lầy làm buồn rầu đau-dớn và không yên thích người đàn bà con gái nào cả.

Chuyện cổ là thế, vậy thử nghĩ như thế nào mà tác-giả lấy nhan thiên tiểu-thuyết, là EURYDICE? Tác-giả nguyên tả một cái cảm-tình của người chủ-động trong truyện, Lê Tâm, cùng với người yêu hò-hẹn một cuộc kỳ-ngộ chốn mây gió xa-xôi, rồi mà ước-vọng không thành. Mai g một tấm lòng buồn rầu thất-vọng, thất-vọng nhưng không sao khuấy khỏa được, cái cảm-tình xưa bao giờ cũng vẫn dào-dạt bên lòng, rồi một hôm, cái hình ảnh êm-dềm buổi trước chợt hiện ra trước mắt, giấc mộng năm xưa mới lại thấy bây giờ, lòng thấy nhẹ nhàng sung-sướng thỏa-thích chửa-chon, đưa tay ra toan vỗ lấy, lật lấy; chợt một cái, than ôi! cảnh mộng vẫn chiêm-bao, mà tấm lòng đang nồng nàn vui-sướng, lai-láng cảm tình bỗng thấy lạnh ngắt như tro tàn; và từ đó rồi, mang một tấm lòng băng-

giá đối với cuộc đời vô-liều vãng-về, thì cái cảm-tình của Lê Tâm đối với cái hình-ảnh êm-dềm thanh-thú của cuộc kỳ-ngộ mơ-màng đó, lại lần thất-vọng, đã có khác nào cái cảm-tình của ORPHÉE đối với EURYDICE trong cổ-truyện Hi-lạp.

Tôi dịch thiên tiểu-thuyết này thực là một việc bất-ngờ. Bất ngờ vì tôi không nghĩ là tôi dịch được nổi một bài Pháp-văn lại là một bài danh-văn như thế. Nhưng vì cảm-tình đối với bài văn kia nhiều phen kích-ti-lệch, và thời thường có thơ Nguyễn-quân bạn văn-chương tri-kỷ thực-giục luôn mà mới đánh bạo quả-quyết cầm bút thảo-dịch vậy.

Dự cuộc thi đoán-thiên tiểu-thuyết tây của báo Indochine ở Sài-gòn, EURYDICE giạt giải nhất, chẳng những riêng vinh-hạnh cho tác-giả mà thực là vinh-hạnh lây cho tân-học giới nước nhà vậy. Tôi xin không dám nói đến văn-chương trong truyện mà chỉ nói về cái cốt-truyện. Đọc xong EURYDICE tôi thấy trong lòng làn-hoàn sinh ra một mối cảm buồn rầu vô-vấn, cảm thấy người chủ-động trong truyện với mình cũng chung một tâm-sự, cùng chung một nỗi thương đau chua xót. Tuổi thanh-niên, than ôi! thời-kỳ hớn-hở tươi cười như trăng mới lên như hoa mới nở, mơ-màng ước-vọng những truyện cao xa, chí hăng-hái tiến-thủ như cánh buồm giăng trước gió chực vượt qua muôn trùng biển bạc mà phải đem giam hãm trong vòng phận-sự chật hẹp tầm-thường, đem cái thông-minh tuấn-tú của tuổi thanh-niên mà làm nô-lệ cho cái cớ-tục hủ-lậu tời-tàn vô-nghĩa-lý, kết-quả đến thành một người ngẩn-ngờ thất-vọng, lạnh-lẽo với hết cả mọi việc đời, dành sống tạm cho qua ngày, cái ngày vô-vị cái ngày mà mọi nỗi buồn rầu lê-tái đã thấm-nhập vào trong cõi tâm-hồn thì thực là một mối thâm-sâu ân-hận suốt đời.

Tác-giả thực đã khéo vẽ ra cái cảnh khốc-hại tàn-ác của hủ-tục nó là mưa gió nặng-nề đã làm cho tan nát âu-sầu bao nhiêu những tuổi xuân hơn-hở của bạn thanh-niên, và đã làm ngăn trở bao nhiêu bước đường tiến-thủ trong sự-nghiệp tương-lai của bạn trẻ.

Ở trong cảnh khô-tâm kia, bạn trẻ, há chỉ có một Lê Tâm trong truyện đó mà thôi ư? Ngoài truyện, há lại không còn bao nhiêu người đang ở trong cảnh-ngộ éo-le như Lê Tâm nữa ư? Dịch-giả xin đáp: dịch-giả đây là một! Ấu đó cũng là một cái vấn-đề lớn mà khó giải-quyết ở xã-hội ta ngày nay, chẳng những là cái tư-tưởng riêng của Lê Tâm trái với cái quan-niệm của gia-đình mà là cái tư-tưởng chung của xã-hội mới đối với cái quan-niệm của phong-tục cũ vậy.

Chỉ trong mấy nét bút đơn-so, tác-giả đã vẽ ra cái tình-trạng nguy-nan khốn-khở của xã-hội ta vì hủ-tục:

« Người hơi khòm, vai bé nhỏ » ấy xã-hội ta ngày nay phần nhiều là như thế! « Một đứa bé xanh-xao lẻo-khẻo » ấy lũ con trẻ của xã-hội ta ngày nay phần nhiều là như thế. « Một người đàn bà mặc-mạc thực-thà cho con bú... mà trông cái vóc mình nặng-nề mệt-nhọc của người thiếu-phụ biết rằng sắp có kỳ sinh nở nữa... nghe lọt lỗm vách ngăn, tiếng vợ chồng ho... » Ấy bọn phụ-nữ của xã-hội ta ngày nay phần nhiều là như thế! Một xã-hội mà người thanh-niên, lũ con trẻ, bọn phụ-nữ đều là người yếu đau bệnh-hoạn cả như thế thì còn mong cạnh-tranh được với ai mà nói đến việc sinh-lên!

Đó là cái cảm-tình của tôi đối với bài văn; lại còn một cái cảm-tình nữa là cái cảm-tình đối với tác-giả. Tác-giả nếu chỉ là một người viết văn tây giỏi, giỏi mười mươi nữa, bạn văn-chương đâu có lòng phục mà thực là không có lòng yêu kính vậy. Đối với các bạn « tân-học tron » tôi xin thú thực là có

lòng ấy. Ai có đọc An-nam tạp-chí tất thấy ông Thượng-Uyên là một người bạn rất hữu-tâm với văn-chương nước nhà là một người tri-kỹ của quốc-văn vậy. « Nghĩa-vụ bạn tân-học đối với quốc-văn » ông cho là một cái trách-nhiệm lớn; « Đối với việc làm quốc-văn có lời-lẽ lẽ lối mới, càng những người thuộc tân-học càng cần-trọng mà hiểu rằng: Nghĩa-vụ cần nhất là nghĩa-vụ khảo-cứu « học cho hi-thánh hi-hiền » theo lời cổ-nhân dạy, để thêm tài thêm sức mà gánh vác trách-nhiệm với quốc-văn... Em tư-tưởng mới vào văn nước nhà, thu tình-cảm mới vào văn nước nhà, là hai cái nghĩa-vụ mà bạn tân-học ta từ nay đã có thể gánh vác ngay » (Lời của tác-giả. An-nam tạp-chí số 35)

Nước nhà mong cậy, nói giống đợi chờ bạn tân-học, chính là mong cậy đợi chờ những bạn tân-học như thế. Ông Thượng-Uyên phải đâu là người chỉ giỏi Pháp-văn mà thôi!

Đó vì hai cái cảm-tình tự như trên mà tôi đánh tạo dịch bài này, biết là còn kém lắm, để giới-thiệu với các bạn Quốc-văn một ông văn Tây do người bạn tân-học viết, và để giới-thiệu với các bạn Pháp-văn một áng văn Tây do người bạn yêu quốc-văn viết. Từng nghe có bạn tân-học nói: « Những người họ bảo rằng: họ yêu quốc-văn họ học-hà-h lập-li yện quốc-văn đó là họ dốt chữ Tây, họ có biết gì là văn Tây. »

Ông Thượng-Uyên há phải là người dốt chữ Tây đấy ư?

Nay dịch xong bài này, hoy hèn thế nào cũng xin trân-trọng trước kính tặng tác-giả Thượng-Uyên Nguyễn tiên-sinh, và sau xin kính tặng Trọng-Toàn Nguyễn hiền-hữu, bạn tri-kỹ văn-chương, thời thường có thơ khuyến-miến trong việc bút-nghiên học-lập.

Phượng-thai h ngày mùa hạ, năm  
nhâm-thân (31 5-1932)

ĐÔNG-BỒ

# VĂN-UYÊN

## Ngũ thập lục tự-thuật

(Làm năm canh-ngọ đưa cho  
bạn đồng-canh)

Năm-mươi sáu tuổi tuổi chưa già,  
Mấy kẻ đồng-canh ta với ta ;  
Mạch máu vốn chung nòi giống mạnh,  
Đầu râu chi dễ tuyết sương pha ;  
Bước đường danh-lợi chân dù nắn,  
Ngọn bút bình-chương mắt chữa lòa ;  
Vui thú gia-đình còn lắm vẻ,  
Kìa xem đàn trẻ lũ năm ba.

ĐÔNG-CHÂU

## Họa nguyên-vận

I

Cũng già mà kẻ cũng chưa già,  
Ngất-ngưỡng trên đời dễ mấy ta !  
Sống mãi thành ba ông Thái-tổ,  
Chơi hào được mấy cụ Đông-pha ?  
Non xanh ít kẻ lòng chân ăn,  
Yếm thắm nhiều anh mắt giả lòa ;  
Đồng-học đồng-niên đồng cả chí,  
Một đời may họa có hai ba.

TỪ-LONG

II

Nước bốn nghìn năm cũng chữa già,  
Mới năm mươi sáu hưởng chi ta ;  
Vườn đào gió gọi hồn thơ tỉnh,  
Dạ cục hương nồng chén rượu pha ;  
Ngọc chuốt Côn-sơn màu mới nhuận,  
Trắng soi Cầu-hải bóng chưa lòa ;  
Cùng chung mạch máu sinh cùng tuổi,  
Một bức tinh-thần rạng vẻ ba.

CÁT-THANH

III

Nhìn trông chênh-chệch mấy ông già,  
Độ tuổi mà xem cũng tuổi ta ;

Non nước vẫn in lòng tưởng-mến,  
Phong-trần đã trải bước xông-pha ;  
Nghe chuông cảnh-tỉnh tai hồ điệp,  
Nhìn đước văn-minh mắt chữa lòa ;  
Năm sáu còn ai chung tuổi nữa,  
Mà đây chỉ thấy một hai ba.

HƯƠNG SƠN

## Lục-thập tự-thuật

I

Bấy lâu sinh-trưởng chốn phồn-hoa,  
Lối hủ làng nho vẫn thực-thà ;  
Lều-chiếu bông-lông buôn-bán lỗ,  
Ruộng vườn chênh-mảng họ-hàng xa ;  
Năm châu khéo nhĩ đời đương trẻ,  
Một giáp ở hay tứ chữa già ;  
Có lẽ còn phen may-mắn nữa,  
Ngồi rồi thử vẽ bức tam-da.

HÀ-THANH

II

Năm giáp nay thêm một giáp chông,  
Thẹn-thùng tuổi-tác với non sông ;  
Sung-quan tóc hói trợ đầu bạc,  
Giai-ân nhà lầy cả má hồng ;  
Sự trái mười phần tai cũng thuận,  
Người đầy bốn bề mắt dường không ;  
Hối ỏi thời-thế ỏi thời-thế,  
Nhấn cậy sau này lũ trẻ-trung.

VĂN-BIỂU

## Hồi-hưu lưu-giản

Dầu-dãi tinh-thần với nước non,  
Tờ lui may cũng được vương-tròn ;  
Ba mươi năm ấy coi già-dạn,  
Sáu chục xuân mà vẫn trẻ con ;  
Tranh-cạnh những gì nên tóc bạc,  
Ái-tru khôn nổi tỏ lòng son



Nay về nghỉ mát trên non Đầu,  
Ngắm cảnh ĐỒ-sơn lớp sóng dồn.

Tống-sơn Vũ Đình-Khai

Họa nguyên-vận

I

Chim hôm xào-xạc trở về non,  
Tuổi hạc vừa hay sáu chục tròn ;  
Ơn nước hải-hê còn bằng lão,  
Việc đời gánh-vác để phần con ;  
Mặt trời ngấm lại phờ râu bạc,  
Miếu tổ trông vời dải tấm son ;  
Núi Đầu còn kia còn quỉ đỏ,  
Thơ tiên đặc-ý cứ ngấm đồn.

ĐÔNG-CHÂU

II

Tấm lòng yêu nước vẫn còn non,  
Sáu chục năm quanh quả đất tròn ;  
Bề hoạn vượt qua làn sóng cả,  
Thuyền Tô nhẹ thả mái chèo con ;  
Tiếc ai cửa miệng còn rây mực,  
Thẹn tớ trên đầu chữa chấm son ;  
Lối cúc đi về ta dùng-dĩnh,  
Mặc ai xe ngựa vó câu đồn.

NGỌC-DƯƠNG

Khuyên an-thường thủ-phận

Đất Việt-Nam trọng màu sắc đẹp,  
Cổi Á-Đông chung họ da vàng ;  
Rành-rành một góc giang-san,  
Mười-lăm bộ cũ bốn ngàn năm dư.  
Nước Văn-lang thuở xưa tên gọi,  
Giống Lạc-Long truyền đời đến nay ;  
Đình Lê Trần Lý đời thay,  
Ra tay Thương Vũ, mở ngày Thuận  
Nghieu.  
Bản-đồ rầy dựng treo bờ cõi,  
Dân-sự yên vui hội thặng-bình ;  
Trong ngoài Nam Bắc đôi Kinh,  
Dân thuần chất-phác quan thanh thận  
cần.  
Đạo ngũ-luân xa gần giữ mực,  
Nghĩa tứ-doan chứa chặt lòng son ;  
Bao năm trong cuộc vương tròn

Cây già chữa cõi mằm non đã chồi.  
Trong ngoài vẫn yêu nôi yêu giống,  
Lớn nhỏ cùng tương-trọng tương-  
Phù-nguy tế-cấp ân-cần, [thân ;  
Có lòng ái-chúng có phần thân-nhân.  
Trên dưới vẫn quây-quần giữ đạo,  
Giàu sang không kiêu-ngạo tấm lòng ;  
Bốn dân đầu đấy thông-đồng,  
Sĩ thương yên nghiệp, nông công vui  
nghề.

Kẻ tiên-giác dễ-huê hậu-giác,  
Người tiền-nhân khai-thác hậu-nhân ;  
Cha truyền con nối dần dần,  
Một niềm thủ-phận mười phần kính  
thiên.

Xưa nay vẫn dân yên nước trị,  
Công tư đều truy-thủy thận-chung ;  
Thịnh suy biến cải lạ lòng,  
Quốc-phong đổi mới dân-phong khác  
thường.

Sĩ khuấy-khỏa những đường liêm-tiết,  
Dân hồ-đồ nào biết đạo dân ;  
Đảo-điên trong đạo di-luân,  
Cúi đầu xuống đất vất chân lên trời.  
Cha mẹ coi như người hành-lộ,  
Vợ con xem bằng lỗ vàng tinh ;  
Chen nhau vào đám lợi-danh,  
Hại người cũng mặc ích mình là hơn.  
Trai tráng-sĩ ăn trơn mặc chuối,  
Gái thuyền-quyên sáp vượt gương soi ;  
Đua nhau xe ngựa giông chơi,  
Quan-viên cờ bạc, cậu-bồi gió trắng.  
Tiền khó-nhọc coi bằng dơ rác,  
Sự kiệm cần lại nhác thờ-ơ ;  
Lợi-quyền tranh-cạnh tóc tơ,  
Lọc lừa của chúng vét-vơ vào mình.  
Mỡ người nhắm không tanh lỗ miệng,  
Một dân kia đã nghiêng rằm tai ;  
Nào ai còn có thương ai  
Trùng-trong đục gốc chim ngoài tim sâu.  
Lửa đã cháy đồ dầu thêm mỡ,  
Đóm lẩn theo chỉ mái ăn tầu ;  
Văn-minh cửa miệng làm-nhảm,  
Bán mình dè-tiện mua sang hảo-huyền.  
Sự lập-thân chẳng nhieu sau trước,  
Đạo tề-gia trị-quốc nào hay ;

Buồn tênh nông-nổi thế này !  
 Đồi thay thế ấy vẫn xoay thế nào ?  
 Ta nên phải soi vào phế-phủ,  
 Xét nổi mình nghĩa-vụ phải chăng ;  
 Ấ Ấu dương hội đồng-văn,  
 Phong-trào đưa lại bao năm lạ-lùng.  
 Đã tai mắt đứng trong trời đất,  
 Đạo hiểu-trung diu-dắt lấy nhau ;  
 Nhân-luân giữ lấy làm đầu,  
 Đem lòng thân-ái bắc cầu văn-minh.  
 Công-nghệ phải chuyên tinh cơ-xảo,  
 Học-hành nên thấu-dáo kinh-luân ;  
 Liệu mà hoán-cự lòng-tân,  
 Chớ theo điều dở phải cần sự hay.  
 Sự hay bởi hàng ngày tu-tĩnh,  
 Sự dở là quen tính xa-hoa ;  
 Thân ta ta giữ kéo mà,  
 Một mình kiểm-chác cả nhà ăn tiêu ;  
 Tháng tính được bao nhiêu số nhập,  
 Ngày tiêu đi số xuất phải hay ;  
 Kiểm nhiều tiêu ít là may,  
 Tiêu nhiều kiểm ít có ngày khó-khăn.  
 Khó-khăn bởi chẳng cần không kiểm,  
 Giàu-sang vì tần-tiện mới nên ;  
 Ai ơi ! nghĩ lại mà xem,  
 Có tu-tĩnh mới được nên thân người.  
 Bớt những cách ăn chơi cờ-bạc,  
 Bớt những tiền hành-lạc xướng-ca ;  
 Ra gì cái thói trăng hoa,  
 Say-sưa tồn trí, thiết-tha tồn tiền.  
 Công tư phải giữ-gìn sau trước,  
 Quê chợ đều kiểm-ước chi tiêu ;  
 Dàn-dà chứa ít nên nhiều,  
 Sẵn tiền dư-dật lắm chiều phong-lưu.  
 Muốn lên cao phải từ dưới thấp,  
 Muốn thành non phải đắp từng gờ ;  
 Thức-thời ai đã biết chưa ?  
 Chớ khinh nhỏ mọn mà lơ tiêu dùng.  
 Sách có chữ : « công sùng duy chí »,  
 Xin anh em phải quý nhẫn-kiên ;  
 Dở hay cũng vị đồng tiền,  
 Có kho vô-tận có quyền tự-do.  
 Cảnh chưa đủ để hồ bay bổng,  
 Đường còn xa đi chóng được nào ;  
 Dám khuyên chớ vội trèo cao,  
 Phòng khi nhỡ bước làm sao bấy giờ.  
 Chớ nông-nổi mập-mờ tắc dạ,

Mà đem lòng nghiêng ngả bông-lông ;  
 Dòng ta ta giữ lấy dòng,  
 Cây ta ta phải vun trồng lấy cây.  
 Mầm Hồng Lạc xưa nay vẫn tốt,  
 Tài-bồi sao cho ngắt cho thơm ;  
 Chữ rằng : « Âm thủy tư nguồn »,  
 Chân-tình xin dải niềm đơn mấy lời.  
 PHẠM XUÂN-PHÁI

### Cảnh chùa Non-nước (Ninh-bình)

Cảnh này đủ cả nước cùng non,  
 Chùa ở ven sông đá một hòn ;  
 Nước dẫu trải bao lần biến đổi,  
 Non còn giữ mãi dáng chon-von ;  
 Bàn câu trơ đó người xưa vắng,  
 Hương cúc xa đưa nét bút còn ;  
 Xếp đặt đã dành tay Tạo-hóa,  
 Vì ai tiếng trẻ mãi không mòn.

### Cảm-tưởng về tết Trung-thu

Cũng thì cảnh đấy cũng người đây,  
 Cái tết Trung-thu vẫn thế này ;  
 Bánh giẻ còn in khuôn khổ cũ,  
 Đèn cù vẫn chạy tít vòng quay ;  
 Mảnh gương bao thửa còn trong mãi,  
 Lòng khách năm đã thấy đổi thay ;  
 Ngắm bóng còn mơ vòng tuổi trẻ,  
 Trò về đã sẵn lũ thơ ngày.

### Giàu làm chi, khó làm em

Cuộc thế ngày xem một chán thêm,  
 Giàu thì làm chi, khó làm em ;  
 Kim-tiền gác bỏ bàn tay trắng,  
 Danh-lợi thờ-ơ khúc ruột mềm ;  
 Luân-lý đã không người thích đọc,  
 Lễ-nghi còn mấy kẻ buồn xem ;  
 Lòng vàng ai chớ khoe ai nữa,  
 Mới bén hơi đồng đã nhỏ-nhem.

### Bài hát

### Gửi thăm anh em bạn Na-cham

Ngồi buồn nhớ Na-xăm cảnh cũ,  
 cùng anh em vui thú những ngày, chợ  
 gánh đi chốc đã năm chày, chừng

non nước với ai đây còn tưởng mến.  
Thư hồng nhắn hỏi người biên-viễn,  
non biếc còn in cảnh sắc xưa; kể từ  
khi cách mặt đến giờ, ngồi nghĩ chuyện  
vân-vơ mà tiếc nhớ. Nhớ những lúc  
hơi men chan chứa, xếp túi thơ mà  
giở ngón đàn; khi tở-tôm, khi chẵn  
đặt, khi tài-bàn, lúc cao-hứng dẫu có  
ngàn chi sá kể. Lại có lúc châu xuyên  
ca-kỹ, ngón phong-lưu thanh lịch dễ  
nhường ai? chùa Tam-thanh, non Tô-  
thị, cửa quan-ái, dặng non Cai; cũng  
xe ngựa chơi bời cho phí chí. Thú  
đường ngược bấy lâu là thế thế, nay  
Long-thành, tri-kỹ những ai ai? Bàng-  
khuáng nhớ cảnh, nhớ người.

DƯƠNG THIỆU-CƯƠNG

Nhớ buổi chơi núi Từ-trâm

(Vào một ngày tháng sáu năm 1924)

Núi Từ-trâm (1) cây xanh cỏ biếc,  
Thú hữu-tình ai biết chẳng ai?  
Xinh thay cảnh-trí thơ trời,  
Làm cho trần-thế lắm người say mê.  
Ngồi nhớ buổi ta về chơi đó,  
Hề cùng ai dãi tỏ lấm-tinh;  
Cảnh xưa tuy vẫn là xinh,  
Mà sao hôm ấy lại thanh gấp mười!  
Vì có ai là người thực-nữ,  
Sánh vai cùng du-tử đến chơi;  
Hình như hoa cỏ tươi cười,  
Bức tranh thiên-tạo diễm người tương-  
Vào trong chùa kính dăng lễ-vật, [thân.  
Rồi nàng qui niệm Phật na-mô;  
Bấy giờ như đĩa trẻ thơ,  
Lại gần ta cũng na-mô với nàng.  
Kìa trên đài khói hương nghi-ngút,  
Tấm lòng này trời bọt thâu chẳng?  
Nguyện rằng thanh-khi lẽ hằng,  
Trăm năm như tuyết, kim-bằng thám-  
Trong lòng ta xiết bao ngọc-ngân, [giao.  
Mà nàng thời thơ thần thần-thơ;  
Cùng nhau nối gót bước ra

Cùng trông non nước cỏ hoa bao tình!  
Nàng hỏi ta: « Cảnh xinh chẳng lá?»  
Ta bảo rằng: « Bút tả khôn nên »;  
Cùng nhau vào động dạo xem,  
Tưởng chừng thân đã lên tiên bao giờ.  
Nàng lúc ấy như mơ như tỉnh,  
Mà ta thời dạ tỉnh hồn mơ;  
Trong hang ánh sáng tờ-mờ,  
Xa nhau mấy bước ta chờ đợi nhau.  
Rồi nối gót vào sau hang thăm,  
Ta cùng nàng xem ngắm giờ lâu;  
Ồ-rồng, lạch nước những đầu,  
Ngần-ngơ nàng nói mấy câu bất-tình.  
« Ước sao cho chúng mình muốn kiếp,  
Thoát được vòng chướng-nghiệp ở  
Vui cùng non nước cỏ cây. [đây;  
Cho thân côi thoát được dây luân-hồi! »  
Ta bảo rằng: « Than ôi! ảo-mộng! »  
Nàng cười rằng: « Thực cũng khó  
Nói xong vừa trở gót giầy, [thoay! »  
Tâm-hồn dường gửi lại đây ít nhiều.  
Lối trong hang thấp cao khó ước,  
Ta vô-tình lỡ trượt bước chân;  
Bùn pha lẫn sắc áo quần,  
Hay là động đã riêng phần thù ta.  
Vì chẳng ở đề mà tri-kỹ,  
Vì nữ lòng vó kỹ với xa;  
Cùng nhau thơ-thần bước ra.  
Gió bay hiu-hắt, cỏ hoa một mầu.  
Nàng mới hỏi: « Đi đâu giờ nhỉ? »  
Ta đáp rằng: « Bã chi trên non;  
Thì lên tuyệt đỉnh chon-von,  
Mà trông trời đất tưởng còn chi hơn. »  
Nào có quản đến cơn niọc-nhã,  
Bèn vịn cành rẽ lá mà leo;  
Nàng dừng ta cũng dừng theo,  
Mấp-mò tảng đá xanh rêu một tưng.  
Xem những lúc ra chừng khó-nhọc,  
Chạnh thương nàng sức vóc đào tơ;  
Hoặc nàng hơi lỡ bước sa,  
Đòi phen dường để cho ta giật mình  
Đàn chìm hót trên cành riu-rit,  
Để sườn non tha-thiết bên tai;  
Vui buồn đủ cả hòa hai,

(1) Núi này thuộc huyện Chương-mĩ tỉnh Hà-đông, trong núi có chùa gọi là chùa Trâm, và có động gọi là động Long-châu.

Lòng ta có khác cảnh ngoài chút nao.  
 Cùng xum họp đến bao giờ nhỉ?  
 Hay sau này thiên-lý đổi nơi?  
 Ngậm-ngùi hạt lệ muốn rơi,  
 Gượng cầm kéo để phiền người tri-âm.  
 Nay đôi chữ đồng-tâm đã kết,  
 Tấm lòng vàng ta biết với ta;  
 Thấu chẳng họa có trăng già,  
 Mấy ngàn hạc nội nghĩ mà buồn thay!  
 Hồn vu-vân dường bay theo gió,  
 Trong bấy giờ nàng có biết không?  
 Treo-leo quanh-quất mấy tầng,  
 Lên cao lúc ấy định chừng nghĩ-ngoi.  
 Trên tảng đá ta ngồi trò-chuyện  
 Đọc Quan-thư chẳng thẹn-thùng thay;  
 Đoái nhìn nam, bắc, đông, tây,  
 Đã mê vì cảnh lại say vì tình.  
 Nàng bảo ta: « Cảnh xinh lắm nhỉ? »  
 Ta bảo rằng: « Cảnh-trí thiên-nhiên;  
 Vì dù chẳng được như nguyên,  
 Xin cùng hóa đá ở trên non này! »  
 Nàng tần-ngần vin cây vặt lá,  
 Ta thần thơ bẻ đóa hoa chơi;  
 Xem hoa lại nghĩ đến người,  
 Hồng-nhan bạc-mệnh một đời thương  
 Kia hoa nở mấy ngày đã rụng? [thay!  
 Tuổi xuân người thời cũng thế thôi!  
 Đời hoa ngắn lắm hoa ơi!  
 Một mai tàn-héo ai người liếc thương!  
 Nàng với ta cùng đang vu-vân,  
 Vàng Kim-ô đã lần đỉnh đầu;  
 Thần-thơ bước xuống cùng nhau,  
 Gửi cây ghi đá mấy câu ân-tình.  
 Ta trở gót như hình ngàn-ngại,  
 Vì nỗi lòng chưa dải cùng ai;  
 Nói ra lời chẳng hết lời,  
 Muốn tình muốn nghĩa với người tương-  
 Lối quanh-quất non kỳ lặng-lẽ, [tri.  
 Nhìn lại nàng trăm vẻ nén thơ;  
 Khác nào một đóa đào tơ,  
 Gió đông thoang-thoảng phát-phơ trên  
 [cảnh.  
 Nàng bảo ta: « Lợi-danh đường ấy,  
 Cũng gập-gheñh cũng thấy chóng gai;  
 Lắm khi chán ngán sự đời,  
 Muốn đem thân mọn làm người thiên-gia.

Mặc thế-sự bôn-ba danh-lợi,  
 Cửa từ-bi ta lại với ta;  
 Bạn cùng non nước cỏ hoa,  
 Vui trong màu đạo cũng qua một đời ».  
 Ta bảo rằng: « Luân-hồi là nghiệp,  
 Đã làm người muốn kiếp hóa sinh;  
 Đua nhau tranh lợi tham danh,  
 Chẳng qua một mây phù-sinh thôi mà.  
 Nghĩ đến đời lòng ta đau-dớn,  
 Một bức tranh hơn được kém thua;  
 Tìm vui trong chốn cỏ hoa,  
 Ấy là tình-tình của ta hơn người. »  
 Trong thoáng-chốc đến nơi chân núi,  
 Gặp một vùng cây cối xanh tươi;  
 Khen ai từ-thiện thương đời,  
 Đá kê làm ghế cho người nghỉ chân.  
 Trông chốn ấy có phần thanh-thú,  
 Mới cùng nhau vào đó nghĩ-ngoi;  
 Đương khi nóng bức chiều trời,  
 Dưới hoa mát mẻ tưởng người Bồng-lai.  
 Cảnh như vẽ há hoài chẳng hưởng,  
 Bảo người nhà đem thưởng-tâm ra;  
 Nào cơm, nào rượu, nào trà,  
 Cùng nhau chúc chén bao là tình thân.  
 Kia rượu thánh thơ thần ai đó,  
 Vui dường này, hay có hơn đây?  
 Ai-ân cố cạn lại đầy.  
 Một đời hồ để thế này mấy khi?  
 Nhìn xem đám hoa kia cỏ nọ,  
 Tưởng chừng như cũng có tâm tình;  
 Càng nhìn cảnh-vật càng xinh,  
 Nàng bèn cất giọng thanh-thanh dịu-  
 [dàng.  
 Như oanh hót trên ngàn mai-mỹ,  
 Như hành-vân lưu-thủy khoan mau;  
 Nghe thôi ta lại sinh sầu,  
 Tri-âm này biết mai sau thế nào?  
 Truyện dan-điu bóng chiều đã xế,  
 Trách vàng ô cũng tẻ lắm thay!  
 Vội-vàng già cỏ già cây,  
 Già non, già nực, già ngày bi-hoan.  
 Vào sân chùa hái lan mấy đóa,  
 Nàng hỏi ta: « Hoa có thơm chẳng? »  
 Tay đưa mấy cánh mà rằng:  
 « Hoa này tươi tốt xin đừng phụ hoa. »  
 Đình non tấy là-là bóng ngả,

Vội gửi lời thư-thả chào tăng ;  
 Bước ra lương những dùng-dường.  
 Ngày vui thật rõ không bằng gang tay !  
 Đoái nhìn lại cỏ cây rầu-rĩ,  
 Non liền người tri-kỷ buồn tênh !  
 Là-dương ngã bóng chung-tình,  
 Con đường quanh quất ta mình sánh vai.  
 Lời dặn lời dứt thời lại nối,  
 Không nỡ lòng mà vội xa nhau ;  
 Gió chiều như gọi cơn sầu,  
 Cỏ cây hiu-hắt như màu khơi trêu.  
 Nàng với ta tình nhiều nói ít,  
 Khôn cùng nhau dãi hết nỗi lòng ;  
 Đành rằng quyết-biệt cho xong,  
 Ngồi trên cát ngựa mình không vững-  
 [uàng.  
 Hồi những khách đi đường qua đó,

Xin gửi lời nhắn cỏ nhắn cây ;  
 Nhắn chim nhắn đá nhắn mây,  
 Hồng-nhan khách ấy ngày nay lỡ với.  
 Bấy lâu đã bèo trôi mây giạt,  
 Thân nôi chìm hải-giác thiên-nhai ;  
 Cũng vì lỡ một lăm hai,  
 Tưởng rằng cân-quắc sánh vai anh-  
 hùng....  
 Thôi, thôi thế là xong cuộc thế,  
 Đời bơ-vơ xiết kể đưu-hiu ;  
 Nào khi gió núi trắng chiều,  
 Nào khi biển biếc nhìn theo cánh buồm.  
 Đâu là chốn cố-hương thừa nhỏ ?  
 Đâu là người kỳ-ngộ ngày xưa ?  
 Hời nàng vinh-nhục giấc mơ,  
 Cỏ, cây, mây, núi có ngờ thế chẳng ?  
 Ns. K. C. (Hà-đồng)

## PHONG-DAO CỎ

### Phong dao tỉnh Tuyên-quang

Muốn ăn cơm trắng nước trong,  
 Em lên phố Cát Đại-đồng cùng anh.  
 Ai lên phố Cát Đại-đồng,  
 Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa ?  
 Có chồng năm ngoài năm xưa,  
 Năm nay chồng bỏ như chưa có chồng.  
 Phố Đại-đồng thuộc phủ An-bình có  
 người con gái gọi là cô Tú, là người gái  
 đẹp, mà bị chồng bỏ, nên người xứ ấy làm  
 ra câu này để cợt-giễu.  
 Tháng chín thì quýt đỏ tròn,  
 Tháng hai ngái mọc cái con tìm về.  
 Ngái là thứ lá độc ; hoặc nói là thứ đất  
 dun đùn ở trong rừng, khi mưa lũ chảy  
 ra nước thành độc, khi ấy người ở mạn  
 ngược sợ nước độc phải về.

### Phong dao tỉnh Lạng-sơn

Thứ nhất thì bầu Chi-lặng,  
 Thứ hai cây khế Đồng-đăng Kỳ-lừa.  
 Đồng-đăng có phố Kỳ-lừa,  
 Có nàng Tô-thị có chùa Tam-thanh.  
 Em lên xứ Lạng cùng anh,

Tiệc công bác mẹ sinh-thành ra em.  
 Tay cầm bầu rượu nắm nem,  
 Mãng vui quên hết lời em dặn-dò.  
 Gánh vàng đi đò sông Ngô,  
 Đêm năm mơ-tưởng đi mò sông Thương.  
 Vào chùa thắp một tuần hương,  
 Khấn cùng trời bụt bốn phương chùa  
 Tôi đi tìm bạn tôi đây, [này.  
 Bạn rầy thấy khó bạn nay không chào.  
 Chắp tay bái lạy con sào,  
 Nòng sâu đã biết thấp cao đã từng.  
 Chân đi ba bước lại dừng,  
 Thương em còn bé chưa từng đi buôn.  
 Đi buôn có dạng đi buôn,  
 Đi buôn cau héo có buồn cùng chẳng.  
 Cá buồn cá lượn thung-thăng,  
 Người buồn người biết dãi-đăng cùng  
 ai ?

Phương đông chưa mọc sao Mai,  
 Đồng-hồ chưa cạn biết ai bạn cùng.  
 Lên chơi phong-cảnh tỉnh Lạng-sơn, sực  
 nhớ cha mẹ. Kịp khi gặp bạn, bạn lại không  
 chào, nên trách bạn vô-tình mà thương  
 cho người cùng đi với mình ; sầu dài đêm  
 vắng, nỗi mình biết ngộ cùng ai,

### Phong dao tỉnh Sơn tây

Chim khôn đậu óc tam quan,  
Trai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng.

Xưa nay những bạn má hồng,  
Thà hầu quân-tử hơn chồng tiểu-nhân.

*Con chim khôn còn biết tìm óc tam-  
quan mà đậu, huống-chi người trai lành  
chả nên kén vợ, người gái tốt chả nên kén  
chồng ru? Mà sự kén chọn ấy, thà làm  
nàng-hầu làm vợ lẽ người quân-tử còn  
hơn là làm vợ cả đũa tiểu-nhân.*

Nhất cao là núi Tản-viên,  
Thanh-nhân vô-sự là tiên trên đời.

Tiếng ai như tiếng xứ Đoài,  
Ăn cơm thì ít, ăn khoai thì nhiều.

Mừng nay có chúa Thuần, Nghiêu,  
Gió nhân mưa huệ chầy đều muôn dân.

Sông Lư một giải trong ngần,  
Thanh-thời ta rũ bụi trần cũng nên

Sông Thao nước đục người đen,  
Ai lên phố Yên cũng quên đường về.

*Núi Tản-viên ở vào hạt huyện Bất-bạt,  
huyện Tùng-thiện, dân xứ ấy gặp lúc thái-  
bình, dân vui có vua hiền chúa đức, nên  
lấy núi Tản-viên cao để vi với người an-  
nhàn vô-sự, phố Vũ-yên ở huyện Thanh-  
ba, là nơi thuyền bè xum-hạp, buôn-bán  
vui-vẻ, nên ai đi đến đây cũng mãi vui mà  
không muốn về.*

Đói thì ăn đậu ăn khoai,  
Chớ thấy lúa giỗ tháng hai mà mừng.

*Lúa giỗ tháng hai thì mất mùa, nên dẫu  
ăn đậu ăn khoai, mà không mong lúa giỗ  
sớm.*

Bao giờ đến tháng giêng, hai,  
Trồng bông, trồng đậu, trồng khoai,  
kịp thời.

*Nói chãm-chỉ về việc làm ruộng.*

Trời mưa thì mặc trời mưa,  
Chồng tôi đi bữa đã có áo lơi.

*Câu này là lời mong mưa.*

Nhất trong, nhất ngọt là nước giếng Hồi,  
Nhất béo nhất bùi là cá rô câu.

*Ở làng Tây-dăng, huyện Tiên-phong có  
cái giếng gọi là giếng Hồi, nước trong và  
ngọt. người làng ấy câu đợc cá vừa béo  
vừa bùi, nên làm ra câu này, để tỏ ra  
rằng nước giếng ngon và cá béo,*

Chẳng nên cơm cháo gì đâu,  
Ta về đất bãi hái dâu chẵn tằm.

Mẹ em buồn chỉ bán tơ,  
Buồn ngọn sông Bờ, bán cuối sông  
Thao.

Nước sông Thao biết bao giờ cạn,  
Núi Ba-vì biết vạn nào cây.

Nào nhà anh Tú đâu đây?

*Câu này là người con gái kể nghề-  
nghiệp nhà mình với người con trai, lấy  
núi Tản-viên không biết bao nhiêu cây, để  
vi với người tinh-nhân của mình, không  
biết nhà ở đâu, bàng-khuáng thấy cảnh  
nhớ người, hoa đào năm ngoái còn cười  
gió đóng.*

Anh về xẻ ván cho dầy,  
Đóng thuyền đợi bến rước thầy mẹ  
sang.

Thuyền lớn quan bắt chở lương,  
Còn chiếc thuyền bé cùng nàng qua  
sông.

Đợi nàng anh đứng anh trông.

*Hai câu trên lấy cha mẹ làm trọng, hai  
câu dưới lấy việc quan làm trước, dẫu là  
lời trai gái nói chuyện với nhau, nhưng  
biết hiếu với cha mẹ, biết trọng về việc  
quan, có tình mà vẫn có lễ-nghĩa.*

Dù nhau lên núi Ba-vì,  
Lấy bốn hòn đá về kê chân giường.  
Kê chân giường lệch, kê lệch  
chân giường,

Kê còn đi nhớ về thương.

*Câu này là lời người con trai, bảo người  
con gái.*

Sáng ngày cắp nón ra đi,  
Gặp một thằng đờ hỏi đi đi đâu?

Di rằng mang bị hái dâu,  
Gặp thầy thằng đờ ngồi câu bên đường.  
Thấy di lòng nó cũng thương.

*Người đàn-bà đi hái dâu, đi đường gặp  
chồng, trong lòng vui vẻ làm ra câu này.*

Ăn trâu chọn lấy cau khô,  
Trèo lên Ba-đội cò cò bán hàng  
Cò bán hàng lòng cò buồn-bã,  
Bóng xế chiều bóng ngả về tây,  
Đợi cò ba bảy hai mươi một năm  
nay.

*Câu này là lời người trai gái cùng say-  
mến nhau; ở hạt phủ ấy có ba đồng gò, tục  
gọi là ba quả chuông.*

Mông một sư lên chơi chùa,  
Có cò khăn trắng bỏ bùa cho sư.  
Sư về sư ốm tương-tư,  
Ốm lẫn ốm lóc cho sư trọc đầu.

*Con gái hạt ấy lấy vải trắng vấn khăn  
đi hội hát, mà trong miền ấy hay có sư  
đám, đi ve-vãn vợ con người ta; nên  
người ta làm ra câu này để chế giễu.*

Gặp nhau từ bến Phú-nhi,  
Chẳng đi thì nhớ đi thì luống công.  
Gặp nhau từ phố Đại-dồng,  
Quên nhau hay đã có chồng mà quên.

*Bến dò Phú-nhi là nơi thuyền bè sum-  
họp, người con trai con gái gặp nhau mà  
hát câu này, câu dưới là người con trai  
trách người con gái.*

Cờ-bạc nó đã quấy anh,  
Áo quần mất hết một manh chẳng còn.  
Gió đông-nou chui vào đồng rạ.  
Hở mông ra cho quạ nó lòi.

Auh còn cờ-bạc nữa thôi ?

*Câu này là lời người vợ răn chồng cờ-  
bạc, mà mong rằng chồng biết hối lại mà  
chừa đi.*

Hoàng-cương ăn ít chẳng no,  
Đông-viên có lửa bán cho kẻ Hoàng.

*Làng Hoàng-cương làng Đông-viên  
cùng thuộc về huyện Tiên-phong, làng  
Hoàng-cương thì nghèo, mà làng Đông-  
viên thì giàu, nên làng Hoàng-cương vẫn  
thường phải sang làng Đông-viên để đóng  
thóc về xay-giã mà kiếm cái lợi năm tám  
năm cám.*

Canh một thiếp còn dọn nhà,  
Canh hai dật cử, canh ba đi nằm,  
Canh tư sang đầu canh năm.  
Trình anh dạy học còn nằm làm chi,  
Một mai chúa mở khoa thi,  
Bảng vàng chọi-chọi kia để tên anh.  
Bổ công cha mẹ sắm-sanh,  
Tiền lưng gạo túi cho anh vào trường.  
Nghỉ-vệ đóng hai bên đường,  
Ngựa anh đi trước võng nàng đi sau.  
Kẻ chiêng người trống đua nhau,  
Tiếng khoan rộn-rịp tiếng mau rập-rình.  
Rước vinh-qui về nhà bái tổ,  
Ngả trâu bò làm lễ tế-thần.  
Đề cho bảy huyện nhân-dân.  
Say no được đội hoàng-àn từ rầy.

*Đây là lời người vợ canh khuya coi-sóc  
việc nhà đến sang canh ba mới đi nằm,  
mà đến đầu canh năm đã khuyên chồng  
trở dậy học, và mong chồng được bảng  
vàng bia đá, phu qui phụ vinh cho bổ công  
cha mẹ, nuôi con đi học, người đàn bà ấy  
cũng đáng khen thay.*

Muốn sang thì bắc cầu kiều,  
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.  
Kìa ai đọc sách thánh-hiền,  
Lắng tai nghe lấy cho chuyên ân-cần.

*Lấy lễ qua sông phải bắc cầu, để vi với  
sự vi con nên phải rước thầy dạy học, dân  
xứ ấy lấy việc học làm trọng, những nhà  
hào-phú tranh nhau rước thầy để dạy con  
học, nên làm câu này để khuyên nhau.*

Một năm được may tháng xuân,  
Gái kia hồ để mấy lần dưa dâu.  
Chẳng tham ruộng cả ao sâu,  
Tham vì anh Tú tốt râu mà lành.

*Dân xứ ấy trọng về lễ-nghĩa và văn-học,  
con gái lấy sự gả chồng hai lần làm xấu,  
nên lấy một năm không hai mùa xuân, để  
vi mình không lấy hai lần chồng, mà lấy  
chồng thì chẳng tham ruộng cả ao liền,  
chỉ ham người học trò hiền-lành thôi.*

Bao giờ mang-hiệu tới ngày,  
Cây bừa cho chịu mạ này đem gieo.

*Mong đến tiết mang-chúng sao tua-dua  
mọc để đem gieo mạ cho sớm kịp thời.*

Thuyền đã đến bến anh ơi !  
Sao anh chẳng bắc cầu noi lên cùng.

Thuyền đến bến thì phải bắc cầu đề lên  
trên bờ, vì với người đi học đương lúc tấn  
tới thì phải gia công học tập, để được đến  
nơi đến chốn.

Chẳng vui cũng thể hội Thầy,  
Chẳng trong cũng thể hồ Tây xứ Đoài.

Rửa chân đi hán đi bài,  
Rửa chân đi đất chớ hoài rửa chân.

Lấy hội chùa Thầy vui, để vì với nước  
hồ Tây trong, mà tiếc cho nước hồ Tây  
trong nở đề cho những kẻ ngu hèn rửa  
chân đi đất.

Chẳng tham ruộng cả ao liền,  
Tham về cái bút cái nghiên anh đồ.

Ínì vóc cho lẫn quần hồng,  
Têm trâu cánh quế cho chông đi thi

Ruộng cả ao liền cũng chẳng đủ bợn  
lòng, mà chỉ say vì cái nghiên cái bút, sắm  
sứ đồ vật để chông đi thi, sự tập-thương  
xứ ấy cũng đáng khen thay.

Bơi Đầm, rước Giá, hội Thầy.  
Vui thì vui vậy, chẳng tầy giã La.

Làng La-kê thuộc huyện Từ-liêm, lệ  
thờ thần làng ấy, cứ năm nào cũng hát  
một bài, hát suốt cả ngày, gọi là bài hát  
Lạc-thanh (樂成), hát xong bài ấy thì tắt  
đèn đi, con trai con gái ôm nhau cợt-bỡn  
làm vui.

Thầy thiệp là thầy thiệp ơi !  
Nay chuông mai trống cho tôi cực lòng.

Chín con tôi bỏ cho chông,  
Tôi theo thầy thiệp cực lòng tôi thay !

Những người phù-thủy hay lấy phù-chủ  
đỡ vợ con người ta, thậm-chi cả người  
đàn-bà đã có chông có con rồi, mà cũng  
bỏ con đi theo hẳn, về sau người đàn-bà  
ấy hối lại biết mình là dại, nên làm ra  
câu này.

Lên chùa lạy phật Thích-ca,  
Lạy ông Tam-thế vua cha Ngọc-hoàng.

Trở ra kết nghĩa cùng nàng,  
Tôi anh có phần cho nàng đeo tay.

Dù ai bấm chỉ cò tay,  
Thì em giữ lấy nhẫn này cho anh.

Dân xứ ấy chuộng thờ đạo phật, đến  
tháng giêng, hai, thì con trai con gái, quần  
lành áo tốt, vào chùa lễ Phật, rồi trở ra  
hát-xướng cợt bỡn làm vui, câu này là  
người con trai nói cợt-bỡn người con gái.

Cá bống còn ở trong hang,  
Cái rau tập-tàng còn ở ruộng dân.

Ta về ta sắm cần câu,  
Câu lấy cá bống nấu rau tập-tàng.

Các thứ rau lẫn-lộn với nhau, gọi là rau  
tập-tàng, lấy con cá bống vì với người con  
gái, mà lấy rau tập-tàng vì vào mình,  
câu này là người con trai trông thấy người  
con gái đang hái dâu, hát câu này để cợt  
bỡn.

Công anh chẻ nữa đan bồ,  
Con chị đi mất anh vồ con em.

Công anh lọc lá gói nem,  
Con chị đi mất, con em lộn chông.

Câu này là chẻ-cười những người con gái  
dám-bôn, bỏ chông theo trai ; ở vùng làng  
Tu-hoàng làng Đại-phùng, hay hát câu  
này.

Tháng sáu gọi cấy lao-xao,  
Tháng mười lúa chín mỗ rao cấm đồng.

Những kẻ dân nghèo, thân đi làm mướn,  
trong vụ tháng sáu mà cấy, thì những  
nhà có ruộng tranh nhau gọi mướn, kíp đến  
tháng mười lúa chín, thì lại mỗ rao cấm  
không được ra đến đồng mốt lúa, không  
nhớ đến người cấy vừa rồi ; nên người dân  
nghèo làm câu này để chê.

Kẻ Thau có quán đình-thanh,  
Kẻ Hạc lại có ba đình ba voi.

Mười tám kéo thuyền xuống bơi,  
Mười chín đâm bánh hai mươi rước  
thần.

Nói việc thờ thần thành-kinh.

Chợ ta ngày chín, ngày tư,  
Có một tháng tám lại dư phiên rằm.

Ai ơi nước lấy kéo lằm,  
Đi mua hoa quả chơi rằm trung-thu.



*Chợ là chợ làng Tuân-lộ huyện Bạch-hạc ; câu này là lời ghi phiên chợ*

Xuống thuyền dịp bảy dịp ba,  
Trách cô hàng trứng ở ra hai lòng ;  
Một sông nước chảy dôi dòng,  
Một đèn đôi ngọn em trông ngọn nào ?

*Ở huyện Yên-lạc, nhiều người nuôi vịt, con gái bán trứng đi dò qua sông, những con trai cũng dò trông thấy, có lòng say mẩn, nên lấy cái trứng hai lòng mà trách người con gái hai lòng ; lại lấy con sông hai dòng, ngọn đèn hai ngọn, để ví với người con gái không nhất-tâm.*

Em rằng em muốn đi buôn,  
Anh về kiếm chốn nha-môn ngồi tuần.  
Dù em buôn bán xa gần,  
Làm sao cho khỏi cửa tuần anh đây.

Sơn-bình chợ Duối chẳng xa,  
Cách một cái quán với ba quăng đồng.  
Chẳng tin đứng lại mà trông,  
Bên tây có miến bên đông có chùa.

Ở troag lại có đình thờ,  
Ann còn kén chọn bán mua chốn nào ?  
*Câu này là lời con trai con gái say mẩn nhau, trước kê nhà ở không xa, sau kê phong-cảnh xứ ấy.*

Rủ nhau đánh cá đồng Lâm.  
Cá kia chẳng được âm-thầm cùng anh ;  
Cây vàng lá rụng chung quanh,  
Rủ nhau đánh cá đồng nay,  
Cá kia chẳng được một ngày đến trưa ;  
Sầu em nước mắt như mưa !  
*Đồng Lâm là đồng làng Đức-lạc, câu này là lời người con gái bảo người con trai.*

Anh chèo thuyền thúng chẳng đi,  
Anh đi thuyền ván có khi gặp-ghềnh ;  
Ba chòm bảy nòi lênh-dênh,  
Em chèo thuyền ván chẳng đi,  
Em đi thuyền thúng có khi chòng-  
chành.

Có khiđò ngả đò nghiêng,  
*Ba câu trên là người con gái lái-đò, ngồi trong thuyền nan trông thấy con trai thuyền buôn bên làm ra câu này để gheo, ba câu dưới là lời người con trai trả lời.*

Chè đây lấy đó sao đành,  
Em chèo cam ngọt lấy cánh quít chua.  
Quít chua bán một đồng mười,  
Cam ba đồng một, quít ngồi trơ trơ.  
Nào khi gánh nặng anh chờ,  
Qua cầu anh dỡ bây giờ quên anh ?

*Ở hạt huyện Yên-lạc, người ta trồng nhiều cam, quít, câu này là lời người con trai trách người con gái phụ-tình, không nhớ đến cái ân-tình hai bên yêu mến thân-mật thừa xưa, mà nữ cam lòng đi lấy người khác, vả lại lấy người ngu-hèn, không được bằng mình.*

Cái cò, cái vạc, cái nông,  
Cùng ăn một đồng nói chuyện giăng-ca,  
Mắm muối đồ ruột con gà,  
Mẹ mình không xót bằng ta xót mình.

*Câu này là lời người con trai say-mẩn người con gái nên mượn vật để nói rõ lòng mình*

Tay tiên nung chén rượu đào,  
Chẳng uống thì tiếc uống vào thì say.  
Chẳng chèo chẳng chèo sao say,  
Chẳng thương chẳng nhớ sao hay đi tìm.  
Tìm em như thể tìm chim,  
Chim ăn bãi bắc, đi tìm bãi đông.

Làm trai lấy vợ Sơn-dông,  
Thịt xôi có ít tiền trồng như non.  
*Tục lấy vợ gà chồng ở làng Sơn-dông ăn uống thì ít, mà lấy tiền nhiều, những nhà giàu có lấy đến năm sáu trăm quan tiền, mà nhà trung-thường cũng lấy đến ba bốn trăm quan, nên những người trí-thức làm câu hát này để chê.*

Đồn rằng kẻ Sớm vui thay,  
Đi ba bữa ngày cơm đã lương công.  
Bên dưới có sông, bên trên có chợ,  
Anh lấy em về làm vợ nên chàng ?  
Tre già đề gọc chơ măng.

*Người con trai gặp người con gái làng Sơn-dông ở chợ hát câu này để ve-vãn.*

Ba đồng một lá trâu cay,  
Sao anh chẳng bởi những ngày còn  
không !

Bây giờ em đã có chồng.  
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.  
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,  
Chim vào lồng biết thua nào ra.

*Người con gái đã có chồng, ra đường gặp một người con trai nói đùa nói bỡn, nên người con gái tiết-liệt ấy lấy câu này mà cự lại.*

Mồng chín tháng chín có mưa,  
Thì con đi sớm về trưa mặc lòng.

Mồng chín tháng chín không mưa,  
Thì con bán cả cây bừa mà ăn,

*Những nhà làm ruộng, thường nghiệm tiết trời, nếu ngày mồng chín tháng chín có mưa, thì lúa chiêm được, mà ngày hôm ấy không mưa, thì lúa chiêm hỏng.*

Mồng tám tháng tư không mưa,  
Phải bỏ cây bừa mà đi tra lúa ;

Bao giờ cho đến tháng mười,  
Thóc lúa bời-bời nhà đủ người no.

*Ngày mồng tám tháng tư không mưa thì chưa có nước gieo mạ, những nhà làm ruộng, thường lo không có nước gieo mạ mùa, và mong rằng tháng mười lúa tốt cho được no đủ.*

Chẳng chua cũng thể là chanh,  
Chẳng ngọt cũng thể cam sành chín cây.

Muốn cho cò đó cùng đây,  
Sơ-lâm chưa để một cây nên rừng.

*Mượn quả chanh quả cam mà nói, lại lấy một cây làm chả nên rừng, để ví với người ta phải nên cùng nhau một lòng một dạ.*

Mụ già mang bị hồ-tiêu,  
Mụ bao nhiêu tuổi nhiều điều dang cay.

Đời người bằng một gang tay,  
Ai hay ngủ ngày mới được nửa gang.

*Người ta trông thấy mụ già mang bị hồ-tiêu, bèn hỏi rằng : Mụ đã tuổi già, sao còn đeo bông những vị tân-khổ như vậy ? Mụ đáp lại rằng làm người phải tiếc thì giờ, không nên nề những việc tân-khổ.*

Gần chùa phong-cảnh mọi đường,  
Ở gần thợ nhuộm vẽ-vang mọi bề.

Tay cầm cái chỉ cái kim,  
Tay cầm thước vải đi tìm thợ may  
*Lấy cảnh chùa ví với người thợ nhuộm, để chê những người đàn-bà không biết đường kim mũi chỉ.*

Hai bên tranh lấy quả cầu,  
Dân yên bình-thái, sống lâu vững bền.

*Tục thờ thần ở làng Diêu-lương thuộc phủ Lâm-thao, cứ đến mồng bốn tháng giêng, rước thần ra nơi đàn ngoài đồng, để một quả cầu ở trước đàn, người già người trẻ đứng hai bên, rồi một ông già vào trong đàn la to lên rằng : Hai bên lại mà tranh lấy, bên nào được đem về bên ấy, tục gọi là « hội tranh quả cầu ».*

Chẳng chèo thì thuyền chẫu đi,  
Thuyền thì đã nát, ván thì long danh.

Đòi ta gắng-gỏi trên ghềnh.  
Em ra đừng mũi để anh chịu sào.

Sông Đà, sông Mã, sông Thao,  
Ba ngọn sông ấy đổ vào sông Ngâm.

*Trên nói nên hết lòng gìn-giữ con thuyền cho được vững-vàng, sau kể các con sông chảy.*

Thuyền ngược anh bỏ lái xuôi,  
Khúc sông bỏ vắng, có người sâu riêng.

*Người con trai người con gái, vừa đứng đầu thuyền cợt-bỡn, kịp lúc thuyền đi, người con trai hát câu này, ý nói người con gái những to-lường một mình.*

Rủ nhau lên núi hái trè,  
Hai năm ba lá xuống khe ta ngồi ;

Xuống khe tắm mát thanh-thời.

*Người con trai người con gái cùng đi hái trè, hát câu này làm vui. Xem câu hát ấy đủ biết cái thú dật-lạc, cái cảnh thung-dung, mà không bận chút gì bó-buộc.*

Tiệc cho cây quế trong rừng,  
Đề cho thặng Man bằng Nùng nó leo.

Đạt cung trồng cây khẳng-kheo,  
Những người thô-tục nói điều phạm-phu.

*Lấy cái cây trồng nơi đất xấu, để ví với lời nói của những người thô-bỉ, mà kết ý câu trên.*

Trèo lên cây bưởi hái hoa,  
Bước xuống ruộng cà hái nụ tầm-xuân.  
Nụ tầm-xuân nở ra cánh biếc,  
Em đã có chồng anh tiếc em thay.

*Nói vụ tầm-xuân bản là sắc đỏ, mà nay  
biến ra sắc biếc, vì như lòng mình say-  
mến người con gái ấy, mà người ấy đã  
đổi lòng đi lấy người khác, câu này là lời  
người con trai nói với người con gái, mà  
tiếc rằng người ấy đã có chồng rồi.*

Tỏ trắng mười bốn được tám,  
Tỏ trắng hôm rằm thì được lúa chiêm.

*Xem mặt trăng tối hôm mười bốn tối  
hôm rằm tháng tám thì nghiệm biết tầm  
và lúa được hay hỏng.*

Tháng giêng là tháng ăn chơi,  
Tháng hai trồng đậu, trồng khoai,  
trồng cà.

Tháng ba thì lâu đã già,  
Ta đi ta hái về nhà phơi khô.

Tháng tư đi tậu trâu bò,  
Đề cho ta lại làm mùa tháng năm.

Sớm ngày đong lúa ra ngậm,  
Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra.

Gánh đi ta ném ruộng ta,  
Đến khi nên mạ thì ta dò về.

Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,  
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ-ngơi.

Cỏ lúa làm đã sạch rồi,  
Nước ruộng vui mười còn độ một hai.

Cao thì đong một gàu giai,  
Chỗ thấp thì lại đong hai gàu sông.

Bao giờ lúa có dòng-dòng,  
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.

Bao giờ cho đến tháng mười,  
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.

Gặt hái gánh đem về nhà,  
Phơi khô quạt sạch ấy là xong công.

*Câu này kể hết công-việc cấy cấy trồng-  
trọt hàng ngày của những nhà nông-gia.*

Văn, thơ, phú, lục chẳng hay,  
Đi về làng nước học cấy cho xong.

*Nhất sĩ nhi nông, không học được trở  
về làm ruộng.*

Sớm ngày vác cuốc thăm đồng,  
Hết nước em lấy gàu sông đong lên.

Hết mạ thì em quây thêm,  
Hết lúa em lại lấy tiền đi đong.

Nửa mai lúa chín đầy đồng,  
Đem về đập, đập, bỏ công-phu làm.

*Một người đàn bà chăm-chỉ về việc làm  
ruộng.*

Tiệc thay hạt gạo trắng ngần,  
Đã vo nước đục lại vắn than rơm.

Tiệc thay cây gỗ lim chìm,  
Đem làm cọc giậu cho bìm nó leo.

*Câu này là người đàn ông, người đàn-  
bà cùng tiếc lẫn cho nhau, vì không gặp  
được người vừa đôi phải lứa.*

Cát bay vàng lại ra vàng,  
Những người quân-tử lòng càng đĩnh-  
ninh.

Đĩnh-ninh anh đề dạ này,  
Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Muốn ăn mạn nôi mơ chìm,  
Anh cũng lặn suối đi tìm của chua.

*Người con gái giải tỏ tấm lòng mong  
nhờ của mình với người con trai, nên  
người con trai đáp lại khuyên rằng nên  
một lòng với nhau, và lại nói đùa rằng  
nếu em đã có thai mà thèm của chua, thì  
ta cũng hết lòng tìm cho*

Mưa từ trong núi mưa ra,  
Mưa khắp thiên-hạ, mưa qua chùa  
Thầy.

Đôi ta đã gặp nhau đây,  
Như con bò gầy gặp bãi cỏ non.

*Câu này là lời người con trai người  
con gái cùng thích nhau, đến lúc gặp  
nhau cùng tỏ cái lòng ao-ước.*

Ngỡ rằng nước chày đá mòn,  
Chẳng là nước chày đá còn tro tro.

Chờ cho nước cạn phơi bờ,  
Xem con người ấy nương nhờ vào đâu?

# T H Ò I - Đ À M

## Việc thế-giới

### Nội-các nước Pháp

Về trung-tuần tháng này, trong khi nghị-viện bàn về việc hoàn trái-khoản Hoa-kỳ về kỳ-hạn ngày 15 Décembre, tòa Nội-các HERRIOT xướng vấn-đề tín-nhiệm được 187 vé tán-thành, phải 402 vé phản-đối, đã từ-chức.

Quan giám-quốc LEBRUN bắt đầu hỏi ý-kiến các ông linh-tụ chính-đảng về việc lập tòa Nội-các mới.

Sau cùng quan Giám-quốc cử ông CHAUTEUPS lập tòa Nội-các. Ông CHAUTEUPS đã nhận lời điều-định.

Tòa Nội-các nước Pháp đã thành-lập như sau này :

#### Các chức Tổng-trưởng :

Tổng-lý Nội-các kiêm bộ Ngoại-giao :  
M. Paul BONCOUR.

Tư-pháp : M. Abel GARDEY.

Tài-chính : M. CHERON.

Công-tác : M. Georges BONNET.

Nội-vụ : M. CHAUTEUPS

Chiến-tranh : M. DALADIER.

Hàng-không : M. PAINLEVÉ.

Hải-quân : M. LEYGUES.

Nông-phố : M. QUEUELLE.

Trợ-cấp : M. MIELLEF.

Giáo-dục : M. de MONZIE.

Thuộc-địa : M. ALBERT SARRAUT.

Lao-động : M. DALIMIER.

Thương-thuyền : M. Léon MEYER.

Vệ-sinh : M. DANIELOU.

Thương-mại : M. Julien DURAND.

Bru-điện : M. Laurent EYNAC.

#### Các chức Thứ-trưởng :

Tại bộ Tổng-lý nội-các : M. FROT.

Ngoại-giao : M. Pierre COT.

Nông-phố : M. JAUBERT.

Chiến-tranh : M. GUY la CHAMBRE.

Kinh-tế : M. PATENÔTRE.

Nội-vụ : M. ISRAEL.

Hàng-không : M. BERNIER.

Thuộc-địa : M. CANDACE.

Thê-thao : M. MARCOMBES.

Học chuyên-môn : M. DUCOS.

Mỹ-nghệ : M. MISTLER.

Lao-động : M. TESSAN

### Ý-kiến ông Lloyd George đối với hội Quốc liên và vấn-đề Trung-Nhật

Đến 5 Décembre này, thì Hội Quốc liên sẽ đem vấn-đề Trung-Nhật ra xét xử. Xem cuộc tranh-biện của Cố Duy-Quân đại-biểu Tàu, và Tùng-Cương đại-biểu Nhật ở Genève vừa rồi, ta đã thấy chỗ bất-lực của cái hội có tiếng mà không có miếng ấy rồi. Nhân dịp này chúng tôi muốn đem cái ý-kiến của một nhà đại-chính-trị Anh ra đây, để cho mỗi người đều được trông thấy cái mặt thực của vấn-đề rắc rối nhất hiện-thời : chúng tôi muốn nói ông LLOYD GEORGE, cựu-thủ-tướng nước Anh.

LLOYD GEORGE từ khi về ăn-sĩ qui-diễn đến giờ không muốn cho ai nhắc đến tên tuổi mình làm gì, nhưng thình-thoảng nếu gặp được một vấn-đề nào làm cho mình « ngứa cò » thì cũng nhẩy ra cầm bút tranh-luận như hồi mình còn trai-trẻ hăng-hái vậy.

Vừa rồi nhân vụ Nhật Hoa xung-đột, ông có viết một bài thời-bình ở tạp-chí « Le Mois » kể về cái mặt... của hội Quốc-liên xướng, chúng tôi trích-dịch một vài đoạn sau này :

« Đối với hội Quốc-liên vụ này là một sự thất-bại vậy. Cái mục-dịch của hội Quốc-liên là ngăn-cản giặc-giã và cho các nước vào hội một cái đảm-bảo

đề chống lại với sự giặc-giã nghĩa là làm cho các nước ra tay hộ-trợ nước nào bị đánh thình-linh. Thế mà Nhật-bản cứ binh xâm lấn đất nước Tàu không thấy hội Quốc-liên ngăn trở chút nào, sự đó đủ chỉ cho thế-giới thấy rằng hiện ta đang ở vào một cái thời-đại, trước Âu-chiến, trước hội Quốc-liên lập thành, nước nào nước nấy đến khi ngộ-biến chỉ biết trông cậy lấy mình mà thôi, vì sờ-sờ trước mắt ta đó; nếu có một nước mạnh mà là hội-viên của hội Quốc-liên đem binh đánh kẻ ở gần với mình, thì các nước khác kiểm thế-thần đề mở các lời giao-kết của mình khi xưa và viện đủ lý lẽ đề ngồi yên một chỗ không muốn can-thiệp làm gì.

Nước bị đánh hoặc tự mình cứ chữa lấy mình hay là để cho chúng vầy đập cấu xé làm năm làm bảy ra. Tự-nhiên họ phải trông cậy vào binh-khí của họ và trông cậy vào các nước có ký điều-ước về binh-bị với họ, cái vấn-đề tài-binh vì đó mà bị một «cú» nặng nề gần chết vậy.

Đối với Mỹ và Âu, cái kết-quả của vụ này có lẽ lại còn khốn-nạn hơn nữa. Chỉ vì tại sự bất-lực của ta không thể cứu giúp Tàu được, và không nâng đỡ họ trong việc phản-đối cử-chỉ của Nhật được, nên uy-quyền của ta còn có gì đâu! Về phương-diện thương-mại lại còn thấy nhiều sự lắt-lỏi gấp mấy.

Nước Tàu là cái thị-trường khổng-lồ có đến 400 triệu dân-số, chỗ tiêu-thụ hàng-hóa biết bao nhiêu mà kể, còn nước Nhật là một kẻ nghịch vô-kỹ-nghệ ở bờ biển Thái-bình-dương, nghịch với các xưởng chế-tạo của Hoa-kỳ và các nước Âu-châu. Gây cái cảm-tình với nước Tàu liên-lợi biết chừng nào, nhưng bây giờ đây vì thái-độ thờ-ơ của ta, ta còn có quyền gì nữa!

Đọc hết đoạn này chắc độc-giả sẽ nhận ra rằng ở Genève muốn giải-quyết một vấn-đề gì, dù nhỏ dù lớn chi cũng

vậy, người ta phải đứng trong vòng quyền-lợi trước nhất, chứ chẳng phải trong vòng nhân-đạo như mình, thường làm tướng đầu. Một đoạn sau, LLOYD GEORGE vạch cái tim đen của Nhật-bản như thế này:

« Nhật làm-le điều gì? Dân-số của họ đông-đúc; công nghệ của họ đang thịnh-phát, lẽ tự-nhiên họ phải dòm chung quanh để kiếm thị-trường mới, để tìm chỗ vận lương mới, để tìm những chỗ thực-dân, giao về cho dân số dư-thặng của họ.

Những điều ao-ước ấy, họ đạt thành được ở Mãn-châu. Nhưng ta nên chú-ý điều này; dẫu rằng người Nhật có thể đem bọn thực-dân của mình mà rải rác dần, và cuộc thương-mại của mình mà mở rộng ra đã lâu năm rồi, song chẳng có bao nhiêu người Nhật hưởng cái sự lợi ấy, trái lại họ để chỗ cho bọn Cao-ly, và cho một số đông người Tàu càng ngày càng kéo nhau lên phương bắc làm ăn mãi. Cái địa-vị về thương-mại của người Nhật không lấn-lướt mấy, sau này nếu họ có lo đến, tất để làm « kỳ đà cản mũi » không cho các nước khác léo hánh đến đó chớ gì. Cái « cửa mở » của Mãn-châu đã có điều-ước 9 nước ký tên đảm-nhận rồi, nhưng sự đó có thể ngăn cản không cho Nhật đạt thành những điều nguyện-vọng của mình chẳng? »

Không cho các nước khác léo hánh đến, tuy LLOYD GEORGE không nói rõ ra, nhưng ai cũng biết không cho nước Nga trước nhất. Nga tức là cây đinh đóng trong con mắt Nhật, mà Nhật là cái cây cau đâm họng của Nga.

Các nước ở thế-giới bây giờ, muốn đứng vững với nhau, họ cần phải có kẻ kinh chống với nhau, để cho các nước rảnh tay kia lo bốn-tàu, hoạt-động tự-do mà thủ lợi.

Hội Quốc-liên sở-dĩ dần-dà không dám xử-quyết cũng vì lẽ ấy. Tờ phúc-bầm Lytton tuy có giúp đỡ kiến-vấn

cho họ nhiều, nhưng theo ý chúng tôi tưởng: phúc-bẩm mà chi; công-lý mà chi, quyền-lợi trước nhất mà ! Tàu phen này quyết bảo chữa quyền-lợi mình, ta nên theo ông LLOYD GEORGE mà mong cho họ sẽ là nước vì có đức tin nên sẽ có một cái tương-lai đẹp đẽ sau này. Mong mỗi như thế có quá đáng chăng?

(Báo Trung-Lập)

### Phương-châm ngoại-giao của Nhật-bản sẽ biến-cải chăng?

(Nhật Nga biến-hóa)

Người Nhật chiếm Mãn-châu, không những một mặt võ-lực hùng-cường, mà thủ-đoạn ngoại-giao cũng đảo-đề lắm:

Gần đây nhân vấn-đề Mãn-châu, nếu Quốc-liên nhất trí ủng-hộ điều ước phi-chiến thì Nhật không khỏi cô-lập. Người Nhật nghĩ thế, nên một mặt thì cực-lực thân Nga, định cùng kết điều-ước bất-xâm-lược, chưa biết người Nga nghĩ thế nào; còn một mặt nữa thì bao nhiêu đại-sứ ở ngoại-quốc đều thay đổi cả.

Theo tin Đông-kinh, ngoại-tướng Nội-diễn đương chăm lo về sự chọn quan ngoại-giao. Điều quan-hệ nhất là có diện mời đại-sứ trú Nga Quảng-diễn Hoàng-ngự về nước, công chúng rất lấy làm chú-ý là vì lẽ này:

Từ cuộc Mãn-châu phát-sinh, Nhật vẫn giữ cái chủ-nghĩa « thỏa hợp với Nga mà đối-kháng với Mĩ ». Trong lúc kịch-chiến ở Thượng-hải Ngô-tùng, sự giao-thiệp giữa Nhật Nga, không khi nào dứt đoạn. Cho đến vấn-đề rắc-rối lâu năm như chuyện « đánh cá ở miền Bắc-duong » người Nhật cũng nhượng-bộ, gần đây vấn-đề Thạch-du hợp-định cũng tấn-hành một cách thuận-lợi, hai bên không điều gì ngăn ngại cả. Thế mà từ tờ bá-cáo của ban Ủy-viên

điều-tra Quốc-liên tuyên-bố ra, người Nga đối với cái chánh-sách xâm Mãn của người Nhật, có chiều đề-xúc, gia-dĩ thái-độ người Mĩ tỏ ý cường-ngạnh, người Pháp cũng đổi thái-độ trước mà tuyên-bố ủng-hộ Quốc-liên, người Nhật tự biết trong trường ngoại-giao, mình đã làm cái địch cho muôn ngàn mũi tên. Từ đó người Nhật, một bên thì chia phái đại-biểu đi sơ-thông các nước có chân trong hội Quốc-liên, một bên thì triệu đại-sứ trú Nga về đề nghiên-cứu cho rõ chân-tướng người Nga đối Nhật thế nào mà quyết-định một chính-sách mới đề đối Nga vậy.

Cái án « Nga Nhật Mãn ba nước bất-xâm-phạm điều-ước » năm ngoài vào khoảng đại-biểu Phương-trạch về nước, có ghé Nga, đã đề-khởi, song bên Nga nhất-định chia việc « điều-ước bất-xâm-phạm » với « thừa-nhận nước Mãn-châu » làm hai việc mà không chịu nhập chung làm một trật, thành ra gác lại. Còn bên Nhật thì đối với « điều-ước Nhật-Nga bất-xâm-phạm » cũng có hai phái: Một phái thì phản-đối, cho điều-ước phi-chiến, Liệt-cường thế-giới đã công-nhận, nay không cần phải thêm một cuộc bộ nữa. Huống chủ-nghĩa xích-hóa của Nga rất trái với tinh-thế đế-quốc « muôn đời một dòng », nay cùng một nước chủ-nghĩa bất-dồng mà đính-ước, dầu hiện-thời có cái cơ xoay chuyển mà về việc quốc-phòng sẽ có cái ảnh-hưởng không tốt; như vậy chỉ giúp cơ-hội cho Tô-Nga được cái nhíp tốt khuếch-trương quân-bị theo kế-hoạch năm năm mà thôi.

Một phái phản-đối thuyết trên nói rằng quốc-dân Nhật-bản có cái khuynh-hướng trọng-thị điều-ước quốc-tế so với Trung-hoa xem điều-ước là thần-thánh đã thành quá-độ rồi, nghĩa là đôi với điều-ước quốc-tế chỉ xem như lời nói trống, tờ giấy loại so với Trung-hoa xem điều-ước như khuôn vàng

thước ngọc, rất là khác nhau. Sự dè-phòng xích-hóa, Nhật-bản đã chú-ý lâu rồi, không phải vì định-ước này mà thỏa lòng, hiện nay các nước định-ước với Tô-Nga như Ý đại-lợi, Thổ-nhĩ-kỳ, Ba lan, Phần-lan, không thấy nước nào bị chủ-ngĩa xích-hóa xâm lấn. Xem thế thì rõ xích-hóa sở dĩ truyền-bá vào được trong nước nào nội-lực khiêm-khuyết kia, chớ trong nước nào mà tỏ-chức hoàn-thiện, chế-độ chính-trị được kiện-toàn thì không tài nào tuyên-truyền tư-tưởng ấy vào được. Còn nói kế-hoạch năm năm, người Nga khuếch-trương quân-bị thì không định-ước với Nhật, họ cũng cứ một mực khuếch-trương kia. Thế thì Nhật Nga Mãn bất-xâm-phạm điều-ước, kiểm-xét cho kỹ-càng, tưởng không phải là vấn-đề không thực-hiện được.

Hiện người Nhật đương tranh về hai thuyết ấy, nên mời trú Nga đại-sứ về đặng bàn-bạc cho châu-đảo, xét chân-tướng người Nga đối Nhật thế nào mà quyết-dịnh sự đề-kết ấy. Đồng-thời lại xui Tạ Giới-Thạch (ngoại-giao nước Mãn) cùng Tổng lãnh-sự Nga ở Phụng-thiên, Mạnh Tự-Cơ và Quang-Điền (đại-sứ Nhật ở Nga) đồng hội tại Đông-kinh đặng cùng nhau thương-xác...

Cái mối quan-hệ Nhật Nga rõ-rệt như thế, vấn-đề Mãn-châu trong cái màn ngoại-giao Nga Nhật, thế nào cũng có cái vẻ đổi mới. Nếu điều-ước này thành, người Nhật khỏi cái mối lo đường sau lưng tất-nhiên đối với Quốc-liên và Mĩ, sẽ có cái khuynh-hướng khác, e rằng trong kỳ hội Quốc-liên ở Nội-ngoa tới đây, mà gươm mới dao lưỡi chống nhau, tức là cái diềm đạn rơi súng nổ ở trên biển Thái-bình-dương chớ chẳng chơi.

Chúng ta chờ xem.

KHÁCH-QUAN

## Trận hải-chiến tương-lai ở Thái-bình-dương

(Thực-lực hải-quân Anh, Mĩ, Nhật)

Từ vấn-đề Mãn-châu Thượng hải phát-sinh, người Nhật có lòng kinh-ky với nước Mĩ: một mặt thì lo làm cho hoãn-hòa không-khí quốc-tế; một mặt thì thực-hành chính-sách xâm-lược đại-lực. Về sự phòng-bị chiến-tranh với Nga và Mĩ, tích-cực tấn-hành, như diển-lập không-quân, thao-diển hải-quân, cùng chọn phái đại-biêu so-thông các nước, bố-tri đầu đó sẵn-sàng, xem như chuyện mai chiểu đã đến vậy.

Một phái thiếu-tráng quân-nhân, không kể dư-luận quốc-tế là gì, một mực cõ-động mặt võ-lực giải-quyết. Trong vài tháng nay về câu chuyện: « Nhật-Nga chiến-tranh » « Nhật Mĩ chiến-tranh » và « Thái-bình-dương chiến-tranh » làm ra sách vở, công-nhiên xuất-bản đến trên 30, 40 thứ. Dã-tâm hiếu-chiến của người Nhật không thêm giấu-giếm che dậy gì hết. Nước Mĩ vì nhiều có quan-hệ, tuy bị người Nhật hăm dọa, vẫn có ý-tức, song còn đương ngẫm-ngẫm nín thình, chưa lộ ý gì. Tuy vậy, cái tình-thế hai bên đối-kháng, chất chứa một ngày một nhiều, ngòi lửa đã sẵn, chắm vào thì có thể bùng ra ngay. Vậy lược trích đại-lược trong vài tờ báo Nhật-bản bàn về vấn-đề « Thái-bình-dương hải-chiến » như dưới cho độc-giả cùng xem:

« Thái-bình-dương xưa nay chưa có cuộc chiến-tranh, nhưng sau này có giữ được yên lặng cùng không, đó là một điều khó định trước; vì xem tình-hình quốc-tế ngày nay, e không khỏi gây ra cuộc chiến-tranh.

Nhật-bản chịu cái tiếng xấu « nước đi xâm-lược » của người Mĩ gia cho, trong quốc-giao hai nước gần như rút gươm dương súng, động thì choảng nhau ngay. Nếu như một mai khai-

chiến thì ta phải liều quốc-vận mà đánh bạc với họ; gia-đĩ quốc-dân Nhật đã giặc-ngộ, nhất-dịnh vật với trời một keo đề nghiệm xem quốc-vận tiêu-trưởng thế nào. Có một điều tin chắc là thế nào cũng không thua, vì sức phòng-ngự ta vẫn có thừa kia.

Chúng ta (Nhật tự nói) không phải là quốc-dân ham sự chiến-tranh, song gặp đến cái tình-cảnh "muốn tránh không được" (tức là lúc phương-pháp ngoại-giao không đạt mục-dịch mình, dân-khí trong nước sôi-nổi), thì cái thủ-đoạn cuối cùng chỉ tỏ cùng võ-lực chớ chẳng có gì khác hơn nữa. Nếu như cuộc chiến-tranh mở ra thì kẻ địch với ta không phải một nước, mà quân-bị Nhật-bản chú-nhận vào nơi phòng-ngự, giữ cái thất-độ tự-thủ để chực đánh với nước cừu-địch. Tra địa-thế Nhật-bản, bắc từ Thiên-đảo, nam đến Đài-loan, khoảng giữa có xen bao nhiêu hòn đảo nho-nhỏ, sẽ vạch một đường chiến-thuyền, đặt sẵn máy bay tàu chiến mà quyết-chiến với liệt-cường thế-giới một trận cuối cùng.

Trận đại-chiến này, không giống với trận Âu-chiến kéo dài đến 4 năm trời, vì Nhật Mĩ đánh nhau, chỉ đánh trên biển, mà đánh bằng hải-quân thì hơn thua chỉ quyết-định trong một thời-gian ngắn-ngủi mà thôi. Chỉ ngại khi Nhật Mĩ khai-chiến, có nước nào tham-gia thì hải-quân Nhật có tất hơn được không? Hãy đem thực-lực hải-quân Anh Nhật và Mĩ mà so nhau xem:

#### Chủ-lực-hạm

Nhật	10 chiếc	390.084 tấn
Mĩ	17 »	520.038
Anh	18 »	550.059

#### Tuần-dương-hạm

Nhật	38 chiếc	290.900 tấn
Mĩ	32 »	320.034
Anh	53 »	337.000

#### Tiềm-dĩnh

Nhật	80 chiếc	80.095 tấn
Mĩ	122 »	807.000

Anh	84 chiếc	60.012 tấn
Hàng-không mẫu-hạm		
Nhật	5 chiếc	87.000
Mĩ	7 »	120.096
Anh	8 »	120.077

Sau nói cách chiến-thuật cùng cái lối chế-ngự nhau, nên đánh nơi nào, nên giữ nơi nào, cùng cái cơ thủ-thăng này nọ, nói rất rõ-ràng, rồi rút cuộc nói Nhật không kém gì Anh Mĩ.

Đã-tâm người Nhật phát lộ như thế, một mặt là hăm-dọa thế-giới, một mặt là cõ-lệ quốc-dân. Dụng-tâm cũng khôn lắm!

K. Q.

(Báo Tiếng-Dân)

### Thời-cục nước Tàu

Trung-ương chính-phủ. — Ngày 15 Decembre chính-phủ Nam-kinh có cuộc hội-đồng-trung - ương-hành-chính và kiểm-đốc của quốc-dân-đảng, nên Tưởng Giới-Thạch đã tự Hán-khẩu đến Nam-kinh. Tôn-Khoa và các hội-viên quốc-dân-đảng ở Quảng-châu, Thượng-hải cũng đều đến dự hội.

Có tin rằng Ngô Trĩ-Huy chủ-tịch viện kiểm-soát, chủ-tọa buổi hội-nghị khai-mạc các hội-đồng trung-ương của quốc-dân-đảng, có tuyên-ngôn rằng việc lập lại cuộc giao-lễ Trung Nga thì bảo-vệ được cuộc bình-an ở Viễn-đông. Sau ông hô-hào trong đảng nên đồng-tâm để bồi-đắp thế-lực cho Chính-phủ.

Người ta nói các hội-viên hợp ý nhau phản-đối việc tăng quyền cho Tưởng Giới-Thạch.

Tưởng Giới-Thạch đệ trình chính-phủ Quốc-dân một bản bá-cáo về công việc tuần-liều giặc Cộng-sản ở trung-bộ trung-hoa, do Tưởng thân-hành cầm quân, Tưởng nói công-việc ấy được thắng-lợi, vừa nhờ về đường chính-trị lẫn đường binh-vụ, nay cần theo đuổi để gây sự hạnh-phúc cho quốc-dân.



Quan Tổng-trưởng bộ tài-chính Tổng Tử-Văn có tuyên-bố tại đại-hội-đồng trung-ương quốc-dân-đảng rằng số chi thu về năm vừa qua tuy gặp buổi kinh-tế khó-khăn, giá bạc sụt xuống, mất khoản thu-nhập về Mãn-châu, phải cứu-trợ cho dân bị lụt, tảo-trừ giặc Cộng-sản và chống lại quân Nhật ở Thượng-hải, vậy không phải mộ thuế mới, mà số chi-thu cũng được quân-bình, đó là nhờ về mọi sự tiết-kiệm của Chính-phủ, và về cách thu thuế. và việc tính toán lại các trái-khoản cũ vậy.

La Văn-Cán, tổng-trưởng bộ ngoại-giao, có tuyên-bố tại cuộc hội-nghị quốc-dân-đảng về mọi việc khó khăn Trung Nhật trong năm vừa qua: chiến-sự ở Thượng-hải, chiến-sự ở Mãn-châu, việc lôi-thôi ở Thiên-tân, song Chính-phủ Trung-hoa không bao giờ chịu để giải-quyết cái vấn-đề một cách trái với cái tôn-chỉ trong bản hiệp-ước Genève và các hiệp-ước quốc tế khác.

Tổng Tử-Khanh và Tôn-Khoa có đề lời thỉnh-cầu trình cuộc hội-nghị Nam-kinh, có xin chính-phủ hành-động tụ-tập quân-linh ở Nhiệt-hà, đề-chế các sản-vật của địch-quốc, và tán-thành cho quân nghĩa-dũng ở Mãn-châu. Ở Thượng-hải bình phẩm lời thỉnh-cầu ấy cho có ý xin Hội Vạn-quốc đối-phó với Nhật-bản.

Ông Tinh-Vê, chủ-tịch viện hành-chính, hiện phục thuộc ở nước Đức, có điện cho Tổng Tử-Văn tổng-trưởng bộ tài-chính, quyền-chức chủ-tịch viện hành-chính, xin gia hạn nghỉ.

Tổng phúc lại rằng Ông cần phải về giữ chức, thì độ mùa xuân Tổng cũng phải đi Âu-châu để dự cuộc hội-nghị kinh-tế thế-giới.

Trung Nga phục-giao. — Kể từ ngày 12 Décembre do viện ngoại-giao ủy-viên-trưởng nước Nga cùng đại-biểu Trung-quốc là Nhan Huệ-Khánh ở Genève đã

chính-thức trao đổi các văn-kiến, khôi-phục việc bang-giao.

Ngày 13 chính-phủ Nam-kinh đã tuyên-bố khôi-phục việc bang-giao của hai nước.

Chính-phủ Nhật đối với việc Trung Nga phục-giao rất không bằng lòng, cho rằng đó không khác gì hai cái thế-lực lớn làm hại nền hòa-bình của thế-giới lại bắt tay nhau. Cái địa-vị của Nhật-bản trái hẳn với cục-diện ấy, Liệt-cường có dung cho cái thế-lực phá-hoại ấy bành-trướng ở Viễn-đông không, hay là cần cho cái thế-lực hòa-bình vãng-vàng, đó là một vấn-đề cấp-bách hiện ở trước mắt của Liệt-cường. Vấn-đề Mãn-châu còn là vấn-đề trọng-yếu thứ hai.

Sau khi đã khôi-phục việc bang-giao, Chính-phủ Nga định trước hết khôi-phục nhà Viễn-đông ngân-hàng. Chính-phủ Nga lại muốn tỏ ngay ý thân thiện với chính-phủ quốc-dân, nên định tự dời sứ-quán xuống Nam-kinh trước.

Tin tức Ngoại-giao-giới ở Nam-kinh nói rằng: sau khi hai nước Trung Nga đã phục-giao, hình-thế quốc-tế rõ-ràng có biến đổi. Về việc phân-tranh của hai nước Trung Nhật, hội Quốc-liên cũng cần thay đổi phương-sách, vì hội ủy-viên 19 nước vốn định mời hai nước Nga Mĩ dự vào hội ủy-viên hòa giải hai nước Trung Nhật, nhưng hai nước ấy vì cái thái-độ hiện-thời của hội Quốc-liên không hợp với tình-thế của hai nước, không chịu dự vào. Người ta liệu rằng hội Quốc-liên đối với bản báo cáo của đoàn điều-tra và việc không thừa-nhận chính-phủ Mãn-châu, không có điều quyết-nghị rõ-ràng, hai nước Mĩ Nga sẽ cự tuyệt hẳn, mà hội Quốc-liên cũng sẽ hăm vào cảnh khốn-nạn không có cách gì giải-quyết vậy.

Việc phân-tranh Trung Nhật tại Hội Vạn-quốc. — Ngày 8 Décembre đại-hội-đồng đã khai. Ông HYMANS trình bày

công việc của Hội Vạn-quốc đối với việc phân-tranh Trung-Nhật.

Đoạn ông đại-biểu của Trung-hoa trình bày về cái lý thuyết của Trung-hoa. Ông kết-luận xin đại-hội-đồng chuẩn các lễ trong tờ trình của ban hội đồng điều tra Lytton, mà tuyên bố rằng Nhật-bản đã phạm vào điều-ước của Hội Vạn-quốc ký ở Paris và bản hiệp-ước của chln nước.

Ông xin đại-hội-đồng theo như những lời đã quyết-nghị trước mà yêu-cầu Nhật bản rút hết quân lính ra khỏi nội bộ Mãn-châu và đem đến đóng ở miền hỏa xa, để sau này sẽ rút khỏi cả miền ấy nữa. Ông xin bãi chính-phủ Mãn-châu-quốc, và xin đại-hội-đồng tuyên-bố rằng, Hội Vạn-quốc không công-nhận cho nước ấy và không giao-thiệp với chính-phủ ấy. Sau cùng xin Hội Vạn-quốc kíp công-bố cho biết hội xử việc phân-tranh Trung Nhật ra làm sao. Song Trung-hoa cũng ưng-thuận trước khi xử việc ấy, đại-hội-đồng thử tìm cách hòa-giải một lần nữa xem có được không.

Sau đến ông đại-biểu Nhật-bản trình bày cái lý-thuyết của Nhật-bản. Ông công-nhận rằng nhờ có Hội Vạn-quốc can-thiệp vào, đã ngăn cản được nạn chiến-tranh, nhưng tình-thế ở đông-phương biến-đổi luôn, Hội Vạn-quốc cũng không thể giúp được hơn nữa, trừ ra nếu Hội Vạn-quốc đứng lên đảm-nhận thi-hành một cái chương-trình, khiến cho bảo-vệ được cuộc bình-an ở Viễn-đông và dẹp yên được sự rối-loạn ở Trung-hoa thì không kể.

Trong khi bàn-bạc về bản báo-cáo Lytton, M. MADARIAGA có nói cái nghĩa-vụ của đại-hội-đồng là phải làm cho Liệt-quốc công-nhận cái quyền-thế của Hội Vạn-quốc và công-bố các tôn-chỉ của Hội. Các đại-biểu của Tây-ban-nha biểu-đồng-tình về tất cả mọi lễ trong tờ báo-cáo Lytton, vì cương-quyền phải theo về công-ly.

Ông đại-biểu nước Ai-nhĩ-lan xin đại-hội-đồng ưng-chuẩn bản báo-cáo Lytton và tuyên-bố không công-nhận Mãn-châu-quốc để giữ gìn cho không phạm đến hiệp-ước của Hội Vạn-quốc.

M. BENÈS thì chỉ-nghị mọi việc bài-ngoại của Trung-hoa, nhất là việc đề-chế Nhật-hóa, nhưng lại nói nước Nhật đã phạm những điều rất là trái với hiệp-ước, vì vậy nên Trung Nhật không điều-đình được với nhau, thì Hội Vạn-quốc phải xử-tri một cách cương quyết, để bảo-hộ cho các giao-ước quốc-tế sau này.

Cứ như lời lẽ bàn bạc của các đại-biểu những nước không trực-liếp lợi-hại về việc Viễn-đông, thì sự mâu-thuẫn của Nhật-bản đối với Hội Vạn-quốc lại nguy - kịch hơn là sự mâu-thuẫn của Trung-hoa đối với Nhật bản.

M. BENÈS tuyên-bố mọi lễ rồi có nói mấy lời làm cho đại-hội-đồng cảm-động, ông có nói: phải làm làm sao cho thiên-hạ biết Hội Vạn-quốc có hay là không.

M. VON NEURATH, đại-biểu nước Đức nói Hội Vạn-quốc không nên xét việc này theo các tôn-chỉ trừu-tượng. Hội Vạn-quốc phải làm làm sao cho không phải dùng đến võ-lực nữa. M. VON NEURATH nói: Nếu ta muốn cho những sự phân-tranh sau này, không phải dùng đến võ-lực, nếu ta muốn bồi-đắp cho cái thế-lực của Hội Vạn-quốc, thì ta phải làm làm sao cho bình-số của các nước được ngang sức với nhau. M. VON NEURATH biểu-đồng-tình với SIR JOHN SIMON bàn nên trừ-tính cho nước Hoa-kỳ và nước Nga cũng hiệp-lác với Hội Vạn-quốc trong công cuộc hòa-giải cho các nước.

Sau ông hội-trưởng Hội Vạn-quốc có nói ông tiếp được hai bản dự-án khởi-nghị. Bản thứ nhất của Tây-ban-nha và Thụy-điền đề-xướng, nói rằng mọi việc dụng-binh và trú-binh xảy

ra ở Mãn-châu trong tháng Septembre 1932, không thể cho là một việc vệ-phòng dich-dáng được. Trong bản án-văn ấy lại nói công nhận cho Mãn-châu-quốc, thì trái với các giao-ước quốc-tế.

Bản dự-án khởi-nghị thứ hai do nước Thụy-sĩ đệ trình. Trong bản án-văn ấy bản xin giao cho hội-đồng 19 viên dự soạn các điều khoản để giải-quyết việc phân-tranh ấy.

M. MATSUOKA, đại-biểu Nhật-bản kêu rằng lời lẽ bản dự-án thứ nhất có vẻ lỗ-cáo nước Nhật, và xin bãi bản án-văn ấy đi. Ông nói nếu đại-biểu hội-đồng xét bản dự-án ấy, thì có thể gây nên lăm nôi khó-khăn, làm cho hội-đồng rất là náo-động.

Đại-biểu nước Nhật có nói với các báo rằng đương lúc nhiều nước đương tìm cách giải hòa, mà lại đệ trình bản án-văn thứ nhất ấy thì thật là dụng-tâm công kích nước Nhật và thóa-mạ nước Nhật vậy.

Đến sau đại hội-đồng lại bàn về bản báo cáo Lytton, thì ông đại-biểu nước Thổ tỏ ý xin Hội Vạn-quốc theo đúng như hiệp-ước. Ông mong rằng việc phân tranh sẽ giải-quyết theo cái tôn-chỉ trong hiệp-ước, và được lợi cho cả hai bên.

Sau khi M. MATSUOKA phản-đối mọi lẽ, thì ông đại-biểu Gia-nã-đại tỏ ý biểu-đồng-tình với Nhật về việc giải-thích hiệp-ước. Ông mong rằng Hội Vạn quốc sẽ dùng hết phương-sách giải-hòa cho hai nước.

Ông đại-biểu nước Panama cũng biểu-đồng-tình với các đại-biểu mà lập một ban hội-đồng hòa-giải riêng.

Ông đại-biểu nước Hung-gia-ly thì xin giải-quyết việc phân tranh một cách công-bằng, và tiện-lợi.

Ông đại biểu nước Chili thì nói Hội Vạn quốc phải dùng hết các phương-sách trong hiệp-ước đã định.

Ông đại-biểu Lô-mã-ni nhất-định xin theo các tôn-chỉ trong hiệp-ước, nhưng cũng ưng tìm các phương-sách hòa-giải.

Ông đại-biểu Úc-đại-ly-á thì biểu-đồng tình với SIM JOHN SIMON.

Đại-hội đồng lại nghe ông đại-biểu Trung-hoa, ông nói đại-biểu các nước đều công-nhận tờ báo-cáo Lytton chỉ-nghị nước Nhật là dich-dáng. Rồi ông lại nhắc lại cái lý-thuyết của Trung-hoa.

**Tình-thế Mãn-châu.** — Tin Bắc-bình nói : Nước Nhật tiến hành đòi Mãn-châu làm đế-quốc, bắt Phồ-Nghi xưng Hoàng-đế, hiện đã sai bọn yếu-nhân Hán-Mãn tôn đội Phồ-Nghi lên. Phùng Hiên Thanh ở Nhật, đón người Nhật sang Mãn-châu sang các chức pháp quan.

Từ ngày quân Nhật chiếm-cứ Mãn-châu, dân - chúng không chịu khuất-phục, tổ-chức đội - ngũ thành quân nghĩa-dũng, chống cự với quân Nhật cho tới ngày nay ; theo như bản thống-kế của một cơ-quan nước Mãn-châu, thuộc quyền Mã Chiếm-Sơn chỉ-huy có chừng mười vạn người, thuộc quyền Tô Bình-Văn, Chương Điện-Cửu chừng một vạn rưỡi người, thuộc quyền Đinh Siêu chừng hai vạn người, thuộc-quyền Lý Đô chừng ba vạn người, thuộc quyền Vương Đức-Lâm chừng hai vạn người, thuộc quyền Dương Diêu-Quán chừng hai vạn người, còn ra cũng có đến vài nghìn người thủ-linh, mỗi một người thủ-linh nhiều thì thống-suất hơn vạn quân, ít cũng vài nghìn, ít nữa cũng tám chín trăm trở lên, kể cả các nơi, có tới năm-mươi đội ; tổng-cộng số quân đến bốn-mươi vạn. Song lương-phạn y-phục, khí-giới của các đội quân này, hễ ở huyện nào thì nhân-dân bản-xứ chịu, cũng có tiền quyền của nhân-dân ở những tỉnh khác quyền

cho, chớ chánh-phủ Trung-ương không hề biết tới.

Kể ra quân nghĩa-dũng các nơi kháng-chiến với quân Nhật đã đến hơn một năm rồi, việc chiến-tranh lan-mạn chưa biết đến bao giờ. Tuy nói quân Nghĩa-dũng đánh với quân Nhật, mà kỳ-thực là người Tàu đánh với người Tàu và người Cao-ly. Vì sau khi lấy Mãn-châu rồi, người Nhật lợi-dụng người Tàu lập thành chánh-phủ Mãn-châu, nên quân đội của nước Mãn-châu là người Tàu, như đạo quân của Trương Hải-Bằng mà do tướng Nhật chỉ-huy.

Toàn-cảnh Mãn-châu bị tàn-phá rất nhiều, trừ Thẩm-dương, Trường-xuân Cát-lâm, Long-sa, Cáp-nhi-tân ra, hầu không một nơi nào là chặng-tường đồ ngói tan, đất hoang cỏ rậm, mà miền Bắc-Mãn sau khi bị thủy-tai lại càng rối-loạn, không sao nói viết, các thành-thị lớn như Song-thành, A-thành, An-đạt, Khánh-thành, Y-lan, Phú-cầm, Bang-an, Bái-loan, Khắc-sơn, Hải-lân, Tuy-hóa, Hô-lan không nơi nào là không bị bao nhiêu lần đạn lửa. Gần đây quân Nhật lại họp trọng-binh đánh nhau với quân Nghĩa-dũng Liêu-tây, đã 5 ngày đêm rất hăng hái, hai bên chết và bị thương rất nhiều. Khu đánh nhau từ ga Tiễn-sở ngoài Sơn-hải-quan, phía tây đến Cầm-châu, Nghĩa-huyện, phía bắc đến biên-cảnh Nhiệt-hà, chu-vi hơn 400 dặm, đánh nhau dữ-dội nhất là khoảng giữa Cầm-tây và Tuy-trung. Quân Nghĩa-dũng ứng-chiến là chín bộ của bọn Trịnh Quế-Lâm, Lý Tịch-Như, Đỗ Phương-Châu.

Quân Nhật lại đại-cử đánh Tô Bình-Văn, vì quân Nhật mấy lần cầu hòa với Tô Bình-Văn đều bị cự-tuyệt, cho là cuộc giao-thiếp đã tuyệt-vọng. Quân bộ Quan-đông Nhật lại dùng cách võ-lực áp-bách, hạ lệnh lồng-công-kích quân Tô)

Tô Bình-Văn thông điện lên Bắc-bình đại-ý nói quyết một lòng đem thân

cứu nước, đánh nhau với quân Nhật bấy lâu, nhưng vì hiện nay đạn hết viện tuyệt, phải lui về ga Mãn-châu-ly, rồi sang nước Nga.

Tô Bình-Văn sau khi thất-bại chạy sang Nga, được Chính-phủ Nga bênh-vực, không bắt giao cho Nhật, chỉ thu khi-giới của toàn quân lựu-tùng mà thôi. Hiện Tô đã đến Moscou, có điện về Bắc-bình nói ở đó một tuần rồi sang Đức chuyển sang Genève, sẽ lập-tức về nước để lại cùng quân Nhật quyết sống mái.

Mã Chiếm-Sơn thông-diện đi các nơi nói đã từ một nơi kia về đến Nộn-giang, thu-biên tàn-quân của Tô Bình-Văn gần vạn người, hiện tạm chia đóng ở một dải Bắc-tây, Nộn-giang, nghỉ sức ít lâu, lập-tức tiến đánh quân địch, quyết không để cho quân Nhật tung-hoành ở Bắc-Mãn.

Các linh-tụ quân nghĩa-dũng ngoài Tô, Mã ra cũng nhiều người tướng giỏi, xem như Đường Tự-Ngũ cự-tuyệt lời dụ hàng của người Nhật, mà ra sức chống đánh. Đinh Siêu thì lấy lại được Phú-cầm, viên tư-lệnh Nhật phải bị thương. Bộ Bình-San liên-lạc với quân Mã, mà lấy lại được Võ-khue. Địch quân đại-đao đánh úp quân Nhật ở đường Thẩm-an; quân Lý Đồ đánh thắng được Vu Thẩm-Trùng ở A-mục viễn, mà đuổi lui quân Nhật, xem thế thì quân nghĩa-dũng vẫn còn hăng-hái, nhưng chỉ tiếc rằng về phần cứu-viện thì không còn trông cậy vào chính-phủ Trung-ương được nữa, chẳng hay có đứng vững mà chống mãi với quân tinh-nhuệ của Nhật được không? Nghe gần đây quân Nhật lại tập đại-binh liền đánh Nhiệt-hà và Sơn-hải-quan, thì mặt đông-bắc có cơ nguy-cấp lắm.

Kế-hoạch của Nhật tiêu-diệt quân nghĩa-dũng.— Ngày 20 đại-biêu quân nghĩa-dũng đến Nam-kinh báo-cáo cái kế-hoạch của quân Nhật tiêu-diệt quân

nghĩa-dũng có 7 điều sau này: 1) Giải-quyết tàn-bộ Tô Bình-văn; 2) chặn đứt đường liên-lạc của quân Đinh Siêu, Lý Đổ, Vương Đức-Lâm; 3) 4) đánh Nhiệt-hà; 5) do Triệu-tiên xuất quân tiêu-diệt quân Vương Đức-Lâm; 6) đánh quân Đường Tự-Ngũ; 7) cắt đứt đường liên-lạc Liêu-ninh Cát-lâm.

Cuộc nội-chiến ở Từ-xuyên, Qui-châu, Hồ-nam. — Cái mầm nội-chiến phen này lại rục-rịch muốn xảy ra. Hàn Phục-Cừ, Lưu Trân-Niên đánh nhau ở Sơn-đông vừa mới hòa-giải xong, thì kế ngay đến Lưu Tương và Lưu Văn-Huy đánh nhau ở Từ-xuyên, trận kịch-chiến 4 ngày đêm chết và bị thương 2 vạn người. Vương Gia-Liệt, Mao Văn-Trường đánh nhau ở Qui-châu. Hai lĩnh ấy còn đang lung-tung, chính-phủ Nam-kinh chưa ngăn ngừa được, thì nay lại có tin ở Hồ-nam không khéo lại xảy ra cuộc nội-chiến, vì chủ-tịch tỉnh ấy là Hà Kiên không cho Trần Cừ-Trần đóng quân ở Hồng-giang mà Trần quyết dự-bị binh-mã để đánh nhau với Hà một trận.

Dân Trung-hoa hồi này thực là gặp hồi kiếp-vận, chưa xong cuộc ngoại-chiến, lại đến cuộc nội-tranh, kể ra tính-mệnh tài-sản thiệt-hại rất nhiều.

Cục xã-hội Thượng-hải báo-cáo số thiệt-hại của nước Tàu về cuộc chiến-tranh ở Thượng-hải vào khoảng tháng giêng năm nay, cứ như lời báo-cáo của các đoàn-lhẽ công tư, ước tính 20 vạn vạn đồng. Lại cứ lời báo-cáo của các gia-thuộc, thương-diêm, công-xưởng và 25 cơ-quan chính-phủ, những lương-dân vô tội bị hại là 1739 người, mất tch 719 người.

Sứ-bộ Trung-hoa ở Londres có một bài tuyên-bố rằng cứ theo như biểu

tổng-kê của chính-phủ thì kể từ ngày 18 Septembre 1931 đến giờ, số người Trung-hoa bị quân lính, hoặc lính cảnh-sát Nhật-bản giết cộng là 58.248 người, trong số ấy có 12.928 người tư-dân. Đó là không kể quân lính về đạo quân thứ 19, bị hại trong khi giữ thành Thượng-hải. Xem thế thì cái vạ chiến-tranh rất thảm-hại lắm thay!

Nước Nhật dự-bị chiến tranh rất khẩn-cấp. — Có tin Đông-kinh nói: Bộ lục-quân Nhật lấy số hơn một trăm vạn học-sinh ở trong các sở thanh-niên huấn-luyện làm quân quốc-phòng thứ hai, từ sau khi đã chiếm được Thâm-dương huấn-luyện lại càng nghiêm-lắm. Ngày 11 Décembre vừa rồi có mở cuộc thao-luyện ở Đa-ma-xuyên thuộc Đông-kinh, toàn Đông-quân 1100 người do trung-lá Cao Kiêu chỉ-huy, toàn Tây-quân 1130 người do thiếu-lá Giã-Thôn chỉ-huy, chia đóng ở hai bên bờ sông, dùng súng cối xay nặng và nhẹ để diễn-tập; Không-quân do Cập-Xuyên phái 2 chiếc máy bay trợ-chiến. Tập trong 6 giờ thì giải-tán.

Lại có tin rằng: Cuộc hội-nghị của các hiệu-trưởng các trường cao-đẳng nữ-học ở Đông-kinh đã quyết-nghị lấy 35000 nữ-học-sinh ở các trường của chính-phủ hay của nhân-dân lập ra trong thành Đông-kinh đều theo võ-trang, do bộ lục-quân phái những quân quan đã thoái-ngũ theo cách nghiêm-rèn-tập-quân-sự. Bộ lục-quân cũng tán-thành việc ấy, đã phát cho 35000 cây súng trường và súng lục, mặt nạ phòng hơi độc cùng các tài-liệu vệ-sinh. Mùa xuân sang năm sẽ bắt đầu huấn-luyện.

Xem thế thì cái luồng không-khi chiến-tranh đã bùng-bọt ngạt lên, cơn sóng gió ở Thái-bình-dương cũng khó mong được chiều yên lặng.

## Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng 12 năm 1932)

**Hội-đồng xét việc đúc tiền đồng.** — Mới rồi Hội-đồng Dân-biểu Bắc-kỳ có đơn thỉnh-cầu Chính-phủ đúc thứ tiền đồng, đáng giá một phần sáu hay là một phần bốn của đồng xu, để tiện cho dân tiêu. Vậy quan Thống-sứ đã cử một hội-đồng nghiên-cứu về việc đúc tiền ấy. Hội-đồng họp hai ba lần bàn-bạc kỹ-lưỡng rồi quyết-định dùng thứ đồng lá nguyên-chất mua tự bên Pháp mà đúc thứ tiền đáng giá là một phần tư của đồng xu, nghĩa là 4 đồng mới bằng giá một xu. Khung-khò thứ tiền ấy giống như đồng chinh Khải-định bây giờ mà hơi nhỏ kém, không có đường chỉ ở vành ngoài, trọng-lượng có một phần rưỡi tây (1 gr.5) thôi. Danh-hiệu của đồng tiền mới ấy đặt tên là «*Bảo-đại thông-bảo* 保大通寶».

Việc đúc tiền Hội-đồng quyết-định giao cho trường Kỹ-nghệ thực-hành Hải-phòng làm, độ năm tháng thì xong. Vậy đến tháng 5 năm 1933 thì tiền mới ấy sẽ lưu-thông được.

**Đại-hội-nghị Kinh-tế và lý-tài Đông-dương.** — Hồi 9 giờ sáng ngày 2 tháng 12 1932, tại trường Đại-học đường Bobillot Hà-nội, Đại-hội-nghị Đông-dương đã bắt đầu họp, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa. Đến dự có quan Thống-soái BILLOTTE, quan Thống-sứ PAGÈS và các quan Giám-đốc các công-sở.

Quan Toàn-quyền đọc bài diễn-văn khai-mạc nói về cái tinh-thể kinh-tế xứ Đông-dương cùng là thuật những công-việc đã làm trong năm vừa qua.

Buổi chiều Đại-hội-nghị lại họp để bầu ban Trị-sự.

Ông CHENU trúng-cử nghị-trưởng. Ông CHAMPEIX và ông BÙI QUANG-CHIÊU trúng-cử phó-nghị-trưởng. Ông PHILIP và ông TRẦN BA-VINH trúng-cử thư-ký.

Rồi Hội-nghị chia các ban để làm việc. Có hai ban là ban xét số dự-toán và ban

tài-chính với các việc linh-tinh. Hai ban làm việc luôn từ sáng mồng 3 đến chiều 21 thì Đại-hội-nghị bế-mạc.

**Hội-đồng Bảo-hộ.** — Hồi 9 giờ sáng ngày 3 tháng 12, Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ PAGÈS chủ-tọa.

**Thái-tử Lào về qua Hà-nội.** — Thái-tử Lào là S. A. R. SAVANG VATHAMA du-học ở Pháp về, đáp tàu *Claude Chappe* ở Sài-gòn đã ra tới Hải-phòng. Quan Đốc-ly Hải-phòng ra bến đón tiếp. Quan Toàn-quyền cử quan cai-trị VALMARY xuống Hải-phòng đón Thái-tử lên Hà-nội.

**Khách du-lich tới Huế.** — Khách du-lich của đoàn *Touring club de France* đã tới Huế, ngày mồng 5 đi xem đàn Nam-giao, lăng Minh-mệnh, và vào xem trong Đại-nội. Mồng 6 đến xem viện Bảo-tàng Khải-định, và đi thăm các tôn-lăng. Mồng 7, đoàn du-lich chia làm hai toán, một toán do quan nguyên-soái ANDLAUER quản-đốc đi ô-tô ra Hà-nội, còn một toán do ông CHAIX quản-đốc thì chiều mồng 8 vào Đà-nẵng rồi đi du-lich miền Nam.

**Quân Khâm-sứ mới ở Cao-miên.** — Ngày 7 tháng 12 có sắc-lệnh bổ quan Thống-sứ SILNESTRE lĩnh chức Khâm-sứ Cao-miên thay quan Khâm-sứ LAVIT về hưu.

**Các quan chức Tàu sang thăm Hà-nội và Huế.** — Nhân dịp Hội-chợ năm nay, quan Toàn-quyền có mời quan chủ-tịch Quảng-tây HOÀNG ÚC-Sơ tức HOÀNG THIỆU-HÙNG, quan giám-đốc Không-quân Quảng-tây LƯU VỊ-THÀNH, quan đốc-biện Long-châu LÝ PHẪM-THIÊN. Buổi tối ngày 11 tháng 12, mấy vị quan ấy cùng các quan tùy-tùng đã đáp xe lửa từ Lạng-sơn tới Hà-nội, có quan Giám-đốc chính-trị MARTY thay mặt quan Toàn-quyền, cùng quan Thống-sứ PAGÈS nghênh-tiếp. Sáng ngày 12, hai quan HOÀNG ÚC-Sơ và LÝ PHẪM-THIÊN đi thăm quan Toàn-quyền, quan Thống-soái BILLOTTE và quan Thống-sứ; buổi chiều

các quan Tàu đi xem Hội-chợ. Ngày 13, đi thăm trường máy bay Bạch-mai. Ngày 14, đi Bắc-giang xem cuộc tập trận lớn. Ngày 15, xuống thăm Hải-phòng. Ngày 16, các quan Tàu đáp xe lửa vào Huế, duy quan Giám-đốc không-quân LƯU VI-THÀNH đi bằng máy bay. Ngày 17, vào Đại-nội yết-kiến đức Bảo-đại tại điện Quang-minh; buổi tối quan Đốc-ly và quan Thượng-thư b) Lễ thay mặt quan Thủ-tướng làm lễ gắn bồi-tinh và huy-chương cho các quan Tàu. Ngày 18, đi thăm các tôn-lăng và viện Bảo-tàng Khải-định rồi ra ga Huế lên xe lửa về Hà-nội. Ngày 20 các quan Tàu từ-biệt Hà-nội về Long-châu.

*Một đạo mới ở Trung-kỳ.* — Ngày 12 tháng 12 năm 1932, có Chỉ chuẩn hạt Trà-cu thuộc tỉnh KUM-tum đất rộng dân đông, cho biệt-thiết làm một đạo, đặt tên là đạo « Gia-lai » (Pleiku), quan-chức thì có một Quản-đạo, một Kinh-lic, ba Thừa-phái, một đội-lệ và mười tên lính.

*Nam-triều thải bớt mấy chức quan võ.* — Đức Bảo-đại xét đến bộ Binh, có định cho những quan Đô-thống, Thống-chế, Đô-úy và Đề-đốc đều về hưu, vì bây giờ không dùng gì đến những chức quan ấy nữa.

*Cuộc tập trận ở Bắc-giang.* — Ngày 14, nhà binh đã bắt đầu mở cuộc tập trận ở tỉnh Bắc-giang. Quan Thống-soái đóng đại-binh ở Bồ-hạ.

Dự xem cuộc tập trận này có quan chủ-tịch tỉnh Quảng-tây bên Tàu cùng các quan tùy-tùng, và quan Lãnh-sự Pháp ở Long-châu.

*Hội-đồng Chính-phủ.* — Hồi 9 giờ sáng ngày 17 tháng 12 này, Hội-đồng Chính-phủ đã khai-mạc kỳ hội-đồng thường-niên tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa.

*Luật mới ở Trung-kỳ.* — Quan Cố-vấn Luật-sư COLLET đã tu-soạn xong bộ luật mới cho xứ Trung-kỳ. Ngày 17 tháng 12 này, viện Cơ-mật đã làm phiên-tâu xin chuẩn-y đặt Hội-đồng khảo-dịch những điều luật mới ấy.

*Thi Thế-giới-ngữ.* — Ngày 18 tháng 12 năm 1932, hội Thế-giới-ngữ Bắc-kỳ đã mở kỳ thi lần thứ nhất ở Hà-nội. Kết-quả có 44 người trúng tuyển lấy bằng « Sơ-học Thế-giới-ngữ » (*Atesto pri Lernado*).

*Cu-ly sở cao-su Michelin làm reo.* — Vì ngày 15 tháng 12 này, người coi sở cao-su Michelin Dầu-tiếng (thuộc hạt Thudau-mot) yết-thị rút bớt lương của cu-ly trong sở ấy một phần tư, nên bọn cu-ly nhân ngày 16 là ngày nghỉ rủ nhau đến kêu nài ông chủ sở, không được tiếp, nên định rủ nhau kéo đi Thủ-dầu-một hay Sài-gòn để kêu quan Thanh-tra lao-động, đi đến Dầu-tiếng thì 12 giờ đêm, gặp bọn lính đồn theo tin báo của ông chủ sở cao-su ra chặn đường không cho đi, bắt phải giải-tán, nhưng bọn không nghe, lính bắn súng, cu-ly chết mất 3 người, bị-thương 4 người, bấy giờ mới giải-tán.

*Số tiền bán vé vào cửa Hội-chợ Hà-nội năm nay.* — Hội-chợ năm nay là kỳ thứ 11, tiền bán vé vào cửa được 120.170 đồng. So với hai kỳ trước, thì kỳ thứ 9 (1928) được 100.142 đồng và kỳ thứ 10 (1929) được 92.309 đồng.

*Ủy-viên của Chính-phủ Nam-kinh tới Sài-gòn.* — Vì dân Hoa-kiều ở Nam-kỳ có phái đại-biêu về Nam-kinh tố bày tình-thế dân Hoa-kiều ở Nam-kỳ và xin thi-hành bản hiệp-ước Hoa-Pháp ngày 16 Mai 1930, vậy bộ Ngoại-giao Nam-kinh cử một ủy-viên là CHÂU HẠC-TƯỜNG đi khảo-sát tình-hình dân Hoa-kiều ở Đông-dương, Nam-dương, Úc-châu, Xiêm-la và Diên-diện. Ngày 10 tháng 12 này, CHÂU HẠC-TƯỜNG đã tới Sài-gòn, có diễn-thuyết cho dân Hoa-kiều về việc đặt lãnh-sự Tàu ở Đông-dương và sự giảm bớt quan-thuế. Tường có yết-kiến quan Thống-đốc Nam-kỳ KRAUTHEIMER, quan Thống-đốc Lừa rằng ngài ra Hà-nội dự Hội-đồng Chính-phủ sẽ thương-thuyết với quan Toàn-quyền PASQUIER về bản hiệp-ước ấy.

*Đức Bảo-đại đối với việc cải-cách.* — Mới đây đức Bảo-đại xuống chỉ cho các quan

Thượng-thư các Bộ mỗi vị phải làm một bản dự-thảo nói về những việc nên cải-cách thuộc bộ mình, đề đệ lên Ngự xét.

*Đức Bảo-đại đối với dự-luận của báo-giới.*  
— Đức Bảo-đại muốn xem xét những dự-luận các báo-chí, nên mới xuống chỉ cho phòng Bí-thư phải lược-trích những dự-luận các báo Pháp và quốc-văn đề dâng Ngự lãm.

*Một tờ thông-tư của quan Toàn-quyền về việc dán tem vào các đơn.*— Ngày 23 Novembre 1932, quan Toàn-quyền gửi cho các quan Thủ-hiến, các quan Chánh các công-sở một tờ thông-tư nói rõ về việc dán tem vào các đơn.

Vậy những đơn kê sau đây đều phải dán đủ 15 xu tem: đơn xin làm nhà, chữa nhà, chặt cây, vay tiền, xin phẩm-hàm, xin tiền hưu-tri, xin nhà Bru-điện dòi máy điện-thoại, xin vay trước tiền thầu, xin ứng-thí, xin thi xe máy, xin gia hạn giấy thông-hành, xin học-bổng, xin xuất-cảng gửi cho nhà Đoan. Những đơn này đều không được quá 0<sup>m</sup>2044. Nếu ai không làm cho đúng lệ sẽ phải phạt 6<sup>m</sup>25.

Cũng có điều thừa trừ là những lá đơn gửi lần thứ hai vẫn xin về một việc thì phải dán tem. Có một vài thứ đơn đã nói trong điều 180 trong nghị-định ngày 6 Novembre 1919 thuộc về việc y-tế, tư-pháp, bảo-trợ, xin tiền tuất-cô hay là đơn xin về các việc không quá số 40 đồng bạc.

Đơn dán tem này không những chỉ là đơn gửi cho các quan-chức thuộc phủ Toàn-quyền Thống-sứ, cả các thứ đơn gửi cho các quan An-Nam cũng vậy.

*Dùng tem và giấy tin-chỉ.*— Theo nghị-định ngày 17 tháng 12 bắt đầu từ ngày 1 tháng giêng năm 1933 trở đi, tem và giấy tin-chỉ phải theo như giá sau này:

Giấy tin-chỉ nhỏ, diện-tích 0<sup>m</sup>2044 giá 0\$30  
Hạng trung « 0,088 « 0,60  
Hạng lớn « 0,126 « 0,90  
Hạng nhỏ để làm đơn 0,044 « 0,18

*Các trái-đơn.*— Tiền thuế tem các giấy đòi tiền hàng, giấy nhượng nợ trong việc

buôn bán, vân-vân, thì trước mỗi trăm đồng 0\$10 nay tăng lên 0\$12

*Tem ngân-phieu nhà băng.*— Tem ngân-phieu nhà băng (chèque) thì vẫn đề nguyên 0\$08

*Tem biên-lai.*— Tem dán các giấy biên-lai thì định như sau này:

Từ trên 10 \$ đến 50\$ thì 0\$06

Từ 50.01 đến 100. thì 0.12

Từ 100 01 đến 500. thì 0.18

Từ 500.01 đến 1000. thì 0.24

Từ 1000.01 đến 5000. thì 0.36

Từ trên 5000 \$ trở lên thì 0.60

*Tem yết-thị.*— Yết-thị giấy chữ in hay chữ viết thì định như sau này:

Từ 40dm 2 trở xuống: 0\$06

Trên 4 dm 2: 0\$12.

Sau nữa, giấy biên-lai của các sở xe lửa cấp cho những người gửi hàng thì phải dán tem 0\$10.

*Giá rượu mới từ đầu năm 1933.*— Ngày 27 Décembre vừa rồi, quan Toàn-quyền đã ký nghị-định định lại giá các thứ rượu sen, cúc, ích-thọ-tửu, ngũ-gia-bì như sau đây:

Ở các tỉnh Hà-đông, Hải-dương, Nam-định, Hưng-yên, Bắc-ninh, Thái-bình Bắc-giang, Bắc-kạn, (trừ miền Chợ Đền) Hà-nam, Phú-thọ, Sơn-tây, Kiến-an, Vĩnh-yên, Quảng-yên, Ninh-bình, Phúc-yên, Thái-nguyên, Hòa-bình, Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh và trong các tỉnh-ly Hà-nội, Hải-dương, Nam-định, Hải-phòng và Thanh-hóa giá các thứ rượu 50 độ và 35 độ bán cho các ty lớn nhỏ và các người mua lẻ từ 1er Janvier 1933 định như sau đây:

Các ty lớn: Rượu 50 độ hạng nhất: 100 chai 0l 75 giá 33 \$ 80, hạng thứ 14 giá 31 \$ 20, 100 chai 0l,50 hạng nhất giá 23 \$ 35, hạng thứ 14 giá 21 \$ 65, rượu 35 độ, 100 chai hạng nhất 0l, 75 giá 24 \$ 65, hạng thứ 14 giá 22 \$ 15, 100 chai 0l,50 giá 16 \$ 85, hạng thứ 14 giá 15 \$ 15.

Giá bán cho các ty nhỏ và bán lẻ:



Rượu 50 độ bán cho ty nhỏ chai 0l, 75 giá 0\$ 35, chai 0l, 50 giá 0\$ 2375, bán lẻ chai 0l, 75 giá 0\$ 37, chai 0l, 50 giá 0\$ 25. Rượu 35 độ chai 0l, 75 bán cho ty 0\$ 2550, cho người mua lẻ 0p 27, chai 0l, 50 bán cho ty 0\$ 1775, bán lẻ 0\$ 19.

Ở phía bắc Trung-kỳ những rượu 50 độ, Ích-thọ-tửu, Hou-Kou Mou-khoa và Ban-Koue-Lo 25 độ với Vệ-sinh Mễ-tửu 18 độ bán cho người uống: chai rượu 50 độ: 0l, 75 giá 0\$ 57, chai 0l, 50 giá 0\$ 39, chai 0l, 25 giá 0\$ 24.

Ích-thọ-tửu, Hou Kou Mou Khoa và Ban Koué Lo bán lẻ chai 0l, 50 giá 0\$ 29 chai 0l, 25 giá 0\$ 20.

Vệ-sinh Mễ-tửu chai 0l, 50 giá 0\$ 28, chai 0l, 25 giá 0\$ 19.

Giá vỏ chai 0l, 75 thì 0\$ 10, chai 0l, 50 thì 0\$ 07, chai 0l, 25 thì 0\$ 06.

*Chấm thi vẽ kiêu đài kỷ-niệm Triệu-tổ chữ quốc-ngữ.*— Hội 5 giờ chiều ngày 28 tháng 12 này, Hội-đồng dựng đài kỷ-niệm đã họp tại hội-quán Hội Khai-trí tiến-đức Hà-nội để chấm các kiêu thi vẽ đài kỷ-niệm.

*Bãi bỏ mấy sở công.*— Nghị-định quan Toàn-quyền ngày 29 tháng 12 năm 1932, kể từ ngày mồng 1 tháng giêng năm 1933 sẽ bãi bỏ sở Giám-đốc Khoáng-chất và Kỹ-nghệ (*Inspection Générale des Mines et de l'Industrie* và sở Giám-đốc Nông-lâm mục-súc (*Inspection Générale de l'Agriculture de l'Elevage et des Forêts*).

Các sở thuộc về sở Khoáng-chất và Kỹ-nghệ thì sẽ sáp-nhập với sở Công-chính. Còn sở Nông-lâm và Mục-súc thì sáp-nhập vào sở Kinh-tế.

*Bãi mấy chức phó tri-châu.*— Nay có nghị-định bãi những chức phó tri-châu ở năm châu như sau này: Lương-sơn, Lạc-sơn, Kỳ-sơn, Đà-bắc và Mai-châu. Những viên hiện-chức phó tri-châu ở năm châu-ấy thì đều thải-hồi.

*Quan phó Toàn-quyền Graffeuil ở Pháp đã sang Đông-dương.*— Quan phó Toàn-

quyền GRAFFEUIL đi chiếc tàu «*d'Artagnan*» ở Pháp sang tới Sài-gòn ngày 27 tháng 12 này. Ngày 29 ngài đáp tàu «*Claude Chappe*» ra Hà-nội.

*Ân-xá về dịp đức Bảo-đại hồi-loan.*— Mới đây quan Thống-sứ Bắc-kỳ có thông-tư cho các quan Công-sứ các tỉnh, các quan coi các đạo quan binh, các quan Đốc-lý Hà-nội Hải-phòng và viên Chánh nhà pha Hỏa-lò Hà-nội hai đạo công-văn nói về ân-xá, đại-lược như sau này:

#### *Đạo thứ 1*

Nhân dịp lên cầm quyền-chính, đức Bảo-đại đã ý hợp cùng chính-phủ Bảo-hộ, ra lệnh ân-xá cho ít nhiều các tội-nhân về chính-trị-phạm hay thường-phạm do các tòa Nam-án Trung-kỳ đã kết-nghĩ.

Sau khi đã hỏi ý-kiến quan Toàn-quyền, muốn cho công-bằng, tôi xem ra cũng nên thi-hành lệnh ân-xá tương-đương cho các tội-nhân ở Bắc-kỳ, đã phạm tội ở Bắc-kỳ, mà do các tòa Tây-án hay Nam-án khép tội.

Vậy các ngài xét xem trong các tội-nhân hiện giam ở các ngục-thất thuộc quyền các ngài, xem người nào được hưởng cái thể-lệ ân-xá ấy— ân-xá, giảm tội, tạm-tha— trong dịp đức Bảo-đại hồi-loan, mà những tội phạm ấy phải là những tội phạm trước khi đức Bảo-đại hồi-loan, nghĩa là trước ngày 10 septembre 1932.

Chỉ những tội-nhân nào xét ra đã biết hối-hận và đã biết tu-tĩnh lại thì mới được tư cho tạm-tha, giảm tội hay ân-xá và phải nói rõ rằng việc ân-xá ấy là do dịp đức Bảo-đại hồi-loan.

Về các chính-trị-phạm thì quan Thống-sứ nhắc cho các quan Công-sứ các tỉnh ở Bắc-kỳ biết rằng ở Trung-kỳ chỉ có cho tạm-tha, đổi tội chung-thân ra tội có kỷ-hạn và giảm tội mà thôi.

Những tội-nhân được tạm-tha thì phải là những người đã có chịu tội như luật đã định mới được.

*Đạo thứ II*

Tiếp theo với tờ thông-tư trước về việc ân-xá dự-định trong dịp đức Bảo-đại lên cầm quyền-chính, nay bản-chức ân-cần nhờ các ngài lưu-ý về sự lợi-ích đối với việc ân-xá ấy, là tha cho nhiều người mà vẫn giữ được sự công-an, đề cho việc ân-xá này vừa có ý-nghĩa mà lại có ảnh-hưởng nữa.

Chúng ta chẳng những mong về đường tinh-thần thôi đâu, lại nên mong điều kết-quả này nữa, cũng rất nên chú-ý, là các ngục-thất ở Bắc-kỳ, hiện nay phần nhiều chứa các tội-nhân quá cái số định, thì nên làm cho các ngục-thất ấy với bớt người đi.

Bởi vậy các ngài nên vì cái ý-nghĩa đó mà tư xin ân-xá, giảm tội, lên bản-chức xét, và nhất là nên tìm trong bọn khả-dĩ ân-giảm những người nào tính-hạnh khá khá đề khi được tạm tha, có thể biết hối-hận và chóng phục-hồi với xã-hội được.

Nếu có những lẽ đích-đáng mà các ngài tư xin ân-xá, như là người phạm tội đã cao tuổi, hoặc là chăm-chỉ làm việc, hoặc là tính-hạnh ngoan-ngoãn, dù quốc-sự-phạm cũng được, thì bản-chức cũng sẵn lòng xét đến. Còn như giảm tội, thì nên ban cho những tội-nhân nào thái-độ tử-tế mà không được tư tạm tha.

Những tội-nhân dưới 21 tuổi và trên 50 tuổi thì các ngài nên rộng lòng xét đến cả. Sau nữa, phạm những người chỉ còn sáu tháng trở xuống được mãn-hạn mà hạnh-kiềm không có điều gì khả-trách thì nên tư xin ân-xá hay tạm tha hết.

Xứ Trung-kỳ trong dịp này, cũng chẳng ngại gì mà đã ân-xá hoặc giảm tội cho tới 3000 người, nghĩa là ba phần tư cái số tội-nhân giam tại các ngục-thất. Đó là một sự đại-lượng chắc có ảnh-hưởng rất hay mà ở Bắc-kỳ cũng nên đề ý đến, nhất là các giấy tư xin của các ngài lại làm được cần-thận và các ngài điều-định với

sở Mật-tham đề-phòng mọi cách trông nom cho những người mãn-tội trở về nguyên-quán, quản-thúc họ và gìn-giữ cho sự công-an trong xứ.

Chờ được khỏi chậm-trễ thì bản-chức nhờ các ngài đệ thẳng về bản-chức những giấy kê-khai riêng từng tội-nhân và dùng gửi qua về Chương-ly-cục, đề bản-phủ xét tờ tư của các ngài xong sẽ tư-hỏi ý kiến quan Chương-ly. Vậy chức-trách các ngài là chỉ có việc tư ân-giảm cho các tội-nhân thôi, và nếu có cần thì nên hỏi ý quan Công-sứ tỉnh đã kết-án các tội-nhân trước, nhưng các ngài nên tư cho họ một cách rất quảng-đại. Quan Công-sứ tỉnh kết-án trước, khi phê ý-kiến thế nào rồi sẽ đệ giấy tư của các ngài thẳng về bản-phủ.

Các ngài nhớ đệ các bản tổng-kê cùng với giấy tư riêng từng người về bản-phủ, nếu tội-nhân do tòa Tây-án kết-nghĩ thì đệ về tòa nhất, và do tòa Nam-án kết-nghĩ thì đệ về Tòa nhì.

Những giấy tư ân-giảm ấy, nhờ các ngài đệ về trước ngày 20 décembre. Những giấy tư trước, phần nhiều làm không hợp với đại-ý trong tờ thông-tư này thì bản-chức gửi lại trả các ngài.

(Trích báo Trung-bắc)

Tù vượt ngục nhà thương. — Đêm ngày 24 tháng 12 này, 7 người tù chính-trị phạm nằm chữa bệnh ở nhà thương bảo-hộ Hà-nội, dùng cửa thép cửa song sắt mà ra trốn thoát khỏi nhà thương. Bảy người tù ấy nguyên bị kết án như sau :

Bùi Xuân-Mãn	20 năm cấm-cố.
Nguyễn Trọng-Đàm	20 năm cấm-cố
Nguyễn Tài	20 năm cấm-cố.
Nguyễn Lương-Bằng	20 năm khổ-sai.
Phạm Quang-Lịch	20 năm khổ-sai.
Lê Đình-Tuyên	15 năm cấm-cố.
Vũ Duy-Cương	10 năm khổ-sai.

**Một tạp-chí mới.** - Bản-chí mới tiếp được số thứ nhất *Tân-Á tạp-chí* là tạp-chí của *Société Franco Asiatique d'édition et de publicité* ở Sài-gòn đường *Mac-Mahon* số 89 mới xuất-bản. Chủ-nhiệm là ông Đoàn Trung. Còn giá bán mỗi số 0 \$ 30, sáu số 1 \$ 60, 12 số 3 \$ 00.

Bản-chí kính mừng bạn đồng-nghiệp mới.

**Nam-Phong tùng-thư**

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyền giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

*Tục-ngữ ca-dao.* PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

**Xuất-bản từ trước :**

- 1. — Văn-minh-luận 4 hào.
- 2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
- 3. — Văn-học nước Pháp : 4 hào.
- 4. — L'idéal du Sage 4 hào.
- 5. — Chính-trị nước Pháp.
  - Quyền thứ I 4 hào.
  - Quyền thứ II 5 hào.
- 6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
- 7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
- 8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
- 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
- 10. — Phật-giáo đại-quan.
  - (In lần thứ hai). 5 hào.
- 11. — La Poesie annamite. 4 hào.

**Sắp xuất-bản :**

- 12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòa-lạc.

**Giới-thiệu sách mới**

*Truyện cổ nước Nam.* — Quyền nhất, của ông Ôn-như Nguyễn Văn-Ngọc soạn. Ông có tính hâm-mộ, luyện-ái riêng với những « truyện cổ » hơn là bao nhiêu cái cổ khác. Nên đã lâu năm ông tìm-tòi truyện cổ, góp nhặt truyện cổ, thu-xếp truyện cổ, nghe-ngóng, kê-lễ truyện cổ, mua-chuộc, giữ-gìn truyện cổ, mới hay ghi-chép được nhiều truyện cổ, mà ông dám quyết rằng thuần là truyện cổ nước Nam. Lời mào đầu ông nói: « Những truyện cổ sưu-tập ra đây, chúng tôi dám quyết rằng thật là của riêng của nước Nam, tự người Nam sáng-tác, xuất-sản ra, chớ không phải đi vay, đi mượn, nhờ vả vào ai mà được. Một chứng-cớ rõ-ràng: Hơn 120 truyện trong sách, không có mấy truyện là không hàm một đôi câu thành-ngữ, hay sáo-ngữ, ca hát hay phong-dao, bằng tiếng Nam, nghĩa là một thứ tiếng riêng nó làm cho nước Nam mới thật là nước Nam vậy. Gián-hoặc có một đôi truyện, phảng-phất tương-tự giống như truyện Tàu, thì chẳng qua cũng chỉ là bất-kỳ ngẫu-nhiên mà thôi. Còn bảo có nhiều truyện tất đã chịu một cái ảnh-hưởng xa-xôi tự ngoài đem vào, thì cái ảnh-hưởng đó chắc là do tự đạo Phật bên Ấn-dộ tràn sang, hơn là do từ cửa đạo Khổng bên Chi-na đưa lại. — Và chẳng đã là người, dù ở phương đông hay phương tây, dù phân da trắng hay da vàng, cũng là thuộc về một nhân-loại, cũng cùng chung một tư-tưởng như nhau được. Vậy người nước Nam cũng là người có một cái óc, cái tâm-tính như người, thì há lại không tự nghĩ-ngợi, phát-minh nên được một cái gì giống như người hay sao !

« Quyền sách này đề nhan là « *Truyện cổ nước Nam* » là có ý muốn phô-trương tỏ rõ rằng nước Nam ta cổ là ở đó, xưa văn-minh sớm hơn người ở như đó, và nay già-cổ chậm hơn người có nhẽ cũng vì đó.

« Trong truyện đại-khái chia phác ra làm năm mục như sau :

1° Những truyện thuộc về cái lối cổ-tích hoặc dã-sử ; cha mẹ hay ông bà tối-tối thường kể cho con cháu nghe ;

2° Những truyện mà kết-cục đã thành câu phương-ngôn, lý-ngữ, hoặc trái lại, xuất-xứ từ những câu lý-ngữ phương-ngôn ấy ra ;

3° Những truyện thuần về văn-chương trong có những câu ca, bài hát nôm-na mà vui thú, giản-dị mà tự-nhiên, xưa kia đâu đó vẫn thường truyền-tụng ;

4° Những truyện trong ngụ một cái ý cao-xa thuộc về triết-lý ; may ra so bì được với Bách-tử bên Trung-quốc, và sau này có đem vào môn học cổ-diễn của nước nhà ;

5° Những truyện vui chơi cười đùa có lý-thú, đề tiêu-sầu khiên-muộn, nhưng chưa quá thuộc về cái thể gọi là « Tiểu-lâm ».

Song cách xếp-đặt lại tùy-liệu mà gián-đoạn đi, như sau một vài truyện hoang-đường quá ư cổ, lại đề một truyện ngụ-ngôn cổ mà kim ; trước một truyện khuyến-thiện, thuộc về tôn-giáo, lại xen năm ba chuyện câu văn bóng-bẩy, thú-vị, hay nhời-nhẽ bông-lơn vui-cười, thỏa-thích. »

Cách xếp đặt như thế ai xem cũng có hứng-thú mà lấy làm vui.

Truyện-cổ nước Nam ta xưa nay truyền lại cũng nhiều, mà phần nhiều là lối truyền-khẩu cả, không mấy ai biên-chép lại thành tập.

Đồ sứ của Tàu thì nhiều người mua chuốc lấy, chứ câu truyện cổ của ta thì ít kẻ tìm-tòi ghi giữ lại, lâu ngày tất xao-nhãng quên đi mà mất đi dần.

Nay ông Ôn-như dụng công sưu-tập sửa-soạn in ra thành sách, thực là giữ lấy được một kho vàng vô-giá của ông cha để lại làm vốn rất quý cho con cháu được nhờ. Các nhà văn-sĩ bây giờ có thể nhân đấy, biến-hóa, bày đặt ra nhiều lối văn mới khác, mà không phải cứ ép mình, cúi đầu, đi mượn cốt-cách, điển-tích của người ngoài.

Giữa lúc cổ, kim xung-đột, kim có thể mạnh, như muốn nuốt cổ, mà ta cố lựa-lọc giữ được một vài phần hay trong những cái cổ của ta, nó khiến ta bao giờ cũng phải nhớ ta là ta, không phải là ai, thì cái công việc biên-tập sách này không phải là vô-ích

Phàm làm người Nam ai chẳng nên biết truyện cổ nước Nam, vậy bản-chỉ vài lòng giới-thiệu cùng chư độc-giả. Sách dày 264 trang, bán tại hiệu Vĩnh-hưng-long thư-quán số 49-51, phố hàng Đường Hà-nội. Giá sáu hào.